

Kinh diệu pháp liên hoa

GIẢNG GIẢI

Tập 5



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ



Nếu người thiện nam, người thiện nữ,
gieo trồng căn lành,
thì đời đời được gặp thiện tri thức.
Thiện tri thức đó, hay làm Phật sự,
khai thị giáo hóa, khiến cho được lợi ích,
sinh tâm hoan hỷ, khiến cho được vào
A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cư Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 5

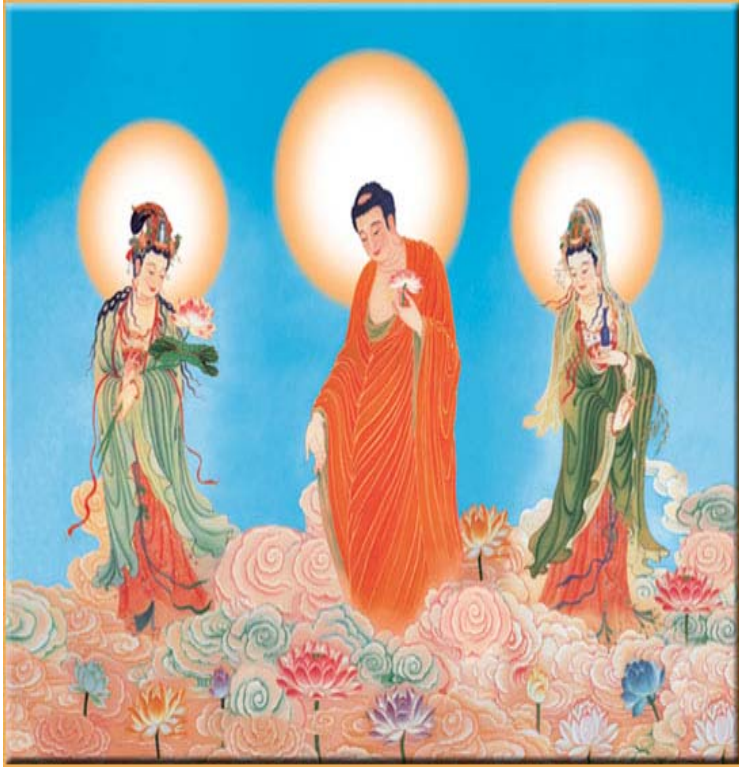


Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail : kimquangtu@hotmail.com

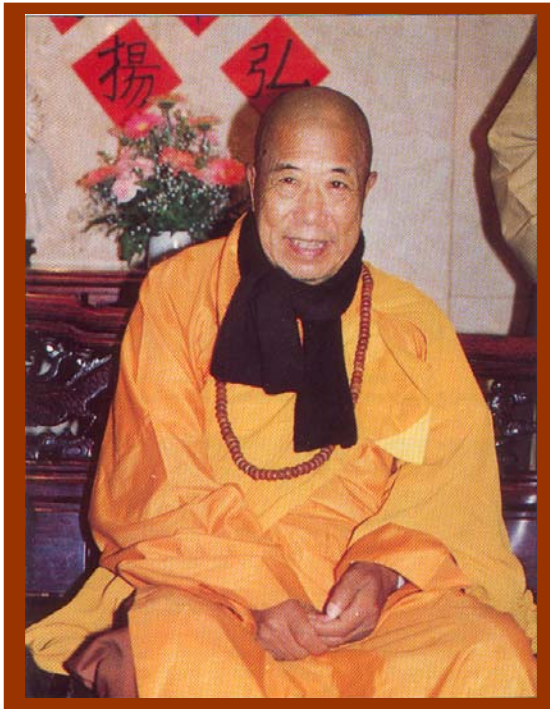
Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyển, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



NAM MÔ TÂY PHƯƠNG TAM THÁNH



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển bảy

Phẩm Bồ Tát Diệu Âm thứ 24.....	8
Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm thứ 25.....	42
Phẩm đà la ni thứ 26.....	221
Phẩm bổn sự của Bồ Tát vua Diệu Trang Nghiêm.....	240
Phẩm khuyến phát của Bồ Tát Phổ Hiền thứ 28.....	271

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM BỒ TÁT DIỆU ÂM THỨ HAI MƯỜI BỐN

Bồ Tát Diệu Âm Ngài có âm thanh vi diệu không thể nghĩ bàn. Tại sao lại có Diệu Âm ? Vì ở trong quá khứ vô lượng kiếp Ngài đã từng dùng mười vạn âm nhạc cúng dường Phật Vân Lô Âm Vương. Diệu Âm của Ngài nói pháp, vĩnh viễn tồn tại lưu giữ ở lỗ tai của chúng sinh. Vì lỗ tai của chúng sinh có Diệu Âm, nên vĩnh viễn chẳng quên diệu pháp của Bồ Tát Diệu Âm nói. Do đó gọi là Bồ Tát Diệu Âm.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng quang minh từ nhục kế tướng đại nhân, và phóng ra tướng hào quang trắng ở giữa chạng mây, chiếu khắp phương đông,

một trăm tám vạn ức na do tha Hằng hà sa, các thế giới của Phật.

Sau khi nói xong Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì khi sắp nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ở trong hội Pháp Hoa trên núi Linh Thứu, phóng ra đại quang minh từ nhục kế (chỗ cao nhất trên đỉnh đầu) tướng đại nhân, chiếu sáng hết thủy thế giới. Lại từ giữa chạng mày, phóng ra tướng hào quang trắng. Nhục kế biểu thị cho quả tròn. Phật viên mãn quả giác đã đến cực điểm. Hào quang trắng biểu thị cho nhân tròn. Trung đạo nhân cũng tròn mà quả cũng tròn, nhân quả không hai, tức nhân tức quả; tức quả tức nhân. Quang minh nhục kế và quang minh trắng, chẳng những chiếu khắp thế giới mà còn chiếu khắp phương đông, một trăm tám vạn ức na do tha Hằng hà sa các thế giới của Phật.

Qua số thế giới đó, có một thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm, nước đó có vị Phật, hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có vô lượng vô biên đại

chúng Bồ Tát, cung kính vây quanh, Phật vì họ mà nói pháp.

Qua số thế giới đó rồi, có một thế giới tên là thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, ở trong cõi nước đó, có một vị Phật hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật. Nhân làm của Ngài thanh tịnh như hoa sen. Ngài là vua trong các tinh tú, trí huệ của Ngài giống như ánh sáng mặt trăng chiếu soi vạn vật.

Phật có biệt hiệu, tức là bốn danh của Phật; Phật còn có thông hiệu tức là mười hiệu. Mỗi vị Phật đều có đầy đủ mười hiệu :

- 1). Như Lai : Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác.
- 2). Ứng Cúng : Xứng đáng thọ trời, người cúng dường.
- 3). Chánh Biến Tri : Tức chánh tri lại biến tri, biết lý chân tục hai đế.
- 4). Minh Hạnh Túc : Hạnh ba minh chỉ có Phật mới đầy đủ, tức cũng là tu hành và trí huệ đều viên mãn.
- 5). Thiện Thệ : Khéo đi đến nơi tốt nhất.
- 6). Thế gian giải : Các pháp thế gian chỉ có Phật mới hiểu rõ hết.
- 7). Vô Thượng Sĩ : Phật là đại sĩ trên hơn hết trong thế gian và xuất thế gian, chẳng có ai sánh bằng.
- 8). Điều ngự trượng phu : Bậc trượng phu điều phục giá ngự chúng sinh trong ba cõi.

9). Thiên Nhân Sư : Bậc đạo sư của chư thiên và loài người.

10). Phật : Giác hạnh viên mãn, vạn đức trang nghiêm.

Thế Tôn : Tôn kính trong thế gian và xuất thế gian. Đầy đủ mười hiệu mới gọi là Thế Tôn.

Vị Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đó, có vô lượng vô biên đại chúng Bồ Tát cung kính vây quanh. Vị Phật đó vì các Ngài mà thuyết pháp.

Luồng hào quang trắng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chiếu sáng khắp cõi nước đó.

Tương luồng hào quang trắng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chiếu sáng khắp hết thủy cõi nước Tịnh Quang Trang Nghiêm ở phương đông.

Bấy giờ, ở trong cõi nước Tịnh Quang Trang Nghiêm, có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, từ lâu đã trồng các gốc công đức, cúng dường gần gũi vô lượng trăm ngàn vạn ức các đức Phật, cho nên thành tựu trí huệ thâm sâu.

Lúc đó, ở trong cõi nước Tịnh Quang Trang Nghiêm có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, do đó có câu : “Đông Diệu Âm, Tây Quán Âm.” Nghĩa là : “Phương đông thì có Bồ Tát Diệu Âm, phương tây thì có Bồ Tát Quán Thế Âm.” Bồ Tát Diệu Âm đó, từ lâu xa về trước, đã gieo trồng rất nhiều căn lành. Lại cúng dường vô lượng ức các Đức Phật, lại gần gũi vô lượng ức các Đức Phật, cho nên thành tựu trí huệ thâm sâu, đắc được mười sáu thứ tam muội. Tam muội dịch là chánh định chánh thọ, tức cũng hay là khỏi định lực tà loạn. Tam muội có vô lượng, bất quá chỉ cử ra mười sáu thứ để đại biểu.

Được diệu tràng tướng tam muội, pháp hoa tam muội, tịnh đức tam muội, tú vương hí tam muội, vô duyên tam muội, trí ấn tam muội, giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội, tập nhất thiết công đức tam muội, thanh tịnh tam muội, thần thông du hí tam muội, trí cự tam muội, trang nghiêm vương tam muội, tịnh quang minh tam muội, tịnh tạng tam muội, bất cộng tam muội, nhật toàn tam muội.

1). Diệu tràng tướng tam muội : Chánh định thâm sâu diệu vội, an trụ bất động, giống như tràng báu, uy

phục tất cả và cũng là thật tướng. Bốn thể của thật tướng cao hơn tất cả, nhưng vô tướng. Tuy vô tướng, nhưng vô sở bất tướng, cho nên gọi là diệu tràng tướng tam muội.

2). Pháp hoa tam muội : Tức là nhân quả không hai. Nhân tức là quả, quả tức là nhân. Nhân quả cùng lúc, cho nên ví như hoa sen. Hoa sen là hoa nở sen hiện, hoa tàn thì sen thành. Tức là quyền thật không hai. Quyền là quyền xảo phương tiện, thật là chân thật bất hư, vì thật thì quyền, vì thật pháp mới dùng pháp quyền xảo phương tiện. Khai quyền hiển thật, khai mở quyền rồi, thì hiện ra thật. Tức là bốn tích không hai. Bốn là sự lý rất lâu xa về trước, tích là thật hiện sinh. Vì nhân quả không hai, quyền thực không hai, bốn tích không hai, cho nên gọi là Pháp hoa tam muội.

Ba hoặc là gì ? Tức là :

A. Kiến tư hoặc : Kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái, cảnh giới đến thì sinh tâm tham ái. Tư hoặc là mê lý khởi phân biệt, đối với lý luận chẳng minh bạch, sinh ra tâm phân biệt, càng phân biệt thì càng xa, càng xa thì càng phân biệt. Kết quả lừa trí huệ căn bản càng ngày càng xa.

B. Trần sa hoặc : Theo tên mà suy nghĩa, hoặc nhiều như bụi, như cát. Song, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh phải có pháp môn nhiều như bụi như cát, mới có thể viên mãn. Phải ở trong nhiều kiếp tu học vô lượng pháp môn, mới phá trừ được hoặc này, đắc được đạo chủng trí.

C. Vô minh hoặc : Gặp cảnh giới thì đối với sự cũng mê, mà đối với lý cũng mê, đó tức là vô minh hoặc. Tóm lại, tức là chẳng hiểu biết, chính mình cũng chẳng biết tại sao lại nóng giận, chính mình cũng chẳng biết tại sao lại điên đảo ? Đó tức là vô minh. Ba hoặc này chẳng thanh tịnh, cho nên gọi là cấu bản, nếu lìa khỏi ba hoặc cấu bản, thì sẽ chứng được thanh tịnh tự tại.

4). Tú vương hí tam muội : Tú vương tức là vua trong tinh tú (các vì sao), tức là mặt trăng. Dùng trí huệ quyền xảo phương tiện, để chiếu căn cơ của chúng sinh, chẳng dùng thật trí để chiếu lý. Quyền trí giống như mặt trăng, đáng tròn thì tròn, đáng khuyết thì khuyết, đó là sự xảo diệu, cho nên dùng trí huệ xảo diệu để làm việc này (hí kịch), có người diễn, có người xem, cho nên gọi là tú vương hí tam muội.

5). Vô duyên tam muội : Tức là vô duyên đại từ. Chẳng có tâm duyên niệm tất cả chúng sinh, có ứng tức cảm, như nước hiện ánh trăng. Bất cứ có duyên hay vô duyên đều độ khắp, chẳng phân biệt thân sơ xa gần, khi gặp thì nét mặt nhân từ, cho nên gọi là vô duyên tam muội.

6). Trí ấn tam muội : Tức là trí huệ chân thật, ấn tất cả các pháp, tức vọng mà chân. Tóm lại, trong một niệm đầy đủ ba trí.

Ba trí là gì ? Tức là:

☸ Nhất thiết trí.

☸ Đạo chủng trí.

☸ Nhất thiết chủng trí.

Nhất thiết trí, là trí huệ của bậc Thanh Văn, đạo chủng trí, là trí huệ của Bồ Tát, nhất thiết chủng trí, là trí huệ của chư Phật. Đó là trí ẩn tam muội.

7). Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội : Tức là thấu hiểu tất cả ngôn ngữ của tất cả chúng sinh. Chẳng những hiểu biết ngôn ngữ của loài người, mà dù các loại ngôn ngữ của chúng sinh khác, như phi cầm tẩu thú, thậm chí cỏ cây kim đá vô tình, cũng đều thấu hiểu, chẳng có chướng ngại về ngôn ngữ. Có ngôn ngữ tam muội đó, cho nên gọi là nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội.

8). Tập nhất thiết công đức tam muội : Nhất thiết tam muội thì có thể thu nhập một tam muội. Một tam muội lại có thể thông đạt nhất thiết tam muội. Trải qua vô lượng kiếp tu hành vạn đức viên mãn đầy đủ, tích tập tất cả công đức tam muội, cho nên gọi là tập nhất thiết công đức tam muội.

9). Thanh tịnh tam muội : Tức là thanh tịnh sáu căn. Sáu căn thanh tịnh thì sẽ đắc được sự hổ tương xử dụng tự tại, xa lìa nhiễm trần, chẳng có hoặc cấu bấn, cho nên gọi là thanh tịnh tam muội.

10). Thần thông du hí tam muội : Dùng sức thần thông tự tại diệu dụng, hiện ra các thứ tướng để giáo hóa chúng sinh, du hí nhân gian. Tóm lại, thần thông biến hóa như là du hí, như huyền như hóa, phổ nhiếp chúng sinh,

khiến cho chúng sinh đừng chấp trước, cho nên gọi là thần thông du hí tam muội.

11). Huệ cự tam muội : Huệ là trí huệ, cự là hỏa cự (đuốc lửa). Trí huệ quang minh như là đuốc lửa, phá trừ đen tối. Tóm lại, tu đạo mới có trí huệ, trí huệ quang minh chiếu phá đen tối ngu si. Tại sao chúng ta cứ làm những việc điên đảo ? Là vì ngu si. Cho nên phải siêng tu giới định huệ, mới tiêu diệt được tham sân si. Chẳng có ba độc thì trí huệ tự nhiên sẽ hiện tiền.

12). Trang nghiêm vương tam muội : Trang nghiêm tự tại, tự tánh tựa như vương. tự tánh vốn đầy đủ mỹ đức, tất cả đều viên dung vô ngại. Tùy tiện đề ra một pháp, thì sẽ thống lãnh tất cả các pháp, tức cũng là dùng Phật trang nghiêm, mà tự mình trang nghiêm, cho nên gọi là trang nghiêm vương tam muội.

13). Tịnh quang minh tam muội : Tức là ba trí thanh tịnh, viên mãn quang minh, chiếu tất cả các pháp, tức cũng là tính tịnh quang minh, cho nên gọi là tịnh quang minh tam muội.

14). Tịnh tạng tam muội : Trong một niệm đắc được thanh tịnh, khéo nhiếp vạn đức. Tức cũng là tịnh tâm trụ ở Như Lai mật tính, cũng có thể nói là tính Như Lai tạng hàm tàng tất cả pháp, cho nên gọi là Tịnh Tạng tam muội.

15). Bất cộng tam muội : Tức là bất cộng tam thừa mà cùng một thừa, tức cũng là Như Lai đại định, cho nên gọi là bất cộng tam muội.

16). Nhật toàn tam muội : Trí huệ thanh tịnh như mặt trời chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng có thể nói, dùng trí huệ chân thật chiếu lý mà vô sở trụ, tức là chẳng trụ vào cảnh giới chiếu lý, đó gọi là nhật toàn tam muội.

Được hết bảy trăm ngàn vạn ức, Hằng hà sa các đại tam muội như thế.

Vị Bồ Tát Diệu Âm vì ở trong quá khứ vô lượng kiếp, đã từng dùng mười vạn thứ âm nhạc và tám vạn bốn ngàn cái bát báu, cúng dường đức Như Lai Vân Lô Âm Vương, cho nên đắc được trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa các đại tam muội.

Quang minh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chiếu đến thân Bồ Tát Tú Vương Hoa, lập tức Ngài bèn bạch với đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí rằng : Đức Thế Tôn ! Con phải qua thế giới Ta Bà, để lễ lạy gần gũi, cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Tú Vương Hoa, Bồ Tát Thượng Hạnh

Ý, Bồ Tát Trang Nghiêm Vương, Bồ Tát Dược Thượng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong pháp hội Linh Sơn, phóng ra quang minh trên nhục kế và luồng hào quang trắng, chiếu soi thân Bồ Tát Diệu Âm ở trong thế giới Tịnh Quang ở phương đông. Bồ Tát Diệu Âm bèn bạch với Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Bây giờ con phải đi đến thế giới Ta Bà, để lễ lạy cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Con còn muốn gặp Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Tú Vương Hoa, Bồ Tát Thượng Hạnh Ý, Bồ Tát Trang Nghiêm Vương, Bồ Tát Dược Thượng, hết thấy các đại Bồ Tát.’

Bấy giờ, đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : Ông chớ khinh cõi nước đó, mà sinh ra tư tưởng thấp kém.

Lúc đó, Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : ‘ Con đến thế giới Ta Bà, đừng khinh khi cõi nước đó, càng không nên sinh tâm hạ liệt, đừng có tư tưởng như thế.’ Người tu hành, nên nhớ đừng có cống cao ngã mạn, coi ai cũng chẳng ra gì, đó là quan niệm sai lầm. Tu đạo phải có tinh thần từ bi hỷ xả.

Thiện nam tử ! Thế giới Ta Bà đó, cao thấp chẳng bằng phẳng, đất đá các núi, sự dơ bẩn xấu ác đầy dẫy. Thân Phật nhỏ bé, các chúng Bồ Tát thân hình cũng nhỏ, mà thân ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần, thân ta cao sáu trăm tám mươi vạn do tuần. Thân ông đoan chánh bậc nhất, có trăm ngàn vạn phước tướng, quang minh tốt đẹp đặc biệt, cho nên ông đi qua đó, đừng khinh khi cõi nước đó, hoặc Phật Bồ Tát và cõi nước, mà sinh tư tưởng hạ liệt.

Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương lại gọi một tiếng : “Thiện nam tử ! Thế giới Ta Bà đó, cao thấp chẳng bằng phẳng, có núi đá đầy dẫy tạp uế ác trược, chẳng thanh tịnh. Thân Phật ở thế giới đó, cao chỉ một triệu sáu. Thân hình của tất cả Bồ Tát càng nhỏ hơn. Diệu Âm ! Thân của ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần, thân của ta cao đến sáu trăm tám mươi vạn do tuần. Thân tướng của ông đoan chánh trang nghiêm bậc nhất, có trăm ngàn vạn phước tướng, thân phóng quang minh thanh tịnh tốt đẹp thù thắng đặc biệt. Cho nên, ông đến thế giới Ta Bà để sinh tâm khinh mạn thì sẽ đọa lạc, cho nên Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí ba lần nhắc nhở Bồ Tát Diệu Âm, đừng

sinh tâm khinh mạn, tức là Ngài cùng đi với chúng Bồ Tát cũng không thể sinh tâm hạ liệt.

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm chẳng lìa khỏi tòa ngời, thân chẳng lay động, bèn nhập tam muội, nhờ sức tam muội mà đến núi Kỳ Xa Quật, cách pháp tòa chẳng bao xa, hóa ra tám vạn bốn ngàn hoa sen báu, dùng vàng diêm phù đàn làm thân, bạc làm lá, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài.

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm chẳng rời khỏi tòa ngời, thân cũng chẳng lay động, bèn nhập vào tam muội, nhờ sức tam muội mà đến thế giới Ta Bà núi Kỳ Xa Quật (núi Linh Thứu), cách pháp tòa của Phật Thích Ca chẳng bao xa, bèn hóa ra tám vạn bốn ngàn hoa sen báu lớn (đại biểu cho tám vạn bốn ngàn pháp môn). Những hoa sen đó, đều dùng vàng diêm phù đàn làm thân, dùng bạc làm lá, dùng kim cang làm nhụy, dùng chân thúc ca bảo làm đài.

Bấy giờ, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, thấy hoa sen đó, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Đó là nhân duyên gì, mà hiện ra cảnh giới tốt đẹp như thế ? Có hàng ngàn vạn hoa sen, dùng vàng diêm phù

đàn làm thân, dùng bạc làm lá, dùng kim cang làm nhụy, dùng chân thúc ca bảo làm đài.

Lúc đó, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi thấy hoa sen xuất hiện thù thắng như thế, chẳng biết nhân duyên gì, mới hỏi Đức Phật : “ Đức Thế Tôn ! Đó là nhân duyên gì, mà hiện ra cảnh giới tốt đẹp như thế ? Có hàng ngàn vạn hoa sen, thân của hoa sen làm bằng vàng diêm phù đàn, lá thì làm bằng bạc, nhụy thì làm bằng kim cang, đài thì làm bằng chân thúc ca bảo. Việc đó như thế nào ? Xin Đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con mà nói nhân duyên đó.”

Bồ Tát Diệu Âm hiện ra cảnh giới tốt đẹp như thế. Tại sao Bồ Tát Văn Thù chẳng biết ? Các Ngài đều là Đẳng giác Bồ Tát, địa vị đồng nhau, thần thông đồng nhau, chẳng lý nào mà chẳng rõ. Đó là vì Bồ Tát Văn Thù, đại biểu đại chúng trong hội Pháp Hoa thưa hỏi, chứ chẳng phải là Ngài không thấu rõ.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : Đại Bồ Tát Diệu Âm đó, từ cõi nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát vây quanh, mà đến thế giới Ta Bà

này, cúng dường gần gũi lễ lạy ta, và cũng muốn cúng dường nghe Kinh Pháp Hoa.

Lúc đó, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : ‘‘Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, là đại Bồ Tát trong chúng Bồ Tát. Ông ta từ phương đông thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, cõi nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đến đây, thống lãnh tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, cùng đi đến cõi Ta Bà. Tại sao ? Vì muốn cúng dường ta, gần gũi ta, lễ lạy ta, và cũng muốn cúng dường Kinh Pháp Hoa, nghe Kinh Pháp Hoa.’’

**Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng :
Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát đó, trồng căn lành gì, tu công đức gì, mà được sức đại thần thông như thế? Tu hành tam muội gì? Xin hãy vì chúng con nói tên của tam muội đó. Chúng con cũng muốn siêng năng tu hành, tu tam muội đó, mới có thể thấy Bồ Tát đó, sắc tướng lớn nhỏ, uy nghi tấn chỉ.**

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi lại bạch Phật rằng : ‘‘Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, Ngài ở trong đời quá khứ gieo trồng căn lành gì ? Tu hành công đức gì ? Mà có sức đại thần thông lớn như thế ? Ngài tu trì tam muội gì ?

Xin Đức Thế Tôn hãy vì chúng con đại chúng, nói ra tên của tam muội đó. Chúng con đại chúng cũng muốn tu trì pháp môn tam muội đó, đắc được sức đại thần thông không thể nghĩ bàn như thế rồi, mới có thể thấy sắc thân của vị Bồ Tát Diệu Âm lớn nhỏ, uy nghi tấn chỉ của Ngài như thế nào??

Xin đức Thế Tôn dùng sức thần thông, khi Bồ Tát đó đến, thì khiến cho con được thấy.

Bồ Tát Văn Thù lại nói : “Xin Đức Thế Tôn từ bi, dùng sức thần thông, khi vị Bồ Tát đó đến pháp hội, thì khiến cho chúng con được thấy.”

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù : Đức Như Lai Đa Bảo diệt độ từ lâu đây, sẽ vì các ông mà khiến cho vị Bồ Tát đó, hiện thân tướng.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : “Đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu đây, sẽ thuận theo yêu cầu của các ông đại chúng, mà khiến cho Bồ Tát Diệu Âm hiện sắc tướng để cho các ông thấy.”

Lúc đó, đức Phật Đa Bảo liền bảo vị Bồ Tát đó : Thiện nam tử ! Đến đây, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi muốn thấy thân của ông.

Lúc đó, Đức Đa Bảo Như Lai bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : “Thiện nam tử ! Đến đây, có Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi muốn gặp ông.”

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm ở cõi nước kia, ẩn thân cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát cùng nhau đến, các cõi nước đi qua, đều có sáu thứ chấn động, thảy đều mưa xuống hoa sen bảy báu, và trăm ngàn thứ nhạc trời, chẳng có động mà tự vang lên.

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm ở thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm về phương đông ẩn thân, Ngài thống lãnh tám vạn bốn ngàn chúng Bồ Tát, mọi người đều cùng nhau đi đến hội Pháp Hoa ở thế giới Ta Bà, nghe Kinh Pháp Hoa. Các cõi nước mà các Ngài đi qua, đều có sáu thứ chấn động, đều mưa hoa sen bảy báu. Lại có trăm ngàn thứ nhạc trời, chẳng cần có động mà nhạc trời tự nhiên diễn tấu âm nhạc, rất hay nghe rất êm tai.

Mắt của vị Bồ Tát đó, như hoa sen xanh rộng lớn, ví như trăm ngàn vạn mặt trăng

hợp lại, diện mạo đoan chánh xinh đẹp, thân màu vàng thật, có vô lượng trăm ngàn công đức trang nghiêm, uy đức dũng mãnh, quang minh chiếu sáng, các tướng đầy đủ, thân kiên cố như na la diên.

Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, mắt của Ngài rộng lớn như lá hoa sen xanh, sáng suốt vô cùng, ví như trăm ngàn vạn mặt trăng hợp lại, diện mạo của Ngài đoan chánh xinh đẹp, càng siêu hơn là cảnh giới này. Thân thể của Ngài màu vàng tía, có vô lượng công đức trang nghiêm thân. Uy đức của Ngài rất dũng mãnh, do đó “Có uy đáng sợ, có đức đáng kính.” Quang minh chiếu soi tất cả. Bất cứ là một tướng nào, cũng đều đầy đủ viên mãn trang nghiêm. Thân của Ngài kiên cố như na la diên (kim cang lực sĩ), vĩnh viễn chẳng hư hoại, đó là thân tướng thù thắng của Bồ Tát Diệu Âm, chẳng phải các Bồ Tát khác, có thể sánh bằng Ngài được.

Ngồi trên đài bảy báu thăng lên hư không, cách mặt đất bảy cây đa la, các chúng Bồ Tát cung kính vây quanh, đi đến núi Kỳ Xa Quạt thế giới Ta Bà.

Bồ Tát Diệu Âm ngồi trên đài hoa sen bảy báu thăng lên hư không, cách mặt đất bảy cây đa la (mỗi cây

đa la cao khoảng sáu chục thước). Tám vạn bốn ngàn chúng Bồ Tát cung kính vây quanh Ngài bốn phía, cùng đi đến núi Kỳ Xa Quạt thế giới Ta Bà.

Đi đến rồi, bước xuống đài bảy báu, đem chuỗi ngọc giá trị trăm ngàn lạng vàng, cầm đến chỗ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu mặt lễ dưới chân Phật, dâng chuỗi ngọc lên, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, hỏi thăm đức Thế Tôn, ít bệnh, ít phiền não, mạnh giỏi, tứ đại điều hòa chẳng! Việc đời nhần được chẳng, chúng sinh dễ độ chẳng, chúng sinh chẳng nhiều tham dục, sân hận, ngu si, đố kỵ, kiêu mạn chẳng, chẳng có kẻ bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính bậc sa môn, tâm tà kiến bất thiện, chẳng nhiếp năm tình chẳng!

Bồ Tát Diệu Âm đến núi Kỳ Xa Quạt rồi, bèn bước xuống đài bảy báu, tay cầm chuỗi ngọc quý nhất, giá trị trăm ngàn lạng vàng, cúng dường cho Đức Phật Thích Ca. Đến chỗ Đức Phật rồi, năm thể sát đất, hướng về Đức Phật đánh lễ, dâng chuỗi ngọc lên, bèn nói với Đức Phật : ‘Đức Thế Tôn ! Thầy của con là Đức Phật Tịnh Hoa Tú

Vương Trí, có hỏi thăm Đức Thế Tôn, ít bệnh, ít phiền não chẳng ! Mạnh khỏe chẳng ! Đi đứng nằm ngồi có an lạc chẳng ! Đất nước gió lửa có điều hòa chẳng ? Đối với việc thế gian vẫn nhẫn nhục được chẳng ! Hết thầy chúng sinh có dễ giáo hóa chẳng ? Đại khái chúng sinh chẳng có nhiều tham dục, sân hận, ngu si, chẳng đố kỵ cũng chẳng kiêu mạn chẳng ! Chẳng có chúng sinh bất hiếu với cha mẹ chẳng ! Chẳng có tín đồ chẳng cung kính bậc sa môn chẳng ! Phàm là gặp bậc sa môn (Tỳ Kheo Tăng) phải cung kính đảnh lễ. Bất cứ họ tu hành như thế nào, đều phải cung kính. Vì sao ? Vì họ đáp y cà sa, đại biểu cho Phật pháp, cung kính y cà sa của họ mặc. Người tại gia không thể phê bình chỉ trích lỗi lầm của người xuất gia. Nếu không thì gieo trồng xuống nhân đọa địa ngục, lúc đó hối cải cũng đã muộn. Phàm là Phật giáo đồ, thì phải cung kính Tam Bảo.

Lại hỏi tất cả chúng sinh có tà kiến chẳng ? Có tâm chẳng lành chẳng ? Tức là thân xuất gia mà tâm chẳng xuất gia, có thu nhiếp năm tình chẳng, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển chẳng (năm tình : Hỷ, nộ, ái, ác, dục).

Đức Thế Tôn ! Chúng sinh có hàng phục được các ma oán chẳng, đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu, ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp chẳng, lại thăm hỏi đức

Đa Bảo Như Lai, an ổn ít phiền não, kham nhẫn trụ lâu chẳng!

Bồ Tát Diệu Âm lại gọi một tiếng : “Đức Thế Tôn! Hết thấy chúng sinh có hàng phược được các ma oán chẳng ? Ma có bốn thứ :

- 1). Ngũ ấm ma : Sắc thọ tưởng hành thức năm con ma, hay sinh ra mọi thứ khổ não.
- 2). Phiền não ma : Tham sân si mạn nghi năm con ma, hay khiến cho thân tâm phiền não.
- 3). Tử ma : Ma hay đoạn mạng căn.
- 4). Thiên ma : Ma hay đoạn huệ mạng.

Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ lâu xa về trước, trụ ở trong bảo tháp, có đến nghe Kinh Pháp Hoa chẳng ? Bồ Tát Diệu Âm tức nhiên nhìn thấy Đa Bảo Như Lai trụ ở trong bảo tháp, tại sao còn phải hỏi nữa ? Vì Bồ Tát Diệu Âm đại biểu cho thầy của Ngài (Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí) thăm hỏi Phật Thích Ca, cho nên mới hỏi như thế, biểu thị lễ nghi. Vì Đức Đa Bảo Như Lai đã từng phát nguyện, phạm chỗ nào giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ngài nhất định đến trước để nghe pháp, cho nên Bồ Tát Diệu Âm mới hỏi như thế.

Bồ Tát Diệu Âm thấy tháp bảy báu xuất hiện ở trong hư không, Ngài lại hỏi Đức Đa Bảo Như Lai có mạnh giỏi chẳng, có an ổn chẳng, ít phiền não chẳng, kham nhẫn ở lâu được chẳng“?

Đức Thế Tôn ! Nay con muốn thấy thân của đức Phật Đa Bảo, xin đức Thế Tôn chỉ cho con, để cho con được thấy.

Bồ Tát Diệu Âm lại nói : “Đức Thế Tôn ! Bây giờ con muốn thấy thân tướng của Phật Đa Bảo, xin Đức Thế Tôn từ bi, chỉ thị cho con, để cho con được thấy Đức Đa Bảo Như Lai.”

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với Phật Đa Bảo rằng : Bồ Tát Diệu Âm đây, muốn được thấy thân của Ngài.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca nói với Phật Đa Bảo rằng : “Vị Bồ Tát Diệu Âm này, muốn thấy Ngài có thể được chăng?”

Lúc đó, đức Phật Đa Bảo nói với Bồ Tát Diệu Âm rằng : Lành thay ! Lành thay ! Ông vì cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghe Kinh Pháp Hoa, và gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, mà đến nơi này.

Lúc đó, Đức Phật Đa Bảo bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : “ Lành thay ! Lành thay ! Ông vì cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghe Kinh Pháp Hoa, và muốn gặp Bồ

Tát Văn Thù Sư Lợi, nên từ cõi Tịnh Hoa Trang Nghiêm ở phương đông, mà đến hội Pháp Hoa núi Linh Thứu ở Thế giới Ta Bà.”

Bấy giờ, Bồ Tát Hoa Đức bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Diệu Âm đó, trồng căn lành gì, tu công đức gì, mà được thần lực như thế ?

Lúc đó, ở trong pháp hội có vị Bồ Tát hiệu là Bồ Tát Hoa Đức bạch Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, trong đời quá khứ Ngài gieo trồng căn lành gì ? Tu công đức gì ? Mà có sức thần thông như thế ? ”

Đức Phật bảo Bồ Tát Hoa Đức rằng : Trong quá khứ, có vị Phật hiệu là Văn Lô Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nước đó tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên là Hỷ Kiến. Bồ Tát Diệu Âm ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười vạn thứ âm nhạc cúng dường Phật Văn Lô Âm Vương, và dâng lên cúng dường tám vạn bốn ngàn cái bát bằng bảy báu. Nhờ nhân duyên quả báo đó, nên nay được sinh vào

cõi nước của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, có sức thần thông như thế.

Đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Hoa Đức rằng : ‘’Ở trong đời quá khứ, có vị Phật hiệu là Vân Lô Âm Vương, đây đủ mười hiệu. Cõi nước của Ngài tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên là Hỷ Kiến.

Bồ Tát Diệu Âm ở chỗ Phật Vân Lô Âm Vương, trải qua một vạn hai ngàn năm, dùng mười vạn thứ âm nhạc cúng dường Phật, lại dâng cúng tám vạn bốn ngàn cái bát bằng bảy báu. Nhờ nhân duyên quả báo đó, nên được sinh vào cõi nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, mới có sức đại thần thông như thế.’’

Hoa Đức ! Ý của ông thế nào ? Thuở đó, Bồ Tát Diệu Âm ở chỗ Đức Phật Vân Lô Âm Vương, cúng dường âm nhạc và dâng cúng bát báu, đâu phải là người nào khác, nay chính là đại Bồ Tát Diệu Âm này vậy.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ‘’Bồ Tát Hoa Đức ! Ý của ông thế nào ? Bồ Tát Diệu Âm ở chỗ Đức Phật Vân Lô Âm Vương cúng dường âm nhạc và dâng cúng Tam Bảo bát bằng bảy báu. Ông có biết là ai chăng ? Tức là Bồ Tát Diệu Âm này vậy.’’

Hoa Đức ! Bồ Tát Diệu Âm đó, đã từng cúng dường gần gũi vô lượng các đức Phật, từ lâu đã trồng công đức, lại gặp Hằng hà sa trăm ngàn vạn ức na do tha các đức Phật.

Đức Phật Thích Ca lại gọi một tiếng : ‘‘Bồ Tát Hoa Đức ! Vị Bồ Tát Diệu Âm này, trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, lại từng gần gũi vô lượng chư Phật. Từ lâu xa đến nay đã gieo trồng vô lượng gốc công đức, lại gặp hằng hà sa số trăm ngàn vạn ức na do tha các Đức Phật.’’

Hoa Đức ! Ông chỉ thấy thân của Bồ Tát Diệu Âm ở đây, nhưng Bồ Tát đó, hiện đủ thứ thân ở khắp mọi nơi, để vì các chúng sinh diễn nói kinh điển này.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ‘‘Bồ Tát Hoa Đức ! Hiện tại ông chỉ thấy thân của Bồ Tát Diệu Âm ở trong pháp hội này, song vị Bồ Tát đó thị hiện đủ thứ thân ở khắp mọi nơi, để vì tất cả chúng sinh diễn nói Kinh Pháp Hoa này.’’

Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân trời Tự Tại, hoặc hiện thân trời Đại Tự Tại, hoặc hiện

thân thiên đại tướng quân, hoặc hiện thân Tỳ Sa Môn Thiên Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc hiện thân các ông vua nhỏ, hoặc hiện thân trưởng giả, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân tể quan, hoặc hiện thân Bà la môn, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, hoặc hiện thân phụ nữ tể quan, hoặc hiện thân phụ nữ Bà la môn, hoặc hiện thân đồng nam, đồng nữ.

Bồ Tát Diệu Âm đến khắp mọi nơi, vì chúng sinh diễn nói Kinh Pháp Hoa, mà hiện đủ thứ thân hình. Có khi hiện thân Đại Phạm Thiên Vương, có khi hiện thân Đế Thích, có khi hiện thân trời Tự Tại, có khi hiện thân trời Đại Tự Tại, có khi hiện thân thiên đại tướng quân, có khi hiện thân Tỳ Sa Môn, hoặc hiện thân chuyển luân thánh vương, thân các ông vua nhỏ, thân trưởng giả, thân cư sĩ, thân tể quan, thân Bà la môn, thân Tỳ Kheo, thân Tỳ Kheo Ni, thân cư sĩ nam, thân cư sĩ nữ, thân phụ nữ trưởng giả, thân phụ nữ tể quan, thân phụ nữ Bà la môn, thân đồng nam, thân đồng nữ. Tóm lại, đáng dùng thân gì độ được, thì hiện thân đó để vì họ nói Kinh Pháp Hoa. Tại sao ? Vì giống thân phận thì dễ giáo hóa, khiến cho chúng sinh chẳng có tự ti mặc cảm.

Hoặc hiện thân trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, để diễn nói kinh này.

Bồ Tát Diệu Âm vì diễn nói kinh này, mà tùy theo căn cơ hiện thân hình, hoặc là hiện ra thân trời rồng tám bộ chúng, hoặc thân người, chẳng phải người, để diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này, giáo hoá tất cả chúng sinh.

Hoặc trong các địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và nơi các thứ nạn đều cứu giúp, cho đến nơi hậu cung của vua, cũng biến làm thân nữ, để diễn nói kinh này.

Bồ Tát Diệu Âm ở trong ba cõi, hai mươi lăm hữu, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và chúng sinh đui mù câm điếc chẳng được nghe kinh, Ngài đều dùng thần thông cứu giúp họ thoát khỏi nơi chướng nạn, để được gặp Tam Bảo, độ tất cả khổ ách.

Bồ Tát Diệu Âm chẳng những cứu giúp chúng sinh ở trong tam đồ bát nạn, mà cho đến ở nơi hậu cung của nhà vua, Ngài cũng biến ra thân người nữ, để vì phi tần cung nga thể nữ, diễn nói Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ lìa khổ được vui, để đời sau có thể chuyển làm thân nam.

Hoa Đức ! Bồ Tát Diệu Âm đó, hay cứu giúp các chúng sinh ở thế giới Ta Bà. Bồ Tát Diệu Âm đó, biến hóa thị hiện đủ thứ thân hình như thế, ở tại thế giới Ta Bà này, để vì các chúng sinh diễn nói Kinh này, nhưng thần thông trí huệ biến hóa của Ngài, chẳng có tổn hoại giảm bớt.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ‘‘Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Vị Bồ Tát Diệu Âm này, hay cứu giúp hộ hết tất cả chúng sinh ở thế giới Ta Bà. Vị Bồ Tát đó, tuy hiện biến hóa đủ thứ thân hình như thế, để vì tất cả chúng sinh ở thế giới Ta Bà diễn nói kinh điển này, song thần thông biến hóa trí huệ của Ngài, chẳng có tổn hoại, cũng chẳng có giảm bớt.’’

Bồ Tát đó, dùng bao nhiêu trí huệ chiếu soi thế giới Ta Bà, khiến cho tất cả chúng sinh, ai nấy đều biết Phật pháp, ở trong mười phương Hằng hà sa số thế giới, cũng lại như thế.

Vị Bồ Tát đó, dùng đủ thứ trí huệ quang minh để chiếu soi thế giới Ta Bà, khiến cho tất cả chúng sinh, ai cũng đều biết về Phật pháp. Chẳng những ở thế giới Ta Bà

là như thế, mà trong mười phương Hằng hà sa số thế giới, cũng đều như thế. Do đó, đủ biết lòng từ bi của Bồ Tát Diệu Âm rộng lớn vô biên cỡ nào.

Nếu người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì Ngài liền hiện thân Thanh Văn, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bồ Tát độ được, thì Ngài liền hiện thân Bồ Tát, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. Tùy nhân duyên đáng được độ, thì Ngài vì họ hiện đủ thứ các thân hình như thế, cho đến đáng dùng sự diệt độ, mà độ được họ, thì Ngài cũng thị hiện sự diệt độ.

Nếu như có chúng sinh đáng dùng thân Thanh Văn để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Thanh Văn để vì họ nói pháp. Đáng dùng thân Bích Chi Phật để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp. Đáng dùng thân Bồ Tát để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Bồ Tát, để vì họ nói pháp. Chúng sinh đáng dùng

thân Phật để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp.

Còn có rất nhiều chúng sinh, tùy thuận nhân duyên đáng độ được, thì vì họ hiện thân để giáo hóa họ, vì họ nói pháp, cho đến dùng thân hình vào Niết Bàn để độ được họ, thì Ngài thị hiện Niết Bàn để độ họ.

Hoa Đức ! Đại Bồ Tát Diệu Âm thành tựu sức đại thần thông trí huệ, việc đó là như thế.

Phật lại gọi một tiếng : ‘’Bồ Tát Hoa Đức ! Vị Đại Bồ Tát Diệu Âm đó, thành tựu sức đại thần thông trí huệ, sự thật là cảnh giới như thế.’’

Bấy giờ, Bồ Tát Hoa Đức bạch Đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Diệu Âm đó, trông sâu căn lành. Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát đó, trụ vào tam muội gì, mà có sự biến hiện độ thoát chúng sinh như thế ?

Lúc đó, Bồ Tát Hoa Đức lại bạch Phật rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, trông căn lành rất là sâu dày. Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, trụ vào tam muội gì, mà có thần thông biến hiện như thế, có thể biến

hóa hiện thân khắp nơi, để vì chúng sinh nói pháp độ thoát chúng sinh.”

Đức Phật bảo Bồ Tát Hoa Đức : Thiện nam tử ! Tam muội đó tên là hiện nhất thiết sắc thân. Bồ Tát Diệu Âm trụ vào tam muội đó, hay làm lợi ích vô lượng chúng sinh như thế.

Đức Phật bảo Bồ Tát Hoa Đức : “Thiện nam tử ! Tam muội đó tên là hiện nhất thiết sắc thân (chẳng động đạo tràng mà có thể hiện tất cả thân hình chúng sinh, để vì họ nói pháp). Bồ Tát Diệu Âm trụ ở trong tam muội đó, để lợi ích vô lượng chúng sinh trong mười phương thế giới.”

Khi nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm này, thì tám vạn bốn ngàn người cùng đi đến với Bồ Tát Diệu Âm, thấy đều đắc được tam muội hiện nhất thiết sắc thân. Vô lượng chúng Bồ Tát ở thế giới Ta Bà này, cũng đắc được tam muội đó, và đà la ni.

Khi đang nói phẩm Bồ Tát Diệu Âm này, thì tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát cùng đi đến với Bồ Tát Diệu Âm từ cõi Tịnh Hoa Trang Nghiêm ở phương đông, thấy đều

chúng được hiện nhất thiết sắc thân tam muội. Vô lượng chúng Bồ Tát ở cõi Ta Bà, cũng đắc được tam muội đó, và pháp môn đà la ni.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Diệu Âm cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và tháp của Đức Phật Đa Bảo rồi, bèn trở về nước của Ngài, đi ngang qua các cõi nước, đều có sáu thứ chấn động, lại mưa xuống các hoa sen báu, và vang lên trăm ngàn vạn ức đủ thứ âm nhạc.

Lúc đó, đại Bồ Tát Diệu Âm cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, và tháp của Phật Đa Bảo rồi, bèn trở về cõi nước Tịnh Hoa Trang Nghiêm ở phương đông. Các nước đi ngang qua, thấy đều có sáu thứ chấn động, lại mưa xuống hoa sen báu, và tấu lên trăm ngàn vạn ức các thứ âm nhạc rất long trọng, biểu thị sự hoan nghênh.

Sau khi về đến nước của Ngài rồi, cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát vây quanh, đi đến chỗ đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con đã đến thế giới Ta Bà lợi ích chúng sinh, được gặp

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và thấy tháp của Đức Phật Đa Bảo, lễ lạy cúng dường.

Sau khi Bồ Tát Diệu Âm trở về nước của Ngài rồi, bèn cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát vây quanh, đi đến chỗ của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, để báo cáo sự việc đã đi qua bèn nói rằng : “Đức Thế Tôn ! Con đã đi đến thế giới Ta Bà, đã làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chúng con đều gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, và tháp của Đức Phật Đa Bảo, chúng con đã lễ lạy cúng dường.”

Lại gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, và thấy Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Đắc Căn Tinh Tấn Lực, Bồ Tát Dũng Thí .v.v... cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát này, được tam muội hiện nhất thiết sắc thân.

Chúng con lại gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Đắc Căn Tinh Tấn Lực, Bồ Tát Dũng Thí .v.v... các đại Bồ Tát. Cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát cùng đi với con, đều chúng được tam muội hiện nhất thiết sắc thân.

Khi nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm lai vãng này, thì có bốn vạn hai ngàn vị Thiên tử, đắc

**được vô sinh pháp nhẫn. Bồ Tát Hoa Đức
đắc được tam muội pháp hoa.**

Khi Phật nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm vãng lai này, thì bốn vạn hai ngàn vị Thiên tử ở trong pháp hội, đều chứng được vô sinh pháp nhẫn. Bồ Tát Hoa Đức cũng chứng được tam muội pháp hoa.



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM PHỔ MÔN BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THỨ HAI MƯỜI LĂM

Phẩm này gọi là Phẩm Phổ Môn, có rất nhiều ý nghĩa. Bây giờ, trước hết giảng về “Dược châu”. Vì “Dược châu” cho nên nói là “Phẩm Phổ Môn”.

“Dược” gọi là gì ? “Dược” tức là cây Dược Vương; “châu” là gì ? “Châu” tức là châu như ý . Cây Dược Vương lại là gì ? Tức là rất lâu xa về trước, có một người tiều phu lên núi đốn củi, gánh ra chợ bán, gặp một vị thầy thuốc. Vị thầy thuốc thấy trong bó củi của ông ta gánh phóng ra hào quang, do đó bèn mua số củi đó đem về nhà. Về đến nhà mở bó củi ra xem, thì trong đó có một cây Dược Vương, sau khi ông thầy thuốc được cây Dược Vương rồi, thì bất cứ bệnh gì, chỉ cần dùng cây Dược Vương gõ nhẹ lên thân người bệnh, hoặc đánh nhẹ, thì bất cứ bệnh gì cũng khỏi ngay, cứu được rất nhiều người, do nhân duyên đó mà gọi là “cây Dược Vương”.

‘‘Châu’’ tức là châu như ý. Châu như ý là gì ? Như ý tức là toại tâm như ý, tức cũng là khiến cho bạn hoan hỉ, mãn nguyện theo yêu cầu của bạn. Bạn nghĩ muốn ăn gì, thì châu như ý sẽ hiện ra vật ấy, bạn chẳng cần đi mua. Bạn muốn mặc quần áo gì, thì chỉ cần đối với hạt châu như ý nghĩ đến : ‘‘Tôi muốn một bộ quần áo đẹp nhất, hiếm có trên thế gian’’, thì lúc đó hạt châu như ý sẽ hiện ra bộ quần áo mà bạn thích. Thậm chí bạn muốn căn nhà, thì nó cũng có thể hiện ra. Bạn nghĩ : ‘‘Tối nay tôi muốn ở trong một căn nhà lộng lẫy đẹp nhất’’, thì hạt châu như ý sẽ hiện ra căn nhà, ở xong đêm đó rồi, thì ngày thứ hai căn nhà cũng tự động trở vào trong hạt châu như ý. Bạn nghĩ muốn ăn gì, thì hạt châu như ý sẽ hiện ra vật đó, cũng chẳng nhiều cũng chẳng ít, rất vừa vặn. Bạn mặc quần áo cũng chẳng cần sắm tú đụng quần áo, chỉ cần thay ra, thì quần áo tự động trở vào trong hạt châu như ý, cho nên gọi là ‘‘như ý’’.

Châu như ý lớn cỡ nào ? Là một hạt châu rất nhỏ, có thể mang trên mình, chẳng nặng cũng chẳng chiếm mất chỗ, cho nên gọi là như ý, toại tâm như ý, diệu đến cực điểm. Tóm lại, hạt ‘‘châu như ý’’ cũng là Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm, cũng là cây Dược Vương. Hạt châu như ý, hay toại tâm nguyện, chỉ cần bạn trì tụng Phẩm Phổ Môn, thì cầu mong việc gì cũng sẽ mãn nguyện. Nhưng chẳng phải hôm nay tụng niệm, thì ngày mai có cảm ứng. Trước hết, phải tạo cơ sở cho vững chắc, cũng như xây nhà lâu, thì trước hết phải xây nền móng

cho tốt, nền móng mà không tốt, thì nhà lâu cũng chẳng cách chi xây được. “Phẩm Phổ Môn” tuy cảm ứng giống như cây Dược Vương và châu như ý, không thể nghĩ bàn như thế, song trước hết bạn phải tụng niệm Phẩm Phổ Môn, hằng ngày tụng niệm, tụng niệm đến khi nào Bồ Tát Quán Thế Âm cho rằng bạn có tâm thành, thì sau đó bạn sẽ được sở cầu như ý, toại tâm mãn nguyện. Chẳng phải nói lúc bình thường thì chẳng tụng niệm, đến lúc nghĩ muốn cầu sự cảm ứng, thì lập tức có sự cảm ứng, mà bình thường phải dụng công tu hành, đến khi đó “Phẩm Phổ Môn” giống như cây Dược Vương, như hạt châu như ý, thì sẽ có cảnh giới không thể nghĩ bàn, bất quá trước hết bạn phải tự mình tụng niệm.

Có người nói : “Trong Phật giáo có nhiều thứ phải học ! Nào là tụng Chú Lăng Nghiêm, lại tụng Chú Đại Bi, bây giờ giảng “Phẩm Phổ Môn”, lại phải tụng Phẩm Phổ Môn, thật nhiều khoá lễ quá, chúng ta đâu có nhiều thời gian như thế !” Bạn không cần nhiều thời gian, chỉ cần mỗi ngày bớt ngủ một tiếng đồng hồ, bớt nói chuyện một chút, thì những khoá lễ đó có thể làm được. Nếu bạn không muốn toại tâm mãn nguyện, nói rằng, tôi chẳng cầu mong gì, tôi chẳng còn tâm tham, tâm sân, tâm si, thì bạn chẳng cần phải tụng, như thế thì chẳng có gì để nói. Nếu bạn cảm thấy tương lại, hoặc sẽ gặp việc gì mà muốn cầu Bồ Tát Quán Thế Âm, hoặc là Phật giúp đỡ, thì bạn nên học thêm một chút Phật pháp. Phật pháp như biển cả, một giọt bạn chưa uống đã hiếm nhiều, thì tương lai nhất

định nước trong biển cả uống chẳng hết được, bất quá chỉ cần tận hết sức của bạn, muốn uống bao nhiêu thì uống bấy nhiêu, Phật pháp thì lấy chẳng hết được, dùng chẳng cạn được, cho nên hãy tận hết sức của bạn để vận dụng tu học Phật pháp.

Vì ý nghĩa ‘‘Dược châu’’, cho nên phải nói Phẩm Phổ Môn này.

Còn có một ý nghĩa nữa, gọi là ‘‘Hiển mật’’. ‘‘Hiển’’ tức là minh hiển; ‘‘mật’’ tức là bí mật. Do đó, khi bạn tụng Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm, thì có lúc sẽ đắc được cảm ứng minh hiển, có lúc sẽ đắc được cảm ứng bí mật.

Cảm ứng minh hiển, thì ai ai cũng đều nhìn thấy được, ai ai cũng đều biết. Ví như Bồ Tát Quán Thế Âm cứu chúng sinh, trong Phẩm Phổ Môn có nói : ‘‘Nếu vào lửa lớn, lửa chẳng cháy được.’’ Trong Kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm thuật nhĩ căn viên thông cũng nói : ‘‘Lửa chẳng cháy được, tính lửa thật không, tính không thật lửa.’’ Ví như, bạn đang ngồi ở trong nhà, một lòng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, mà trong sự vô ý lửa nổi lên, lúc đó, chỉ cần bạn thành tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì nhà cửa kế bên bị cháy, còn nhà của bạn thì không cháy. Nhưng đó là trong sự vô ý, chứ chẳng phải là cố ý. Nếu bạn cố ý đốt một chút lửa lên, để thử xem nhà của bạn có cháy không, thì nhất định sẽ cháy ! Tại sao ? Vì bạn vốn muốn thử nghiệm Bồ Tát Quán Thế Âm, là vì bạn tin chẳng chân thật, cho nên mới muốn thử xem. Đó

cũng giống như có người nọ, có một người bạn, muốn biết người bạn đó đối với mình có tâm chân thật chăng, có phải là người tốt “gặp vàng không tham” chăng! Do đó, lúc người bạn đến, bèn cố ý đem năm trăm đồng bạc để dưới đất, chẳng để ý đến. Nếu anh ta là người tốt, thì chẳng lấy tiền bỏ đi.

Tại sao bạn phải thử bạn của bạn ? Vì bạn chẳng thật sự nhận thức người bạn của bạn, chẳng biết anh ta có phải là người tốt thật sự không, cho nên mới thử nghiệm anh ta. Bồ Tát Quán Thế Âm nói ở trong kinh rằng: “Nếu vào lửa lớn, lửa chẳng cháy được.” Nếu một chút chỗ này mà bạn chẳng tin, thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng chẳng lo việc của bạn. Bạn nhảy xuống biển tự tử nói :”Tôi nhảy xuống biển xem thử có được chỗ cạn chăng?” Nếu như, bạn dùng sự thử nghiệm để dò thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đó là biểu hiện bạn chẳng có niềm tin đối với Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn chẳng có niềm tin đối với Bồ Tát, thì Ngài cũng chẳng muốn lo chuyện của bạn. Bạn nói :”Tôi không thử nghiệm, thì làm sao biết cứu kính là thật hay là giả?” Bạn biết là thật, thì lại như thế nào ? Bạn không biết là thật thì lại ra sao ?

Minh hiển thì ai ai cũng đều biết, như nhà lân cận cháy, mà nhà của bạn không cháy, đó là “hiển”, mọi người đều biết : ”Ồ ! Người đó niệm Bồ Tát Quán Thế Âm có sự cảm ứng, người đó tin Phật thật là có sự màu nhiệm”, có cảm ứng, đó tức là ‘hiển’.

Lại có “bí mật”. Bí mật là bạn vốn có một tai nạn, hoặc là bạn đáng lẽ phải rớt xuống nước, bị nước ngập chết, nhưng trong sự vô hình, Bồ Tát Quán Thế Âm cảm ứng, khiến cho bạn chẳng gặp sự nguy hiểm đó, bí mật làm cho tai nạn của bạn tiêu trừ, đó gọi là bí mật. Người đó đáng lẽ bị lửa thiêu, nhưng vì họ tin Bồ Tát Quán Thế Âm, nên Bồ Tát Quán Thế Âm trong sự yên lặng, làm cho tai nạn tiêu trừ, đó cũng là cảm ứng bí mật. Thậm chí bạn ngồi máy bay, đáng lẽ bị tai nạn máy bay, bây giờ sự giao thông tuy là thuận tiện, song số người chết cũng nhiều, nào là máy bay rớt, tai nạn xe lửa, tai nạn xe hơi, khiến cho nhiều người mất mạng. Ở trong những trường hợp đó, vì bạn tụng trì Phẩm Phổ Môn, vì bạn niệm Chú Đại Bi, vì bạn tin Bồ Tát Quán Thế Âm, thì Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong sự yên lặng, tức là người đó chẳng biết, thì Ngài bèn vì bạn hóa hung thành cát tường. Do đó, có câu :

”Gặp hung hóa cát, gặp nạn hóa tường.”

Do đó, vì sự “hiển mật” cho nên nói “Phẩm Phổ Môn” này.

Phẩm Phổ Môn có “Hiển mật viên thông”, hiển cũng viên thông, mật cũng viên thông, hiển mật đều viên thông, cho nên công đức của Phẩm Phổ Môn không thể nghĩ bàn.

Phẩm Phổ Môn này có đủ thứ sự diệu dụng, Chú Đại Bi cũng có những diệu dụng đó. Nay tôi kể một câu chuyện có sự cảm ứng. Tại quê hương Đông bắc của tôi,

có người nông dân làm ruộng, nhà rất giàu có. Mùa thu năm ấy, ông ta thu hoạch xong, dùng xe chở đồ vật lên thành thị bán. Bán xong lương thực mang tiền về, trên đường về cách nhà khoảng ba dặm đường, thì gặp bọn trộm cướp. Ông tài chủ đó, thấy phía trước có trộm cướp, biết làm sao bây giờ? Chạy trốn chăng? Trốn chẳng thoát bọn chúng, nhưng nếu không chạy trốn, thì chắc chắn sẽ bị cướp. Do đó, ông ta bèn niệm Chú Đại Bi, xe vẫn tiến đi về trước. Đi gần đến bọn cướp, thì đột nhiên nhìn thấy từ trong bọn cướp, có một người đi đến trước xe của ông ta nói : ”Ông đưa cây roi đánh ngựa cho tôi, để tôi thế ông chạy xe”, ông ta cũng để cho người đó đánh xe ngựa đi, đi qua khỏi bọn cướp mà bọn cướp giống như chẳng thấy chẳng nghe gì cả, cho nên ông ta chẳng bị cướp bóc. Đến lúc bọn cướp chẳng nhìn thấy nữa, thì người đó trả lại cây roi đánh ngựa nói : ”Bây giờ ông hãy đi mau đi, chẳng có việc gì đâu!” Ông tài chủ nhìn thấy ông ta từ từ trong bọn cướp đi đến, thì nghĩ chắc ông ta là trộm cướp bèn nói : ”Ông bạn ! Hôm nay ông cứu tôi, khiến cho tôi chẳng bị trộm cướp, xin hỏi tên họ của ông? Và ông ở đâu? Để tương lai tôi đến nhà ông mà bái tạ!” Người đó bèn nói rằng : ”Tên của tôi là A Thệ Dụng”

Các bạn thường niệm Chú Đại Bi, có phải trong Chú Đại Bi có một vị hộ pháp tên là “A Thệ Dụng” chăng? Song, lúc ấy ông tài chủ nghĩ : ”Ai gọi là A Thệ Dụng? Là ai?” Lúc đó ông ta quên mất, quên A Thệ Dụng là một câu Chú ở trong Chú Đại Bi, tức cũng là một vị hộ

pháp. Đến khi A Thệ Dụng đi rồi, nhìn chẳng thấy A Thệ Dụng nữa, ông ta mới nghĩ ra : ”Ồ ! Đây chẳng phải là một vị hộ pháp ở trong Chú Đại Bi chẳng?” Do đó, bèn nghĩ muốn đi tìm A Thệ Dụng cũng tìm chẳng thấy, chẳng biết A Thệ Dụng đã đi đâu? Do đó, đây là một cảnh giới không thể nghĩ bàn ở trong Chú Đại Bi. Nếu như ông tài chủ nghĩ : ”Mình niệm Chú Đại Bi xem thử có linh nghiệm chẳng?” Thì A Thệ Dụng cũng chẳng đến cứu ông ta. Chính vì chẳng có tâm khảo nghiệm, chỉ một lòng tin tưởng : ”Mình niệm Chú Đại Bi, thì có thể gặp hung hóa cát, gặp nạn biến thành tốt.” Quả nhiên được toại tâm mãn nguyện, chẳng bị bọn cướp trộm cướp.

Bộ Kinh Pháp Hoa này gồm có bảy quyển, hai mươi tám phẩm, phẩm này là phẩm thứ hai mươi lăm. Phẩm này hiển dương công đức thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Ở trước có nói về ”Được châu”, bây giờ lại nói đến ”Nhân pháp” (người và pháp). Nhân pháp là gì ? ”Nhân tức là Bồ Tát Quán Thế Âm, ”Pháp” tức là pháp môn thị hiện trong Phẩm Phổ Môn. Vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai cầu, cho nên nhân vật không thể nghĩ bàn. Ngài lại nói pháp của phổ môn thị hiện, có cầu tất ứng, vô cảm bất thông. ”Pháp” này là pháp không thể nghĩ bàn. Vì không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là diệu pháp. Vì ”người” này cũng không thể nghĩ bàn, cho nên cũng gọi là diệu nhân. Tức nhiên là diệu

nhân, diệu pháp, nên mới được tên là “Phổ môn”. Vì nhân duyên “nhân pháp” nên Bồ Tát Quán Thế Âm mới nói “Phẩm Phổ Môn” này.

Ý nghĩa thứ hai tức là “từ bi”. Vì “từ bi”, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm nói “Phẩm Phổ Môn” này. Từ là gì? Từ hay ban vui; “bi” là gì? Bi hay cứu khổ. Bồ Tát Quán Thế Âm cứu chúng sinh bảy thứ nạn, giải trừ ba thứ độc, ứng chúng sinh hai thứ cầu. Bảy nạn này, ở trong kinh vẫn nói rất rõ ràng tức là : Nạn nước, nạn lửa, nạn gió, nạn công cùm, nạn gió đen (hắc phong) .v..v... bảy thứ nạn.

Giải ba thứ độc tức là tham, sân, si ba độc. Ứng hai cầu, tức là cầu con trai, cầu con gái hai thứ cầu.

Chúng sinh đều có ba độc : Tham, sân, si. Nếu người nhiều tham, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi tham lam. Nếu người nhiều sân hận, mà thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi sân hận. Nếu người nhiều si mê, mà thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi si mê. Tham mà nói ra thì nhiều, sân nói ra cũng chẳng ít, còn si mê thì không nhiều mà cũng chẳng ít. Nói nó nhiều, thì cũng chẳng nhiều, mà nói nó ít, cũng chẳng ít. Si mê là gì? Nói đơn giản tức là ngu si. Ngu si là gì? Tức là chẳng có trí huệ, chẳng minh bạch, thấy lý lẽ chẳng chân thật, cho nên gọi là ngu si. Gặp lý luận chẳng chánh quyết. Căn cứ vào học thuyết của ông Vương Dương Minh ở Trung Quốc rằng : Người ngu si, là vì họ chưa có thể

“Tri hành hợp nhất”, nghĩa là chưa có thể “hiểu biết, thực hành mà làm một”. Vương Dương Minh nói : Tại sao người đó không đi làm ? Vì họ chẳng biết, nên họ không (đi) làm, nếu họ biết thì họ sẽ làm. Vương Dương Minh nói, họ biết rồi mà không làm, thì đó vẫn chẳng biết chân thật, nếu biết thật sự thì chắc chắn sẽ làm. Vương Dương Minh là một học giả nổi tiếng của Trung Quốc, học thuyết của ông là :”Tri hành hợp nhất” : Nếu họ biết thật sự, thì chắc chắn họ sẽ thực hành; họ chẳng biết nên họ chẳng thực hành. Nghĩa là họ phải hiểu biết thật sự, thì họ chẳng làm việc ngu si. Tại sao họ lại làm chuyện ngu si ? Vì họ chẳng hiểu biết. Cho nên, tôi nói đây là thấy lý lẽ chẳng chân thật.

Thử đưa ra một ví dụ để nói, ví như người ngu si nói : “Hoa đẹp thường khiến cho tươi mãi mãi, trăng sáng ước gì đêm nào cũng tròn, nguồn nước dưới đất đều hóa thành rượu, lá rừng đều biến thành tiền.” Người tham hoa thì sinh tâm ngu si nói : “Tôi muốn đóa hoa này, luôn luôn tươi mãi mãi chẳng phai tàn, muốn đóa hoa đó nở mãi, tươi đẹp mãi.” Người nọ tham trăng tròn, thì nói như vậy : “Mặt trăng sao chẳng tròn mãi mãi ?” Tối hôm qua mặt trăng tròn sáng, nếu đêm nào mặt trăng cũng tròn sáng, thì tốt biết bao ! Ngày ngày ra ngoài ngắm trăng, ánh trăng chiếu sáng ngồi, cũng chẳng cần bấc đèn điện, lại chẳng tốn tiền, ánh sáng thiên nhiên tốt quá!” Đó chẳng phải là ngu si chẳng ? Mặt trăng có tròn có khuyết, hoa có tươi có tàn, khi hoa nở thì có hoa tàn, khi trăng

tròn thì có trăng khuyết, đó là thiên đạo tuần hoàn. Người thích uống rượu thì mua để uống, tốn tiền quá ! Nếu nước các dòng sông đều biến thành rượu, khi nào mình muốn uống rượu, thì xuống lấy uống, đó chẳng phải là sướng lắm ư !” Còn có người tham tiền nghĩ rằng : “Bây giờ tôi phải đi làm kiếm tiền rất khổ cực, nếu như lá cây đều biến thành tiền, khi nào muốn dùng tiền, thì mình bèn đến lấy chẳng phải là tiện nghi sao ! Đó là những việc không bao giờ có, đều là huyền tưởng ngu si. Còn có chuyện đơn giản hơn rằng, có người chẳng đi học, thậm chí chẳng học qua tiểu học, mà anh ta muốn có bằng tiến sĩ. Bạn nói có lý đó chẳng ! Chẳng học tiểu học, thì làm sao có bằng tiến sĩ ! Còn có một loại người, anh ta vốn chẳng làm ruộng, mà đến mùa thu hoạch thì muốn thu hoạch mùa màng, đó đều là ngu si. Song, một số người đều phạm phải thứ vọng tưởng mao bệnh, chẳng nhọc sức mà thu hoạch. Nếu có thứ mao bệnh đó thì nên sửa đổi.

Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai sự mong cầu, đó là đại bi, và còn lợi lạc cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, đó là từ bi. Vì đại từ đại bi, cho nên mới nói Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm. Còn một ý nghĩa nữa đó là “phước huệ”. Phước, sở dĩ Bồ Tát Quán Thế Âm hay tầm thanh cứu khổ, bất cứ là âm thanh thiện, âm thanh ác, âm thanh khổ, âm thanh vui .v.v... Ngài đều phân biệt được, là vì Ngài có trí huệ chân chánh. Trí huệ của Ngài có là từ đâu

đến ? Là vì Ngài bố thí khắp, dùng pháp này thí cho chúng sinh, nên Ngài có phước báu đó, nên phước đức trang nghiêm. Bởi do phước huệ này, mà nói Phẩm Phổ Môn.

Lại còn có sự “chân ứng”. Chân là Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ diệu lực chân thân của Ngài, để cứu độ bảy nạn, giải trừ ba độc, mãn nguyện chúng sinh hai mong cầu, đó là nhờ diệu lực chân thân. Ngài còn hiện ba mươi hai ứng hóa thân, đây gọi là ứng thân, dùng để giáo hóa chúng sinh, do đó mà có “chân ứng” này.

Nói Phẩm Phổ Môn này còn có “quyền thuật”. Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ sức pháp thân, mà ở trong sự yên lặng, tức là trong sự bí mật để lợi ích chúng sinh, đây gọi là “thật”. Ngài còn dùng ba mươi hai ứng hóa thân, để giáo hóa chúng sinh, đây là “quyền”. Quyền tức là quyền xảo phương tiện, tức cũng là phương pháp dùng tạm thời, chẳng phải vĩnh viễn. Bởi Bồ Tát Quán Thế Âm dùng quyền thật, cho nên mới nói Phẩm Phổ Môn này.

Còn có một nhân duyên nữa gọi là “Bổn tích”. Bổn là gì ? Bổn tức là căn bản; tích tức là tông tích. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một pháp thân, mà độ khắp tất cả chúng sinh là “bổn”, Ngài dùng ứng hóa thân để giáo hóa chúng sinh, tức là “tích”. Pháp thân của Ngài như mặt trăng, tích cũng giống như “mặt trăng chiếu ngàn con sông”. Do đó, có câu : “Ngàn con sông có nước, đều có bóng của mặt trăng chiếu xuống.” Một mặt trăng chiếu xuống mọi con sông, mà mặt trăng ở trong mọi con sông,

đều từ bốn thân của một mặt trăng hiện ra. Mặt trăng ở trong nước tức là “tích”. Mặt trăng ở trên trời tức là “Bồn”. Đó là nhân duyên “bồn tích” nên nói Phẩm Phổ Môn.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một pháp thân, để hiện khắp vào trong tâm của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh sửa lỗi lầm làm mới lại, cải ác hướng thiện, lìa khổ được vui, cứu kính thành Phật. Giảng đến đây, có người nói : “Sở dĩ tôi không sửa lỗi lầm làm mới lại, nguyên lai là Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng hiện vào trong tâm của tôi, cho nên tôi có lỗi lầm gì, cũng chẳng muốn sửa đổi.” Người hút thuốc thì nghĩ : “Đại khái Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng gia bị cho tôi, chẳng giúp đỡ tôi.” Người thích uống rượu thì nói : “Tôi muốn học Phật pháp, đáng tiếc tôi chẳng giữ được giới rượu, đó là lỗi của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng giúp đỡ tôi.” Do đó, họ bèn sinh ta tâm cừ oán nói :”Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng công bằng, tại sao Ngài giúp đỡ người khác mà chẳng giúp đỡ tôi ?” Đó thật là ngu si, lại thêm ngu si, đó là hai ngu si nặng nề. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng gia bị cho bạn ? Là vì bạn chẳng nghe Bồ Tát Quán Thế Âm giáo hóa. Khi Bạn nghe danh hiệu “Bồ Tát Quán Thế Âm” thì nên sửa đổi lỗi lầm làm mới lại, nên thanh tịnh phiền não, “Ngộ dĩ vãng chi bất giác”, biết việc quá khứ thì đã là quá khứ. “Tri lai giả chi khả truy”, tương lai nên đi trên con đường thiện. Song, bạn hiểu biết mà cố phạm,

đó là tội lại thêm tội. Cho nên trách Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng gia bị cho bạn, đó là sai lầm. Bồ Tát Quán Thế Âm luôn luôn đều gia bị cho bạn, nhưng đáng tiếc bạn đã đóng cửa trong tâm của bạn, chẳng để cho Bồ Tát Quán Thế Âm vào, Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ biết than thở : ”Ôi ! Chúng sinh này thật là đáng thương xót !” Do đó, bạn đừng trách Bồ Tát Quán Thế Âm, mà nên trách bạn mới đúng.

Ở trên là nói về “Bổn tích”. Còn có một nhân duyên nữa, tức là “Duyên liễu”. “Duyên” tức là duyên nhân, “liễu” tức là “liễu nhân”. Liễu nhân là gì ? Tức là đoạn cái nhân đó đi, cũng có thể nói là thấu rõ nhân của nhân quả. Chúng ta bây giờ đến nghe kinh nghe pháp, có người đến từ Hoa Thịnh Đốn, có người đến từ Tây Nhạ Đồ (Seattle), có những người bác sĩ, thạc sĩ, cũng đến nghe Phật pháp. Tại sao những người đó từ xa xôi lại đến đây để ngồi thiền, nghiên cứu tu học Phật pháp ? Là vì muốn chấm dứt (liễu) cái nhân này. Nghe kinh tức là hạt giống chấm dứt nhân (liễu nhân). Bạn có nhân duyên nghe kinh, đó là “duyên” nhân. Vì nhân duyên “duyên liễu”, cho nên nói Phẩm Phổ Môn.

Còn có một nhân duyên “Trí đoạn” nữa. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng trí huệ của Ngài, trí đức trang nghiêm để giáo hoá chúng sinh, là bậc trí huệ trang nghiêm. “Trí” huệ gọi là đoạn đức, tức là đức hạnh của “trí”. “Đoạn” là đoạn đức, tức là đoạn trừ tất cả vô minh. Đoạn

đức ở đây, lại có thể gọi là phước đức, vì Ngài đoạn sạch vô minh, cho nên có phước đức trang nghiêm chân chánh, giống tựa như Phật, phước cũng đủ, huệ cũng đủ. Bồ Tát Quán Thế Âm tuy nhiên là Bồ Tát, nhưng Ngài có phước đức trang nghiêm, cũng có huệ đức trang nghiêm, cho nên “trí huệ” cũng gọi là phước huệ.

Tổng cộng ở trên lại, thì có mười thứ nhân duyên, cho nên nói Phẩm Phổ Môn này.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý bèn từ tòa ngời đứng dậy, hở y bày vai bên phải, chấp tay hướng về đức Phật, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Quán Thế Âm, do nhân duyên gì, mà được tên là Quán Thế Âm ?

“Bấy giờ” : Tức là vào lúc đó, lúc đó là lúc nào ? Tức là lúc Bồ Tát Vô Tận Ý ở trong pháp hội, hỏi nhân duyên tên của Bồ Tát Quán Thế Âm; tức cũng là lúc nói xong Phẩm Bản Sự của Bồ Tát Diệu Âm, bây giờ là lúc nói Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm. Có một vị Bồ Tát Vô Tận Ý. Vô Tận Ý là gì ? Tóm lại có ba ý nghĩ:

☉ Thứ nhất là : “Thế giới vô biên tràn nhiều nhiều”. Thế giới thì vô lượng vô biên, chúng ta đừng cho rằng thế giới tức mắt chúng ta thấy được, tai nghe được, đó tức là một thứ biên giới. Chẳng phải, thế giới ở đây

nhieu vô lượng vô biên, có thế giới này, có thế giới kia, vô lượng các thế giới; nước này, nước kia, vô lượng các nước, vô cùng vô tận, cho nên gọi là “Thế giới biên tràn nhiều nhiều”. Nhiều nhiều là gì ? Nhiều tức là nhiều loạn; nghĩa là bất định; bất định tức là động. Tràn tức là chẳng thanh tịnh. Trên thế giới có rất nhiều vi trần (hạt bụi), hãy nhìn vào ánh sáng mặt trời chiếu, thì sẽ thấy vô số hạt bụi, chuyển động lên xuống ở trong hư không. Những hạt bụi này từ đâu đến ? Nhiều hạt bụi trên thế giới từ đâu đến. Truy cứu nguồn gốc những hạt bụi này, rất là quan trọng, những hạt bụi đó từ trong tâm của chúng sinh sinh ra. Tại sao ? Vì trong tâm chúng sinh vọng tưởng quá nhiều. Vọng tưởng giống như hạt bụi, nhiều nhiều chẳng yên, luôn luôn biến động. Hãy nhìn xem, chúng ta quan sát vọng tưởng nhiều vô kể chẳng biết là bao nhiêu, có đếm cũng chẳng biết số lượng. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói : “Trong một niệm có chín mươi sát na”. Sát na là một đoạn thời gian rất ngắn, mà một sát na có chín trăm lần sinh diệt, cho nên “Thế giới vô biên tràn nhiều nhiều”.

Thế giới này có như thế nào ? Là vì chúng ta chúng sinh y chân khởi vọng, một niệm vọng tưởng, thì biến thành có sông núi đất đai, nhà cửa phòng ốc, tất cả thế giới thành lập liên tục, đây cũng gọi là “thế giới vô biên tràn liểu liểu.”

◎ Thứ hai là :”Chúng sinh vô tận nghiệp mang mang”. Thế giới thì vô biên, là vì có thế giới, cho nên

cũng sinh ra chúng sinh. Chúng sinh là chúng duyên hòa hợp mà sinh, có rất nhiều thứ nhân duyên hòa hợp mà sinh. Đại khái có bốn loài :

- * Loài sinh bằng thai.
- * Bằng trứng.
- * Bằng ẩm thấp.
- * Bằng hóa sinh.

Sao lại có thai sinh ? Thai do tình mà có. Thai sinh là do có thứ ái tình, nên mới có sinh mạng mới. Trứng do tưởng mà sinh. Thấp sinh là nhờ ẩm thấp mà sinh, nơi đó có sự ẩm thấp thì sẽ sinh ra. Hóa sinh tức biến hóa mà sinh ra, là tự nhiên có thể biến hóa mà sinh ra, chẳng nương duyên của cha mẹ mà sinh ra. Nếu nói tỉ mỉ thì có mười hai nhân loài, còn tám loài kia là :

- * Loài có sắc.
- * Không sắc
- * Có tướng.
- * Không tướng.
- * Chẳng có sắc.
- * Chẳng phải không có sắc.
- * Chẳng có tướng.
- * Chẳng phải không có tướng.

Có nhiều loài chúng sinh như thế, đáo để là từ đâu ra ? Chúng sinh là từ Phật tánh mà ra, cho nên mới nói : ”Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật”. Tuy hết thấy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có

thể thành Phật, nhưng chẳng phải nói chúng sinh là Phật, chẳng phải nói chẳng tu thì thành Phật. Nhất định phải dụng công tu hành, tham thiền, học Phật pháp, như thế thì mới có thể trở về cội nguồn mà thành Phật. Chẳng phải nói chúng sinh bây giờ là Phật, chẳng cần dụng công tu hành, đó là thứ tà tri tà kiến ! Mà phải tu hành, học Phật pháp, y giáo phụng hành, mới có thể thành Phật. Cho nên mới nói chúng sinh là từ Phật tánh sinh ra.

◎ Thứ ba là :”Ái hà vô để lãng thao thao”. “Ái hà” là chỉ ái tình giữa nam nữ, chẳng riêng gì nói về ái của con người, mà các loài khác như súc sinh, cũng chấp mê chẳng ngộ, chấp trước về ái này, nhất là súc sinh càng chẳng rõ lý, cho nên tâm dâm dục của chúng rất nặng, chúng luôn lúc nào cũng nghĩ về dâm dục. Nếu thanh tâm quả dục, tự tịnh kỳ ý, cắt ái đoạn dục, thì cách Phật đạo chẳng xa.

“Ái hà” (biển ái dục) chẳng có đáy, càng hãm vào thì càng sâu, càng sâu thì càng đi xuống, chẳng có “đáy”. “Lãng mang mang”, thứ sóng này triền miên không ngừng, giống như sóng nước. Tại sao trong biển lại có sóng ? Là vì trong tâm chúng sinh có sóng. Trong tâm chúng sinh có sóng, là vì biển ái có sóng. “Ái” này, bạn muốn xé ra cũng xé chẳng đứt, dùng đao bén muốn chặt đứt ái tình cũng chẳng dễ. Song nếu bạn thật sự có trí huệ, thì đối với đề này giải quyết chẳng có gì khó, do đó có câu :

”Kiếm trí huệ chặt đứt tơ tình”.

Người chẳng có trí huệ, thì bị lún ở trong biển ái, càng lún càng sâu, lún đến đâu ? Vốn chẳng có đáy. Càng lún càng sâu, càng sâu càng lún, đi xuống chẳng khi nào chấm dứt, do đó gọi là Vô Tận Ý.

Bởi ba ý nghĩa đó, cho nên Bồ Tát Vô Tận Ý muốn biến vô lượng thế giới này, thành thế giới Cực Lạc. Muốn giáo hóa vô tận chúng sinh đều thành Phật, và lấp bằng biển ái không đáy. Do đó, Bồ Tát Vô Tận Ý có tên là Vô Tận Ý.

Bồ Tát gọi tắt, nếu nói đầy đủ là “Bồ đề tát đỏa”, là tiếng Phạn, dịch ra là giác hữu tình, tức cũng là dùng đạo lý giác ngộ, đi giác ngộ tất cả hữu tình, dùng đạo lý tự giác đó, đi giác ngộ tất cả chúng sinh. Tức là mình giác ngộ rồi, cũng muốn tìm cách đi giáo hóa kẻ khác cho được giác ngộ, đây gọi là tự giác giác tha. Bồ Tát từ đâu đến ? Bồ Tát là từ chúng sinh đến. Bồ Tát vốn cũng là chúng sinh, cũng giống như bạn tôi và họ, hết thấy chúng sinh, chẳng có gì khác biệt. Bất quá Ngài là một bậc giác ngộ ở trong chúng sinh, là một bậc giác ngộ ở trong hữu tình. Chúng ta chúng sinh là kẻ mê muội ở trong chúng sinh, vẫn chưa giác ngộ. Nếu hôm nay bạn giác ngộ, thì hôm nay là Bồ Tát; nếu ngày mai bạn giác ngộ, thì ngày mai bạn là Bồ Tát. Giác ngộ cái gì ? Giác ngộ vô minh. Nếu bạn biết nơi đến của vô minh, phá được vô minh, thì đó là “giác”. Phá được vô minh rồi, thì pháp tánh cũng tự

nhiên hiện tiền, biển ái cũng sẽ khô cạn, biển ái khô cạn rồi, thì trí huệ sẽ hiện tiền, đó là giác ngộ. Bồ Tát là giác ngộ hữu tình, cũng là hữu tình giác ngộ. Bồ Tát còn gọi là chúng sinh “đại đạo tâm”, đạo tâm của Ngài rất lớn, còn gọi là “Khai sĩ”, Ngài khai mở ngu si cho chúng sinh, để hiển hiện Phật tánh vốn có, đó gọi là Bồ Tát.

“Bèn từ tòa ngồi đứng dậy” : Ở hội trong hội Pháp Hoa, khi Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Đức Phật giảng xong Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương rồi, thì Ngài bèn từ tòa ngồi đứng dậy. Tại sao phải đứng dậy ? Bất cứ ở trong đại hội nào, khi bạn muốn nói thì phải đứng lên, không thể ngồi ở đó dơ tay lên để hỏi, như thế thì quá tùy tiện. Lúc đó, Bồ Tát Vô Tận Ý muốn nói, chẳng những Ngài đứng dậy mà còn “hở y bày vai bên phải”. Tại sao phải để vai bên phải lộ ra ? Vì biểu thị cung kính, đó là biểu thị thân nghiệp cung kính.

“Chấp tay hướng về Đức Phật” : Sau đó Bồ Tát Vô Tận Ý chấp tay lại. “Mà bạch Phật rằng”. Đối với Phật mà nói.

Từ “Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý bèn từ tòa ngồi đứng dậy, hở y bày vai bên phải, chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng”. Đoạn này là Ngài A Nan biên khi kết tập kinh điển. Dùng để miêu tả nhân duyên của pháp hội. Bắt đầu từ “Đức Thế Tôn” là lời nói của Bồ Tát Vô Tận Ý.

Bồ Tát Vô Tận Ý gọi một tiếng :’’Đức Thế Tôn!’’ Thế Tôn là bậc tôn kính của thế gian và xuất thế gian, thế gian và xuất thế gian, đều tôn kính Ngài nhất.

’’Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì, mà được tên là Quán Thế Âm’’? Bồ Tát Vô Tận Ý gọi một tiếng Đức Thế Tôn, rồi bèn nói : ’’Bồ Tát Quán Thế Âm có sức thần thông lớn như thế, từ bi nguyện lực của Ngài lớn như thế, Ngài có thể cứu bảy thứ nạn, giải trừ ba độc, ứng hai thứ cầu, mười bốn vô úy (chẳng sợ hãi), mười chín thuyết pháp, ba mươi hai ứng thân, bởi nhân duyên gì, mà gọi là ‘’Bồ Tát Quán Thế Âm ?’’ Bởi nhân duyên gì, tức cũng là hỏi Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong quá khứ tu pháp môn gì, mà được tên là ‘’Quán Thế Âm’’? Đó là Bồ Tát Vô Tận Ý hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý : Thiện nam tử ! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh, chịu các khổ não, mà nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, một lòng niệm danh hiệu của Ngài, thì Bồ Tát Quán Thế Âm, lập tức quán xem tiếng kêu kia, khiến cho họ đều được giải thoát.

’’Đức Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý’’: Câu này tôn giả A Nan y chiếu theo văn pháp, mà ghi vào khi kết tạp kinh điển.

“Thiện nam tử” : Là Đức Phật gọi Bồ Tát Vô Tận Ý nói : “Thiện nam tử ! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh”. “Nếu có” là từ giả thiết, tức là sẽ có mà chưa có, hiện tại thì chưa có, nhưng tương lai sẽ có. Những chúng sinh đó bao quát : Thai, noãn, thấp, hóa, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng có sắc, chẳng không sắc, chẳng có tướng, chẳng không tướng, mười hai loài chúng sinh, đều bao quát ở trong đó. “Chịu các khổ não” : “Chịu” là gặp, gánh lấy. “Các” là số nhiều. “Khổ não” là sự thống khổ, có bao nhiêu ? Đại khái có bốn thứ :

- 1). Một người thọ một thứ khổ.
- 2). Một người thọ nhiều thứ khổ.
- 3). Nhiều người thọ một thứ khổ.
- 4). Nhiều người thọ nhiều thứ khổ.

Một người thọ một thứ khổ như cầm ngọng, chính người đó có khổ sở người đó biết, cũng không thể nói với họ, do đó có câu : “Cầm ngọng ăn huỳnh liên” (người cầm khổ sở như ăn quả đắng huỳnh liên).

Một người thọ nhiều thứ khổ, ví như người nợ, bất cứ đi đến đâu cũng gặp khổ não, chẳng phải thiên tai thì là nhân họa, chẳng phải trộm cướp thì là nạn lửa. Hết thầy khổ não trên thế gian anh ta đều ném hết. Một người mà ném hết các thứ khổ, đây gọi là một người thọ nhiều thứ khổ.

Nhiều người chịu một thứ khổ, ví như chiến tranh hiện tại ở Việt Nam, khi tác chiến thì mưa bom đạn lạc, sinh linh lầm than, chết chẳng biết bao nhiêu người, thật là bi ai. Nhiều người ở trong một nước này, cùng chịu một thứ khổ, thứ khổ nào gọi là nhiều người thọ một thứ khổ. Còn một thứ nữa, như bệnh ôn dịch lưu hành, rất nhiều người đều chịu thứ bệnh truyền nhiễm đó, bệnh như chết sống lại, thứ khổ nào đó tuy chưa đến chết, nhưng bệnh tật rất thống khổ, đó cũng là nhiều người chịu một thứ khổ, còn có rất nhiều khổ nào khác nữa, nói cũng nói chẳng hết. Thế giới này là thế giới khổ não. Chúng sinh cũng nhiều, khổ não cũng nhiều, cứu kính có bao nhiêu thứ khổ não ? Căn bản chẳng có số lượng để tính. Tổng quát lại thì có tám vạn bốn ngàn thứ khổ.

Vậy khi chịu các thứ khổ não thì làm thế nào ? Ai cũng đều có khổ não. Khi chúng ta chịu khổ não, thì chúng ta đừng quên Bồ Tát Quán Thế Âm.

“Nghe danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm”.

“Nghe”: Là mình vốn chẳng biết, giống như người Mỹ, cứu kính có bao nhiêu người nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm ? Tôi tin rằng, toàn nước Mỹ nghe được Quán Thế Âm Bồ Tát dù một phần trăm cũng chẳng có ! Bạn hãy nghĩ xem, nhiều người như thế chẳng nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, mà bạn bây giờ nghe được, nghe cũng tức là minh bạch, biết Bồ Tát Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, có ba mươi hai ứng thân, thần thông tự tại, đó là “Nghe Bồ Tát Quán Thế Âm”.

“Một lòng niệm danh hiệu của Ngài”: Quan trọng nhất là “một lòng”, đừng có hai lòng, cũng đừng có ba lòng, càng đừng có bốn lòng, nếu tâm của bạn càng nhiều, thì tựa như bạn chẳng làm công đức. Nếu tâm mà nhiều quá thì chẳng tốt. Tại sao ? Vì nhiều tâm thì phân tán, mà phân tán thì chẳng chuyên nhất, chẳng chuyên nhất thì chẳng linh, chẳng có công hiệu. Nếu bạn “hai lòng niệm danh hiệu” thì cũng chẳng linh, “ba lòng xưng danh” thì càng chẳng ích gì.

“Bồ Tát Quán Thế Âm” : Quán, tức là quán xem. Thế tức là thế gian. Âm là âm thanh. Bồ Tát quán xem tất cả âm thanh của thế gian. “Lập tức Quán Âm thanh kia” : Lập tức quán sát âm thanh của chúng sinh đó. “Đều được giải thoát” : Hết thảy tất cả khổ não đều được giải thoát. Giải thoát tức là khổ não chẳng còn nữa, khổ não chẳng còn nữa thì được an vui. Giải thoát ở đây tức cũng là đắc được tự tại thật sự, vô câu vô thức, vô quái vô ngại.

Nếu có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, do nhờ sức oai thần của Bồ Tát. Nếu bị nước lớn cuốn trôi, mà xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì liền được vào chỗ cạn.

Đoạn văn này nói về Bồ Tát Quán Thế Âm cứu nạn lửa và nạn nước hai nạn trong bảy nạn. “Nếu có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm” : Trì tức là niệm. Nếu có, là hiện tại chẳng có, tương lai sẽ có. Nếu như có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Trì là nghĩ nhớ luôn luôn, tức cũng là tâm niệm đều chấp trì : “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát”. Bất cứ người nào muốn giải trừ thống khổ bảy nạn, thì trước hết phải luôn luôn cung kính xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

“Dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được” : Đây là nói lúc bình thường bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chứ chẳng phải nói đến lúc bị khốn ở trong lửa lớn, thì mới niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Chẳng phải nói hôm nay mình có tai nạn, thì hôm nay mới niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là :

“Khi bình an thì chẳng thắp hương,
Đến lúc lâm chung thì ôm chân Phật”.

Lúc nhàn thì một cây hương cũng chẳng đốt, đến lúc sắp chết, thì đến ôm chân Phật cầu cứu. Lúc đó, tuy bạn đến ôm chân Phật, nhưng Phật cũng chẳng lý tới bạn. Tại sao ? Vì lúc bình thường bạn chẳng tu hành, đợi khi có nạn thì đến cầu Phật, đó gọi là vừa đốt hương vừa niệm Phật. Song, còn có hạng người lúc bình thường họ cũng chẳng đốt hương, cũng chẳng niệm Phật. Nhưng khi họ có tai nạn, thì Bồ Tát cũng đến cứu họ, cũng khiến cho họ lìa khổ được vui. Đây là đạo lý gì ? Bạn nên biết, mỗi người

chúng ta đều có tiền nhân hậu quả, có thể kiếp trước họ đã từng dũng mãnh tinh tấn tu đạo, siêng năng dụng công niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Thậm chí họ đã từng tạo đủ thứ công đức, cho nên đời này tuy họ chẳng niệm, là vì họ kiếp trước đã niệm rồi, đã từng trồng xuống căn lành đó, cho nên đời này họ chẳng niệm, mà Bồ Tát Quán Thế Âm cũng đến cứu họ, đó là vì sự quan hệ nhân xa. Nhân, có nhân xa, cũng có nhân gần. Nhân xa là nhân trồng kiếp trước; nhân gần là nhân trồng đời này.

Hoặc có người nói : ‘‘Kiếp trước tôi đã trồng nhân xuống rồi, nên bây giờ tôi chẳng cần niệm, tương lai tôi có nạn thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng sẽ đến cứu tôi.’’ Song chẳng bảo đảm, dù bạn hướng về tôi mua bảo hiểm, tôi cũng chẳng bán. Nếu bạn ngay đời này bắt đầu thành tâm thành ý niệm, thì tôi có thể làm chứng cho bạn, chắc chắn sẽ được cảm ứng, tương lai bạn có tai nạn gì, thì Bồ Tát Quán Thế Âm nhất định sẽ đến cứu bạn. Vì bạn chẳng phải vừa đốt hương vừa niệm Phật, thì tuyệt đối có cảm ứng.

Trước kia có người nọ, một lòng muốn đến Nam Hải núi Phổ Đà lạy Bồ Tát Quán Thế Âm. Đến ngày anh ta quyết định đến núi Phổ Đà, để lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, vừa mới lên thuyền, thì nhà kế bên cạnh bỗng bị lửa cháy. Người nhà của anh ta chạy đến báo cáo với anh ta : ‘‘Chẳng may rồi ! Anh phải trở về nhà gấp, đừng đi đến

núi Phổ Đà, nhà bên cạnh đã bị lửa cháy, anh phải về nhà lo liệu.”

- Anh ta nói : “Tôi vì muốn lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nên đã ăn chay ba năm rồi, bây giờ tôi cũng lên thuyền đi. Nếu nhà bị lửa cháy, thì tôi có xuống thuyền nó cũng vẫn cháy. Nếu không cháy, thì Bồ Tát Quán Thế Âm đã bảo hộ tôi, dù tôi không trở về, nó cũng không cháy. Tôi thành tâm như thế, thì dù nhà có bị lửa cháy, tôi cũng phải đến lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm!” Anh ta quyết định một lòng đến lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, sau khi lễ lạy xong trở về nhà, thấy những nhà bên cạnh phải trái đều bị cháy sạch, mà một mình nhà của anh ta chẳng bị lửa cháy. Do đó, một số người bèn hỏi anh ta : “Sao những nhà bên cạnh nhà anh đều cháy sạch, mà nhà của anh chẳng bị lửa cháy.” Anh ta nói : “Vì lần này tôi thành tâm lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm nhất, khi tôi đi thì gì cũng chẳng màng đến, nó phải cháy thì để nó cháy, cái gì tôi cũng buông xả hết. Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ cho tôi, nên khiến cho nhà của tôi chẳng bị lửa cháy.” Đó là : “Bằng chứng thật dù vào trong lửa lớn, lửa không cháy được.”

“Do nhờ sức oai thần của Bồ Tát” : Tại sao lửa chẳng cháy được ? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần, cho nên lửa không cháy được.

“Nếu bị nước lớn cuốn trôi” : Nếu lúc bình thường bạn cũng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì trong sự vô ý, chẳng phải cố ý muốn thử Bồ Tát Quán Thế Âm, đi nhảy xuống biển coi thử có linh nghiệm, không chết

chìm chằng ? Nếu bạn còn có tâm thử nghiệm, thì chẳng phải là tin chân thật, thì tuyệt đối chẳng linh, bạn đi nhảy xuống biển tở hào chẳng nghi vấn là muốn ngập chìm chết. Tại sao ? Vì bạn còn tâm thử nghiệm Bồ Tát. Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng phải là học sinh, còn bạn cũng chẳng phải là thầy giáo, thì tại sao bạn phải thử Bồ Tát Quán Thế Âm ? Vì bạn chẳng tin Bồ Tát Quán Thế Âm có đại thần thông như thế, cho nên mới muốn thử nghiệm. Bạn thử nghiệm thì chẳng quan trọng, song sinh mạng của bạn phải hy sinh, đừng đem mạng sống ra làm trò đùa. “Xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì liền được vào chỗ cạn”: Bạn xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, trong sự bất tri bất giác, thì sẽ được vào chỗ cạn. Trong biển cả chẳng biết làm thế nào được vào bờ, đó đều là thần lực của Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên mới có cảm ứng như thế.

Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh, vì đi tìm cầu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, các thứ châu báu, vào trong biển lớn. Giả sử, có gió đen thổi thuyền của họ, trôi dạt vào nước quỷ La sát. Trong đó, dù chỉ có một người xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì hết thảy những người kia, đều được thoát

khỏi nạn quỷ La sát, bởi nhân duyên đó, mà có tên là Quán Thế Âm.

Đoạn văn này nói về quỷ La sát trong bảy nạn, cũng có thể nói là nạn gió đen. Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh, vì muốn tìm cầu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu bảy báu. Người thế gian đi tìm cầu khắp nơi, bần tranh giành, cho rằng đó là quý báu, kỳ thật đều là vật ngoài thân. Bần chẳng minh bạch châu báu chân thật của tự tánh, mà tham trước châu báu bên ngoài, dù đắc được cũng chẳng có đại tác dụng gì, đối với trong tự tánh của bần. Song, một số người đều muốn tìm cầu ‘vàng’. Mỗi quốc gia đều hoan hỉ vàng, cho nên người dân cũng cho rằng đó là một vật quý báu ít có, nên ngày đêm nghĩ phương pháp để tìm cầu. Cho đến đất nước xảy ra giao tranh cũng vì vàng. Tại sao con người lại cho rằng vàng quý trọng như thế ? Là vì nó rất hiếm hoi, vì ít cho nên trân quý. Nếu vàng mà nhiều như đất, thì con người coi nó cũng chẳng có giá trị gì. Do đó : “Vật hiếm hoi thì quý.” Vì ít cho nên ai ai cũng đều hoan hỉ, thậm chí nằm mộng cũng mộng thấy vàng, có người đến phi châu tìm vàng, có người đến nước Mỹ để tìm vàng. Trước kia, nghe nói ở Cự Kim Sơn rất là nhiều vàng, cho nên chạy đến nước Mỹ, nhất là người Hoa đến nước Mỹ chuyên môn tìm vàng. Khi vàng ở nước Mỹ khai quật rồi, thì chạy về Á Châu. Nước Mỹ có Cự Kim Sơn, còn Á Châu thì có Tân Kim Sơn, rất nhiều người chuyên môn

tìm vàng. Vì người đến Mỹ để tìm vàng, nên bị chết ở trong biển cũng chẳng biết bao nhiêu người, có thể chết rất nhiều, vì trước kia giao thông chẳng phương tiện như bây giờ, tin tức cũng chẳng linh thông cho lắm, cho nên chết rất nhiều người cũng chẳng biết, đó đều là gặp phải nạn gió đen. Vàng là vật quý báu nhất, bạc là vật quý báu thứ hai. Ngoài ra còn lưu ly, người Trung Quốc gọi lưu ly là “thanh sắc bảo”, vật quý màu xanh. Xa cừ là một loại đá quý, mã não là một loại đá ngọc, thứ đá này giống như não ngựa, bên trong có đường gân đỏ như huyết, nên gọi là mã não. San hô là cây san hô, có loại cao hơn ba thước, tôi đã thấy qua loại cao hơn một thước. San hô là do một loại trùng trong biển biến thành, đó cũng là một thứ hóa thạch, do trùng biến thành thực vật, giống như cây, chất liệu của nó giống như đá ngọc, nên rất quý giá.

Ở Trung Quốc có một nhà giàu có, gọi là Thạch Sùng, rất thích so sánh sự giàu có với người khác. Một ngày nọ, ông ta đến nhà của hoàng thân để phở yến, nhà này là bà con của hoàng đế. Đương thời hoàng đế tặng cho một cây san hô, cao khoảng hơn hai thước. Vì là vật của hoàng đế tặng nên đặc biệt quý giá. Hoàng thân mời Thạch Sùng đến nhà dùng cơm rồi, bèn đem cây san hô ra cho thạch Sùng ngắm, ai biết Thạch Sùng dùng tay cầm lên rồi ném xuống đất vỡ nát. Khiến cho hoàng thân buồn rầu vô cùng mới nói : “Đó là vật hoàng đế tặng cho tôi, sao anh lại đập vỡ nó, bây giờ tiền bạc đâu có giá trị gì.” Thạch Sùng nói : “Anh đừng có buồn, tôi sẽ tặng anh một

cây san hô, ngày mai mời anh đến nhà tôi tùy ý anh lựa, muốn lấy cây nào thì lấy.”

Ngày kế tiếp hoàng thân đến nhà Thạch Sùng tham quan, thì ngay phòng khách chưng đầy cây san hô cao hơn ba thước, hoàng thân thấy tâm bèn nghĩ : “Ta tuy là hoàng thân, mà chẳng giàu bằng anh Thạch Sùng.” Do đó, bèn lựa một cây san hô rồi từ giã ra về. Kết quả Thạch Sùng cũng vì giàu có mà bị đấu tranh đến chết. Do đó :

“Người vì tài mà chết.
Chim vì ăn mà bỏ mạng”.

Chúng sinh là điên đảo như thế. Tại sao mà chết ? là vì “ tiền tài”. Hồ phách là một thứ khoáng vật trong suốt màu vàng, do mỡ của cây hệ tùng biến thành. Trân châu là một loại vật chất hình tròn ở trong ngọc trai, trong suốt óng ánh rất đẹp, gọi là trân châu.

“Vào trong biển lớn” : Con người vì muốn tìm cầu những báu vật đó, bèn vào trong biển tìm những châu báu. Ở trong biển nhiều châu báu nhất, nên vào trong biển mà tìm cầu. “Giả sử có gió đen” : Gió đen là gì ? Tức là gió màu đen, song thứ gió màu đen này, mỗi người cũng đều có. Gì gọi là “gió màu đen”? Tức là khi bạn nổi giận, thì sắc mặt của bạn phát đen. Vì con người nổi giận nên có gió đen, nếu không nổi giận thì chẳng có gió đen.

“Biển” là gì ? Tức là “biển tánh” của chúng ta, biển tánh của tự tánh. “Gió đen” dụ cho vô minh của chúng sinh, “vô minh” còn gọi là “phiền não”. Nếu bạn

sinh phiền não tức là có gió đen. Nếu chẳng có phiền não, thì trong “biển tự tánh” của bạn gió yên sóng lặng. Làm thế nào mới tìm cầu được châu báu ? Là đi vào trong tự tánh phát quật chân báu tự tánh. Khi bạn muốn phát quật châu báu tự tánh, thì lúc đó sẽ gặp chướng ngại. Vì sao có chướng ngại ? Là vì đức hạnh của mình chẳng đủ, đức tính chẳng đủ, đạo đức chẳng đủ, công đức chẳng đủ. Vì chẳng làm công đức, nên đức hạnh cũng chẳng viên mãn. Đức hạnh chẳng viên mãn, cho nên mới có gió đen, mới có ma chướng. Nếu đức của bạn lớn, thì gió đen sẽ biến hóa thành mây cát tường. Do đó có câu rằng :

‘‘Đạo cao long hổ phục,
Đức trọng quỷ thần khâm’’.

Nếu người đạo hạnh cao, thì dù rồng thấy bạn cũng khoan lại. Rồng vốn rất là lợi hại, nó có thể dời núi lấp biển, nếu rồng dụng thần thông thì núi cũng sẽ dời đi, biển cũng dời đi, do đó thế lực của rồng rất là lợi hại. Song, nếu bạn có đạo thì tuy rồng có thần thông quảng đại, cũng chẳng dám thị uy ở trước mặt bạn, mà lão lão thật thật khoan lại. Cọp tuy hung dữ nhất, song nếu bạn thật sự chẳng có nóng giận, thì cọp thấy bạn sẽ thuận phục bạn, cuối đầu vẫy đuôi, tỏ vẻ hoan nghênh, chẳng làm dữ cắn bạn. Song, bạn phải có đức hạnh thì mới có cảnh giới này. Nếu chẳng có đạo đức, thì rồng cũng chẳng khoan, cọp cũng chẳng nằm.

“Đức trọng quý thần khâm”. Nếu bạn đủ đức hạnh viên mãn, thì dù quý thần gặp bạn, cũng đều cung kính bạn, tôn trọng bạn, hướng về bạn cuối đầu đánh lễ. Cho nên quan trọng nhất của con người, là phải có đức hạnh.

“Gió đen thổi thuyền của họ trôi dạt vào nước quý la sát” : Quý la sát là loài quý ăn tinh khí, đa số nữ tính, chuyên môn ăn tinh khí của người. Nếu thuyền bị gió đen trôi dạt vào nước quý la sát, nếu trong đó chỉ có một người phát tâm xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tất cả mọi người đó, thậm chí trăm ngàn vạn ức chúng sinh, đều được thoát khỏi nạn quý la sát. Bởi nhân duyên đó, nên tên của Bồ Tát đó, gọi là Bồ Tát Quán Thế Âm.

Nói đến “đức hạnh”, mọi người đều nên chú trọng về đức hạnh, sở dĩ người khác với cầm thú, là vì có đức hạnh. Nếu chẳng trọng đức hạnh, thì chẳng nói về đức hạnh, chẳng phân biệt với cầm thú, mà đạo đức là do tu hành thực tiễn tích thành, bằng không thì vốn chẳng có đạo đức để nói.

Tại quê hương đông bắc, tôi có một người bạn tri kỷ, sao anh ta trở thành bạn tri kỷ của tôi ? Vì anh ta và tôi là đồng đạo. Khi tôi còn tại gia, đã từng vì mẫu thân thủ hiếu, còn anh ta cũng thủ hiếu mẹ bên cạnh mộ phần. Chỗ khác nhau là khi tại gia thì anh ta là kẻ trộm cướp, trước khi thủ hiếu thì anh ta chuyên môn trộm cướp. Có một lần, anh ta trộm cướp đánh lại với họ, chẳng may anh ta thất bại và bị thương, vết thương điều trị hơn nửa năm mà chẳng lành, lúc đó anh ta tỉnh ngộ, bèn nghĩ rằng

:”Do mình làm việc quấy, cho nên vết thương này chẳng lành.” Do đó, bèn quyết tâm phát nguyện : “Nếu vết thương này mà lành lại, thì sau này tôi chẳng làm trộm cướp nữa”, và còn đến bên cạnh mộ của cha mẹ thủ hiếu. Anh ta phát nguyện rồi, quả nhiên chưa được mấy ngày, thì vết thương tự nhiên lành hẳn. Do đó, mà tiếp tục thủ hiếu. Trong khi thủ hiếu, có rất nhiều chuyện phát sinh. Nay nói ra một câu chuyện cắt thịt để tế trời.

Khi anh ta thủ hiếu, thì trời mưa cả mấy tháng không ngừng. Anh ta tự nhủ : “Mùa màng ngũ cốc của dân chúng trồng, sắp bị nước mưa ngập lụt chết.” Bèn phát tâm vì dân chúng cầu cho trời hết mưa, mà phát nguyện rằng : “Nếu trong vòng ba ngày mà hết mưa, thì tôi sẽ cắt thịt trên thân của mình, để cúng dường trời Phật.” Sau khi anh ta phát nguyện rồi, thì thật là lạ thay, chưa đến ba ngày thì trời hết mưa. Anh ta bèn thực hành lời hứa của mình, lấy dao cắt thịt của mình. Anh ta cắt thịt xong, vì đau đớn vô cùng nên bị hôn mê bất tỉnh, lúc sau mới tỉnh dậy. Lúc đó, có vị huyện trưởng đi ngang qua đó, nhìn thấy khắp nơi đều có máu tâm nghĩ : Người này cắt thịt của mình, chẳng biết là để làm gì ? Hay là anh ta bị điên ? Bèn hỏi anh ta thì mới biết anh ta vì dân chúng cầu cho dừng mưa, cắt thịt dâng cúng trời Phật. Ông huyện trưởng nghe rồi thì rất hoan hỉ : “Anh thật là người tốt”! Có ấn tượng tốt đối với anh ta. Sau đó chẳng biết từ đâu bay đến một con chim nhỏ, con chim đó kêu rất đặc biệt,

kêu rằng: “Làm nhiều công đức, làm nhiều công đức, làm công đức nhiều thì tốt lắm.” Kêu như thế rồi bay đi.

Cho nên vì sao mà tôi cũng chẳng sợ khổ, ban ngày làm việc, chẳng có chút thời gian xem kinh Phật, còn ban đêm thì vì mọi người giảng kinh. Vì muốn làm chút bố thí, dùng pháp để bố thí. Ở nước Mỹ, có thể nói là pháp thiếu thốn nhất, do đó tôi phát nguyện, vì các bạn bố thí Phật pháp, dù khổ nhọc tôi cũng chẳng đình công.

Nếu lại có người, bị người khác cầm dao làm hại, xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dao gậy của kẻ kia cầm, bèn gãy ra từng đoạn, mà được giải thoát.

Đoạn kinh này nói về nạn đao gậy. Nếu như có người, khi bị người khác cầm dao muốn giết hại, nếu người đó xưng niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì “đao gậy của kẻ kia cầm” : Kẻ kia là chỉ người muốn giết hại anh ta. Đao gậy là vũ khí cầm tay, khi muốn chém bạn thì “Bèn gãy ra từng đoạn”, khi bạn xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên cổ của bạn cứng hơn cây đao. Bỏn lai cây đao cứng hơn cổ của bạn, song bây giờ khi cây đao dơ lên chặt cổ của bạn, thì tự nhiên gãy ra từng đoạn. Nếu không tin thì hãy thử xem cái cổ của bạn có cứng như thế chăng ? Cây đao đó sao lại gãy ra từng đoạn ? Chẳng những gãy ra một đoạn, mà còn gãy ra nhiều đoạn, thậm chí cây đao đó gãy vụn ra. “Mà được

giải thoát” : Nhờ thế mà thoát khỏi nạn đao gậy. Đạo lý giải thoát được là gì ? Là vì anh ta phát tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Có người hoài nghi : “Niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, mà có sự linh cảm như thế chẳng?” Chẳng những linh cảm như thế, mà còn linh cảm nhiều hơn việc này ! Chỉ cần bạn thành tâm tin tưởng, thành tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ có những sự việc phát sinh, cảm ứng hơn là việc đó.

Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới, đây đây quỷ Dạ xoa và la sát, muốn đến làm hại người, mà nghe họ xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các ác quỷ đó, còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn họ, huống chi lại làm hại. Nếu như lại có người, hoặc có tội, hoặc không có tội, bị gông cùm siềng xích, trói buộc thân họ, mà xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì gông cùm siềng xích đều gãy tan, mà được giải thoát.

Đoạn văn này giải trừ nạn quỷ Dạ xoa, quỷ la sát và giải trừ nạn gông cùm siềng xích. “Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới” : Ba ngàn đại thiên thế giới là gì ? Vì có chữ ba ngàn, cho nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới. Thế giới của chúng ta đây, có một mặt trời mặt trăng, một

núi Tu Di, một tứ thiên hạ. Một tứ thiên hạ tức là : Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lư Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Đông Thắng Thần Châu, bốn đại bộ châu. Bốn đại bộ châu này là “một tứ thiên hạ”, “một” là chỉ một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, và bốn đại bộ châu. Có một ngàn núi Tu Di, một ngàn mặt trời, mặt trăng, một ngàn một tứ thiên hạ, đây gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại, là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới, là một đại thiên thế giới, vì có chữ ba ngàn, cho nên gọi là “ba ngàn đại thiên thế giới”.

“Trong đó đầy đầy quỷ Dạ xoa” : Trong ba ngàn đại thiên thế giới đó, đều đầy đầy quỷ Dạ xoa. Dạ xoa gồm có phi hành Dạ xoa, địa hành Dạ xoa, không hành Dạ xoa. Những loài quỷ này, chạy đặc biệt rất nhanh, dù hỏa tiễn hiện đại, cũng chạy chẳng bằng chúng, cho nên gọi là quỷ tốc tạt, hoặc là quỷ tiếp tạt (quỷ chạy nhanh). La sát tức là quỷ ăn tinh khí, chúng chuyên môn ăn tinh khí của người. “Muốn đến làm hại người” ? Loài quỷ Dạ xoa và quỷ la sát, đều chuyên môn hại người, đi khắp nơi nhiều hại người. Ví như bạn muốn phát bồ đề tâm, thì chúng nhất định chẳng vui vẻ, cho nên cố ý gây thêm phiền não cho bạn, mà nghĩ ra đủ thứ phương pháp chướng ngại bạn, khiến cho bạn chẳng thể tu hành, kêu bạn thối đạo tâm. Bỏ lại bạn phát bồ đề tâm rất dũng mãnh, song, chúng kiềm tỏa thân của bạn, dạy bạn tự nhiên vọng tưởng lên rằng : “Tu để làm cái gì ? Học Phật

pháp có ích gì ? Hay là đừng học Phật pháp, đi đến những nơi khác làm gì cũng rất tự do, muốn nhảy đầm thì nhảy, muốn nghe âm nhạc thì nghe. Học Phật thì những thứ đó chẳng thể làm được, nhiều thứ làm chẳng được, lại không thể xem phim, không thể uống rượu, lại không thể hút thuốc, bạn thấy đó, nhiều thứ không thể làm, Phật pháp càng học càng chán nản”! Ai có những tư tưởng như thế, tức là quý Dạ xoa, la sát đến dạy bạn nghĩ như thế. Có người nghĩ muốn xuất gia làm hòa thượng, thì chúng dạy bạn nghĩ : ”Làm Hòa thượng khổ quá ! Suốt ngày đến tối phải làm việc, lại ăn chẳng ngon, mặc chẳng đẹp, khổ hạnh quá, bạn đi làm Hòa thượng có ý nghĩa gì”? Do đó, bèn thối đại tâm. Lại có người nghĩ muốn làm Tỳ Kheo ni, thì quý Dạ xoa la sát cũng đến dạy bạn nghĩ: ”Hay là đi lấy chồng, có chồng thì mỗi ngày đều có chồng lo, toại tâm mãn dục”. Tức là chúng muốn cho bạn không thể phát tâm bồ đề, đó là việc của quý Dạ xoa la sát, chuyên môn tổn hại đạo tâm bồ đề, phá hoại người tu hành. Cho nên nói : ”Muốn đến nào hại người”. ”Thì các ác quỷ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn” : Một khi niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên phóng ra đại quang minh, quý đó muốn nhìn bạn, cũng nhìn chẳng thấy, vì chúng nhìn bạn tựa như đèn điện chiếu sáng, mắt cũng mở chẳng ra, cho nên nói ”còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn”. ”Huống chi lại làm hại” : Chúng mắt cũng mở chẳng lên, lại làm sao mà làm hại bạn ? Tự nhiên bèn bỏ bạn chạy

xa. Do đó, bạn nên luôn luôn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì mới bảo đảm.

“Nếu như lại có người” : Giả sử lại có người như thế. “Hoặc có tội, hay không có tội” : Bất cứ là có tội, hoặc chẳng có tội. “Gông cùm xiềng xích” : Người có tội thì sẽ bị chính phủ bắt đi, tay bị còng, cổ bị gông cùm, người có tội là chỉ người phạm tội, người chẳng có tội là người bị oan uổng, bị vu cáo, mình vốn chẳng phạm tội, mà bị chính phủ bắt đi nhốt vào lao tù. Gông cùm xiềng xích, đều là hình cụ của người phạm tội mang, trói buộc lại. Nếu bạn lúc đó xưng niệm Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, thì gông cùm xiềng xích đều gãy tan. Những hình cụ đó tự nhiên gãy ra. “Đều được giải thoát” : Lập tức bèn được giải thoát, tự do. Gông tự động gãy, cùm tự động mở. Tóm lại, bất cứ hình cụ gì trên thân của bạn, đều tự nhiên mở ra, những tình hình như thế tôi thấy qua rất nhiều.

Có một lần, tôi ở chùa Nam Hoa gặp một vị Hòa Thượng, vào thời kỳ Nhật xâm lược Trung Quốc, vị Hòa Thượng đó bị Nhật bắt đi nhốt vào lao ngục, tay chân đều bị còng. Ngài ở trong ngục suốt ngày niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm niệm không ngừng, một đêm nọ, hốt nhiên gông cùm trên thân của Ngài tự động gãy ra rớt xuống, cửa ngục cũng tự động mở ra, cho nên Ngài thoát khỏi ngục tù, được tự do giải thoát.

Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới, đầy đầy những kẻ oán tặc, có một người chủ buôn, đem theo các người buôn bán, mang theo rất nhiều châu báu quý giá, đi qua con đường hiểm, trong đó có một người xưng lên rằng : Các thiện nam tử ! Chớ có sợ hãi, các ông nên một lòng xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, vì vị Bồ Tát đó, hay đem sự vô úy thí cho chúng sinh. Nếu các ông xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì ở nơi oán tặc này, sẽ được giải thoát. Các người buôn nghe rồi, đều xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, vì xưng niệm danh hiệu của Ngài, nên được giải thoát.

“Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới” : Nếu như trong ba ngàn đại thiên cõi nước. “Đầy đầy những kẻ oán tặc” : Trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỗ nào cũng có oán tặc. Oán tặc là có oan trái với bạn trong quá khứ, cho nên đời này làm oán tặc, để đến cướp đồ của bạn. “Có một người chủ buôn” : Có một người làm chủ buôn bán, đem theo rất nhiều người làm ăn buôn bán, lại mang theo rất nhiều báu vật quý giá, đi qua nơi có trộm cướp. Song,

trong số người buôn đó, có một người đề nghị nói với đại chúng : “Các vị thiện nam tử, các vị huynh đệ ! Xin mọi người đừng lo âu sợ hãi. Chúng ta mọi người, hãy nên một lòng niệm danh hiệu Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Vì vị Bồ Tát đó, hay đem tinh thần vô úy để bảo hộ hết thảy chúng sinh. Hiện tại nếu mọi người chúng ta niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ thoát khỏi những oán tặc này, mà được giải thoát, và chẳng bị bọn cướp trộm cướp hoặc giết hại”. Những người buôn đó nghe rồi, mọi người đều cùng nhau xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Vì xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, quả nhiên thoát khỏi nạn oán tặc, chẳng bị bọn cướp trộm cướp. Vì đó là cảm ứng không thể nghĩ bàn, cho nên mỗi người đều nên phát tâm tin chân thành, đừng có hoài nghi.

Vô Tận Ý ! Sức oai thần của đại Bồ Tát Quán Thế Âm, rộng lớn như thế.

Đức Phật nói xong đạo lý kinh văn ở trên rồi, lại tiếp tục kêu một tiếng : “vô Tận Ý ! Sức oai thần của đại Bồ Tát Quán Thế Âm rộng lớn vĩ đại như thế, nói cũng không hết.”

Nếu có chúng sinh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi lòng dâm dục.

Nếu như có loài chúng sinh đặc biệt nhiều lòng dâm dục. Có người một mặt học Phật, một mặt sinh tâm dâm dục, học Phật pháp càng nhiều, thì tâm dâm dục của họ càng tăng trưởng, suốt ngày đến tối đều vọng tưởng về dâm dục, giống như suối nước chảy không ngừng. Đó là thứ tư tưởng xấu nhất, hành vi và biểu hiện đê hèn. Vậy thì phải làm thế nào ? Bạn đừng lo lắng, đừng buồn rầu. Chỉ cần bạn “Thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm”, song chỉ tụng niệm Nam Mô Quán Thế Âm thì vẫn chưa đủ, còn phải đem tâm cung kính chân thành ra, hướng về Bồ Tát Quán Thế Âm lễ bái. Đảnh lễ Phật và Bồ Tát là một biểu hiện cung kính nhất. Song một số người chẳng hiểu đạo lý này, nhất là kẻ ngoại đạo thấy mọi người lạy Phật, thì phê bình nói những lời mù : “Đó là tượng gỗ tượng đá, lạy lại có ích gì ?” Vì mình chẳng có trí huệ, chẳng nhìn thấy cảnh giới Phật quang phổ chiếu, ngược lại sinh đại ngã mạn, thậm chí xem mình còn lớn hơn Phật, cho nên nói hà tất phải lạy Phật ! Đó là người ngu si đến cực điểm. Nếu thường hay niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tâm dâm dục của bạn tự nhiên sẽ lìa khỏi. Có người nói : “Không xong rồi ! Tôi thích dâm dục mà bây giờ không còn thì làm sao?” Nếu bạn thích có dâm dục, thì cũng đừng lo lắng, vẫn có thể có. Nếu không thích có thì có thể không có. Nếu bạn thích có, thì hà tất niệm Bồ Tát Quán Thế Âm ? Cứ giữ nó như thường.

**Nếu người nhiều sân hận, thường niệm
cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa
khỏi sân hận.**

Sân hận là gì ? Sân hận tức là phiền não, tức cũng là
vô minh. Sân hận lợi hại như lửa. Do đó có câu :

‘‘Một đốm lửa nhỏ,
Đốt sạch rừng công đức.’’

Cổ nhân cũng nói :

’’Ngàn ngày nhật củi,
Đốm lửa thiêu sạch.’’

Nghĩa là bạn nhật củi cả ngàn ngày, song chỉ cần
một chút lửa, thì sẽ đốt sạch đống củi đó. Đây là hình
dung công đức lành mà chúng ta làm hằng ngày, tuy tu trì
nhiều thời, song một khi bạn nóng giận, thì sinh ra lửa vô
minh, đốt sạch công đức đã tích tập từ lâu. Người thích
nổi lửa vô minh tức là A tu la, mỗi người đều có con
đường xu hướng. Có người hướng về Phật đạo, thì tính
cách của họ đa số là từ bi, về cõi tiên thì thích thanh nhàn,
về cõi người thì có duyên với người khác, về đường ngạ
quỷ thì đa số là tính giảo hoạt, chẳng chịu thiệt thòi, là
người chẳng thành thật, về đường súc sinh thì lòng tham
dục nặng, về đường A tu la thì thích nổi nóng, thứ người
này, động hay chẳng động cũng đều nổi lửa nóng giận.
Loại người này phải làm thế nào ? Có phương pháp gì có

thể thay đổi ? Bộ Kinh Pháp Hoa này đã nói rõ ràng, tức là phải thường niệm : “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, chỉ cần niệm luôn luôn đừng gián đoạn. Mỗi khi đến chùa nào, phàm là có cúng Phật, hoặc cúng Bồ Tát Quán Thế Âm, thì nên cung kính đảnh lễ. Cũng đừng hôm nay lễ, ngày mai thì lại không; sáng nay đảnh lễ, tối thì chẳng lạy. Nếu kiên, thành, hằng, thường kính lễ chư Phật Bồ Tát, thì lâu dần tính nóng giận của bạn sẽ chẳng còn nữa, cho đến chính bạn cũng chẳng biết sự việc thế nào ? Nếu bạn không tin, thì tôi sẽ nói ra một sự kinh nghiệm của chính tôi, để cho các vị mượn làm cảnh.

Trước kia tôi cũng là người rất nóng giận, nói đánh người là đánh người, nói chưởi người thì chưởi người. Khi tôi mười hai mười ba tuổi thì thích chỉ huy, bất cứ bạn lớn cỡ nào ở cùng chỗ với tôi, thì phải nghe sự chỉ huy của tôi, nếu chẳng nghe tôi chỉ huy, thì tôi sẽ đánh ! Chết cũng muốn đánh, đánh đến khi nào bạn đầu hàng mới thôi, đó là hành vi củ A tu la. Về sau, tôi học Phật thì mới giác ngộ tính nóng giận là không đúng, bèn sửa lỗi làm mới, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho nên hiện tại làm sư phụ, cũng phải tu hạnh nhẫn nhục. Có khi đệ tử đến coi thường sư phụ, trước hết nổi nóng, song tôi đề thanh hạ khí nhẫn nhục, đến khi anh ta từ từ sẽ hiểu là mình sai quấy. Trước kia, tôi nóng giận với người khác, bây giờ bị đệ tử đến khi phụ tôi, đây có thể nói là báo ứng. Có người nói : “Đệ tử nào đến khi phụ Thầy ?” Người khi phụ tôi tức là người đó.

Nếu người nhiều ngu si, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi ngu si.

Ở trước đã nói về tham và sân, bây giờ nói về si, đây gọi là ba độc. Ba độc này, đầu độc Phật tánh của con người hôn mê như là ngủ. Tại sao chẳng giác ngộ, một đời đều sống trong cơn say, chết trong ảo mộng ? Là vì ba độc này. Tham tức là dâm dục, dâm dục là lợi hại nhất đối với tự tánh, thế mà một số người cho rằng đó là sự hưởng thụ cao nhất, cho nên cứ làm những hành vi điên đảo, thứ bụi bặm này càng ngày càng nhiều, vì Phật tánh quang minh của bạn chẳng hiển hiện, đó là sự lợi hại của tham độc. Sân độc cũng như tham độc, lợi hại vô cùng.

Bây giờ nói về si độc. “Ngu si” là gì ? Tức là cảm thấy mình chẳng ngu si, đó càng là ngu si. Cho rằng mình là người rất thông minh có trí huệ, thật tế bạn hỏi họ : “Anh từ đâu đến ? Tương lai anh đi về đâu ?” Thì họ chẳng biết, đến chẳng biết đến, đi chẳng biết đi, bạn nghĩ rằng người như thế là thông minh nhất chăng ? Song họ chẳng thừa nhận mình là người ngu si. Do đó :

“Danh lợi việc nhỏ ai cũng ham
Sinh tử việc lớn chẳng ai màng.”

Trên thế giới này, cầu danh cầu lợi tuy là việc nhỏ, song con người suốt ngày vì nó mà bôn ba lao nhọc,

thậm chí đi hại người, giết người cũng vì “lợi”. Chẳng phải vì lợi, thì là vì “danh”. Người của các nước trên thế giới này, nhiều đếm chẳng hết được, song hợp lại mà nói thì chỉ có loại hai người. Tức là, một là cầu danh, một là cầu lợi. Danh và lợi chi phối làm cho con người điên đảo, song vẫn chưa tỉnh, từ sinh ra đến chết đi đều hồ đồ. Có người tham cầu làm quan, có người cầu phát tài, có người cầu con trai con gái, một đời khát vọng các thứ khoái lạc, song hưởng thụ chẳng bao lâu thì chết đi. Chết rồi sinh về đâu cũng chẳng biết. Khi sống thì cho mình là bất phàm, cảm thấy là ngon lành lắm, mình là người có trí huệ rất thông minh, thậm chí học ở nhà trường năm nào tôi cũng đứng nhất lớp, bất cứ làm việc gì tôi cũng đứng đầu, cao hơn mọi người, tự cho rằng thông minh khác thường. Kỳ thật, cho đến mặt mũi của mình cũng chẳng nhận thức được, sự thông minh của bạn đều là giả, đó là thông minh giả. Nếu bạn có trí huệ thật sự, thì chẳng cảm thấy mình có trí huệ. Vậy nói là cảm thấy mình ngu si chăng? Cũng chẳng cảm thấy mình là ngu si, càng chẳng cảm thấy có trí huệ. Tuy trên bề mặt nhìn lại, đồng thân thể hình trạng với một số người, song những tư tưởng quan niệm bạn đều minh bạch. Minh bạch hết thấy tất cả, như huyền như hóa. Biết hết thấy tất cả đều giả, thì bạn chẳng tham trước những vinh hoa phú quý ở trong mộng, tham đồ sắc đẹp, tranh ta người, tranh đúng sai, tranh hạng nhất, tranh danh đoạt lợi, mà thấy rõ tất cả đều là vô thường. Cho nên trong Kinh Kim Cang có nói :

’Nhất thiết hữu vi pháp,
Nhu mộng huyễn bào ảnh
Nhu lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán’.

Nghĩa là:

*Tất cả pháp hữu vi
Nhu mộng huyễn bọt bóng
Nhu sương cũng như điện
Hãy quán sát như vậy.*

Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng. Pháp hữu vi là gì ? Tức là tất cả có hình tướng, có thể nhìn thấy được, đều gọi là pháp hữu vi, tựa như mộng huyễn bọt nước. Bọt nước ở trong biển, bạn nói là thật hay là giả ? Nói là thật, nó lại hóa là không, nói là giả mà nó lại có bọt nước. Tuy có bọt nước, nhưng chẳng thật tại, chẳng có thể tánh chân thật. Bóng cũng là hư huyễn, lại giống như giọt sương, sáng sớm thì có giọt sương, nhưng khi mặt trời xuất hiện, thì nó lại tiêu mất. Điện cũng là có, song điện quang lửa đá chuyển nháy mắt thì mất, cũng chẳng chân thật. Nếu quán tưởng tất cả sự vật như thế, thì có gì để chấp trước ? Chẳng có gì chấp trước, thì mới thật minh bạch, cũng chẳng tưởng đông nghĩ tây, càng không tưởng nam nghĩ bắc, buông xả hết tất cả những trần lao vọng tưởng. Buông xả hết được tất cả trần lao vọng tưởng, thì lúc đó bạn không muốn thành Phật cũng không được,

muốn chẳng có trí huệ cũng không thể được, tự nhiên sẽ có.

Cho nên, khi mình chẳng có trí huệ, thì đừng cho rằng mình có trí huệ. Trí huệ chẳng phải từ bên ngoài đến, đừng sinh ra tâm kiêu ngạo : “Ồ trong tất cả mọi người, ta là thông minh nhất, đẹp nhất, nổi bật hơn tất cả mọi người, chẳng giống mọi người !” Nếu bạn có tư tưởng như thế, thì tức là chấp tướng. Tướng vốn là túi da hôi thối, như mộng huyễn bọt bóng. Bạn suốt ngày tới tới mặc quần áo đẹp cho nó, ăn đồ ngon, hết lòng vì nó mà hưởng thụ. Song, đến lúc nó muốn đi, thì nó chẳng màng đến bạn. Có người chuyên vì túi da hôi thối mà hút thuốc, lại uống rượu, lại ăn thịt. Suốt ngày đến tối cứ lấp cho cái đáy sâu không đáy này, lấp đầy rồi lại vui, vui rồi lại đầy, vĩnh viễn lấp chẳng đầy, vì mình mà bạn tới bạn lui.

Tại sao tôi mỗi ngày ăn một bữa ? Là vì sợ phiền não, cho nên ăn ít một chút, thì bớt đi rất nhiều phiền não. Một số người cho rằng, ăn đồ ngon là hưởng thụ tốt nhất, tôi thì cho rằng là việc phiền não. Vậy giải thích sao đây ? Nếu ăn nhiều thì trong bụng chẳng thoải mái, mà ăn ít thì lại sinh tâm tham : “Vì ăn ngon thì lại ăn thêm một chút.” Nếu ăn đồ chẳng ngon, thì chẳng sinh ra tâm tham, bụng cũng chẳng thọ tội, cho nên đây đều là việc phiền não. Tại sao con người có những phiền não ? Vì mình quá ngu si, mới tham hưởng thụ, cầu giàu sang, cầu danh lợi, cầu sung sướng, đủ thứ đâu chẳng phải là điên đảo ? Bạn tham cái này, cái kia, kết quả lại thế nào ? Đến lúc vẫn

phải chết như nhau. Khi chết, một chút gì cũng chẳng mang theo được, đó chẳng phải là ngu si chăng ? Nếu ngu si như thế, thì phải làm thế nào ? Y chiếu theo Kinh Pháp Hoa : Thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ngu si đi rồi, thì trí huệ sẽ đến. Ai biết được mình ngu si, thì người đó mới chân chánh nhận thức được mình, đã có trí huệ, thì mới cảm thấy mình là ngu si, càng chạy càng xa. Mình vốn là ngu si, mà tự cho rằng là thông minh, đó chẳng phải là ngu si lại thêm ngu si chăng ? Một cái ngu si vốn chưa đủ, mà biến thành hai cái ngu si. Nếu bây giờ chúng ta không muốn ngu si, thì phải thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Đây là cách diệu nhất, linh nhất, tuyệt đối diệu không thể tả.

Nói về ngu si và trí huệ. Gì là ngu si ? Gì là trí huệ ? Tôi nói về một đạo lý, mà chắt các vị chẳng tin : ”Ngu si tức là trí huệ, trí huệ tức là ngu si.” Tại sao lại nói như thế ? Ở trong Kinh Bát nhã có nói : ”Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc.” Cảnh giới này nói rõ về chân sắc, là từ chân không sinh ra, chân không là từ chân sắc mà có, cho nên hai mà chẳng hai. Trí huệ và ngu si cũng như đạo lý đó. Nếu bạn dùng được thì càng ngu si. Ngu si và trí huệ cũng chẳng phải hai, xem thử bạn có dùng được chăng ? Nếu bạn dùng được, thì ngu si cũng biến thành trí huệ, nếu chẳng dùng được, thì trí huệ sẽ biến thành ngu si. Nếu bạn thật sự minh bạch đạo lý này, thì chẳng điên đảo.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm có những sức đại oai thần như thế, làm nhiều sự lợi ích, cho nên chúng sinh thường hay niệm. Nếu có người nữ muốn cầu con trai, mà lễ lạy cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ sinh được con trai phúc đức trí huệ. Nếu muốn cầu con gái, thì sẽ sinh được con gái đoan chánh xinh đẹp, thuở xưa đã từng trông gốc công đức, được mọi người kính mến.

Đức Phật giảng đoạn kinh ở trên xong rồi, lại gọi một tiếng Bồ Tát Vô Tận Ý nói :”Bồ Tát Quán Thế Âm như ở trước có nói, có các thứ sức oai thần cứu bảy nạn, giải ba độc, Ngài còn có thần thông diệu dụng lợi ích chúng sinh, cho nên trong tâm chúng sinh thường hay niệm Bồ Tát Quán Thế Âm”. Chỗ này mọi người đều phải đặc biệt chú ý ! “Tâm thường hay niệm” : Chẳng phải miệng niệm mà tâm không niệm. Nếu tâm niệm mà miệng không niệm cũng được. Tóm lại, phải từ từ, vĩnh viễn nhớ danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. “Nếu có người nữ muốn cầu con trai”. Nếu như có người phụ nữ muốn cầu sinh được một cậu con trai, thì hãy chiếu theo pháp môn đã nói ở trong Kinh Pháp Hoa, tức là phải lễ lạy và

dùng hương hoa trái cây, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên sẽ được con trai đầy đủ phước đức trí huệ. Nếu cầu con gái thì sẽ sinh được con gái tướng mạo xinh đẹp. “Trước đã trồng gốc công đức, được mọi người kính mến. Tại sao lại có tướng đoan chánh xinh đẹp ? Đó đều là do đời trước, hoặc đã từng mua hương hoa, dùng các thứ đồ trang nghiêm, cúng dường chư Phật Bồ Tát, do công đức cúng dường tích tụ trong quá khứ, cho nên cảm ứng đời đời được tướng mạo viên mãn trang nghiêm, ai thấy cũng ưa mến.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần như thế. Nếu có chúng sinh cung kính lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước chẳng tổn giảm, cho nên chúng sinh đều hay thọ trì, danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Vô Tận Ý ! Nếu có người thọ trì, sáu mươi hai ức Hằng hà sa danh hiệu các Bồ Tát, lại suốt đời cúng dường thức ăn uống, quần áo, đồ nằm, thuốc thang. Ý ông như thế nào ? Người thiện nam, thiện nữ đó, công đức có nhiều chăng ?

Vô Tận Ý nói : Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn !

Đức Phật nói : Nếu lại có người, thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cho đến một thời lễ lạy cúng dường, thì phước của hai người đó, bằng nhau không khác, ở trong trăm ngàn vạn ức kiếp không thể hết được.

Đức Phật nói xong cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai cầu ở trên rồi, bây giờ lại nói : “Vô Tận Ý ! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này, có sức oai thần như đã nói ở trên. Nếu có chúng sinh hay cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, phát tâm lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước của họ chắc chắn tồn tại, chẳng luống qua. Vì vậy cho nên, có những chúng sinh hay thọ trì tụng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.” Nếu trong tâm của bạn thường trì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì được hết thảy phước báo không thể nghĩ bàn, vi diệu khó dò.

Đức Phật lại gọi một tiếng : “Vô Tận Ý ! Nếu như có người, thọ trì sáu mươi hai ức Hằng hà sa số danh hiệu các Bồ Tát. Chẳng những chỉ niệm và còn suốt đời dùng hương, hoa, đèn, trái cây, hoặc dùng thức ăn uống, quần áo, đồ nằm, thuốc thang, bốn thứ cúng dường Tam Bảo.

Ý của ông Vô Tận Ý nghĩ như thế nào ? Vì thiện nam tử, thiện nữ đó, đắc được công đức có nhiều chăng ?”

Phật hỏi xong rồi, thì Bồ Tát Vô Tận Ý trả lời rằng: “Công đức đó rất nhiều.” Phật nghe Bồ Tát Vô Tận Ý nói rồi bèn nói : ”Nếu như có người khác hay niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, đừng nói người đó suốt đời cúng dường, mà dù trong khoảng thời gian rất ngắn, lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước báu của hai người này đồng nhau, trong trăm ngàn vạn ức kiếp, phước báu đó cũng không hết được.

Vô Tận Ý ! Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, được lợi ích phước đức vô lượng vô biên như thế.

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Quán Thế Âm vân du thế giới Ta Bà này như thế nào ? Vì chúng sinh thuyết pháp như thế nào ? Sức phương tiện việc đó thế nào ?

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý : Thiện nam tử ! Nếu có những chúng sinh trong cõi nước, đáng dùng thân Phật độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bích Chi

Phật độ được, thì liền hiện thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì liền hiện thân Thanh Văn, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Phạm Vương độ được, thì liền hiện thân Phạm Vương, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Đế Thích độ được, thì liền hiện thân Đế Thích, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân trời Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Tự Tại, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân trời Đại Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Đại Tự Tại, để vì họ nói pháp.

Đức Phật lại gọi một tiếng Bồ Tát Vô Tận Ý nói :
“Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, sẽ đắc được phước đức lợi ích chẳng có số lượng, chẳng có bờ bến như ở trên đã nói.”

Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Phật nói như thế bèn hỏi Đức Phật : “Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm đó giáo hóa chúng sinh ở thế giới Ta Bà như thế nào ? Làm thế nào để vì chúng sinh nói pháp? Phương tiện nhân duyên Ngài giáo hóa việc đó thế nào ?”

“Thế giới Ta Bà” là gì ? “Ta Bà” là tiếng Phạn, dịch là “kham nhẫn”, tức cũng là hay nhẫn nhục, nghĩa là nói thế giới này rất khổ, chẳng dễ gì nhẫn thọ.

Đức Phật nghe Bồ Tát Vô Tận Ý hỏi như thế, bèn trả lời : “Thiện nam tử ! Nếu như có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đáng dùng thân Phật độ được họ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn thị hiện thân Phật, để vì chúng sinh đó nói pháp.”

Giảng đến đây có người hỏi : “Bồ Tát Quán Thế Âm là Bồ Tát chẳng thành Phật, sao có thể hiện thân Phật để vì chúng sinh nói pháp ? Có phải là mạo xưng Phật chăng ?” Chẳng phải. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong vô lượng kiếp quá khứ, sớm đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Sau khi thành Phật, vì chẳng quên chúng sinh, cho nên Ngài lại đến thế giới này ẩn thân Phật, mà hiện ra thân Bồ Tát để cứu hộ chúng sinh, đây gọi là ẩn lớn hiện nhỏ. A la Hán là hồi tiểu hướng đại, Bồ Tát Quán Thế Âm là hồi đại hướng tiểu. Ngài từ thân Phật mà đảo giá từ thuyền, mục đích vì tiếp dẫn chúng ta tất cả chúng sinh khổ não. Cho nên, Bồ Tát Quán Thế Âm tuy bên ngoài hiện thân Bồ Tát, nhưng kỳ thật bên trong ẩn hạnh chư Phật, ở bên trong là hạnh nguyện của chư Phật, hành vi của chư Phật. Sở dĩ Bồ Tát Quán Thế Âm hóa hiện thân Phật, là để vì chúng sinh nói pháp, chứ chẳng phải là mạo xưng Phật để lừa gạt chúng sinh.

Tiếp theo Phật lại nói : “Người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi

Phật, để vì họ nói pháp.” Bích Chi Phật nguyên tiếng Phạn là “Bích Chi Ca La”, dịch ra là “Duyên giác”. “Duyên Giác” lại phân ra có hai : Khi sinh vào thời có Phật ra đời, thì gọi là Duyên Giác, khi sinh vào thời chẳng có Phật ra đời, gọi là Độc giác. Khi có Phật ra đời thì tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, Ngài quán sát làm sao lại có vô minh ? Vô minh rồi sao lại có hành ? Sao lại có thức ? Sao lại có danh sắc ? Có lục nhập ? Sao lại có xúc ? Sau đó có thọ ? Thọ rồi lại có ái ? Có ái thì có thủ ? Vì có “hữu”, tức cũng có “sinh” ? Có đời sau, tức cũng có lão tử ? Suốt ngày quán sát mười hai nhân duyên như thế, biết tất cả đều là khổ, không, vô thường, vô ngã, cho nên buông xả tất cả, thì sẽ khai ngộ. Do quán mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, cho nên gọi là “Duyên giác”. Lúc sinh ra vào thời không có Phật ra đời, cũng tu mười hai nhân duyên này, và còn quán mùa xuân trăm hoa đua nở, mùa thu quán lá vàng rơi, quán sát đủ thứ trạng thái biến hóa tự nhiên, cho nên giác ngộ được sinh, trụ, dị, diệt; thành, trụ, hoại, không, đủ thứ tình hình chẳng phải một, chẳng phải vô thường, cũng do đó mà giác ngộ, đây gọi là “Độc Giác”, sự khác biệt giữa Duyên Giác và Độc Giác là, có và không có Phật ra đời, cho nên tên gọi khác.

Bồ Tát Quán Thế Âm vì có ngàn mắt chiếu thấy, ngàn tai nghe được, biết chúng sinh nào đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì hiện ra thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp : “Bạn có biết vô minh từ đâu đến chăng ? Tức là từ một niệm không giác của bạn mà đến. Vì một

niệm không giác, cho nên trong tính Như Lai tạng của bạn sinh ra vô minh. Có vô minh rồi, tiếp theo sinh ra “hành”, .v.v... Đó là đáng dùng thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp, khiến cho họ khai ngộ, sau đó họ mới phát tâm bồ đề, hồi tiểu hướng đại.

“Người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì liền hiện thân Thanh Văn để vì họ nói pháp”. Thanh Văn gọi là gì ? Thanh Văn cũng là A la hán, Duyên Giác cũng là A la hán, đây là người nhị thừa. Thanh là âm thanh, văn là nghe, tức là nghe được âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Phật nói âm thanh gì ? Nói pháp bốn đế, nghe âm thanh này mà ngộ đạo, nên gọi là “Thanh Văn”. Pháp bốn đế là khổ, tập, diệt, đạo. Đức Phật ban đầu vì năm vị Tỳ Kheo, ba lần chuyển bánh xe pháp bốn đế :

“Đây là khổ, tính bức bách
Đây là tập, tính chiêu cảm
Đây là diệt, tính khả chứng
Đây là đạo, tính khả tu”.

“Đây là khổ, tính bức bách” : Nói sự khổ có tính bức bách mãnh liệt, khiến cho người thọ chẳng thấu. Khổ: Có khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ, còn có khổ về sinh, già, bệnh chết, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, tám thứ khổ. Hết thấy những thứ khổ này, bức bách con người; khiến cho con người suốt ngày phiền não khó chịu. Tất cả mọi vấn đề đều do khổ mà sinh ra, cho nên nói khổ là tính bức bách.

“Đây là tập tính chiêu cảm” : Tập là tập tụ tích lũy, tập tụ những gì lại với nhau ? Tập tụ phiền não lại với nhau. Tại sao lại có phiền não ? Vì có “khổ”. Trước hết có khổ, bị khổ đè nén thọ chẳng thấu, thì sinh ra phiền não, thì sinh nóng giận. Cho nên nói, phiền não là tính chiêu cảm, do tụ tập mà thành, tức cũng từ “khổ” mà có “tập”.

“Đây là diệt tính khả chứng” : Diệt tức là tịch diệt, tịch diệt phiền não vô minh. Tịch diệt an vui, Niết Bàn diệu quả có thể chứng đắc.

“Đây là đạo tính khả tu” : Đạo này ai ai cũng có thể tu, chẳng có người nào không thể tu đạo được. Bất cứ ai cũng có thể tu đạo, bất cứ ai cũng có thể chứng được lý thể Niết Bàn. Đây là chuyển bánh xe pháp lần thứ nhất.

Đức Phật chỉ là hiện thân thuyết pháp, vì năm vị Tỳ Kheo nói pháp bốn diệu đế này, tiếp theo lại nói :

“Đây là khổ, ông nên biết,
Đây là tập, ông nên đoạn,
Đây là diệt, ông nên chứng,
Đây là đạo, ông nên tu.”

Nghĩa là: “Sự khổ này, chẳng phải chỉ mình ta thành Phật mới biết, ông cũng nên biết sự khổ này. Ông cũng nên đoạn trừ tập đế, nên cầu chứng Niết Bàn diệu

quả, cũng nên tu hành bồ đề giác đạo này.” Đây là lần thứ hai chuyển bánh xe pháp.

Phật nói lần thứ ba chuyển bánh xe pháp :

‘‘Đây là khổ, ta đã biết
Đây là tập, ta đã đoạn
Đây là diệt, ta đã chứng
Đây là đạo, ta đã tu.’’

Sự khổ này ta đã biết, tập này ta đã đoạn. Ta biết khổ thì chẳng còn bị khổ làm mê hoặc, ta đoạn sạch phiền não, tức cũng chẳng còn tập đế. Đây là diệt ta đã chứng đắc, ta đã đắc được sự vui tịch diệt thật sự. Đây là đạo ta đã tu hành rồi.

Năm vị Tỳ Kheo nghe Phật ba lần diễn nói chuyển bánh xe pháp bốn đế rồi, lúc đó lập tức khai ngộ. Vì nghe tiếng của Phật mà ngộ đạo, nên gọi là ‘‘Thanh Văn’’. Thanh Văn và Duyên Giác lại gọi là ‘‘Nhị thừa’’, cũng gọi là tiểu thừa. Có đại thừa, cũng có tiểu thừa. Đại là gì ? tiểu là gì ? Vốn chẳng có đại, cũng chẳng có tiểu, chỉ vì trong tâm chúng sinh có đại, có tiểu. Tâm lượng vốn tận cùng hư không khắp pháp giới, bất quả phạm phu chúng ta chẳng thể dùng tính Như Lai tạng của mình vốn có. Có người chỉ dùng một phần nhỏ, có người dùng một phần lớn, có người dùng toàn bộ. Chư Phật thì dùng toàn bộ, vì đã trở về cội nguồn cội. Bồ Tát thì dùng một phần lớn, vì Bồ Tát có đại trí huệ, cho nên sử dụng một phần

lớn tính Như Lai tạng vốn có. Tiểu thừa biết ít nên cũng dùng ít. Do đó, Bồ Tát Quán Thế Âm gặp cơ duyên, người đáng dùng thân Thanh Văn được độ, thì cũng hiện ra thân Thanh Văn để vì họ nói pháp bốn Thánh Đế.

“Người đáng dùng thân Phạm Vương độ được họ, thì liền hiện thân Phạm Vương để vì họ nói pháp”. Phạm Vương tức là Đại Phạm Thiên Vương, ông ta là hoàng đế ở trên trời Đại Phạm. “Phạm” nghĩa là thanh tịnh. Ông ta làm vua ở trên trời cảm thấy rất tự tại, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân Đại Phạm Thiên Vương để vì họ nói pháp.

“Người đáng dùng thân Đế Thích độ được, thì liền hiện thân Đế Thích, để vì họ nói pháp”. Đế Thích, trong Kinh A Di Đà gọi là Thích Đề Hoàn Nhân, ở trong đạo giáo gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Đế Thích không chỉ là một, mà có rất nhiều vị. Cõi trời này mà chúng ta thấy biết gọi là trời Đạo Lợi. Đế Thích của trời Đạo Lợi tức cũng là Thiên Chúa mà một số người tín ngưỡng. Trong chú Lăng Nghiêm có một câu là : Nam Mô Nhân Đà La Gia, “Nhân Đà La Gia” cũng là một tên gọi khác của Thiên Chúa. Hết thấy mọi việc trên trời, đều do vị Đế Thích này thống lãnh và cai quản, năng lực của ông ta rất là quảng đại, quyền lực cũng lớn mà thần thông cũng lớn, song ông ta chỉ ở trên trời, mà tuổi thọ của người trời tương lai cũng có lúc hết. Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn thấy chúng sinh, đáng dùng thân trời Đế Thích độ được, thì hóa hiện ra thân Đế Thích để vì họ nói pháp. Tại sao phải

hiện thân Đế Thích để nói pháp ? Vì đồng loại thì dễ dàng tiếp thọ sự dạy bảo, giống như loài người chúng ta cũng thế. Bất cứ hạng người nào, thì dễ làm bạn với hạng người đó. Người làm ăn thì làm bạn với người làm ăn, người đi học thì làm bạn với người đi học, người học Phật thì làm bạn với người học Phật, người đánh bạc thì tìm người đánh bạc làm bạn, kẻ ăn trộm thì làm bạn với người ăn trộm. Vì quan hệ như thế, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm thường hóa hiện ra thân đồng loại với chúng sinh, thị hiện phương tiện khiến cho chúng sinh, dễ dàng tiếp thọ độ hóa. Song, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chỉ dùng thần thông biến hóa, để hiện thân thuyết pháp, và chẳng nhất định tầm thanh cứu khổ mới ứng hóa, thậm chí Ngài phân linh để đến thế giới này làm người, cũng tu học Phật pháp, sau đó mới giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh. Ví như đối với hạng học sĩ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm hóa thân làm một vị giáo thọ, để vì họ diễn nói Phật pháp khéo dụ, dần dần khiến cho một số học giả cảm thấy hứng thú đối với Phật pháp, tăng thêm niềm tin, mà phát tâm quy y, thọ trì một giới, hai giới, năm giới, cho đến mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh của Bồ Tát, sau đó y chiếu theo pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm mà tu hành, lại biến ra một Bồ Tát Quán Thế Âm, lại thêm một hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Làm sao có thể có ‘Ngàn trăm ức hóa thân’? Tức là bạn mô phỏng Ngài, học tập theo Ngài, thì biến thành hóa thân của Ngài. Do đó, ‘Pháp chẳng có pháp cố

định”, pháp này chẳng cố định, chẳng chấp trước. Nếu bạn nghĩ chấp trước cố định, thử hỏi chính bạn xem cố định có thể không chết chăng ? Nếu bạn nhất định không chết, thì việc đó cũng đều cố định. Cho nên đạo lý “trăm ngàn ức hóa thân”, chẳng khó khăn gì, chỉ cần bạn có tâm hằng thường, có nghị lực học tập Bồ Tát Quán Thế Âm, hoằng dương Phật pháp, cứu độ chúng sinh, thì bạn cũng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Có trăm người học Ngài, thì có trăm hóa thân, chỉ cần có người chịu phông theo Ngài hoằng dương Phật pháp, thì sẽ có vô lượng vô biên hóa thân, đây là nói về sự, nếu nói về lý tính thì, nếu bạn thành Phật cũng có đầy đủ trăm ngàn ức hoá thân.

“Người đáng dùng thân trời Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Tự Tại, để vì họ nói pháp. Đáng dùng thân trời Đại Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Đại Tự Tại, để vì họ nói pháp.” Thân trời Tự Tại là gì ? Tức là thiên ma ngoại đạo. Tôi nói toạc ra cho mọi người biết, thân trời Tự Tại này tức là Thiên Chúa Giáo, Thiên Chúa cơ đốc giáo. Đại Tự Tại Thiên Vương cũng thuộc về loại tôn giáo này. Họ rất cống cao ngã mạn, họ nói chẳng có Phật, chẳng có Pháp, chẳng có Tăng, hủy báng Tam Bảo, tự cho mình là tối cao vô thượng. Tại sao lại như thế ? Vì họ quá tự tại, quá khoái lạc, thật là thân trời Tự Tại ! Song, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng trách loài chúng sinh này, khi cơ duyên của họ thành thực, thì Ngài cũng giảng

giải Phật pháp cho họ nghe, khiến cho họ chuyển mê thành ngộ, trở về nguồn cội.

Người đáng dùng thân thiên đại tướng quân độ được, thì liền hiện thân thiên đại tướng quân, để vì họ nói pháp.

“Thiên Đại Tướng Quân” này, có hai lối giải thích, một là làm đại tướng quân ở trên trời, và thứ hai là thiên thần ở trên trời.

Khi họ hưởng hết phước trời, thì chuyển xuống nhân gian làm đại tướng quân. Bồ Tát Quán Thế Âm biết nhân duyên của họ có thể độ được, thì liền hiện thân thiên đại tướng quân, để vì họ nói pháp, phá trừ mê hoặc, giác ngộ vô thường, buông xả tất cả khoái lạc thế gian, phát tâm tu hành, cầu chứng khoái lạc chân chánh vô thượng.

Người đáng dùng thân Tỳ Sa Môn độ được, thì liền hiện thân Tỳ Sa Môn, để vì họ nói pháp.

Tỳ Sa Môn tức là tên của một trong bốn vị Thiên Vương, tức cũng là Thiên Vương phương bắc Câu Lưu Châu. Bốn đại bộ châu đều có một vị Thiên Vương, tức là Đông Thiên Vương, Tây Thiên Vương, Nam Thiên Vương và Bắc Thiên Vương. Đáng dùng thân Tỳ Sa Môn độ

được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra thân Bắc Phương Thiên Vương để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân ông vua nhỏ độ được, thì liền hiện thân ông vua nhỏ, để vì họ nói pháp.

Thân ông vua nhỏ là chỉ ông vua quản lý một nước, chỉ xưng vua trong một nước. Người đáng dùng thân ông vua nhỏ độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân ông vua nhỏ, để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân trưởng giả độ được, thì liền hiện thân trưởng giả, để vì họ nói pháp.

“Trưởng giả là gì?” Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói, phàm là người có đạo đức, có trí huệ, có danh vọng, quý tộc, niên cao, người trưởng bối, không có ai mà chẳng mến họ, người vãn bối không có ai mà chẳng cung kính họ. Tại sao ai ai cũng đều đối tốt với họ? Vì họ có tâm từ bi, bình đẳng, nhiệt tâm giúp đỡ mọi người, hết thảy mọi người đều công nhận họ là “trưởng giả”. Nếu có người đáng dùng thân trưởng giả độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân trưởng giả giàu có, để vì họ nói pháp. Trong Chú Đại Bi có hình tướng đại trượng phu, của Bồ Tát Quán Thế Âm hiện tướng trưởng giả, có râu dài mấy

thước, đoan nhiên chánh tọa, oai phong凛冽, đó tức là tướng trưởng giả giàu có.

Người đáng dùng thân cư sĩ độ được, thì liền hiện thân cư sĩ, mà vì họ nói pháp.

“Người đáng dùng thân cư sĩ độ được”, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân cư sĩ, để vì người đó nói pháp. Cư sĩ tức là người cư sĩ tại gia, tức cũng là người tại gia tin Phật, giữ gìn năm giới, tu mười điều thiện. Năm giới là gì ? Tức là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Mười điều lành là gì ? Tức là ngược lại với mười điều ác : Sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Ý có ba điều ác : Tham, sân, si. Miệng có bốn điều ác : Nói dối, nói hai chiều, nói thêu dệt, chưởi mắng. Thân có ba điều ác, ý có ba điều ác, miệng có bốn điều ác, hợp lại là mười điều ác. Chuyển mười điều ác này thì thành mười điều thiện. Mười điều thiện tức là chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói hai chiều, chẳng chưởi mắng.

Bạn chẳng làm ác cũng tức là thiện. Làm cư sĩ thì một mặt phải phụng trì năm giới mười điều lành, một mặt hộ trì Tam Bảo, hộ trì Phật pháp, đề xướng Phật giáo, khiến cho Phật giáo ngày càng hưng thịnh, đó là trách nhiệm của mỗi cư sĩ chúng ta, trách nhiệm của người xuất gia là hoàng dương Phật pháp.

Người đáng dùng thân tế quan độ được, thì liền hiện thân tế quan, để vì họ nói pháp.

Tế tức là tế hạt vạn hóa, nghĩa là làm tế tướng, hoặc là chức quan lớn khác. Người đáng dùng thân làm quan độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân làm quan, hoặc thân tế tướng, để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà la môn độ được, thì liền hiện thân Bà la môn, để vì họ nói pháp.

Đáng dùng thân bần môn tả đạo ở Ấn Độ, chí tu phạm hạnh thanh tịnh Bà la môn độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn hiện thân ngoại đạo Bà la môn, để vì chúng sinh nói pháp, khiến cho họ minh bạch Phật pháp, y giáo phụng hành, tương lai sẽ thành Phật đạo.

Người đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, độ được, thì liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, để vì họ nói pháp.

Tỳ Kheo là tiếng phạn, dịch ra gồm có ba nghĩa :

1). Bố ma : Vì có người xuất gia tu đạo, thọ giới cụ túc, nên quyến thuộc của ma giảm bớt, cho nên khiến cho ma vương sợ hãi.

2). Khất sĩ : Người Tăng sĩ xuất gia, trên khất (xin) pháp của chư Phật để nuôi pháp thân; dưới khất (xin) thức ăn của chúng sinh, để nuôi dưỡng sắc thân.

3). Phá phiền não : Xuất gia tu đạo, y giáo phụng hành, sẽ phá trừ vô minh phiền não, thấy tánh thành Phật, nên gọi là phá phiền não. Tỳ Kheo ni tức là người nữ xuất gia thọ giới cụ túc. Cư sĩ nam, cư sĩ nữ. Tiếng Phạn gọi là ưu bà tắc, ưu bà di, nghĩa là cư sĩ nam, cư sĩ nữ gần gũi Tam Bảo, thường đến chùa lễ Phật, tụng kinh, quét dọn, cúng dường Tam Bảo, làm công đức, làm phước. Bồ Tát Quán Thế Âm thấy tất cả chúng sinh này, đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, độ được, thì liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, để vì những chúng sinh đó nói pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà la môn, độ được, thì liền hiện thân phụ nữ, để vì họ nói pháp.

Trưởng giả cũng bao quát vợ của trưởng giả, cư sĩ cũng bao quát vợ của cư sĩ, tể quan cũng bao quát vợ của tể quan, Bà la môn cũng bao quát vợ của Bà la môn. Trưởng giả cũng có nữ trưởng giả, cư sĩ cũng có nữ cư sĩ, tể quan cũng có nữ tể quan, Bà la môn cũng có nữ Bà la môn. Do đó, nếu có người đáng dùng đủ thứ thân phụ nữ độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn hiện ra thân phụ nữ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà la môn, để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ, độ được, thì liền hiện thân đồng nam, đồng nữ, để vì họ nói pháp.

Bồ Tát Vi Đà trong quá khứ phát nguyện, đời đời kiếp kiếp muốn làm đồng nam, còn Long Nữ Bồ Tát trong quá khứ, cũng phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm đồng nữ, chẳng muốn kết hôn.

Nói về sinh lý của con người thì, đồng nam đồng nữ tức là chẳng phá hoại thân thể. Một khi nam nữ khác tính tiếp xúc với nhau, thì thân thể chẳng còn nguyên vẹn, trên văn pháp Trung Quốc gọi đó là “phá thân”, tức là thân thể phá hoại. Nếu không trải qua hành vi tính nam nữ đó, tức là thân thể còn nguyên vẹn. Ở Trung Quốc, có một thứ công phu đánh chuông gọi là đồng tử công, đồng tử công tức cũng là thân thể của họ nhất định phải nguyên vẹn, chẳng bị phá hoại. Thứ công phu này, một khi luyện thành công, thì đao chém chẳng đứt, thương đâm chẳng lủng, đao thương chẳng làm gì được. Tại sao vậy ? Tức là “Nội luyện nhất khẩu khí” : Vì bên trong họ nhờ một luồng chánh khí, chẳng bị sự phá hoại, “Ngoại luyện cân cốt bì” : Bên ngoài thì luyện gân cốt và da thịt. Cho nên hay sinh ra tất dụng lớn như thế.

Trong Phật giáo, thân đồng nam, đồng nữ là thanh tịnh nhất, chẳng có ô nhiễm, nếu tu đạo hoặc tham thiền, thì sớm sẽ thành tựu, mau khai ngộ, đắc được thiên nhãn.

Do đó, đồng trinh nhập đạo là quý báu nhất. Đồng nam thuộc về (quẻ) cần. Cần tức là thuần dương. Đồng nữ thuộc về (quẻ) khôn, tức thuộc về thuần âm. Một thuần dương, một thuần âm, cho nên ở trong đạo giáo mà nói, thì đây là thân thể thanh tịnh nhất. Bồ Tát Quán Thế Âm quán nhân duyên, nếu người nào đó đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ, tu hành đắc đạo, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn hiện thân đồng nam, đồng nữ, để vì họ nói pháp, khiến cho họ phát bồ đề tâm, sớm thành tựu Phật đạo.

Người đáng dùng thân trời, rồng, Dạ xoa, Cần thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, độ được, thì liền hiện ra các thân đó, để vì họ nói pháp.

Rồng có rất nhiều loại, có rồng ở trên trời, có rồng ở trong biển, có rồng giữ kho tàng. Rồng trên trời làm hộ pháp ở trên trời, rồng trong biển là ở trong cung rồng làm thủ lĩnh cá, rùa, tôm, cua; còn gọi là rồng làm mưa. Rồng giữ kho tàng, tức là rồng bảo vệ châu báu. Thời xưa có rất nhiều rồng, bây giờ một số người chẳng nhìn thấy, bèn nói là không có. Kỳ thật, rồng rất nhiều. Vào thời Lục Tổ Huệ Năng, có một con rồng độc, chuyên môn phun hơi độc. Ai mà trúng chất độc này, thì sẽ sinh bệnh, thậm chí chẳng trị được mà chết. Đương thời, nền đất thiên

đường Chùa Nam Hoa, vốn là một đầm rồng độc, diện tích cái đầm này lớn khoảng một mẫu, chẳng có ai biết đầm rộng đó sâu bao nhiêu, trong đó lại có một con rồng, con rồng này, chẳng phải là rồng tốt mà là rồng độc, chuyên môn hại người, nhất là làm cho những người tu hành ở chùa Nam Hoa thường thường sinh bệnh, không thể tu hành. Một lần nọ, Lục Tổ Huệ Năng đến đầm đó thì nó hiện thân lớn, chập đầy cái đầm rộng một mẫu. Lục Tổ nhìn thấy bèn cười nói : “Ê ! Người chỉ có bản lãnh hiện thân lớn, mà không thể hiện thân nhỏ, nếu chỉ hiện thân lớn, thì chẳng có bản lãnh bao nhiêu.” Con rồng nghe rồi bèn ẩn thân lớn hiện ra thân nhỏ, dài khoảng một tấc, ở trong nước bơi tới bơi lui. Lục Tổ nói : “Ê ! Người có chút bản lãnh, có thể hiện lớn, có thể hiện nhỏ, nhưng không dám nhảy vào trong bình bát của ta.” Lúc đó, con rồng nghe rồi, bèn nhảy vào trong bình bát của Lục Tổ. Lục Tổ nói : “ Đây là người tự động vào, nhưng ra không được” ! Con rồng dùng mọi cách nhảy ra ngoài, nhưng chẳng cách chi nhảy ra được. Lục Tổ bèn nói với nó : “Người hà tất phải vùng vẫy, sao đời này người lại biến thành thân rồng ? Vì đời trước người vốn là người tu hành, cũng có căn lành, từng nghe Phật pháp, bất quá tâm sân của người quá nặng, tính nóng giận quá lớn, đây là thừa cấp giới hoãn (tu theo đại thừa mà chẳng giữ giới), cho nên hiện nay người mới đọa làm thân rồng. Người đừng cho rằng bản lãnh của mình là lớn, có thể biến lớn biến nhỏ, biến có biến không ! Nhưng bây giờ người đã ở trong

bình bát của ta, thì không thể ra được.” Ròng nghe những lời đó rồi, tức cũng bị hàng phục, chẳng thể ra ngoài được nữa. Do đó, Lục Tổ nói pháp cho nó nghe, nó nghe pháp hiểu rõ rồi, lập tức thoát khỏi thân ròng. Tro cốt con ròng này, được giữ ở chùa Nam Hoa rất lâu, về sau vì chiến tranh binh lửa, nên cốt con ròng cũng mất đi. Đó là một đoạn nhân duyên Lục Tổ Huệ Năng hàng phục ròng độc ở chùa Nam Hoa.

Vào đời Đường ở Trung Quốc, có một thừa tướng tên Ngụy Chung, ông ta tuy làm thừa tướng ở nhân gian, mà cũng có thể lên trời làm quan. Đương thời, có Tiểu Bạch Long, vì làm mưa sai trật, Ngọc Hoàng kêu y mưa xuống lượng nước một thốn ba tấc, song y mưa xuống lượng nước một thước ba thốn, cho nên ruộng nương đều bị ngập lụt, đây là phạm pháp luật trên trời, trên trời phái Ngụy Chung đi chém Tiểu Bạch Long. Song, Tiểu Bạch Long biết tin tức đó, nên trước hết y đi báo mộng cho vua Đường Thái Tông, nói với Đường Thái Tông rằng : “Ngày mai ông hãy cứu tôi, ông cũng là ròng, mà tôi cũng là ròng, do đó ông hãy cứu mạng ròng này.” Đường Thái Tông nói : “Ông và tôi đều là ròng, vậy chúng ta là anh em, ông có việc gì tôi nhất định phải giúp đỡ, tôi nên làm thế nào mới có thể cứu ông ?” Ròng nói : “Hôm nay tôi phạm pháp luật ở trên trời, vì mưa xuống sai, ngày mai phải chịu quả báo chém đầu, mà người chém tôi, chính là thừa tướng Ngụy Chung. Ngày mai chỉ cần ông lưu giữ ông ta lại, cần ông ta hầu ông, đừng sai

ông ta làm việc gì cả, như thế thì ông ta chẳng giết được tôi.” Vua Đường Thái Tông nói : “Cái đó thì dễ ! Ta là hoàng đế, ông ta làm quan cho tôi, thì ông ta nhất định nghe lời của ta, ông đừng có lo lắng.” Do đó, ngày thứ hai vua Đường Thái Tông bèn kêu Ngụy Chung đến đánh cờ. Vua Thái tông nghĩ : “Ta và ông ấy đánh cờ, thì ông ta không thể lìa khỏi mình được, chắc chắn chẳng đi chém Tiểu Bạch Long kia”. Do đó, hai người đánh cờ với nhau, đánh đến trưa thì thừa tướng Ngụy Chung bèn ngủ gục. Đường Thái Tông rất vui mừng nghĩ : “Ông ta đã ngủ, thì chắc chắn chẳng đi chém đầu Tiểu Bạch Long, bây giờ chẳng còn lo lắng nữa.” Không ngờ thừa tướng Ngụy Chung ngủ, mà thần thức của ông ta xuất ra đi lên trời, dùng thượng phương bảo kiếm chém đầu Tiểu Bạch Long. Sau đó lại trở về tiếp tục đánh cờ với vua Đường Thái Tông, khi đã quá ngộ thì kết thúc ván cờ đó. Vua Đường Thái Tông tự nghĩ rằng Tiểu Bạch Long đã nói với mình, chỉ cần quá ngộ thì thừa tướng Ngụy Chung chẳng giết y nữa. Do đó, cho rằng : “Mình đã cứu được anh em của mình, đây là việc công đức không nhỏ.”

Không ngờ đêm hôm đó, Tiểu Bạch Long đến đòi mạng ông ta nói : “Tôi đã nói chúng ta là anh em, phải cứu tôi mà tại sao ông không cứu tôi ? Để cho tên quan đó giết tôi. Bây giờ tôi phải giết ông để đền mạng cho tôi.” Vua Đường Thái Tông tỉnh dậy biết Tiểu Bạch Long đến đòi mạng. Ngày thứ hai bèn thảo luận việc này với Từ Mậu Công, Từ Mậu công nói : “Không quan trọng,

chúng ta đây có hai người Tần Quỳnh và Kính Đức có thể cản được nó. Ngài nên dùng hai người này gát bên ngoài cửa, thì Tiểu Bạch Long chẳng dám đến, Tần Quỳnh là thần tướng mặt vàng, còn Kính Đức là thần tướng mặt đen, sắc mặt của y so với đầu hắc bây giờ còn đen hơn, đen đến nỗi phát quang. Do đó, bèn dùng hai người này giữ cửa, quả nhiên Tiểu Bạch Long tối chẳng dám đến. Về sau, chẳng cần hai người này gát cửa nữa, mà chỉ vẽ hình của hai người này dán lên cửa, để gát cửa cho vua Đường Thái Tông, thì Tiểu Bạch Long vĩnh viễn chẳng dám đến nữa. Cho nên người Trung Quốc mỗi lần qua năm thì vẽ hình của Tần Quỳnh và Kính Đức dán lên cửa, khiến cho yêu ma quỷ quái chẳng dám vào làm loạn.

Nhân quả của loài rồng là vì chúng “thừa cấp giới hoãn” (tu đại thừa mà chẳng giữ giới), tu hành rất dụng công, nhưng chẳng giữ gìn giới luật. Vì chúng thừa cấp, cho nên có thần thông biến hóa, lại vì giới hoãn, nên đọa làm súc sinh. Đây là lược nói về rồng.

Dạ xoa cũng gọi là Dược Xoa đề, là tiếng phạn, nghĩa là “tiệp tạt”, tức là chạy nhanh, thậm chí còn nhanh hơn hỏa tiễn bây giờ. Loài quỷ này trong một niệm, có thể đến bất cứ nơi nào chúng nghĩ muốn đến.

Càn thất bà, dịch là hương thần, dùng hương làm thức ăn, thân tỏa ra mùi hương. Lại dịch là nhạc thần, là thần tấu nhạc của vua Đế Thích, đội mũ ba góc, tay cầm ống tiêu, ống sáo, thân màu đỏ, bụi tóc phóng ánh sáng

màu lửa ngọn. Ở Tây Vực gọi là người ca xướng là Càn Thác Bà.

A tu la là tiếng phạn, dịch là “phi thiên”. Vì chúng có phước trời, mà chẳng có đức trời, tựa như trời mà chẳng phải trời. Lại dịch là “Vô đoan chánh”, vì dung mạo của chúng rất xấu xí. Chẳng phải chỉ chúng sinh sinh vào loài A tu la, thì mới là A tu la, mà trong sáu đường cũng có rất nhiều loài, A tu la của ngựa rất nặng, do đó có câu “ngựa hại bầy”. Thứ ngựa này, sống ở trong bầy ngựa không đá con này, thì cũng cắn con kia. Tóm lại, y khiến cho bầy ngựa đồng loại đều chẳng được bình an, có hại cho bầy ngựa, nên gọi là ngựa hại bầy. Đó cũng là một loài A tu la. Và bò cũng là A tu la, bạn thấy trên đầu bò có hai cái sừng dài, hai cái sừng đó dự bị đánh lộn với người. Vì thuở xưa khi làm A tu la, thì trên đầu thường đội cái mũ che đạn, thân cũng mặc giáp, cho nên khi chuyển sinh làm bò, thì cũng chẳng quên được tính A tu la. Chẳng những bò A tu la, mà gà trống cũng là A tu la biến thành. Gà trống mỗi khi gặp gà trống khác thì muốn đá. Chẳng những gà A tu la mà con đế mèn cũng là A tu la, chúng đá với nhau, cho đến khi có một con chết mới thôi. Ngoài ra như rắn, chuột, mèo .v.v... phàm là động vật tính tình thích đấu, thích giết, đều thuộc về A tu la. Chúng sinh chuyển sinh làm A tu la tướng mạo rất là xấu xí, bất đoan chánh nhất, mỏ dài như là mỏ heo, lỗ mũi dài như lỗ mũi voi, mắt như mắt bò, tai như tai chuột. Hoặc là thân người mà đầu heo, hoặc là thân người đầu bò, hoặc

thân người đầu ngựa, hoặc thân người đầu cọp, rất là hung ác. Tuy tướng mạo của nam A tu la rất xấu xí, nhưng nữ A tu la rất xinh đẹp. Nữ A tu la có thể nói, ai thấy cũng ưa, cho nên trời Đế Thích một lần nọ, thấy nữ A tu la xinh đẹp, bèn nói với vua A tu la cầu hôn, vua A tu la cũng đáp ứng, gả con gái cho trời Đế Thích.

Tóm lại, A tu la thì thích nóng giận, thích đấu tranh. Người nào thường nóng giận, thì tương lai đều có thể sinh làm A tu la, cũng có thể hiện tại là A tu la. Nếu sửa đổi tính nóng giận, tu hạnh nhẫn nhục, thì sẽ thoát khỏi quan hệ với đường A tu la.

Ca lâu la tức là đại bàng kim sí điều, chuyên bắt rồng để ăn. Loài chim này lớn cỡ nào ? Hai cánh của nó xoè ra rộng ba trăm do tuần. Do tuần là số mục ở Ấn Độ dùng để đo lường, phân làm đại do tuần, trung do tuần, và tiểu do tuần. Tiểu do tuần có bốn mươi dặm, trung do tuần sáu mươi dặm, đại do tuần tám mươi dặm. Hai cánh chim đại bàng xoè ra, là ba trăm do tuần, tức cũng là hai vạn bốn ngàn dặm. Mỗi khi nó xoè cánh ra, thì quạt nước biển rẽ làm hai, bắt rồng trong biển ăn. Chúng lấy rồng làm thức ăn, lâu dần rồng con rồng cháu gần như bị tuyệt nòi. Vua rồng chẳng có cách nào khác, bèn đến gặp Phật để cầu cứu. Phật bèn cho vua rồng tám y cà sa, mang về chia cho mỗi con rồng một sợi tơ cột lên thân, thì chim đại bàng chẳng cách chi ăn được rồng nữa. Vì tám y cà sa của Phật diệu dụng vô cùng, nên giúp cho loài rồng thoát khỏi hoạn nạn. Song, lần này chim đại bàng kim sí đến

tìm Đức Phật nói : “Ngài cứu loài rỗng cố nhiên là việc tốt, song loài chim của tôi đều bị chết đói ! Chúng tôi chỉ có thể ăn rỗng, bây giờ chẳng có rỗng ăn, chúng tôi biết làm thế nào ?” Phật bèn vì chim đại bàng kim sí nói pháp thọ năm giới. Chim đại bàng nói : “Tôi không sát sinh có thể được, nhưng tôi chẳng có gì để ăn, chẳng phải là bị chết đói chẳng ?” Phật nói : “Người không có chết đói, từ nay về sau mỗi ngày vào giờ Ngọ, hết thảy đệ tử của ta khi ăn cơm, thì đem chút cơm cho nhà người ăn.” Cho nên sau này, phàm là đệ tử của Phật khi ăn cơm trưa, đều có đem chút cơm cúng cho đại bàng kim sí để ăn. Từ đó, chim đại bàng thọ trì năm giới, chẳng sát sinh nữa và trở thành hộ pháp ở trong Phật giáo, là một bộ trong Thiên Long Bát Bộ.

Về phương diện ăn uống trong Phật giáo, thì sáng sớm là chư thiên ăn, buổi trưa là Phật dùng, buổi chiều là súc sinh ăn, buổi tối là quỷ ăn. Ngạ quỷ vốn chẳng tìm được thức ăn, chúng nhìn thấy chúng ta ăn, chúng cũng nghĩ tưởng ăn, một khi chúng ta ăn vang ra tiếng động khua chén đĩa, thì chúng cướp lấy để ăn, song thức ăn đến miệng chúng thì liền biến thành lửa, đó là nghiệp báo quá nặng. Song, trong tâm của loài quỷ thì cho rằng, con người dùng pháp thuật, biến thức ăn thành lửa do chúng cướp được, chẳng cho chúng ăn, do đó chúng sinh tâm sân hận đánh người, hoặc khiến cho người sinh bệnh. Cho nên buổi tối người xuất gia không ăn, vì là giờ của loài quỷ ăn. Sáng sớm là giờ chư thiên ăn, nếu người xuất

gia sáng có dùng cháo, hoặc bánh nướng, thì đem một chút thí cho chư thiên dùng, hoặc cho quỷ mẹ quỷ con.

La sát quỷ mẹ quỷ con, vốn chuyên môn ăn con nít. Tại sao lại gọi chúng là quỷ mẹ quỷ con ? Vì chúng thống lãnh một ngàn người con của chúng, đi khắp nơi tìm bắt con nít để ăn. Có một nhà nọ, vừa mới sinh ra một đứa bé thì bị chúng bắt đi ăn, cứ như thế dần dần biến thành rất nhiều nhà chẳng còn con nít. Do đó, có người đến cầu Đức Phật, hỏi Phật tại sao con nít đều mất hết chẳng thấy. Phải làm cách nào ? Đức Phật biết số con nít đều bị chúng bắt trộm ăn.

Một ngày nọ, Đức Phật bèn bắt con quỷ út nhất, trong số một ngàn con quỷ bỏ vào trong bình bát đầy lại. Khi chúng về nhà thì thấy mất đứa con út của mình, bèn đi khắp nơi tìm cũng chẳng thấy, mới tìm đến chỗ Đức Phật, thì nghe tiếng khóc con của chúng ở trong bình bát vang ra. Chúng bèn đến chỗ bình bát, tìm cách cứu con của chúng ra, song chúng đi động bình bát chẳng nổi, bèn về nhà kêu hết chín trăm chín mươi chín con quỷ con đến, để dùng sức đi động cái bình bát, song cũng đi động chẳng nổi, tư hào cũng chẳng động đây, do đó chúng bèn đến cầu Đức Phật nói : “Tại sao Ngài bắt trộm con của tôi bỏ vào trong bình bát, mà không trả lại con của tôi ?” Đức Phật hỏi : “Nhà người có bao nhiêu người con ?” Chúng đáp : “Có một ngàn người con”. Phật nói : “Người có một ngàn người con, mà bây giờ chỉ mất đi có một đứa, mà sao người lại cấp tốc như thế ?” Chúng nói :

“Tuy chỉ mất một, nhưng tôi cũng chẳng muốn thiếu.” Phật nói : “VẬY CHỨ NGƯỜI BẮT TRỘM HẾT THẢY NHỮNG ĐỨA CON NÍT CỦA NGƯỜI TA ĐEM ĐI ĂN, THÌ NGƯỜI TÍNH SAO ?” Quỷ nói : “TÔI CHẲNG PHẢI MUỐN ĂN CON NÍT, NHƯNG TÔI CHẲNG CÓ GÌ ĐỂ ĂN ! NẾU TÔI KHÔNG ĐI BẮT TRỘM CON NÍT ĐỂ ĂN, THÌ MỘT NGÀN ĐỨA CON CỦA TÔI ĐÂY SẼ BỊ CHẾT ĐÓI.” Phật nói : “TỪ NAY VỀ SAU, NGƯỜI ĐỪNG BẮT TRỘM CON NÍT ĐỂ ĂN NỮA, NGƯỜI NÊN QUY Y TAM BẢO, THỌ TRÌ NĂM GIỚI, ĐỪNG SÁT SINH NỮA ! NGƯỜI NGHĨ XEM, NGƯỜI CÓ MỘT NGÀN NGƯỜI CON, MÀ MỘT NGƯỜI CON CŨNG XẢ BỎ CHẲNG ĐẶNG, TA CHỈ BẮT NHỐT MỘT NGƯỜI CON CỦA NGƯỜI, MÀ NGƯỜI BUỒN RẦU NHƯ THẾ ! VẬY CON CỦA MỌI NGƯỜI TRÊN THẾ GIẠN, NGƯỜI BẮT TRỘM ĂN, CHA MẸ CỦA HỌ KHÔNG BUỒN RẦU CHẲNG ? NGƯỜI ĐỪNG CÓ ÍCH KỶ NHƯ THẾ.” Do đó, quỷ mẹ quỷ con bèn đáp ứng Đức Phật, quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới. Đức Phật bèn kêu hết thảy đệ tử, khi dùng cơm vào giờ trưa, thì đem ít hạt cơm hoặc chút thức ăn, thí cho quỷ mẹ quỷ con. Cho nên, khi tụng thực thì niệm bài kệ rằng :

“Đại bàng kim sí điều
Khoáng dã quỷ thần chúng
La sát quỷ tử mẫu
Cam lồ tất sung mãn.”

Nghĩa là :

*Chim đại bàng cánh vàng
Quỷ thần nơi hoang dã
Quỷ mẹ con la sát*

Cam lồ đều no đủ.

Cam lồ là ví dụ ăn bất cứ vật gì, đều ngon ngọt như cam lồ, vô luận có bao nhiêu thì thấy đều no, đó là kệ cúng thí buổi trưa.

Khẩn na la cũng là một trong tám bộ quý thần. Chúng cũng là thần âm nhạc của trời Đế Thích; trên đầu của chúng có một cái sừng, nên còn có tên gọi là nghi thần.

Ma hầu la già là gì ? Tức là đại mãng xà, chúng rất hung ác, còn gọi là địa long. Ở tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc chuyên môn ăn thịt mãng xà, loài mãng xà này béo mập như heo, song có khi chúng cũng ăn người. Vì người ăn chúng, nên chúng cũng ăn người.

Vào thời vua Lương Võ Đế, ông ta là Phật giáo đồ, cung kính phụng sự Tam Bảo, song hoàng hậu Hi Thị vợ của vua thì ngược lại, chẳng kính Phật, chẳng kính pháp, chẳng kính tăng. Vì bà ta chẳng tin Tam Bảo, cho nên khi bà ta chết đi rồi, thì đọa làm đại mãng xà, mà mãng xà đó lại nói được tiếng người. Do đó, bèn trở về nhờ vua Lương Võ Đế siêu độ bà ta bèn nói : “Ông có biết tôi là ai không ? Tôi là vợ của ông hoàng hậu Hi Thị, vì tôi chẳng kính tin Tam Bảo, cho nên phải đọa làm thân mãng xà.” Vua nghe rồi bèn thỉnh thiên sư Chí Công đến siêu độ bà ta. Bỏn lai vị thiên sư này, là người mà bà ta phản đối nhất khi bà ta còn sống, khi bà ta chết rồi làm thân mãng xà, thì lại đến đánh lễ sám hối với thiên sư Chí Công. Do đó,

thiền sư Chí Công bèn tạo bộ “Lương Hoàng Sám”. “Lương Hoàng” tức cũng là Lương Võ Đế, “sám” là sám hối, để cho vua Lương Võ Đế lạy bộ sám này, siêu độ cho vợ của ông ta. Nhờ công đức lạy bộ Lương Hoàng Sám này, mà vợ của vua Lương Võ Đế thoát khỏi thân mãng xà, được sinh về cõi trời.

Khi Phật còn tại thế thì Ma hầu la già quy y Tam Bảo, cho nên chúng cũng là Phật giáo đồ, là hộ pháp.

“Người và chẳng phải người” : Người là tất cả loài người chúng ta, chẳng phải người là chỉ tất cả súc sinh. Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn xem chúng sinh đáng dùng thân trời rồng bát bộ độ được, thì liền hiện ra thân rồng, hoặc thân Dạ xoa, hoặc thân La sát, hoặc Càn thất bà, hoặc A tu la, hoặc Ca lâu la, hoặc Khẩn na la, hoặc Ma hầu la già các thứ thân hình, hoặc hiện thân người, và tất cả thân súc sinh chẳng phải người, để vì chúng sinh đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thần chấp kim cang độ được, thì liền hiện thân Thần chấp kim cang, để vì họ nói pháp.

“Thần chấp kim cang” là hộ pháp của Phật giáo. Lai lịch của Thần Kim Cang, là một vị chuyển luân thánh vương trong quá khứ lâu xa về trước. Ngài sinh được một ngàn người con. Làm sao một bà phu nhân mà có thể sinh được ngàn người con ? Vì tuổi thọ của họ rất lâu dài, tuổi thọ lâu dài, cho nên có một ngàn người con cũng chẳng

lấy làm nhiều, song ông vua chuyển luân còn cảm thấy chưa đủ, lại cưới thêm một bà thiếp. Bà vợ thứ hai này sinh được hai người con, do đó tổng cộng có một ngàn lẻ hai người con. Một ngàn lẻ hai người con này, cùng nhau phát nguyện rằng : “Tương lai chúng ta tu hành thành tựu, thì chúng ta một ngàn anh em phải theo thứ tự mà thành Phật, cho dù Chuyển Luân Thánh Vương cũng chẳng làm, mọi người chúng ta hãy cùng nhau bắt thăm.” Đúc Phật Thích Ca bắt thăm thứ tư. Ngài là vị Phật thứ tư, tương lai vị Phật thứ năm, thứ sáu, đều sẽ lần lượt ra đời ngàn vị Phật trong kiếp hiện. Một ngàn anh em này đều phát nguyện thành Phật. Và hai người con của bà phu nhân thứ hai cũng phát nguyện. Phát nguyện gì ? Một người phát nguyện : “Một ngàn người anh của chúng tôi đây, bất cứ người anh nào lúc thành Phật, thì tôi sẽ là người đầu tiên đến thỉnh Ngài thuyết pháp, cung kính cúng dường Tam Bảo”. Còn người kia phát nguyện: “Tôi phát nguyện tương lai làm hộ pháp, khi mỗi người anh của tôi thành Phật, thì tôi sẽ bảo hộ Ngài, hộ pháp của Ngài.” Do đó, Ngài thành vị Kim Cang Hộ Pháp, trong tay thường cầm chày kim cang để bảo hộ Phật giáo. Mỗi khi có vị Phật ra đời, thì Ngài đến ủng hộ Phật pháp. Ngoài ra, có một vị Đại Phạm Thiên Vương, mỗi lần có vị Phật mới ra đời, thì ông ta là người đầu tiên thỉnh Phật thuyết pháp.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm đó, thành tựu công đức như thế, dùng đủ thứ thân hình đi khắp trong các cõi nước, để độ thoát tất cả chúng sinh. Bởi thế các ông nên một lòng cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Đại Bồ Tát Quán Thế Âm đó, ở trong nạn khẩn cấp sợ hãi, Ngài hay ban cho sự không sợ hãi. Vì thế mà thế giới Ta Bà đều gọi Ngài là bậc thí vô úy.

Khi Đức Phật nói Bồ Tát Quán Thế Âm dùng đủ thứ hóa thân rồi, lại gọi một tiếng : ‘Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm thành tựu đủ thứ công đức như ở trên đã nói, Ngài dùng đủ thứ thân hình, đi đến mỗi cõi nước, để độ thoát hết thảy tất cả chúng sinh; vì nhân duyên đó, cho nên các ông tất cả chúng sinh, nên một lòng cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm’, đừng có hai lòng. Nếu có hai lòng, tức là có tâm hoài nghi. ‘Một lòng’ tức là chỉ dùng một niềm tin, nếu bạn có hai lòng thì chẳng có cảm ứng, chẳng có công đức, cho nên mới nói : ‘Nên một lòng cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm.’ Đại Bồ Tát Quán Thế Âm là vị đại Bồ Tát, hay ở trong sự sợ hãi nạn khẩn cấp, bố thí cho bạn sự không sợ hãi, khiến cho bạn không sinh tâm sợ hãi, vì thế cho nên thế giới Ta Bà này đều gọi Ngài là Bồ Tát bố thí vô úy.

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Nay con xin cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, bèn cỡi chuỗi ngọc châu báu nơi cổ, giá trị trăm ngàn lạng vàng, dâng lên nói rằng : Xin nhân giả hãy nhận sâu chuỗi ngọc châu báu pháp thí này.

Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Đức Phật nói như thế rồi, cũng muốn cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, bèn bạch Đức Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Nay con nên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm có công đức lớn như thế, sức oai thần không thể nghĩ bàn, cho nên tuy con đã thành Bồ Tát, nhưng con còn phải tài bồi phước báu ở trước Bồ Tát Quán Thế Âm, con nên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm.” Sau khi nói xong rồi, thì Bồ Tát Vô Tận Ý lập tức cỡi sâu chuỗi ngọc châu báu nơi cổ, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, cũng chẳng có tư hào tư lự. Chuỗi ngọc là một loại châu báu rất có giá trị, thứ chuỗi ngọc này bên trong rỗng không, nên có thể bỏ đồ vào, người xưa thường dùng nó làm đồ trang sức. Sâu chuỗi này giá trị trăm ngàn lạng vàng, đem dâng lên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm nói : “Xin Nhân giả hãy nhận sâu chuỗi ngọc châu báu pháp thí này.” Nhân giả tức chỉ người nhân từ có đức, Bồ Tát xưng hô với Bồ Tát thường dùng “nhân giả”.

Sâu chuỗi ngọc châu báu này, vốn là thuộc về tài thí, tại sao trong kinh văn Bồ Tát Vô Tận Ý nói là pháp thí ? Trong sự bố thí có tài thí, pháp thí, và vô úy thí. Bồ Tát Vô Tận Ý cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì trong tâm của Ngài chẳng cho rằng, chuỗi ngọc đó là vật đặc tiền, Ngài hoan hỷ thành tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cũng chẳng nghĩ là trị giá bao nhiêu tiền. Song, tại sao trong kinh văn lại nói là : “Giá trị trăm ngàn lạng vàng?” Câu này là tôn giả A Nan thêm vào khi kết tập kinh điển. Đương thời, Bồ Tát Vô Tận Ý chẳng nói trị giá bao nhiêu tiền. Ngài dùng chân tâm để cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, giữa đó đây chẳng có quan niệm về “tiền tài”, cho nên thuộc về pháp thí. Tuy là tài thí, nhưng cũng biến thành pháp thí. Đây là mọi người dùng tâm ấn tâm. Do đó, Ngài yêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm nhận chuỗi ngọc châu báu pháp cúng dường này.

Lúc đó, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chịu thọ nhận. Bồ Tát Vô Tận Ý lại bạch với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng : Nhân giả ! Hãy thương xót chúng tôi, mà thọ nhận chuỗi ngọc này.

Bồ Tát Vô Tận Ý dùng sau chuỗi ngọc châu báu, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, mà Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chịu nhận. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng

chịu nhận ? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm dưới tòa của Đức Phật Thích Ca, đang ở trong hội nghe Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Quán Thế Âm chưa được Đức Phật hứa khả, nên Ngài biểu thị khách sáo, chẳng chịu nhận sự cúng dường đó, hơn nữa Ngài cũng chẳng có tâm tham, chẳng giống như phàm phu bèn nghĩ ? ”Ồ ! Sâu chuỗi châu báu này quá quý trọng, có người cho mình, sợ rằng thọ nhận trễ thì họ chẳng cúng dường nữa, thì biết làm sao ?” Là vì Ngài chẳng có tâm lý như thế, cho nên chẳng sợ người ta không cúng dường. Trong tâm của Ngài vốn chẳng có người thí, vật thí, cũng chẳng có người thọ nhận. Bạn cúng dàng cho tôi và không cúng dường cho tôi, xem đều rất bình thường. Đương nhiên trong sự yên lặng, Bồ Tát Vô Tận Ý là có công đức. Song, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chịu nhận sự cúng dường đó, do đó Bồ Tát Vô Tận Ý khẩn cầu. Ngài chẳng giống như một số người, thật sự chẳng muốn cúng dường : ”Bạn không nhận thì tôi chẳng cúng dường.” Cho nên, Bồ Tát Vô Tận Ý lại khẩn cầu Bồ Tát Quán Thế Âm nói : ”Nhân giả ! Hãy thương xót chúng tôi mà thọ nhận sâu chuỗi này.” Nghĩa là nói : ”Nhân giả ! Bồ Tát đại từ bi, hãy thương xót tôi, thương xót Vô Tận Ý tôi, và chúng sinh bốn chúng này. Tôi cúng dường Ngài sâu chuỗi này, chẳng phải vì cầu phước cho chính tôi, mà là vì bốn chúng đệ tử này, và hết thảy pháp giới chúng sinh, để cúng dường nhân giả. Tôi là đại biểu cho chúng sinh cúng dường Ngài, cho nên xin Ngài hãy thương xót chúng tôi thọ nhận sâu chuỗi này.” Bốn chúng

là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ. “Chúng tôi”, tức là hết thầy tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm, nên thương xót Bồ Tát Vô Tận Ý, và bốn chúng, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, và chẳng phải người, mà thọ nhận sâu chuỗi đó.

Bồ Tát Vô Tận Ý nhất định phải cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, còn Bồ Tát Quán Thế Âm quyết tâm chẳng thọ nhận sự cúng dường đó bèn nói : “Vật tốt của Ngài, tôi không dám thọ nhận, tôi chẳng có đạo đức gì, Ngài hãy tự giữ lấy.” Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Bồ Tát Quán Thế Âm nói như thế, càng khấn tụng, thậm chí cuối đầu đánh lễ để khấn nài Bồ Tát Quán Thế Âm. Một người chẳng chịu nhận, còn một người nhất định phải cúng dường, hai bên đều kiên trì. Lúc đó, Đức Phật Thích Ca điều giải vấn đề này, bèn nhìn Bồ Tát Quán Thế Âm, cười và nói : “Bồ Tát Quán Thế Âm, ông nên thương xót Bồ Tát Vô Tận Ý và bốn chúng đệ tử, chẳng chỉ vì bốn chúng đệ tử này, mà còn có trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người. Ông nên thương tất cả những chúng đó, mà thọ nhận sự cúng dường. Bồ Tát Vô Tận Ý rất thành

tâm khản thiết bố thí pháp, thì ông dùng cự tuyệt hảo tâm của ông ấy !”

Tức thời Bồ Tát Quán Thế Âm thương xót hàng bốn chúng, và các trời, rồng, người, và chẳng phải người, mà thọ nhận sâu chuỗi đó, chia làm hai phần. Một phần dâng lên đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một phần dâng cúng tháp của Phật Đa Bảo.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm có thần lực tự tại như thế, đi khắp thế giới Ta Bà.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý dùng kệ hỏi rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Quán Thế Âm thấy Đức Phật điều giải việc này, Ngài cũng nghe lời Đức Phật, thương xót bốn chúng đệ tử và trời rồng tám bộ, thọ nhận sâu chuỗi ngọc châu báu đó. Song, Ngài nhận rồi lại chia ra làm hai phần để cúng dường. Sâu chuỗi có giá trị đặc tiền mà Ngài cũng chẳng cần, Ngài dâng một phần lên cúng dường Đức Phật Thích Ca, một phần dâng cúng tháp của Đức Phật Đa Bảo.

Sau đó Đức Phật lại gọi một tiếng : “Vô Tận Ý ! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm đó, có các thứ thần thông diệu dụng,

thần lực tự tại như đã nói ở trên, hết thầy chúng sinh đều nên cúng dường ông ta, cung kính ông ta, niệm danh hiệu ông ta. Vị Bồ Tát Quán Thế Âm hay đi khắp thế giới Ta Bà này, để cứu độ tất cả chúng sinh”. Đức Phật nói xong, thì Bồ Tát Vô Tận Ý lại dùng kệ hỏi Đức Phật.

Câu kệ là vì văn trường hàng ở trên, có chỗ nói rất tỉ mỉ, lại có chỗ nói chẳng tỉ mỉ, cho nên dùng kệ để tường thuật lại. Kệ giống như thơ, phải có cách thức nhất định, hoặc là một câu sáu chữ, hoặc một câu năm chữ, một câu bốn chữ, chẳng nhất định, song phải có số chữ nhất định.

**Thế Tôn đủ tướng tốt
Nay con xin hỏi Ngài
Vị kia do duyên gì
Tên là Quán Thế Âm ?**

Bồ Tát Vô Tận Ý gọi một tiếng : “Đức Thế Tôn đầy đủ tướng tốt ! Hôm nay con xin hỏi Bồ Tát Quán Thế Âm, bởi nhân duyên gì mà tên gọi là Quán Thế Âm ?” Vì tướng mạo của Phật viên mãn nhất, đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, cho nên gọi là Thế Tôn đủ tướng tốt, tức là đầy đủ chẳng thiếu chẳng dư. Lại có thể giải thích là phước đầy huệ đủ, nên gọi là Lương Túc Tôn. Nghĩa là có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, tướng tốt này vi diệu không thể nghĩ bàn.

**Đáng đầy đủ tướng tốt
Đáp kệ Vô Tận Ý :
Ông nghe hạnh Quan Âm
Khéo ứng khắp mọi nơi.**

Vì Bồ Tát Vô Tận Ý dùng kệ hỏi Đức Phật, cho nên Phật cũng dùng kệ để trả lời.

Đức Phật nói : “Vô Tận Ý ! Ông có biết việc làm và nhân duyên của Bồ Tát Quán Thế Âm chăng ? Ông nên chú ý lắng nghe, nay ta sẽ vì ông giải thích nói. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng thiện xảo phương tiện, quán căn cơ mà vì họ nói pháp, theo bệnh cho thuốc.”

“Quán căn cơ” tức là nhìn xem chúng sinh đó căn tính thế nào ? Thích cái gì ? Thì Ngài vì họ mà nói pháp. Giống như ở trước đã nói : “Người đáng dùng thân Phật độ được, thì liền hiện thân Phật để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Đế Thích độ được, thì liền hiện thân Đế Thích để vì họ nói pháp .v.v...” Đây gọi là “khéo ứng khắp mọi nơi”. Bất cứ căn tính như thế nào, Ngài liền dùng phương pháp phương tiện khéo léo để độ bạn, phương pháp này chẳng nhất định. Chẳng nhất định cho nên trong Kinh Kim Cang có nói :

“Là pháp bình đẳng
Chẳng có cao thấp
Chẳng có pháp nhất định”.

Tức là làm vị pháp sư muốn đi giáo hóa người, cũng phải hiểu nhiều đạo lý và pháp thế gian, thấy loại người nào thì nói thứ pháp đó. Ví như gặp người buôn bán thì nói : “Hiện nay bạn buôn bán như thế nào ? Gần đây buôn bán có đắc không !” Gặp người làm công thì nói : “Anh thật là vất vả ! Hôm nay có ngày nghỉ chẳng?” Nên vì họ nói đạo lý làm công, họ nghe thì tâm nghĩ : “Thật tế cũng có người biết mình vất vả, bận rộn !” Sau đó mới vì họ giảng chút Phật pháp, thì họ cảm thấy : “Thật không sai, nguyên lai Phật pháp là như thế.” Gặp người đi học thì hỏi họ : “Anh học về ngành gì ? Khoa học ? Hóa học, hay văn học ?” Giống như hôm nay có một số học sinh đến, Quả tôn giảng cho họ nghe về Phật pháp này, họ nghe rồi rất cao hứng, và bắt đầu có ấn tượng đối với Phật pháp, ở trong não hải của họ bèn có “Phật”. Một khi chữ Phật vào trong não hải của họ, thì ngày càng sẽ tăng trưởng, tương lai cũng sẽ thành Phật. Đó là khéo ứng khắp mọi nơi, theo bệnh cho thuốc, vì người nói pháp. Do đó có câu :

“Phương tiện khéo léo độ chúng sinh,
Khéo ở trong trần lao làm Phật sự.”

Khéo biến tất cả sự việc trong thế gian thành Phật sự.

**Hoàng nguyện sâu như biển
Kiếp số không nghĩ bàn**

Hầu nhiều nghìn đức Phật Phát nguyện lớn thanh tịnh.

Vị Bồ Tát Quán Thế Âm đó, trước kia khi Ngài chưa thành Phật, thì có phát hồng nguyện đại từ bi. Hồng thệ đó lớn cỡ nào ? Sâu rộng như biển cả. Ngài trải qua đại kiếp không thể nghĩ bàn, tạo công đức không thể nghĩ bàn, phát nguyện lực không thể nghĩ bàn, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm tất cả hết thảy, đều vi diệu không thể nghĩ bàn. Ngài đã từng hầu cận rất nhiều hàng ngàn ức vị Phật, có thể là hàng vạn ức, mặc dù kinh văn chỉ nói là ngàn ức. Ngài phát nguyện đại từ đại bi như thế, cho nên cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm cao sâu khó dò. Bồ Tát Quán Thế Âm phát nguyện thanh tịnh. Nguyện thanh tịnh là gì ? Thanh tịnh là chẳng có tư tưởng ích kỷ, là một người đại công vô tư. Ngài vì chúng sinh mà phát nguyện, hoàn toàn là phát xuất từ tâm từ bi chân chánh, tâm từ thương chúng sinh.

**Ta vì ông lược nói
Nghe tên và thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi.**

Đức Phật nói : “Hiện tại ta vì ông nói sơ lược về công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm, người có căn lành mới nghe được danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm.”

Nếu người chẳng có căn lành, thì cho đến tên của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng chẳng nghe được, huống chi nói đến thấy thân. Thấy thân chẳng nhất định nói là thấy được nhục thân của Ngài, tức là thấy được hình ảnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, hoặc dùng bùn nặn, hoặc dùng gỗ chạm trổ, hoặc dùng đá tạo, cho đến vàng, bạc, đồng, thiết, đúc thành tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn thấy những tượng nói trên, thì cũng giống như thấy được nhục thân của Ngài. Chỉ cần trong tâm chúng ta niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, đừng khởi vọng tưởng, thì sẽ tiêu diệt được tất cả sự khổ trong các cõi. Các cõi tức là hai mươi lăm cõi trong lục giới, sắc giới, và vô sắc giới.

**Nếu người khởi tâm hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Nhờ sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.**

Giả sử có người khởi tâm hãm hại bạn, ví như bạn bè hợp tác làm ăn với bạn, khi cùng đi với bạn đến đỉnh núi cao ngàn trượng. Vì anh ta muốn một mình chiếm đoạt số tiền của bạn, bèn sinh tâm cướp tiền hại mạng xô bạn rớt xuống chân núi. Lúc đó, chỉ cần bạn thành tâm niệm : ‘‘Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát’’, thì có thể bình an vô sự. Nếu như xô bạn rớt xuống hầm lửa lớn, thì hầm lửa sẽ biến thành ao nước. Bạn bất tất phải dùng phương pháp khác, cũng chẳng cần niệm chú gì, chỉ một lòng

chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì sẽ có cảm ứng cứu hộ bạn, sự cảm ứng đó không thể nghĩ bàn. Cho nên chúng ta bất cứ lúc nào, đều nên niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tương lai sẽ được Bồ Tát Quán Thế Âm bảo hộ, cảnh giới cảm ứng đó nói chẳng hết được.

**Hoặc trôi dạt biển cả
Ròng cá các nạn quý
Nhờ sức niệm Quan Âm
Sóng lớn chẳng ngập chết.**

Nếu như bị trôi dạt ở trong biển cả, chẳng thấy bờ bến đâu cả, lúc đó rất là nguy hiểm. Trong biển lớn thường có rồng độc, cũng có quỷ la sát, hoặc cá ăn thịt người, lúc đó rất là nguy hiểm. Nếu bạn gặp những nạn đó, thì nên niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, tức sóng to cách mấy, cũng chẳng ngập chết bạn được, trong sự bất tri bất giác, sẽ đưa bạn vào bờ, hoặc tự nhiên trôi dạt vào chỗ cạn, hoặc gặp thuyền đến vớt lên. Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện cứu nạn nước. Ở trên là nạn lửa. Song, nếu bạn chẳng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì rất là nguy hiểm.

Giảng đến đây, tôi nhớ lại lúc ở Hồng Kông, có một người đệ tử quy y chẳng tốt. Chẳng tốt như thế nào ? Ông ta là người đã từng hại người khác, tên của ông ta là Trương Ngọc Giai, nhà mở tiệm thuốc tây, kiếm được

chẳng biết bao nhiêu là tiền. Tiền của ông ta là từ hại người mà có. Lúc đó, sau khi Nhật đầu hàng rồi, vì trải qua chiến tranh, nên có bệnh truyền nhiễm phát sinh, cho nên lúc đó khắp nước Trung Quốc đều có bệnh ôn dịch lưu hành. Do đó, ông ta và một người giàu khác hợp tác làm ăn, hai người cùng đi trên một chiếc thuyền ra ngoại quốc, mua thuốc tây về Hồng Kông bán lại. Thuyền đến giữa biển, thì ông ta xô người bạn xuống biển, người bạn của ông ta vì chẳng biết niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên bị chết. Do đó, ông ta một mình chiếm đoạt hết số tiền vốn.

Trở về kiếm được rất nhiều tiền. Sau ông ta lại làm thuốc giả để kiếm tiền, do đó mà phát tài. Phát tài rồi sau đó ông ta như thế nào? Đại khái là quan hệ oan tương báo, ông ta mắc chứng bệnh ung thư. Đương thời, sáu ông bác sĩ nổi tiếng ở Hồng Kông đều nói rằng, chỉ trong vòng một trăm ngày, thì ông ta sẽ chết. Do đó, ông ta đăng báo xin cứu mạng nói: "Nếu ai chữa được bệnh của ông ta, bảo trì được sinh mạng của ông ta, thì ông ta sẽ bỏ ra hai chục vạn Mỹ Kim". Lúc đó, hai chục vạn Mỹ Kim ở Hồng Kông rất lớn vô cùng, song cũng chẳng có ai có phương pháp cứu mạng ông ta. Do đó, ông ta đến chùa lễ Phật.

Một ngày nọ ông ta đến chùa Tây Lạc Viên hỏi tôi làm thế nào mới chữa được bệnh. Tôi nói với ông ta : “Ông mắc chứng bệnh này, thì nên làm nhiều việc thiện, cúng dường Tam Bảo gieo trồng công đức. Trước hết ông phải quy Tam Bảo, như thế thì có thể chứng bệnh của ông

sẽ hết.” Do đó, vào ngày 18 tháng 9 âm lịch ông ta quy y với tôi. Quy y rồi, tôi bèn khuyên ông ta phát tâm làm việc thiện. Đương thời, người xuất gia từ Trung Quốc trốn nạn đến Hồng Kông khoảng hai ba ngàn người, nhưng các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, chẳng có đủ quần áo để mặc, cũng chẳng có chỗ đủ để ở. Cho nên tôi kêu ông ta cúng dường mỗi người xuất gia một xấp vải, và hai chục đồng Hồng Kông, ông ta chịu đáp ứng. Song, ở Hồng Kông có nhiều vị Hòa Thượng, nhất là những vị pháp sư già nghe ông Trương Ngọc Giai quy y với tôi, thì ai nấy đều hiện đại thần thông. Hiện thần thông gì ? Bạn cũng tìm bạn bè, họ cũng tìm người quen đến nói với ông Trương Ngọc Giai, kêu ông ta làm công đức ở chùa của họ. Những vị lão pháp sư đó, đều là người có danh vọng, vì có quyền thế trong Phật giáo, cho nên đi phan duyên với ông Trương Ngọc Giai, do đó ông ta đến những chùa đó làm công đức, còn tôi từng kêu ông ta cho mỗi vị pháp sư, đến từ Trung Quốc hai chục đồng Hồng Kông, nhưng ông ta không cho, chỉ cho có năm đồng và một xấp vải. Vì tôi đã nói với những người xuất gia đó, là cho hai chục đồng, bây giờ ông ta chỉ cho mỗi người có năm đồng, biết làm sao ? Do đó, tôi tự đi mượn tiền rất bí mật, cũng chẳng nói cho ai biết. Mượn được tiền rồi, tôi lại tự cầm phân phát cho mỗi người thêm mười lăm đồng nữa, cộng lại là hai chục đồng, đó cũng là để kết duyên với những người xuất gia đó.

Lúc đó, chẳng có vị xuất gia nào biết trong đó có tiền của tôi mượn để cho họ, cho đến hiện tại cũng chẳng biết. Đến khi ông Trương Ngọc Giai nuốt lời, chẳng giữ lời hứa, là vì bị những vị lão pháp sư đó phan duyên, song tôi cũng chẳng trách ông ta, việc này qua rồi thì thôi. Bỏn lai các bác sĩ đều đoán chắc là ông ta trong vòng một trăm ngày sẽ chết, chẳng nghi ngờ gì nữa. Trải qua một trăm ngày cũng chẳng chết, do đó những vị lão pháp sư phan duyên ông ta đều nói : ‘Đó là nhờ chúng tôi vì ông mà sám hối’! Người khác lại nói : ‘Đó là nhờ chúng tôi vì ông mà tụng kinh.’ Vị pháp sư khác lại nói : ‘Đó là nhờ chúng tôi cầu cho ông ở trước bàn Phật !’ Mỗi vị pháp sư đều có công.

Lúc đó tôi chẳng có chút công lao nào, tôi cũng chẳng nói với ông ta lời nào. Trải qua sáu năm, ông ta cũng chẳng chết. Lúc đó, tôi đang làm chùa ở tại núi Đại Tự ở Hồng Kông, xây chùa Từ Hưng. Ngôi chùa này đại khái có thể ở trên hai trăm người. Ông ta nghe tôi làm chùa, tức nhiên là đệ tử quy y với tôi, nên sai một người cầm một bao tiền đến cúng cho tôi làm chùa. Số tiền đó tôi chẳng nhìn qua, cũng chẳng mở ra xem, tôi bèn vút nó ra ngoài cửa, tôi nói với người đó rằng : ‘Số tiền này kiếm được chẳng chánh đáng, chẳng thanh tịnh, tôi chẳng cần tiền của ông ta như thế, ông hãy mang về trả lại cho ông ta.’ Người đó đem tiền về đưa lại cho ông ta, lần này ông ta kêu vị pháp sư phan duyên ông ta, tên là Định Tây đến nói lời ngon ngọt và mang tiền đến. Tôi nói : ‘Bây

giờ công trình làm chùa đã xong, tôi chẳng cần dùng tiền. Ông ta có tiền thì có thể làm công đức chỗ khác, có rất nhiều chùa, nhiều pháp sư, ông ta muốn làm gì cũng được.” Vị pháp sư đó cũng chẳng vui vẻ trở về. Qua hai năm sau, vào giữa tháng giêng, tôi tuyên bố với mọi người : “Ông Trương Ngọc Giai đã quy y với tôi tám năm, tôi vốn đợi ông ta thực hiện lời hứa. Vì ông ta đã từng phát nguyện cúng hai chục vạn Mỹ Kim để làm chùa, nhưng cho đến bây giờ ông ta cũng chẳng làm. Tôi chẳng đợi nữa, về sau ông Trương Ngọc Giai bất cứ có vấn đề gì, tôi cũng chẳng lo nữa.” Nói ra chưa đầy nửa năm, chúng bệnh ung thư của ông ta lại tái phát, về sau khi gần chết, thì sai người của ông ta đến cầu tôi, vì ông ta đến chùa khác cầu lạ, làm công đức Phật sự cũng chẳng linh, chẳng có cảm ứng, cho nên lại đến tìm tôi. Nhưng tôi cũng chẳng lo, tôi nói tôi đã tuyên bố chẳng lo bất cứ việc gì của ông ta nữa, chẳng được mấy ngày thì ông ta chết. Điều lạ lùng là vị pháp sư Định Tây, trước kia phan duyên với ông ta cũng sinh bệnh ung thư, đại khái bệnh hơn một năm thì chết, còn có một vị cư sĩ theo vị pháp sư đó, giúp cho pháp sư Định Tây liên lạc với ông Trương Ngọc Giai, cũng sinh bệnh ung thư mà chết, cho nên ba người họ có thể nói là một thể, sống thì sống chung với nhau, chết thì cũng cùng một chứng bệnh. Tại sao ông Trương Ngọc Giai lại chết như thế ? Vì ông ta xô người bạn của mình xuống biển chết, chắc chắn chết rồi

làm oan hồn, cho nên đến khiến cho ông Trương Ngọc Giai sinh bệnh ung thư.

Bổn lai, ông Trương Ngọc Giai đã quy y Tam Bảo, nếu ông ta chân chánh có niềm tin, thì ông ta chẳng bị chết, do niềm tin chẳng vững chắc.

**Hoặc trên đỉnh Tu Di
Bị người xô rớt xuống
Nhờ sức niệm Quan Âm
Như mặt trời trên không.**

Tu Di là tiếng phạn, dịch là núi Diệu cao, là núi cao nhất trong vũ trụ. Ở đây nói là trên đỉnh núi Tu Di, chẳng nhất định là chỉ ở trên đỉnh núi Tu Di, mà là ví dụ sự cao như đỉnh núi Tu Di. Hoặc là bạn đang ở trên đỉnh núi cao như núi Tu Di, bị người xô rớt xuống, lúc đó nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì “Như mặt trời trên không”, giống như mặt trời lơ lửng ở trong hư không, chẳng gây tổn thương cho bạn. Chẳng chỉ nói ở trên đỉnh núi xô rớt bạn xuống tan xương nát thịt, mà cũng có thể nói là có người ở trên chỗ cao, khiến bạn trèo lên cây thang, đợi khi bạn đến chỗ cao nhất, thì họ xô cây thang, lúc đó muốn lên cũng chẳng được, muốn xuống cũng chẳng xong, đó cũng là việc rất nguy hiểm. Tức cũng là mọi người đối xử tốt với bạn, sau đó chẳng đối tốt với bạn nữa, để cho bạn từ trên cao rớt xuống. Lúc đó, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chẳng có vấn đề gì, giống

như mặt trời ở trong hư không chiếu khắp vạn dặm, một chút phiền não cũng chẳng có, ngược lại rất an nhiên tự tại, rất có định lực, cho nên khen chê đều chẳng động tâm, đó cũng là biểu thị “Như mặt trời trên không” một ý nghĩa riêng khác.

**Hoặc bị người ác đuổi
Ngã xuống núi kim cương
Nhờ sức niệm Quan Âm
Chẳng tổn hại mảy lông.**

Người ác là gì ? Tức là người chẳng nói về đạo lý, chuyên môn làm chuyện giết người, phóng lửa, người man rợ chẳng nói đạo lý : “Anh là tôi, tôi cũng là tôi. Tiền của anh là của tôi, tiền của tôi thì càng của tôi.” Bạn xem đây có đạo lý chăng ? Đây gọi là người ác, có quyền lực mà chẳng có công lý, chỉ dùng thế lực để bức bách người khác, chẳng nói đến công lý, đó tức là người ác.

Truy đuổi là bạn chạy đến đâu, thì họ cũng đuổi theo bạn đến đó, luôn luôn xem giữ bạn. Nếu bạn bị người ác truy đuổi, vì nhất thời bôn ba chẳng cẩn thận mà rớt xuống núi kim cương sâu vạn dặm, nếu bạn chẳng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chắc chắn sẽ mất mạng, thậm chí tan thân nát xương chẳng tìm được thi thể. Song, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dù cho một sợi lông cũng

chẳng tổn thương. Bạn nói có kỳ lạ chẳng ! “Núi kim cương” ở đây, là biểu thị vực thẳm vạn tượng, rất cứng chắc như kim cương. Song nếu bạn gặp trường hợp nguy hiểm như thế, mà niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chắc chắn sẽ có cảm ứng. Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ đến cứu hộ bạn, khiến cho bạn gặp hung hóa cát tường, gặp nạn được bình an, nguy hiểm mà chẳng nguy hiểm.

**Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm đao làm hại
Nhờ sức niệm Quan Âm
Thấy đều khởi tâm từ.**

Ở trên nói về người ác, bây giờ nói về “oán tặc”, tức là bọn cướp, giết người phóng lửa, chẳng có việc ác nào mà chẳng làm. Tất cả mọi người mà chúng ta gặp, đều có quan hệ tiền nhân hậu quả. “Oán tặc” tức là người có oán hận với chúng ta, hoặc là kiếp trước chúng ta ăn cắp đồ vật của người, hoặc là đã giết người, hoặc đối với người chẳng tốt, cho nên đời này lại gặp nhau, mới biến thành oán tặc. Do đó, có câu :

“Giết người phải đền mạng,
Mắc nợ thì trả tiền”.

Bạn giết mạng người ta, thì người ta cũng muốn lấy mạng của bạn; bạn cướp đoạt tài vật của người ta, cho nên

phải đền tiền cho người ta. Hết thầy tất cả đều có mối liên quan với nhau.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi từng nói cho mọi người biết rằng : “Tôi đời đời kiếp kiếp chưa từng ăn trộm đồ vật của người khác, luôn giữ giới trộm cắp. Có gì để chứng minh ? Tôi đem châu báu giá trị nhất, để ở ngã tư đường, chẳng nhìn xem đến nó, trải qua ba ngày cũng chẳng bị ai trộm lấy đi. Do đó, có thể chứng minh lời của tôi nói là chân thật”. Nhưng vẫn có người không tin, do đó Ngài đi thử nghiệm, đem châu báu để ở ngã tư đường, nơi mà mọi người đi qua lại tấp nập. Quả nhiên ba ngày sau, cũng chẳng có ai trộm lấy.

Do đời đời kiếp kiếp Ngài đều giữ giới trộm cắp thanh tịnh, cho nên có quả báo như thế. Do đó, nếu bây giờ chúng ta gặp kẻ oán tặc đều phải chấp nhận, tức là mất vật gì, chịu tổn thất gì cũng đừng buồn rầu, nên chấp nhận, đừng có oán trời trách người.

Lúc tôi ở chùa Nam Hoa, thì từng gặp việc như vậy : Vào ngày nọ có rất nhiều kẻ trộm đến cướp chùa Nam Hoa. Bọn chúng đập cửa rất mạnh muốn tiến vào, nhưng tôi chẳng mở cửa. Bọn cướp phá cửa tung vào, ai nấy đều cảm thương vây chung quanh tôi, có người còn muốn đánh tôi. Song, lúc đó tôi chẳng cảm thấy sợ hãi gì cả, rất tự nhiên nói với bọn chúng rằng : “Tại sao anh muốn đánh tôi ?”

- Anh ta nói : “Vì ông chẳng mở cửa”

- Tôi nói : “Nếu anh là tôi, tôi là anh, thì anh có mở cửa không ? Tại sao ? Vì anh đến đây muốn trộm đồ của tôi, chẳng phải đến tặng đồ cho tôi.”

- Tôi nói như thế thì anh ta nói : “Hãy mau đem tiền ra !”

- Lúc đó tôi mặc chiếc y rách có nhiều chỗ vá vúi, tôi nói : “Anh nhìn xem, tôi mặc chiếc y này, có giống như người có tiền chăng ?”

- Anh ta nhìn rồi hỏi : “VẬY AI CÓ TIỀN ?”

- Tôi nói : “Trong chùa này tôi là ông thầy, còn những người khác là đệ tử, tôi làm ông thầy chẳng có tiền, thì làm đệ tử làm gì có tiền ? Nếu anh không tin tôi thì có thể vào phòng của tôi xem, nếu anh thấy vật gì đáng giá, là đồ quý, thì tùy ý anh lấy !” Lúc đó ở trong phòng của tôi có hai bửu bối, hai bửu bối này là hai bửu bối sống, bửu bối sống gì ? Tức là chú Sa di và vị pháp sư. Hai vị này nghe thấy bọn cướp đến, lúc gõ cửa thì họ đã cuống lên, thậm chí chẳng đi được nữa, bò dưới đất, bò vào chỗ tôi nói : “Thầy ơi ! Bây giờ biết làm sao ? Tôi sợ quá !” Tôi nói : “Không sao, các vị hãy đi vào trong phòng của tôi, chun xuống giường cây của tôi để trốn.” Bây giờ tôi lại kêu bọn cướp vào phòng của tôi, xem muốn lấy gì thì lấy. Lúc này hai vị này run lên lập cập, cuối cùng bọn cướp cũng chẳng vào. Lúc đó, có vị pháp sư thấy tôi và bọn cướp nói chuyện tựa như là bạn bè, cũng từ trong phòng chạy ra.

Khi ông ta xuất hiện, thì bọn cướp lập tức dùng thương vây ông ta lại muốn đánh, ông ta sợ quá bèn khóc lên, giống như trẻ con. Lúc đó, trong tâm tôi cảm thấy buồn bã bèn nói : “Ông ta cũng chẳng có tiền, các ông muốn tiền thì nói với tôi.” Song bọn cướp chẳng đếm xỉa gì đến tôi, mà hướng về ông ta muốn tiền, ông ta nói : “Vào trong phòng của tôi lấy.” Bèn dẫn bọn cướp vào lấy hơn hai trăm đồng, đó là tiền mà ông ta dành dụm mấy năm nay, bèn để cho bọn cướp lấy đi. Sang ngày thứ hai ông ta nói với đồ đệ rằng : “Chùa Nam Hoa có hơn hai trăm người, mà chỉ có vị Pháp sư này chẳng sợ hãi.”

- Tôi mới nói với họ rằng : “Chẳng phải chỉ mình tôi, mà trong chùa có bốn vị Hòa Thượng chẳng sợ hãi.” Thứ nhất là ai ? Là Lục Tổ Huệ Năng, ngồi tại đó như như bất động, lão Tăng nhập định như thế. Thứ hai là Đại Sư Hám Sơn, ngồi nhập định tựa như tướng của Lão Tăng, chẳng động đậy. Thứ ba là tổ sư Đan Điền, Ngài chẳng đủ đại định lực như Lục Tổ, và đại sư Hám Sơn, còn quay đầu lại nhìn bọn cướp. Thứ tư mới đến tôi, cho nên khi bạn gặp oán tặc, thì cũng đừng sinh tâm sợ hãi. Kết quả bọn cướp đó cũng chẳng đánh tôi, hoặc phóng thương. Tại sao ? Đại khái là vì tôi niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, ban đầu họ đối với tôi rất hung hăng, khi nhìn thấy tôi mặc y phục rách rưới thì họ nghĩ : “Ông thầy này thật đáng thương”, tức cũng khởi tâm từ bi chẳng gây phiền não đến tôi.

**Hoặc gặp nạn khổ vua
Muốn hành hình sắp chết
Nhờ sức niệm Quan Âm
Đao bèn gãy từng đoạn.**

Luật vua chẳng nói đến nhân tình. Nếu phạm vào vương pháp, thì phải bị chém đầu. Song, cũng có kẻ chẳng phạm pháp mà bị dẫn đi chém đầu, là vì bị người vu cáo, cho nên luật pháp quốc gia có chỗ lợi ích, mà cũng có chỗ hại. Chỗ lợi ích là nó trừng phạt những kẻ phạm tội, chỗ hại là chẳng phạm pháp nhưng bị người khác vu cáo, ví như người làm chứng nói : “Ông ta làm xấu việc đó, chính mắt tôi thấy !” Luật sư cũng chẳng màng việc đó ra sao, bèn xử ông ta phạm tội đem đi chém đầu, nhưng thật ra người đó chẳng phạm pháp, luật sư chẳng có chánh nghĩa, có người rõ ràng là phạm pháp, mà có thể biện hộ cho họ vô tội. Có người rõ ràng là vô tội, mà lại chứng minh là có tội. Bạn nói đi tìm chân lý ở đâu trên thế gian này ? Ở trên thế gian vốn chẳng có chân lý, chỉ có quyền thế. Vậy muốn tìm chân lý, thì phải vào trong Phật pháp mà tìm. Cho nên, hoặc có tội, hay không có tội, bị chịu nạn khổ vua, lúc phải bị chém đầu, mạng sống sắp chấm dứt, lúc đó e rằng bạn đã ngất xỉu, sợ quá nên quên hết mọi việc. Song nếu bạn nhớ niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì cái đao chém đầu bạn đó, sẽ tự nhiên gãy ra từng đoạn, đó là chứng minh cái cổ của bạn cứng

hơn là kim cương, cho nên đao mới gãy ra từng đoạn. Nhưng nếu bạn ôm lòng hoài nghi, thì đầu của bạn sẽ rơi. Vì bạn vốn chẳng có niềm tin đối với Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên mới muốn thử nghiệm, nên chẳng có cảm ứng. Nếu có niềm tin thì mọi việc đều có cảm ứng.

**Hoặc công cùm bỏ tù
Tay chân bị xiềng xích
Nhờ sức niệm Quan Âm
Tự nhiên được giải thoát.**

Ở tù tức là bắt giam vào ngục, chẳng được tự do. Công, chẳng những nhốt bạn vào ngục tù, mà còn công cùm bạn lại, để cho bạn khỏi trốn đi. Cùm, tức là cùm hai chân bạn lại, và còn trói tay bạn.

Lúc trước tôi đã có nói, phàm là người có gia đình, thì nên sớm giác ngộ, đừng để cho ba điều này vây hãm như bị nhốt trong tù. Ba điều gì? Cha mẹ như là công cùm cổ, con cái như là cái cần cần tay, đừng cho rằng có con cái là đắc ý, một khi bị cần vào tay thì buông xả chẳngặng. Có vợ thì như là cái cùm cùm chân, cũng chẳng được tự do giải thoát.

Hôm nay tôi thế một vị đệ tử của tôi, nói chuyện này cho quý vị biết, anh ta nói: “Con có vay của chính phủ hơn hai ngàn đồng, bây giờ muốn xuất gia mà hai ngàn đồng này không thể trả, cho nên trước hết phải đi làm công, để trả hết số tiền này, rồi sau đó mới đi xuất

gia.” Anh ta nói thật hay giả ? Tôi chẳng màng đến anh ta, bất quá nói cho mọi người biết, có thể tiền trả xong rồi, hoặc là có cái cùm cùm chân (cưới vợ) này cũng chẳng nhất định, song tôi hy vọng chẳng bị cùm vào, có thể làm một vị sư biểu của trời người cho nước Mỹ. Tôi đem ý này ra nói cho mọi người biết, để mọi người đều phát tâm chú nguyện cho anh ta thành công, làm lãnh tụ tốt cho Phật giáo nước Mỹ. Vì nước Mỹ hiện tại rất cần người xuất gia, nếu tất cả mọi người muốn xuất gia, tôi chẳng màng trước kia họ là người như thế nào, tôi đều rất hoan hỉ tán thán, chỉ cần sau khi xuất gia rồi, giữ giới luật quy cụ là được. Tôi tận sức ở tại nước Mỹ này, đào tạo bậc trưởng lão, chính họ trưởng chẳng nổi, vì chẳng có cơ sở, gốc rễ chưa đâm sâu xuống, song tôi nguyện sẽ tài bồi, Phật giáo tại nước Mỹ, mỗi người xuất gia đều là một phần của bậc trưởng lão, thậm chí làm tổ sư của nước Mỹ.

Khi tay chân bị gông cùm mất đi tự do, thì phải làm sao ? Chỉ cần bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên sẽ được giải thoát. Trước kia ở Trung Quốc, có một vị hòa thượng bị dân mọi rợ bắt đem đi nhốt vào trong phòng trói cột lại. Thứ dân mọi rợ này rất dã man, chuyên môn bắt người Hán làm thịt để ăn. Vị Hòa thượng đó, bình thường rất tin tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên lúc đó Ngài cũng chẳng sợ hãi, chỉ một lòng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài niệm tới niệm lui, kết quả niệm đến một con cọp. Con cọp này lại đến phòng giam ông ta, phá tan cái phòng giam, do đó ông ta tự do chạy đi. Gặp hoàn

cảnh nguy hiểm như thế, mà có thể hóa hiểm thành bình an. Cho nên sự linh cảm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm nói chẳng hết được.

**Nguyên rửa các thuốc độc
Muốn làm hại thân người
Nhờ sức niệm Quan Âm
Trở lại hại người đó.**

Nguyên rửa ở đây là nói về sự niệm chú để trừ rửa. Chú cũng có rất nhiều loại, nhất là chú của bàng môn tả đạo, họ chỉ cần niệm bảy ngày, thì có thể người kia sẽ chết. Chú có loại chú hại người, cũng có loại chú lợi người. Chú bây giờ nói là chú hại người. Các thuốc độc cũng bao quát tất cả các thuốc độc. Nếu bạn gặp sự trì chú nguyên rửa các thuốc độc, thì nên một lòng niệm: “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”, tức thì lời nguyên rửa và các thuốc độc đó, chẳng những không thể hại bạn, mà còn trở lại hại người đó.

Trước kia, có một nơi nợ tại Trung Quốc, có người chuyên môn bói toán rất linh nghiệm. Tại sao mà họ bói toán linh nghiệm như thế? Vì bên trong của họ có yêu quái, ma quỷ giúp đỡ họ. Thứ ma quỷ đó, mỗi năm chỉ cần ăn một đồng nam và một đồng nữ. Cho nên ông thầy bói đó, mỗi năm đều trộm bắt một cặp đồng nam và đồng nữ, để cúng tế cho ma quỷ đó. Song, năm đó ông ta bắt người đồng nữ của gia đình nợ, thường niệm danh hiệu Bồ

Tát Quán Thế Âm. Khi cô ta bị bắt nhốt vào phòng để chờ ma quỷ đến bắt ăn, thì cô ta ở đó luôn luôn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Một lúc sau, ma quỷ đến gian phòng đó, từ cửa sổ thấy cô ta, thì cặp mắt của ma quỷ phóng ra hai luồng ánh sáng chiếu đến thân cô ta, song vì miệng cô ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên từ trong miệng của cô ta, cũng phóng ra ánh sáng. Đột nhiên cô ta cảm thấy có vật gì rất to lớn, từ trên phòng rớt xuống, cô ta còn cho rằng là yêu quái muốn đến ăn thịt cô ta, cô ta sợ quá kêu lên, ngay lúc ấy bên ngoài có lính đi tuần ban đêm nghe tiếng kêu, bèn chạy đến gần thì nghe tiếng cô gái từ trong phòng kêu lên, bèn phá cửa xông vào, đến cửa phòng thì thấy thi thể của con mãng xà rất lớn. Con mãng xà to lớn đó tức là Ma hầu la già.

Kết quả người bói toán đó, bị cảnh sát bắt đi tra hỏi: "Tại sao ông lại bắt cô gái này đến đây"?

- Ông ta mới nói : "Tôi có một vị tiên giúp đỡ tôi bói toán cho mọi người, vị tiên này mỗi năm phải ăn thịt một cặp đồng nam đồng nữ, đã mấy năm qua tôi đều cúng cho vị tiên đó, cho nên vị tiên đó giúp đỡ tôi bói toán rất linh, kiếm được rất nhiều tiền". Nói xong cảnh sát bắt ông ta giam vào ngục. Ông ta bói toán rất linh, song chẳng bói toán được cho mình, kết quả bị luật pháp trừng phạt chém đầu thị chúng. Câu chuyện như thế, tức là thật sự chứng minh "Nguyên rửa các thuốc độc, muốn làm hại thân người, nhờ sức niệm Quán Âm, trở lại hại người đó". Cho nên hại người tức là hại mình.

Câu "Trở lại hại người đó", đương thời ông Tô Đông Pha từng sửa thành câu "Hai nhà đều vô hại". Ý của ông ta cho rằng, người trù ẻo và người bị trù ẻo đều bình an vô sự. Kỳ thật là sai lầm. Tại sao? Trong Phật giáo có nói về giới sát sinh, phóng sinh, song nếu không trừ khử kẻ ác, thì họ sẽ hại kẻ lương thiện. Tuy họ trù ẻo dùng thuốc độc muốn hại người, kết quả khiến cho họ vô sự, đó chẳng phải là cổ lệ chăng? Họ hại chẳng được người này, lại muốn hại người khác, mà nếu người đó không niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ bị hại chết. Người hay niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đương nhiên họ hại chẳng được, nhưng nhiều người chẳng biết niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên "Hai nhà đều vô sự" là không đúng, "Trở lại hại người đó" là không sai lầm, khiến cho người ác chịu khổ, họ thọ quả báo là đáng, như thế về sau, họ chẳng dám hại người nữa.

**Hoặc gặp la sát dữ
Rồng độc các loài quỷ
Nhờ sức niệm Quán Âm
Thời chúng chẳng dám hại.**

Hoặc là bạn đến rừng núi hoang dã, đi qua nơi chẳng có người ở, gặp quỷ la sát dữ, loài quỷ này rất hung ác, chúng chuyên môn ăn thịt người. Còn có rồng độc cũng hại người, chúng thường chiếm cứ một vùng, hoặc trong hồ, trong sông, trong kênh, phàm có ai đi qua chỗ

của chúng, thì chúng phun khí độc, có thể độc chết người. Có loại rồng độc to lớn, có thể dùng hơi hút luôn cả người lẫn thuyền vào trong bụng, rất là lợi hại. Còn có rất nhiều loài quý. Quý chẳng phải chỉ có một loại, có quý giàu, quý nghèo. "Quý giàu" như thần thổ địa, thành hoàng, tuy chúng đều là quý nhưng đều làm thủ lĩnh của quý, làm quý vương, đây gọi là "quý giàu". "Quý nghèo", chẳng có tiền, hoặc có rất ít, còn có loài quý chẳng có gì cả, vậy nói rằng quý vẫn dùng tiền chẳng? quý vốn chẳng cần tiền, nhưng vì nguyên nhân tập quán ác, cho nên loài quý giàu cũng tham ô, quý nghèo cũng tựa như người, suốt ngày đến tối đều muốn kiếm chút ít tiền. Tuy nhiên bất tất phải dùng tiền, nhưng vì chúng chấp trước thành tính, biến thành một thứ mê, cho nên ham thích tiền. Chúng dùng tiền bằng giấy, tại Trung Quốc mọi người thường đốt tiền giấy cho loài quý.

Nếu bạn gặp những loài quý la sát, rồng độc, hoặc các quý thần, mà bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chúng tự nhiên sẽ bỏ chạy. Vì sao? Vì khi bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì trong miệng sẽ phóng quang, hết thấy tất cả loài quý đều sợ quang (ánh sáng), sẽ không gây thương hại bạn.

**Nếu thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Nhờ sức niệm Quán Âm**

Chúng vọi bỏ chạy đi.

Thú dữ như lang, sói, hổ, báo, chúng là dã thú chuyên môn ăn thịt người. Núi rừng ở Mỹ chẳng có cọp, ở Trung Quốc, Ấn Độ cọp rất nhiều. Lúc còn nhỏ, có một lần tôi chạy vào trong núi, đi năm sáu ngày cũng chẳng thấy người, bèn gặp các thú dữ. Song, rất kỳ quái, cũng chẳng biết tại sao chúng chẳng ăn thịt tôi. Răng nanh của thú dữ sắc bén như dao, cũng cứng như thép. Khi bạn gặp những thú dữ bao vây, thì bạn hãy mau niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng chẳng những chẳng dám làm hại bạn, mà ngược lại vọi vàng bỏ chạy. Tại sao phải chạy? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm có sự linh cảm như thế, khiến cho chúng nhìn bạn, thì tự nhiên sẽ sinh tâm sợ hãi, cho nên bỏ chạy xa lìa bạn.

Rắn độc cùng bò cạp

Hơi độc khói lửa đốt

Nhờ sức niệm Quán Âm

Nghe tiếng bỏ chạy đi.

Rắn độc đa số là màu đen. Bò cạp, nếu người nào bị nó cắn, thì lập tức trúng độc mà chết đi, đều là có "Khí độc khói lửa đốt", những thứ độc này rất lợi hại, thậm chí khiến cho người bỏ mạng. Tuy độc hại như thế, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng nghe bạn niệm : "Nam

Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát", thì chúng sẽ ẩn tàng, chạy về chỗ của chúng ở, chẳng dám tác quái nữa.

**Mây sấm sét điện chớp
Tuôn mưa đá mưa rào
Nhờ sức niệm Quán Âm
Liên được trời quang tạnh.**

Trên trời thường có mây, sấm sét, điện chớp, hoặc tuôn mưa đá, các thứ tai nạn. Có khi mưa đá, cục đá lớn gần bằng quả trứng gà, hoặc có cục đá lớn nặng mấy mươi gam, thậm chí xuống trúng trâu bò, thì trâu bò sẽ chết. Nếu rớt xuống trúng người, thì chẳng cần nói càng làm cho người chết. Hoặc tuôn mưa rào, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chẳng bao lâu những hiện tượng đó sẽ ngừng, chẳng còn nữa.

**Chúng sinh bị khốn cùng
Vô lượng khổ bức bách
Nhờ diệu trí Quán Âm
Hay cứu khổ thế gian.**

Chúng sinh tức là chúng duyên hòa hợp mà sinh, hơn nữa chúng sinh có trăm ngàn vạn thứ loài khác nhau, nên gọi là chúng sinh. Cũng có thể giải thích nói "chúng sinh" tức là sinh ra quá nhiều. Theo chữ chúng của Trung

Quốc (衆), ở trên là chữ tứ, (四 bốn), ở dưới là ba chữ người (人), ba người tụ lại một chỗ nên gọi là "chúng". Ở trong các loài chúng sinh, phiền não nhất là loài gì? Tức là loài người : Lại phải mặc áo, lại phải ăn cơm, lại phải làm việc, vô số việc phiền não, song có đủ trí tuệ nhất vẫn là loài người, còn các loài chúng sinh kia, tuy chẳng có nhiều phiền não, song chúng cũng ngu si nhất, trí huệ chẳng như người, cho nên phải chịu người sai khiến, chi phối. Do đó, có câu: "Con người linh nhất của vạn vật", con người thông minh nhất trong vạn vật, song thông minh nhất có khi cũng làm việc ngu si nhất, tức là chính mình gây phiền não cho chính mình, chính mình vật lộn với chính mình, tức là khi bị khốn cùng, thì có vô lượng sự khổ, như chẳng có cơm ăn là khổ, chẳng có quần áo mặc là khổ, chẳng có nhà ở là khổ, đủ thứ sự khổ. Suốt ngày vì quần áo, cơm ăn, nhà ở, một đời bận rộn vì kiếm cơm ăn, thậm chí đi trộm cắp để duy trì mạng sống của mình. Tại sao phải duy trì mạng sống như thế? Là vì sự khổ bức bách, kết quả càng chiêu lại vô lượng sự khổ bức bách thân. Bồ Tát Quán Thế Âm có sức trí huệ vi diệu không thể nghĩ bàn, hay cứu hộ hết thảy sự khổ ở thế gian, cho nên chúng ta làm người, bất cứ có việc gì không được như ý, không nên ưu sầu khổ não. Bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tất cả mọi vấn đề đều từ từ sẽ giải quyết, chỉ cần bạn có tâm thành đối với Ngài, thì Bồ Tát sẽ đến trợ giúp bạn.

**Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Chẳng cõi nào không hiện.**

"Đầy đủ" là chẳng thiếu. "Sức thần thông" là gì? Thần thông có sáu thứ.

❶ Thứ nhất là thiên nhãn thông. Thiên nhãn có thể nhìn thấy động tác của chư thiên ở cõi trời Đao Lợi, đều nhìn thấy rõ ràng.

❷ Thứ hai là thiên nhĩ thông, nghe được mọi thứ tiếng của người nhân gian, và chư thiên ở trên trời trong mười phương thế giới.

❸ Thứ ba là tha tâm thông, trong tâm người khác nghĩ gì cũng đều biết hết.

❹ Thứ tư là túc mạng thông, túc nhân quả quá khứ đều biết rõ.

❺ Thứ năm là thần túc thông, còn gọi là thần cảnh thông, túc có thể bay đi biến hóa tự tại.

❻ Thứ sáu là lậu tận thông, thần thông này khó đắc được nhất. Tất cả quỷ thần đều có năm thứ thần thông ở trên, chỉ lậu tận thông là không có. Bồ Tát Quán Thế Âm đều đầy đủ sáu thứ thần thông, cho nên gọi là đầy đủ sức thần thông. "Rộng tu trí phương tiện", do chữ "rộng" nên biết rằng Ngài chẳng những chỉ tu trì một pháp môn, mà còn tu đủ thứ các pháp môn. Giống như chúng ta bây giờ,

chẳng phải chỉ có nghe kinh, mà cũng học Phật pháp, lại phải học Chú Lăng Nghiêm, Chú Đại Bi, còn phải lay đại bi sám .v.v... phải học tập tinh thần rộng tu trí phương tiện, của Ngài Quán Thế Âm khi Ngài còn tu hành ở tại nhân địa.

Trong các cõi nước trong mười phương, chẳng có một nước nào mà Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng đến, nơi nào Ngài cũng đến, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm đều có duyên với chúng ta tất cả chúng sinh. Chỉ cần ai niệm danh hiệu của Ngài, thì Ngài sẽ bảo hộ người đó. Còn nếu chẳng niệm danh hiệu của Ngài, thì đương nhiên Ngài chẳng đếm xỉa tới. Lý do gì? Vì bạn chẳng quan hệ gì với Ngài. Cho đến danh hiệu của Ngài cũng chẳng biết, cũng chẳng niệm, Ngài bèn nói: "Họ chẳng muốn làm bạn với mình, mình cũng chẳng hơi đâu mà lo chuyện của họ". Nếu bạn muốn làm bạn với Ngài, thì phải niệm "Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm" cho nhiều. Một khi bạn niệm danh hiệu của Ngài, thì Ngài nói: "Ta lại có thêm một người bạn, tốt lắm, nếu người bạn mới này có chuyện gì, thì ta phải giúp đỡ họ".

Có người muốn biết làm thế nào để đắc được "thiên nhãn thông"? Có nhiều phương pháp, nếu bạn chuyên tâm niệm Chú Lăng Nghiêm, cũng sẽ đắc được thiên nhãn thông, hoặc học Chú Đại Bi, và bốn mươi hai tay và mắt của Chú Đại Bi, cũng sẽ được thiên nhãn, hoặc chẳng ngủ để học Phật pháp, cũng sẽ đắc được thiên nhãn thông, bất quá phương pháp này rất nguy hiểm, tôi chẳng muốn họ y

chiếu học pháp môn này, tại sao? Chắc các bạn còn nhớ tôn giả A Na Luật ở trong Kinh Lăng Nghiêm, tôn giả chuyên môn ngủ, về sau bị Phật quở, từ đó tôn giả tinh tấn dụng công, chẳng ngủ nữa, trải qua bảy ngày, mắt của tôn giả bị mù. Phật thương xót tôn giả, bèn dạy Ngài tu tam muội kim cang chiếu minh, kết quả Ngài đắc được thiên nhãn đệ nhất.

A Na Luật là tiếng Phạn, dịch là "không nghèo". Nguyên lai được tên này như thế nào? Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài là người mới phát tâm Bồ đề, tuy chưa làm Phật giáo đồ, nhưng đã hiểu rõ đạo lý bố thí, lúc đó Ngài chỉ là người nông phu làm ruộng, đời sống nghèo nàn khốn khổ. Trong núi gần nhà của Ngài, có một vị Tỳ Kheo già ở tu, đã chứng được quả Bích Chi Phật. Vị Tỳ Kheo già đó, mỗi bảy ngày mới xuống núi để đi khát thực một lần, mỗi lần chỉ khát thực bảy nhà, tuyệt đối không khát thực nhiều nhà, nếu bảy nhà đều bố thí, thì mới đủ ăn bảy ngày. Nếu một nhà không bố thí, thì một ngày không có gì ăn.

Một lần nọ, người nhà mang cơm đến cho người nông phu đó vào buổi trưa, vốn để cho người nông phu làm rồi thì ăn, song thấy vị Tỳ Kheo già nghèo xuống núi hóa duyên, mà cũng chẳng được vật gì, người nông phu sinh tâm bố thí nghĩ: Hôm nay ta không ăn cơm, để đem phần cơm này dâng cho vị Tỳ Kheo già đó đã chứng quả Bích Chi Phật. Vị Tỳ Kheo nhận phần cơm xong, rất đặc biệt hoan hỉ và khen ngợi nói: "Nhu thị, như thị! Người

rất thành tâm cúng dường, công đức này thật là không thể nghĩ bàn". Sau đó đi trở về núi.

Sau đó, người nông dân nhìn thấy con thỏ chạy đến chỗ ông ta, đột nhiên trèo lên lưng của ông ta, và dính trên thân của ông ta, làm thế nào cũng chẳng rớt xuống. Ông ta lập tức trở về nhà để tìm cách lấy con thỏ xuống. Nhìn rõ ràng thì vốn là con thỏ bằng vàng. Ông ta chặt một cái chân con thỏ đi đổi tiền, trở về nhìn thì cái chân bị chặt lại mọc ra như cũ, cho nên từ đó ông ta giàu có lên. Từ đó về sau, đời đời kiếp kiếp đều giàu có, vĩnh viễn chẳng nghèo thiếu. Do ông ta cúng dường bữa cơm cho vị Bích Chi Phật, với tấm lòng thành mà được quả báo như thế, đời đời kiếp kiếp đều "không nghèo", đó là nguồn gốc tên của Ngài ANa Luật.

Trong Kinh Bốn Mươi Hai Chương có nói : "Cúng dường cho một trăm người ác, chẳng bằng cúng cho một người thiện. Cúng dường cho một ngàn người thiện, chẳng bằng cúng cho một người cư sĩ giữ gìn năm giới. Cúng dường cho một vạn người cư sĩ giữ năm giới, chẳng bằng cúng cho một vị Sa Di giữ mười giới. Cúng dường cho mười vạn vị Sa Di, chẳng bằng cúng cho một Tỳ Kheo. Cúng dường cho một trăm vạn vị Tỳ Kheo, cũng chẳng bằng cúng cho một vị chứng sơ quả Tu Đà Hoàn. Cúng dường một ngàn vạn vị Tu Đà Hoàn, chẳng bằng cúng cho một vị chứng nhị quả Tư Đà Hàm. Cúng dường cho một vạn vạn vị Tư Đà Hàm, chẳng bằng cúng cho một vị

chúng quả A Na Hàm. Cúng dường trăm ngàn vạn vạn vị A Na Hàm, chẳng bằng cúng dường cho một vị chúng tứ quả A La Hán. Song, bạn lại cúng dường vô số chẳng cách chi đếm được số vị A La Hán, cũng chẳng bằng cúng dường một vị 'vô tu vô chúng'. Vô tu vô chúng là gì ? Tức là Phật, tức cũng là chẳng bằng cúng dường cho một vị Phật. Nhưng cúng dường Hằng hà sa số chư Phật vẫn không bằng cúng dường cho một vị vô niệm. Vô trụ, vô tu, vô chúng".

Hôm nay, nói về tôn giả A Na Luật cúng dường một vị Bích Chi Phật, mà đời đời kiếp kiếp không nghèo và còn rất giàu có, không làm thái tử con vua, thì cũng làm con trong gia đình giàu có. Cho nên chúng ta muốn đời đời kiếp kiếp đều không nghèo, thì phải cúng dường Tam Bảo, thì tương lai sẽ có cơ hội giàu có. Song, khi bạn giàu có, thì lại có vấn đề. Vấn đề gì ? đó là :

"Bần cùng bố thí khó,
Giàu sang học đạo khó".

Tôn giả A Na Luật làm sao mà được giàu có ? Vì Ngài nghèo khổ mà biết bố thí, hy sinh bữa cơm trưa của mình, đem cúng dường Tam Bảo, do một niệm chân tâm mà được vô lượng phước báu. Người nghèo chính họ đã không no, mà còn đem đi bố thí, thì chẳng còn gì để ăn, cho nên nói "bố thí khó". Còn giàu có thì sao? thì "học đạo khó". Những người giàu có, bạn kêu họ đến học Phật

pháp, thì họ chẳng chịu đến. Đây là hai điều khó trong hai mươi điều.

**Đủ thứ các đường ác
Địa ngục quý súc sinh
Khổ sinh già bệnh chết
Dần dần đều dứt hết.**

Các đường ác, tức là tất cả những nơi không lành. Đủ thứ là biểu thị nhiều thứ, chẳng riêng gì một đường ác, mà có rất nhiều. Tổng cộng lại thì có bốn: A tu la, ngã quý, súc sinh, địa ngục, đây là bốn đường ác. A tu la ở trước đã giải thích rõ ràng, chúng rất thích đấu tranh, phàm loài chúng sinh nào thích đấu tranh, đều thuộc về A tu la. Địa ngục tạo ra như thế nào? là do nghiệp chướng của mỗi người chúng ta hình thành. Bạn tạo nghiệp ác gì thì có địa ngục đó. Địa ngục lại phân ra rất nhiều loại, trong kinh Địa Tạng có nói: "Địa ngục lớn có mười tám, ngoài ra có năm trăm địa ngục nhỏ, và còn có trăm ngàn vô lượng vô biên địa ngục khác". Địa ngục có phải giống như ngục tù ở nhân gian chăng? Do người xây nhà tù kiên cố, để có ai phạm tội thì nhốt vào tù chăng? Chẳng phải, địa ngục là do nghiệp ác của mỗi người tạo ra mà hiện ra. Bạn tạo nghiệp ác giết người, thì có địa ngục giết người hiện ra; tạo tội ác phóng lửa, thì có địa ngục phóng lửa hiện ra; tạo nghiệp gì thì có địa ngục đó, cho nên loại địa ngục cũng chẳng nhất định. Khi nào bạn trả hết nghiệp,

thì địa ngục chẳng còn nữa, nếu nghiệp chẳng hết thì địa ngục vẫn tồn tại.

Lúc tôi còn ở đông bắc bên Trung Quốc, thì có "Ông họ Lưu tay heo", ông ta có thể nhớ được việc nhân quả ba đời: Ban đầu ông ta là người con có hiếu, đối xử rất tốt với cha mẹ, về sau thì đầu thai vào trong gia đình giàu có. Cha của ông ta bốn mươi tuổi mới sinh ông ra, khi ông ta mười ba tuổi thì cưới vợ, cô vợ lớn hơn ông ta một hai tuổi. Cha của ông ta tuy đã hơn năm mươi tuổi, mà dâm dục vẫn chưa dứt, lại hỏi thêm một bà vợ bé, bà vợ bé này với cô dâu tuổi xấp xỉ nhau. Ông Lưu có vợ chưa đến một hai năm thì sinh con, và con của ông ta lớn lên được mười ba tuổi, thì ông ta lại hỏi vợ cho người con. Vợ của người con cũng lớn hơn người con của ông ta vài tuổi. Trong thời gian đó, cha mẹ của ông đều đã qua đời, chỉ còn lại bà vợ bé của người cha.

Ông ta thấy bà vợ bé của người cha xinh đẹp, thì coi như là vợ của mình, và lúc đó đứa con của ông ta lại chết, ông ta thấy cô vợ của con mình tướng mạo cũng đẹp. Do đó, cô vợ của người con cũng làm vợ của mình. Lúc đó ông ta chỉ mới khoảng hai mươi tám tuổi. Khi ông ta được bốn mươi tuổi, thì mới bắt đầu giác ngộ, tự nghĩ rằng: "Ôi ta một đời tạo quá nhiều nghiệp ác, lấy mẹ của mình làm vợ, lấy con dâu của mình làm vợ, tội nghiệp này chẳng ít". Do đó, ông ta bắt đầu tu, chuyên trì Kinh Kim Cang.

Tụng Kinh Kim Cang hơn mười năm, ông ta vào khoảng hơn năm mươi tuổi thì chết. Chết rồi đến trước vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương là ông vua quản lý tất cả lũ quỷ trong địa ngục, rất là lợi hại, mặt mày đen sì, chẳng đếm xỉa gì đến nhân tình, ông ta bị vua Diêm Vương hỏi : “Tại sao ông cứ tạo những nghiệp ác ? Bây giờ sẽ bỏ ông vào địa ngục chảo dầu sôi, dùng chảo dầu để chiên ông.” Do đó, kêu hai con quỷ đến bắt ông ta bỏ vào chảo dầu sôi.

Lúc đó, bên cạnh có ông quan tòa nói : “Không thể được.” Vua Diêm vương hỏi : “Tại sao không được?” Quan tòa đáp : “Vi ông ta đọc tụng Kinh Kim Cang, trước hết phải xả Kinh Kim Cang ở trong bụng của ông ta ra hết, rồi sau đó mới dùng chảo dầu sôi chiên.”

Do đó, lại kêu ông ta đầu thai làm người, ông ta đầu thai vào một gia đình nghèo khổ, cha mẹ bán đồ điếm tâm. Đứa trẻ này từ nhỏ rất tham ăn, nên bụng trương lên quá to mà chết, chết rồi cha mẹ của anh ta cùng nói rằng: “Tại sao bụng của nó lại to như thế ? Đáo để trong bụng có vật gì thế ? Chúng ta hãy mổ bụng nó ra xem thử”. Bèn mổ bụng ra, thì có một vật rất cứng chắc tựa như đá kim cương, lũ quỷ bèn nói : “Ê ! Bây giờ có thể kêu ông ta vào cạnh chảo dầu sôi là vừa.” Bèn mang ông ta đến gặp vua Diêm Vương nói : “Bây giờ có thể kêu ông ta đầu thai làm heo.” Ông ta lại đầu thai làm heo, bị người nuôi heo cho ăn mập mập rồi làm thịt. Sau đó lại trở về địa ngục để bỏ vào chảo dầu sôi, thì ông ta nói với vua

Diêm Vương: “Ông bắt tất phải bỏ tôi vào chảo dầu sôi, hãy cho tôi đầu thai đến nhân gian làm người, ông chừa cho tôi một tay heo để làm chứng minh, tôi sẽ khuyên người đời đừng tạo tội nghiệp.” Vua Diêm Vương nói : “Như thế cũng tốt.” Do đó, để cho ông ta đầu thai làm người họ Lưu. Vì ông ta có dấu tích heo, cho nên mọi người kêu ông ta là “ông Lưu tay heo.” Người đó tôi đã gặp qua, và còn nói chuyện rất nhiều với ông ta, cho nên mới biết ông ta nhớ việc của mình rất rõ ràng. Đây tức là do nhân duyên tạo thành đường ác. Địa ngục là nơi rất nguy hiểm, hy vọng mọi người đừng tạo nghiệp ác, bằng không thì quả báo khổ khó tránh khỏi.

Còn có một vị pháp sư tại Hợp Nhĩ Tân, một lần nọ, ông ta mắc một chứng bệnh trầm kha, cảm thấy mình chết đi, chết rồi thần thức hướng về phía ngã tư đường chạy, chạy đến cách chùa chẳng bao xa thì đi đầu thai. Đầu thai làm gì? Làm heo. Nhìn thấy mình biến thành thân heo, nhưng chẳng chịu bú sữa nên bị chết đói, chết đói rồi thần thức của ông ta lại trở lại nơi thân của vị pháp sư đó, bèn tỉnh dậy nói: “Ôi , tôi vừa mới đi đầu thai làm heo!”

- Người bên cạnh hỏi ông ta rằng: “Ông đến đâu đầu thai làm heo?”

- Ông ta nói: “Bây giờ bệnh của tôi đã khỏi, tôi sẽ dẫn anh tới nơi đó xem, nơi đó vừa mới sinh bảy con heo con, tôi là một trong số đó, cố ý không bú sữa nên mới chết.” Bèn dẫn anh ta và các vị pháp sư khác, cùng đi đến

chỗ đó, quả nhiên có gia đình nọ có con heo vừa sinh bảy con heo con, đã chết đi một con.

Đó là chính vị pháp sư đó đã trải qua, và tôi cũng đã gặp ông ta. Do đó có thể thấy, được sinh làm người chẳng phải dễ, chúng ta được thân người rất khó. Do đó có câu:

“Thân người khó được,
Phật pháp khó nghe
Thiện tri thức khó gặp”.

Bạn thử tính xem, tại nước Mỹ này có bao nhiêu triệu người, song có bao nhiêu người được nghe Phật pháp? “Thiện tri thức khó gặp”: Bạn muốn gặp một vị thiện tri thức chân chánh hiểu Phật pháp, một vị thầy tốt cũng chẳng dễ dàng. Có những người làm sư phụ, mà ngay cả chính mình cũng chẳng hiểu đạo lý, họ giảng đạo lý cũng giảng chẳng đúng.

Ngạ quỷ cũng do nghiệp lực sở cảm, mới bị quả báo làm ngạ quỷ. Về ngạ quỷ tôi đã từng giải thích rất nhiều lần. Bụng của chúng to như trống, cổ họng nhỏ như kim, những vật mà chúng ta ăn, khi vào trong miệng chúng, thì cũng biến thành lửa. Cảnh giới mỗi loài mỗi khác, chư thiên nhìn thấy nước là lưu ly, chúng ta nhìn thấy nước là nước, cá nhìn thấy nước là nhà của chúng, là cung điện của chúng, quỷ nhìn thấy nước là lửa. Đó đều là nghiệp lực cảm nên, cho nên sự thấy cũng khác nhau. Súc sinh, tôi vừa mới nói vị pháp sư đó đầu thai làm heo, còn

có người đầu thai làm gà, bò, ngựa .v.v... đó đều là do người làm thành. Những người nào chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng cung kính sư trưởng, thì những người đó tương lai đều có quan hệ với súc sinh. Và người nào thích ăn thịt, thì cũng rất nguy hiểm, cũng có mối quan hệ như trên. “Đủ thứ các đường ác” tức cũng là bao quát bốn đường ác.

Khổ sinh già bệnh chết, nhân sinh có ba thứ khổ, tức là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Khổ khổ tức là khổ trong sự khổ, như người nghèo khốn khổ, tức chẳng có tiền, lại chẳng có cơm ăn, lại chẳng có nhà ở, muốn tìm việc làm lại tìm chẳng được, thật là khổ trong sự khổ. Khổ trong sự khổ này, khiến cho con người không thể chịu đựng được.

Vậy người có tiền thì chẳng khổ chẳng? Khổ của người có tiền lại càng lớn, có người nói: “Pháp sư thầy nói đạo lý này tôi chẳng tin”. Bạn không tin tôi cũng nói như thế, bạn tin tôi cũng nói như thế. Tại sao? Bạn thấy tiền nhiều, thì suốt ngày đến tối đều nghĩ rằng:”Số tiền này bỏ vào ngân hàng nào? Số tiền kia tôi phải đem đi làm ăn, còn số tiền nợ phải .v.v...” Đếm tới đếm lui, đếm tới đâu bạc, răng rụng, mắt hoa, tai điếc, lúc đó vẫn chưa đếm xong. Chưa đếm xong thì bạn nói sẽ thế nào? Có vấn đề xảy đến, vì quá nhiều tiền, suốt ngày đến tối cứ lo đếm tiền, đếm tới đếm lui, bị kẻ trộm biết, tối đến phá cửa xông vào, ăn cắp hết mang đi, đây gọi là hoại khổ. Thứ khổ này, so với khổ bần cùng thì lợi hại hơn, vì khổ người

nghèo là khổ tập quán, chẳng cảm thấy khổ như thế nào. Song, người giàu có đột nhiên mất mát đi, thứ khổ này mới là khó chịu đựng. Nhất là người già, chẳng có tiền, tất cả mọi sự đều bất như ý, đây gọi là hoại khổ.

Nói như thế thì, người không giàu cũng không nghèo thì chẳng khổ? Vẫn khổ. Khổ gì? Tức là hành khổ, do từ nhỏ lớn lên rồi già nua, già rồi chết đi, niệm niệm thay đổi, niệm niệm không ngừng. Tức nhiên chẳng có khổ về bản cùng, chẳng có khổ về giàu sang, mà có hành khổ. Ba thứ khổ này chẳng có ai tránh khỏi.

Lại có tám thứ khổ. Ba thứ khổ đã không ít, lại còn thêm tám thứ khổ. Kỳ thật là thế nào? Tám thứ khổ vẫn chưa nhiều. Sự khổ chẳng phải chỉ có tám, mà là có hàng ngàn hàng vạn vô lượng sự khổ. Khổ nhất là làm người, làm súc sinh còn sung sướng hơn làm người nhiều. Làm gì thì không khổ? Làm Phật thì chẳng khổ. Tại sao nói làm súc sinh thì sung sướng hơn làm người? Súc sinh thì chẳng lo về cái ăn, cái mặc, chỗ ở, chúng có điều kiện sinh hoạt thiên nhiên, chẳng lo lắng, bạn nói có phải chăng? Chỉ có làm người là khổ nhiều nhất. Bây giờ bắt tất giảng tám vạn bốn ngàn thứ khổ, cho đến vô lượng thứ khổ, chỉ nói về tám thứ khổ, đó là: Khổ về sinh, già, bệnh, chết, thương yêu mà phải xa lìa, ghét mà gặp nhau, cầu mong chẳng được, năm ấm thiếu đốt. Trong tám thứ khổ này, bạn nói thứ khổ nào khổ nhất? Đó là khổ về sinh, nếu chẳng có sinh, thì chẳng có các thứ khổ kia.

Có người hỏi: ‘‘Khổ về sinh là khổ như thế nào?’’ Tôi biết bạn chẳng còn nhớ, đã quên mất khổ về sinh. Do đó, bây giờ tôi nói cho bạn biết: ‘‘Sự sinh này là do tinh cha huyết mẹ kết hợp thành, lại do thân trung ấm đến đầu thai mà có. Bào thai ở trong bụng mẹ vào tuần lễ thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư, đều chẳng có cảm giác. Nếu lúc đó bà mẹ ăn đồ ăn lạnh, thì bạn cảm thấy như ở trong núi băng, cảm giác rất khó chịu, nếu bà mẹ ăn đồ ăn nóng, thì cảm giác như ở trong hầm lửa, nóng vô cùng. Ở trong bụng mẹ thì có những sự khổ như thế. Và nếu bà mẹ khom lưng, thì thai nhi cảm giác như bị núi đè rất khó chịu vô cùng. Đến lúc sinh ra thì mới là khổ nhất, đang lúc sinh thì giống như hai quả núi đè lên, cho nên khi đưa bé chào đời thì khóc oà lên, kỳ thật tiếng khóc là do khổ mà ra, cho nên mới kêu: ‘‘Khổ quá, khổ quá, khổ quá’’!

Khi sinh ra thì thống khổ như rùa sống lột mai, song một khi lớn lên thì quên hết sự thống khổ đó, sau khi trưởng thành rồi bất tri bất giác thì già đi. Sự khổ của cảnh già nua cũng rất lợi hại. Tuổi già thì tai cũng điếc, họ mắng thì bạn cũng chẳng nghe. Mắt cũng mờ, nhìn vật gì cũng chẳng rõ ràng. Trước hết là lỗ tai và con mắt chẳng giúp đỡ bạn, tuy nhiên lưỡi chẳng rụng, nhưng răng thì rụng. Trước kia tôi gặp cụ già tám chín mươi tuổi, tôi hỏi ông ta: Ông đã gặp người nào rụng lưỡi chẳng? Tại sao răng của ông đều rụng hết?

- Ông ta nói: Không, còn ông đã thấy chưa?

- Tôi nói: Tôi lại càng chẳng thấy qua, ông là người tuổi tác đã cao, mà còn chưa thấy người nào rụng lười, tôi còn trẻ làm sao có thể gặp chuyện lạ như thế?

- Tôi lại hỏi ông ta: “Ông có biết vì sao lười chẳng rụng không? Trên thế gian chẳng có ai rụng lười mà chỉ rụng răng.”

- Ông ta nói: Đạo lý gì?

- Tôi nói: Vì răng quá cứng, cho nên rụng, còn lười quá mềm, cho nên chẳng rụng.

Răng rụng có gì khổ? Răng rụng ăn gì cũng chẳng biết mùi vị, nhai chẳng nát cắn chẳng đứt, chỉ nuốt vào bụng lại khó tiêu hóa, bạn nói có khổ chăng? Lúc đó mặt mày nhăn nhó, do đó có câu: “Da gà tóc bạc”, da thịt rất là sù sì nhăn nhó, đầu tóc thì bạc phơ. “Tóc trắng” này ở nước Mỹ mà nói, thì chẳng phải là người già, vì người tây phương còn nhỏ khi mới sinh ra, thì tóc đã màu trắng, đó chẳng phải là trắng bạc của người già, mà khi còn rất trẻ cũng có tóc trắng. Tóc bạc của người già là do tóc đen mà biến thành trắng, đen có thể biến thành trắng, trắng thì không thể biến thành đen, song có lúc cũng có thể. Lúc tôi ở tại Hồng Kông, thì tóc của tôi hoàn toàn bạc hết, vì tôi làm chùa, làm quá sức, suy nghĩ nhiều, nên đầu tóc bạc phơ. Về sau mọi việc gì cũng đều buông xả hết, nên tóc đen trở lại. Cho nên việc gì cũng chẳng có nhất định, bây giờ đầu tóc của tôi chỉ có chút tóc bạc.

Sự khổ về già cũng chẳng dễ gì chịu đựng, nếu bạn không tin thì hãy thử xem, đợi đến khi bạn già thì sẽ biết,

bạn đừng ngại sống đến bảy, tám mươi tuổi, hoặc tám, chín mươi tuổi, thậm chí một trăm tuổi, thì lúc đó ăn vật gì cũng chẳng biết mùi vị, lúc đó bạn nghĩ lại: Trước kia có vị thầy nói về sự khổ của tuổi già, mà mình chẳng tin, bây giờ mình mới biết là thật không sai. Lúc bấy giờ bạn mới nghĩ đến việc tu đạo, thì đã quá muộn chẳng còn kịp nữa. Bình đẳng nhất là “khổ về bệnh”. Bất cứ ai cũng đều có khổ về bệnh, chẳng có bệnh nặng thì có bệnh nhẹ. Đau đầu thì đầu chẳng yên vui, đau chân thì chân chẳng yên ổn, thân đau thì thân chẳng khỏe. Bệnh có rất nhiều thứ, như có bệnh dạ dày, thì ăn vật gì cũng chẳng thoải mái, nếu bệnh phổi thì ho không ngừng. Tóm lại, ngũ tạng (tim, gan, tỳ, phổi, thận) này mà có bệnh thì khổ.

Còn có sự khổ nhất, đó là khổ về “chết”. Có người nói: “Khổ về chết? Tôi chẳng biết mùi vị ra sao? Tôi muốn biết trước.” Vậy thì bạn hãy thử xem, chết trước một lần, song chẳng có ai bảo đảm bạn sẽ sống lại, cho nên đừng nên thử. Chết thì dễ lắm, chết rồi sẽ đi về đâu? Đây là vấn đề rất quan trọng. Chết rồi sẽ đọa vào địa ngục? Hay là súc sinh? Hoặc tái sinh làm người? Vấn đề này chẳng có ai bảo đảm.

Sinh, già, bệnh, chết, đều là khổ. Tại sao Đức Phật phải đi xuất gia? Cũng vì cảm thấy sinh, già, bệnh, chết chẳng dễ gì chịu được. Khi Ngài mười chín tuổi thì, một ngày nọ đi du ngoạn, đi đến cửa hướng đông thì thấy một người phụ nữ đang sinh đứa bé, bèn hỏi người tùy tùng rằng: Đó là việc gì?

- Người tùy tùng đáp: Đó là đang sinh đứa bé.

Thái tử thấy đứa bé đó lớn tiếng khóc la, mà người phụ nữ đó cũng đau khổ vô cùng, do đó tâm chẳng vui, bèn trở về hoàng cung.

Ngày thứ ba lại đến cửa hướng tây, thì thấy một người bệnh, do đó chẳng còn hứng thú đi nữa, bèn trở về.

Ngày thứ tư đến cửa hướng bắc đi du ngoạn, thì thấy một người chết, Ngài lại hỏi tùy tùng: Đó là việc gì?

- Tùy tùng đáp: Người đó đã chết!”

Ngài lại cảm thấy rất buồn rầu, thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết, ai cũng phải trải qua, thật là khổ, chẳng có ý nghĩa gì, bèn trở về hoàng cung.

Chính lúc đó lại xuất hiện một vị Sa môn, tức là người xuất gia. Thái tử lại hỏi: Người đó làm gì thế?

- Tùy tùng mới đến hỏi vị Sa môn: Ông làm gì vậy?

- Vị Sa môn nói: Tôi là người xuất gia, tu Phật đạo, mới có thể lìa khỏi sự khổ sinh, già, bệnh, chết.

Thái tử nghe được sự tu đạo sẽ chấm dứt sinh tử, thì rất phấn khởi lại hỏi vị Sa môn: Tôi cũng có thể y theo ông tu đạo có được chăng?

- Vị Sa môn trả lời: Ai tu cũng được, bất cứ ai cũng có thể xa lìa sự khổ về sinh già bệnh chết.

Sau khi Thái tử trở lại hoàng cung, thì nửa đêm cùng với Xa Nặc vượt thành xuất gia tu hành. Đức Phật vì cảm thấy sinh già bệnh chết chẳng có ý nghĩa gì, cũng chẳng biết sinh từ đâu đến? Cũng chẳng biết chết rồi sẽ

đi về đâu. Cho nên bèn phát tâm xuất gia, đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, vì muốn tránh khỏi sự khổ sinh già bệnh chết. Ai cũng đều có sinh, nhưng chẳng có ai tránh khỏi sự chết, mọi người tương lai đều phải chết, có người chết an lành, có người chết chẳng an lành, có đủ thứ sự chết khác nhau. Có người chết vì bệnh, có người chết vì đói, có người làm việc nhiều quá lao lực mà chết, có người chết vì tai nạn, có người bị đá trên núi lăn xuống đè chết, hoặc có người đánh lộn bị người đánh chết, hoặc chết ngoài chiến trường, hoặc bị thuốc độc mà chết, hoặc có người tự tử, hoặc có người chẳng muốn chết mà chết, có người muốn chết lại không chết, cho nên sự chết có đủ thứ sự khác nhau.

Tuy là chết khác nhau, nhưng quả báo tương lai cũng khác nhau. Ví như những người chết oan, tức là bị xe cán chết, hoặc bị nước ngập chết, hoặc bị lửa thiêu chết, ở trong sự vô ý phát sinh tai nạn mà chết đi, thì những người này thuộc về chết oan. Hòn quý của họ vua Diêm Vương chẳng quản, quý cũng chẳng quản. Vậy lúc đó họ rất tự do chẳng ? Tuy nói là tự do, song là con quý tự do, chứ chẳng phải người tự do. Người tự do thì có khi cũng chẳng giữ quy cụ, hà hưởng là quý. Quý tự do cũng chẳng giữ quy cụ. Người chết oan thì muốn bắt quý khác thay thế họ. Ví như nơi nào đó trên đường lộ, từng xảy ra tai nạn chết người, thì nơi đó cứ mỗi năm, hoặc trong vòng ba năm, lại xảy ra tai nạn chết người nữa. Nguyên nhân gì ? Vì hòn oan quý ở tại nơi đó đợi, nhất định phải làm

cho người khác chết để họ đi đầu thai, bằng không thì họ vĩnh viễn ở đó không thể đi đầu thai.

Nếu người tự tử uống thuốc độc chết, đến địa ngục chịu hình phạt rất là thống khổ. Hình phạt gì ? Lúc còn sống uống thuốc độc mà chết, thì ở trong địa ngục phải uống nước cốt sắt nóng, vào trong bụng thì ngũ tạng bên trong đều bị thiêu đốt, chết đi rồi lại có gió xảo phong trong địa ngục thổi thì lại sống dậy. Sống dậy rồi lại uống nước cốt sắt nóng, sau đó bị chết đi, chết rồi lại bị gió xảo phong thổi, lại sống dậy, cứ như thế một ngày đêm đều chịu hình phạt như thế, rất khó mà chịu đựng.

Song, nếu bạn có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dần dần sinh già bệnh chết, đủ thứ sự thống khổ đều chẳng còn nữa.

Đây là nói về bốn thứ khổ về thương mà xa lìa. Thương yêu ai ai cũng biết, thương yêu cũng có thể nói là ham muốn. Có người ham sắc, có người thích danh, có người ham tài, cũng có người thích lợi. Ví như có người giàu có, tính toàn chuyện làm ăn lớn để kiếm tiền song làm ăn thất bại lỗ vốn, mất tiền. Đây là người và lợi xa lìa, vốn chẳng muốn xa lìa khỏi tiền bạc, nhưng tiền chẳng còn nữa, đây cũng là khổ về ái biệt ly. Sắc tức là vấn đề nam nữ, người nam thương người nữ, người nữ thương người nam, hai bên thương yêu với nhau, song vì nhân quả kiếp trước gieo trồng chẳng tốt, cho nên sự thương yêu này chẳng được lâu dài, vào dịp nào đó hai bên sẽ chia ly. Khi chia ly, nếu chẳng có thương yêu chân chánh

thì cũng không sao; còn nếu một bên chấp trước vào ái tình, thì sẽ rất đau khổ. Đây là ái biệt ly khổ về thương yêu sắc đẹp. Còn có ái biệt ly khổ về danh. Danh sao lại có biệt ly? Có người nói như vậy: “Danh dự là sinh mạng thứ hai của con người vậy.” Cho rằng có danh tốt, tức là sinh mạng thứ hai của mình, song sinh mạng thứ hai này bị hủy hoại, thì biến thành danh dự quét đất.

Bổn lai chẳng muốn mất danh dự, song chẳng có cách nào hơn, vì nhất thời làm việc sai lầm, khiến cho danh dự mất đi, đây cũng là một thứ khổ ái biệt ly về danh. Khổ ái biệt ly rất nhiều. Ví như vợ chồng chẳng phân ly, nhưng sinh ra đứa con xinh đẹp dễ thương lại thông minh, quý trọng đứa con như châu báu, song đột nhiên đứa con đó qua đời, lúc đó họ rất đau đớn buồn rầu không nguôi, đó cũng là ái biệt ly khổ. Hoặc có người rất có hiếu với cha mẹ, rất cung kính thương yêu, vốn chẳng muốn cha mẹ lìa khỏi mình, song chẳng may cha mẹ qua đời, đó cũng là ái biệt ly khổ.

Tức nhiên biết khổ về ái biệt ly, nhưng đừng chấp trước về ái, đừng đặc nặng sự thương yêu về một người, mà hãy thương yêu bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hành Bồ Tát đạo để độ tất cả chúng sinh, đừng nghĩ tưởng riêng mình, hãy nghĩ tưởng vì chúng sinh, được như thế thì chẳng có khổ về ái biệt ly.

Sự khổ về ái biệt ly này, có người càng chấp trước về ái tình, chẳng có khổ mà tự mình đi tìm khổ. Giống như có những chàng thanh niên vừa kết hôn rồi, suốt ngày

đến tối cứ buồn rầu. Buồn về chuyện gì ? Sợ vợ của y đi tìm bạn trai khác bên ngoài, đó chẳng phải không có khổ mà đi tìm khổ chẳng ? Cũng có những người phụ nữ kết hôn rồi, nhưng người chồng quá đẹp trai, nên suốt ngày cứ buồn bã sợ chồng của cô ta có bạn gái khác, thậm chí nghĩ đến thì không thể ăn cơm. Bạn nói đó có phải là quá ngu si chẳng ? Còn những người chẳng thương người mà thương chó, lại có người thương mèo, coi chó mèo như mạng sống của mình, cho đến đối với tất cả súc sinh hoặc vật chất đều sinh tâm thương yêu. Khi sinh tâm thương yêu thì cũng rất xảo diệu, thương chó mà chó chết đi, thương mèo mà mèo cũng mất đi, họ cũng đau đớn khóc lóc, đó cũng là ái biệt ly khổ. Tóm lại, đối với bất cứ sự vật gì mà bạn nhìn chẳng thấu, buông xả chẳng đặng, và khi có sự phân ly, khiến cho bạn chẳng được sở nguyện như ý, thì cảm thấy rất thống khổ, đó đều gọi là khổ về ái biệt ly.

Có người nói : “Chỉ thương yêu mà có nhiều sự khổ như thế, thì tôi chẳng thương yêu nữa, về sau tôi bắt đầu ghét.” Ghét tức là không thương, có sự chán ghét, có tâm oán hận, đối với sự vật gì cũng đều chẳng thương yêu, đó là sai lầm. Vậy nói thương yêu là có khổ, còn nếu không thương yêu ? Cũng có khổ như nhau, tức là có khổ về “Ghét mà gặp nhau.” Trong trường hợp nào đó, bạn đều cảm thấy rất chán ghét, rất hận những người khác và cũng chẳng có duyên với bất cứ ai, cảm thấy người nào cũng đều không tốt, cho nên ai tôi cũng đều chẳng hoan

hỉ. Bạn chẳng thương người, cũng chẳng thương chó, càng chẳng thương mèo, gì cũng đều chẳng thuận mắt, thấy vật gì cũng đều nổi giận. Do đó, dọn nhà đi đến chỗ khác ở, không ngờ về chỗ đó rồi, lại gặp những người và vật như ở trên, thậm chí còn tệ hơn hoàn cảnh ban đầu.

Những sự tình mà bạn chẳng muốn thấy, càng thấy càng chán ghét, thì những sự tình đó lại càng đến. Rất kỳ lạ, rất kỳ lạ ! Bạn sợ thấy mèo, mà suốt ngày đều có mèo chạy đến chỗ bạn, đánh nói cũng chẳng chạy. Ghét chó, vừa mới thương đó, bây giờ lại ghét, bạn càng ghét nó, thì nó càng gần gũi bạn. Bạn ghét phụ nữ, mà người phụ nữ đó suốt ngày cứ đến tìm bạn. Bạn chẳng vui về lại muốn dọn nhà, đến nơi khác lại có những người và hoàn cảnh như thế, còn tệ hơn lúc trước, chẳng có ngày nào vui về thoải mái. Bạn nói đó có khổ chăng ?

Sự khổ này từ đâu đến ? Vốn từ trong tự tánh của bạn chiêu cảm đến, vì tự tánh của bạn thiếu định lực. Bạn ở nơi đó chẳng có hòa khí với những người lân cận, thì dọn đến chỗ khác cũng chẳng hòa khí, đó chẳng phải là người ta đối với bạn không tốt, mà là chính bạn đối với người không tốt. Vì mình cảm thấy chẳng có duyên với bất cứ ai, cho nên người khác đối với bạn cũng chẳng có duyên. Vậy cảm thấy tốt cũng là khổ, cảm thấy không tốt vẫn là khổ, thì làm cách nào ? Phải hợp với trung đạo, đối với bất cứ việc gì cũng đừng thái quá, thái quá thì cũng như bất cấp. Sự khổ về ghét mà gặp nhau này kỳ quái như thế. Bạn càng không thích điều gì, thì điều đó lại

đến; bạn chẳng muốn gặp người uống rượu, mà người đó suốt ngày ở bên cạnh bạn. Chẳng thích người hút thuốc, mà người hút thuốc cứ đến nhà bạn. Chẳng thích người đánh bạc, mà người đánh bạc mỗi ngày cứ đến tìm bạn. Tại sao ? Vì bạn có sự oán ghét, cho nên tụ lại một chỗ là khổ. Sự khổ về oán ghét gặp nhau, và ái biệt ly, đều là vì mình không minh bạch chân chánh về trung đạo, bị lệch về một bên, lệch về một bên nên mới có khổ. Nếu giữ trung đạo thì chẳng có khổ.

Tin rằng chẳng có ai nhằm chán oán ghét “tiền bạc”, song nếu bạn càng ghét tiền, càng ham nó, thì nó càng không đến. Ham thích mà nó chẳng đến, tức là “khổ về cầu chẳng được”.

Vừa mới nói ái là khổ, ghét cũng khổ, trong ái có sở cầu, có sở cầu mà cầu chẳng được. Có người suốt đời muốn cầu phát tài, song lao lực khổ nhọc, từ khi biết làm ăn cho đến già, đều muốn phát tài, nhưng đến khi chết cũng chẳng phát tài, vẫn nghèo sơ nghèo xát, đó là khổ về cầu chẳng được. Có người cảm thấy làm quan là tốt, do đó bằng mọi cách cầu làm quan, song cầu suốt đời cuối cùng cũng chẳng được, đó cũng là khổ về cầu chẳng được. Có người suốt đời cầu danh, song một đời cũng cầu chẳng được. Có người chẳng có con, thì muốn sinh người con thông minh, xinh đẹp, song cầu tới cầu lui, cũng cầu chẳng được, đó cũng là khổ về cầu chẳng được. Suốt cuộc đời không cầu cái này thì cầu cái kia, song chẳng cầu được cái gì cả. Những người đi học thì mong làm bác sĩ,

song quá khứ chẳng tài bồi căn lành học vấn, nên học đến già mắt chẳng còn thấy, tai chẳng còn nghe được nữa, học suốt đời cũng chẳng đậu được bác sĩ. Ở Trung Quốc có người tên là Lương Hạo, học đến tám mươi hai tuổi mới đỗ trạng nguyên, song được trạng nguyên rồi chẳng bao lâu thì chết, tuy cầu được, nhưng chưa hưởng thụ thì chết mất, đó cũng là khổ. Cầu cái này chẳng được, cầu cái kia không thành, tóm lại những gì bạn tham cầu mà chẳng được, đó đều là khổ.

Lại có khổ về năm ấm, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ở trong Tâm Kinh có nói : “Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.” Nếu bạn nhìn nó đều là không, thì chẳng có khổ. Năm ấm này thiêu đốt rất là hùng hỷ, là khổ nhất, song ai ai cũng chẳng lìa được năm ấm này. Bảy thứ khổ ở trên vừa nói là thuộc về cầu khổ; còn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, này có đủ ở trong tự tánh, luôn luôn đều bên cạnh bạn, muốn lìa cũng lìa chẳng được, đây gọi là khổ về năm ấm thiêu đốt.

Quán chân quán thanh tịnh

Quán trí huệ rộng lớn

Quán bi và quán từ

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.

“Quán chân quán thanh tịnh”: “Quán chân” là gì ? Tức là quán chân không. Chân không tức là chẳng có

tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, đó gọi là quán chân không. Tuy là chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng, nhưng cũng chẳng lìa khỏi tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Do đó, “vô tướng” chứ chẳng phải lìa khỏi ta, người, chúng sinh, thọ mạng, mới không có tướng, mà là ở tại tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, chẳng có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, đây gọi là tại tướng mà lìa tướng, tức cũng như lúc trước tôi thường nói:

“Mắt thấy hình sắc bên trong chẳng có,
Tai nghe việc đời tâm chẳng hay.”

Minh bạch có hình có sắc, mà tại sao bên trong chẳng có? Là vì chẳng chấp trước. Đây là quán không, cũng giống như đại viên cảnh trí.

Trong đại viên cảnh trí, tuy nhiên có vật tất hiện, có tướng tất ứng, có cảnh giới gì, thì hiện cảnh giới đó, song nó chẳng lưu lại dấu vết. Quán chân không của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng tức là như vậy.

Quán thanh tịnh : Thanh tịnh là đối với nhiễm ô mà nói. Nhiễm ô là gì? Có sự chấp trước tức là nhiễm ô, có sự ái trước cũng là nhiễm ô, có sự tham trước cũng là nhiễm ô. Thanh tịnh là chẳng có mọi sự tham, sân, si, nếu có tham sân si thì chẳng thanh tịnh. Ví như sự bố thí, một số người bố thí thường phạm tư tưởng như vậy : “Người

này có chút quan hệ với tôi, anh ta là bạn thân của tôi, hoặc là ở gần tôi, tôi phải bố thí cho anh ta, giúp đỡ anh ta.” Đa số trước khi bố thí, đều so sánh người xa gần, có quan hệ, sau đó mới bố thí cho người xa. Đó là đã có tâm phân biệt xa gần thân sơ, có tâm chấp trước tướng, thì không thể vô tướng bình đẳng bố thí, đó cũng gọi là quán bất thanh tịnh.

Bố thí pháp của Bồ Tát Quán Thế Âm, là Ngài chẳng phân biệt ta người, chẳng phân biệt kẻ thân người lạ, chẳng phân biệt xa gần, chỉ vì bố thí mà bố thí. Bố thí gồm có bố thí tiền tài, bố thí pháp, bố thí vô úy. Bố thí tài lại có bố thí nội tài, và bố thí ngoại tài. Ngoại tài là vật ngoài thân, nội tài là vật trong thân. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo thì có tài thí, tài thí này hướng bên ngoài thí xả đất nước, vợ con, đem tất cả đất nước bố thí cho người khác, đem vợ của mình và con cái của mình, đều bố thí cho chúng sinh, đó mới là thật bố thí, thật xả bỏ, mới đến tất cả ruộng đất, nhà cửa, sự nghiệp, đều bố thí cho người có đạo đức, đây gọi là bố thí ngoại tài.

Bố thí nội tài : Tức là đem đầu, mắt, tủy, não, tính mạng của mình bố thí hết. Trong tâm thường nghĩ : “Nếu có thể đem thân này để cứu tất cả chúng sinh trên thế giới, thì tôi sẽ đem thân thể này bố thí cống hiến cho thế giới. Cho đến quả tim của tôi cũng bố thí cho người, sinh mạng cũng bố thí cho người. Nếu như có người cần cái đầu của tôi, thì tôi chặt cái đầu này xuống để dâng cho họ.”

Như Ngài Xá Lợi Phất khi thực hành Bồ Tát đạo, thì có người xin Ngài một con mắt, Ngài Xá Lợi Phất bèn móc một con mắt ra bố thí cho anh ta, song anh ta nói : “Ông làm rồi, tôi chẳng muốn con mắt này, mà tôi muốn con mắt kia.” Do đó, Ngài Xá Lợi Phất thối bỏ đề tâm. Ngài nghĩ : “Bồ Tát đạo rất khó thực hành.” Ngài chỉ xả bỏ một nửa nội tài, còn nửa kia xả chẳng được. Nhưng Bồ Tát thì nghĩ như vậy: “Nếu có thể lấy não và cốt tủy của tôi làm thành thuốc để cứu người, thì tôi cũng nguyện bố thí.” Đây gọi là bố thí nội tài. Phạm là những gì thuộc về thân thể, trí huệ, tinh thần, đó đều gọi là nội tài.

Còn có bố thí pháp, tức là thuyết pháp giáo hóa chúng sinh. Sự bố thí này lớn hơn hết, do đó:

“Trong các sự bố thí,
Bố thí pháp là hơn hết.”

Bố thí pháp là quan trọng nhất. Cho nên hiện tại chúng ta ở tại Phật Giáo Giảng Đường này, tuy giảng đường chẳng lớn, nhưng pháp lực cũng không nhỏ. Ngày thứ năm do Quả Địa giảng, ngày thứ sáu do Quả Phổ giảng, ngày thứ bảy do Quả Toàn giảng, ngày chủ nhật thì bắt đầu giảng Phẩm Phổ Môn.

Phật Giáo Giảng Đường này, hằng ngày đều bận rộn, vì pháp mà quên mình, vì Phật pháp mà quên đi thân tâm tính mạng, chẳng lo cho sức khỏe của mình. Mỗi ngày ai cũng đều làm việc, tôi là pháp sư cũng làm việc như nhau, tất cả mọi việc tôi đều làm. Máy ngày nay thân

thể hơi đau, tối hôm qua tôi cũng lười một chút, chẳng đến vì làm việc quá mệt nhọc khổ cực, song tôi làm khổ cực, lười một chút cũng không sao, vì tôi đã học tập nhiều năm rồi, nên tôi lười biếng một chút tình còn có thể tha thứ. Song, các vị là đệ tử thì không thể lười biếng, bất cứ ai giảng kinh cũng đều phải đến nghe. Nghe pháp tức là biểu hiện hộ trì đạo tràng. Mọi người đến đông thì pháp hội càng lớn, nếu chẳng có ai đến thì pháp hội càng nhỏ. Do đó, muốn ủng hộ Phật Giáo Giảng Đường thì đến nghe giảng kinh.

Trong số các vị có hộ giáo sư, bố giáo sĩ, tuyên giáo sư. Tuyên giáo sư tức giảng kinh thuyết pháp, bố giáo sĩ là phải đến các nơi truyền bá cho Phật giáo rộng lớn. Hộ giáo sư tức là tận tâm ủng hộ đạo tràng, khiến cho đạo tràng ngày càng phát triển, ngày càng phát dương quang đại. Hộ trì đạo tràng tức là hộ trì Phật giáo, hộ trì Phật giáo tức cũng là hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Đó là trách nhiệm củ mỗi quý vị. Người tây phương đối với Phật pháp xưa kia, có thể nói là kiến giải tựa như trẻ con, vốn chẳng hiểu Phật pháp, giống như có những người Mỹ tự xưng là trưởng giả, bậc pháp sư, bây giờ các vị đều đã biết. Khi hỏi họ Phật giáo là gì, thì họ chẳng biết Phật giáo là gì ? Bây giờ các bạn đã nghe Kinh Lăng Nghiêm ba tháng rồi, có thể nói rằng sự hiểu biết về Phật pháp của quý vị chẳng ít. Hiện tại giảng đến bố thí pháp tức là đem sự hiểu biết về Phật pháp của các bạn, giới thiệu đến với tất cả chúng sinh, phải đi tuyên truyền đến với mỗi người.

Vì hồng dương Phật pháp, có thể quên ăn cơm cũng chẳng cảm thấy đói, quên ngủ cũng chẳng cảm thấy mệt.

Tôi biết quá khứ tôi đã đi tuyên dương Phật pháp, nên đã có sự việc người nào muốn học Phật pháp, thì dù tôi không ăn cơm, không ngủ, cũng vì họ giảng giải. Giảng giải cho họ minh bạch rồi, thì trách nhiệm của tôi mới xong. Tôi hy vọng các bạn cũng y chiếu theo tôi như thế, làm hóa thân của tôi đi hồng dương Phật pháp, đi bố thí pháp. Bố thí pháp so với bạn xả bỏ bao nhiêu tiền vẫn có giá trị hơn. Hiện tại các bạn tích cực học tập Phật pháp, có mấy người muốn xuất gia, đó thật là việc hiếm có. Ở nước Mỹ có thể nói là phá kỷ lục.

Nhiều người như thế muốn xuất gia, muốn làm hòa thượng, muốn làm Tỳ Kheo ni, đó thật là không thể nghĩ bàn. Hiện tại các bạn nên lập cơ sở và quy cụ cho vững chắc, làm tiền đồ cho Phật giáo nước Mỹ, mỗi người đều phải gánh lấy trách nhiệm, phải nghĩ như vậy: “Tôi còn hơi thở, thì Phật giáo là trách nhiệm của tôi.” Nếu người khác nói họ cũng muốn gánh một phần trách nhiệm, như thế thì được, chứ chẳng phải nói tôi gánh trách nhiệm, thì bạn không thể gánh trách nhiệm. Cho nên nói, trách nhiệm của Phật giáo là ai ai cũng có phần, đừng thối thác, các bạn nên đứng vững dậy, lấy việc hồng dương Phật pháp làm trách nhiệm của mình, đó là điều kiện cơ bản bố thí pháp.

Ngoài ra còn có bố thí vô úy (bố thí không sợ hãi). Bố thí vô úy như Bồ Tát Quán Thế Âm cứu bảy nạn, giải

trừ ba độc, ứng hai cầu, đều là một trong bố thí vô úy. Bố thí vô úy tức là người nào đó, có sự sợ hãi kinh hoàng, khi sắp xả bỏ tính mạng, mà bạn hiện thân vô úy, đem sự vô úy an ủi họ. Hiện thân vô úy là gì? Ví như có người ở trong nạn lửa, sắp bị lửa thiêu đốt, vì bị khói mù dày đặc chẳng biết đông tây nam bắc, đã chẳng biết lối nào thoát khỏi hầm lửa. Lúc đó bạn chẳng sợ, dấn thân vào trong lửa để cứu họ ra, đó chẳng phải là việc dễ làm được. Đây gọi là xả thân mạng để cứu họ chúng sinh, tức cũng là bố thí vô úy. Hoặc có người rơi vào trong biển, mắt trông thấy họ sắp bị chết đuối, bạn cũng chẳng nghĩ đến tính mạng của mình, bèn nhảy xuống biển vớt người đó lên bờ. Chẳng những nạn nước lửa, mà cho đến trong đao, binh, pháo lửa, có người bị pháo, hoặc bị giáo thương làm tổn thương, trong chiến trận rất nguy hiểm, mà bạn cũng chẳng màng thân tâm tính mạng của mình, xông vào nơi nguy hiểm nhất để cứu người ra, đó gọi là bố thí vô úy. Tóm lại, tức là lúc người ta sợ hãi, gặp cảnh giới nguy hiểm, mà bạn có thể dùng tâm từ bi, tâm dũng cảm, phát huy tinh thần đại vô úy, tinh thần gì cũng chẳng sợ, đi cứu họ tất cả chúng sinh. Như Ngài Bồ Tát Trì Địa, tuy Ngài chẳng phải trực tiếp tu bố thí vô úy, mà là tu gián tiếp. Tu như thế nào? Ngài biết người qua sông thì cần phải có cầu, không có cầu thì không thể qua sông được, do đó Ngài bèn dùng sức của mình làm chiếc cầu gỗ, khiến cho người khi qua sông chẳng có nguy hiểm.

Song, tuy có cầu chẳng nguy hiểm nhưng nếu gặp lúc nước lớn dâng lên, thì cũng rất nguy hiểm. Giống như Hòa thượng Hư Vân từ Cửu Hoa Sơn đi xuống núi, Ngài nhớ nơi đó vốn có chiếc cầu, bèn y theo như xưa đi đến nơi đó muốn qua sông, không ngờ chiếc cầu đó sớm đã bị nước lớn làm gãy cầu, kết quả Ngài bị rớt xuống sông, ở dưới sông trải qua một ngày một đêm, mới được ông đánh cá kéo lưới lên. Khi kéo lưới ông ta nghĩ: “Ồ ! Lần này nhất định giàu to, trong lưới có con cá thật to.” Không ngờ kéo lưới lên thì nhìn thấy vốn là một vị hòa thượng, nhưng chẳng còn hơi thở. Ở gần đó có ngôi chùa nhỏ, ông đánh cá bèn chạy vào trong chùa kêu người xuất gia nói :”Hòa thượng! Hòa thượng! Hôm nay tôi kéo lưới lên, thì trong lưới có một vị hòa thượng, hãy theo tôi đến xem.” Người trong chùa nghĩ: ”Thật là kỳ lạ, sao trong lưới đánh cá lại có vị hòa thượng ? Đến nơi xem thì vị hòa thượng đó chính là hòa thượng Đức Tịnh. Bèn giúp Ngài làm cho nước trong bụng trào ra hết, lúc đó Ngài mới sống trở lại, thật là được mạng sống lần thứ hai.

Sau khi hòa thượng Hư Vân bị nước ngập chìm không chết, Ngài đến Chùa Cao Môn đả thiên thất, bèn sinh bệnh nặng. Song, thầy phương trượng Nguyệt Lãng cũng chẳng tha thứ cho Ngài, còn muốn kêu Ngài làm đại lý phương trượng (chủ trì về khóa thiên thất). Ngài Hư Vân nghĩ : “Tôi bệnh như thế này, làm sao mà có thể làm đại lý phương trượng?” Do đó, Ngài Hư Vân từ chối, kết quả bị hòa thượng Nguyệt Lãng đánh hương bản. Bạn

thấy đó, Ngài Hư Vân có thể nói là đại thiện tri thức của Trung Quốc, mà ở chùa Cao Môn khổ chẳng biết bao nhiêu.

Bồ Tát Trì Địa chuyên môn làm cầu sửa đường. Lúc Ngài Hư Vân đi đến Vân Nam, trên đường đi cũng gặp một vị hòa thượng sửa đường, suốt ngày đến tối cầm sên làm đường, cũng chẳng nói chuyện, đó cũng là hóa thân của Bồ Tát Trì Địa. Phàm là trên đường có ngói đá, mảnh chai, Ngài đều lượm nhặt để một chỗ bên lề đường, khiến cho đường xá tốt lành.

Suốt ngày Ngài khổ công làm như thế, vậy ai trả tiền công cho Ngài ? Chẳng có ai trả tiền công cho Ngài, bạn nói đó có phải là ngu si chẳng ? Song vì Ngài làm công miễn phí, nên mới tu thành Bồ Tát Trì Địa, chứng được cảnh giới vị bất thối, niệm bất thối, hạnh bất thối, đó tức là tu bố thí vô úy. Pháp môn bố thí vô úy rất là rộng lớn. Tóm lại, lúc người ta sợ hãi thì bạn hãy làm bố thí.

Đây là những ví dụ dễ hiểu, nếu như có người đã mấy ngày chẳng có cơm ăn, gần chết đói, trong tâm sợ hãi hoang mang nghĩ rằng : ‘‘Lần này chắc sắp chết mất, chẳng có tiền để mua vật gì ăn, đi ăn cấp chẳng ? Lại phạm pháp !’’ Trong lúc tiến lùi đều khó khăn, nếu bạn biết được, thấy họ mặt mày vàng vọt ốm yếu, đôi chân chẳng còn sức, đi chẳng nổi, lúc đó bạn hỏi họ : ‘‘Anh thế nào rồi ? Có phải bị bệnh chẳng ?’’ Họ chắc chắn sẽ nói :

“Tôi đã bốn năm ngày chẳng có gì để ăn.” Bạn nói :
”Được, để tôi về nhà lấy đồ ăn cho anh.”

Người chẳng có quần mặc, chịu khổ về mùa đông lạnh lẽo, thì bạn cho họ ít đồ để họ mặc; người chẳng có nhà ở, thì bạn cho họ nhà để ở, đây gọi là bố thí vô úy. Song một hai ngày thì có thể, chứ không thể vĩnh viễn được, ở Trung Quốc có câu : “Có thể cho một bữa chứ không thể cho trăm bữa.” Cho họ một bữa ăn thì có thể, nhưng nếu ngày nào cũng phải cho bạn ăn, thì không thể được. Vì trên thế giới này, ai ai cũng đều phải đi làm công, không nên sinh tâm ỷ lại. Nếu bạn sinh ra tư tưởng rằng : “Tôi mong rằng có người hành Bồ Tát đạo, thì tôi cũng chẳng cần làm việc, đến bữa ăn thì đến nhà có người tin Phật nói : ”Hôm nay tôi chẳng có cơm ăn, bạn hãy cho tôi một chút bố thí vô úy, khiến cho tôi chẳng sợ hãi về việc chẳng có cơm ăn, chẳng chịu khổ về đói khác.” Như thế thì chẳng hợp quy cụ.

Người nào gặp trường hợp bất đắc dĩ, xin người ta giúp đỡ thì được, nhưng nếu bạn còn hơi thở, thì hãy tự cường bất tức, vì thế giới này mà đem lại phước lợi, đừng tiêu hao vật chất của thế giới. Có nghĩa là mọi người đều trợ giúp thế giới này, đừng ỷ lại thế giới này. Trợ giúp cho thế giới như thế nào ? Tức là phải có ích lợi cho người khác, chứ chẳng phải là để cho người khác làm ích lợi cho mình. Nếu bạn có tâm hy vọng người khác lợi ích cho mình, thì đó là tâm ỷ lại mà chẳng có tâm tự cường. Mọi

người đều nên có tâm tự cường bất tức, đừng y lại người khác, đó là tông chỉ của tôi.

Quán thanh tịnh tức là sức quán thanh tịnh, tức là mọi phương diện bố thí, đừng chấp trước về tướng bố thí, đó là quán thanh tịnh, mà chẳng có pháp nhiệm ô. Bồ Tát Quán Thế Âm bố thí chẳng chấp tướng, đều lìa tất cả tướng, cho nên thanh tịnh. Nếu chấp trước thì chẳng thanh tịnh.

“Quán trí huệ rộng lớn”: Bồ Tát Quán Thế Âm có sức quán trí huệ rộng lớn, phổ độ tất cả chúng sinh, giáo hóa chúng sinh.

“Quán bi và quán từ”: Ngài còn có quán bi. Có người hiểu lầm nghĩa kinh nói: “Bồ Tát Quán Âm cũng thường thường khóc, chẳng hoan hỉ, vì Ngài bi quan”. Đây là sai lầm. Bi ở đây chẳng phải là bi thương, mà nghĩa là thương xót. Bồ Tát sinh tâm thương xót đối với tất cả chúng sinh. Tâm thương xót là gì? Bồ Tát luôn luôn nghĩ rằng: “Người này thật đáng thương! Tôi phải dùng các phương pháp để giáo hóa họ, mà họ vẫn không hiểu, vẫn điên điên đảo đảo.” Ngài thương xót chúng sinh như thế, nên gọi là quán bi. Vì Ngài thương xót chúng sinh đó, cho nên Ngài phải độ chúng sinh đó. Giống như bạn thấy đứa bé nọ rất là thiên chân hoạt bát, ai thấy cũng thương. Tại sao được mọi người hoan hỉ? Vì đứa bé được người thương mến.

Sự thương xót này gọi là quán bi. chứ chẳng phải là Bồ Tát Quán Thế Âm suốt ngày đến tối chẳng hoan hỉ,

thậm chí thường thường khóc lóc rơi lệ bi ai. Nếu bạn muốn học Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đừng suốt ngày đến tối khóc lóc sầu muộn mà phải “Rộng sinh hoan hỷ chẳng sinh buồn”. Quán bi của Ngài như thế, chứ chẳng phải khóc lóc bi quan, do đó đừng nên hiểu lầm.

Quán từ, từ hay ban vui, bi hay cứu khổ. Quán bi tức là giải trừ sự thống khổ của chúng sinh. Quán từ tức là ban cho chúng sinh sự an vui. Sự ban cho niềm vui này, chẳng phải là sự an vui tạm thời, mà là sự an vui vĩnh cửu, là sự an vui chân chánh chứ chẳng phải là sự an vui của thế gian. Sự an vui gì ? Tức là ban cho tất cả các pháp, khiến cho chúng sinh thật sự hiểu biết về Phật pháp, để không còn làm chuyện điên đảo thống khổ, đây gọi là ban vui. Việc điên đảo là gì ? Giống như người thích uống rượu, uống say sưa thì cảm thấy mình tựa như thành thần, đi thì nghiêng qua ngã lại, họ cho rằng như thế là tốt nhất, tri giác của họ như khúc gỗ, thậm chí gì cũng chẳng biết. Bạn nói đó chẳng phải là điên đảo chăng ? Một người có chút thông minh, nếu bị rượu chi phối thì chẳng có việc gì mà chẳng làm, nào là giết người, phóng lửa.

Có một buổi sáng sớm nọ ở tại bến xe bus, có một gã say rượu xin tôi tiền để đi mua rượu uống, vì gã chưa uống đủ. Tôi lại nghĩ ra một chuyện, cũng tại bến xe bus, có một người da đen đi ngang qua chẳng nói gì cả, tôi cũng chẳng quen anh ta, anh ta cũng chẳng quen tôi, không hiểu tại sao anh ta lại quỳ xuống lạy tôi, lạy rồi cũng chẳng nói gì, đứng dậy bỏ đi. Người đó chẳng phải

đến lạy để xin tiền, ở trước mặt một đám đông lạy tôi, lạy xong rồi đi. Cũng chẳng biết anh ta là quỷ hay là thần ? Thật là lạ kỳ, tôi thấy anh ta chẳng phải say rượu, không biết có phải là một sự linh cảm nên anh ta lạy tôi. Đa số quỷ thấy tôi thì lạy, và thần thấy tôi cũng lạy. Mà người đó lại xưng là hắc quỷ cung kính lạy tôi, lạy xong cũng chẳng dám nhìn tôi, bèn bỏ đi. Tôi nghĩ đại khái là trên thân của anh ta có quỷ.

Uống rượu là như thế, hút thuốc thì càng điên đảo hơn. Tại sao ? Bỏ lai phổi của bạn sạch sẽ, mà làm cho nó do bẩn. Có người nói : “Hòa thượng, thầy giảng sai rồi, trong phổi của tôi chẳng sạch sẽ.” Không sai ! Phổi của bạn chẳng sạch sẽ. Sự không sạch sẽ này vẫn không sao. Bạn dùng khói đem vào phổi, xông ướp phổi ngày càng đen, ngày càng nám, song bạn chẳng thấy nên không biết. Bạn hút vào một hơi khói, thì cũng giống như tấm gương phủ lên một lớp tro, lại hút một hơi nữa, lại phủ lên một lớp tro. Bỏ lai phổi là sạch sẽ, song bạn muốn xông ướp những lớp bụi tro, đó chẳng phải là điên đảo chăng ?

Và còn hút nha phiến, á phiện, hút vào thì cảm thấy tinh thần lâng lâng, thậm chí như đi trên chín tầng mây. Khi hút ghiền rồi, thì khắp thân chẳng an vui, rất khó chịu. Cho nên tôi hy vọng những người hút thuốc hãy mau bỏ thuốc; người uống rượu hãy mau bỏ rượu; người siêng năng thì đừng học lười biếng. Nên làm nhiều việc thiện, làm việc thiện mới có công đức, nếu không làm thì chẳng có công đức. Công đức là từ việc thiện mà ra, cứ làm việc

thiện thì tự nhiên sẽ có công đức, tự nhiên sẽ chẳng điên đảo nữa. Bạn không làm công đức, còn sử dụng tiền chẳng đúng chỗ thì đó gọi là điên đảo. Nếu bạn dùng tiền vào việc hữu dụng, thì đây chẳng phải là điên đảo, cho nên điên đảo rất là nhiều thứ.

Bồ Tát Quán Thế Âm, hay chỉ rõ hành vi điên đảo của bạn, kêu bạn đừng điên đảo, khiến cho bạn đắc được an vui thật sự, an vui vĩnh viễn, đây gọi là từ; bi hay cứu khổ, chẳng phải là cứu khổ tạm thời của bạn, mà là cứu khổ đời đời kiếp kiếp của bạn. Song, bạn phải sinh niềm tin. Bạn có niềm tin thì Bồ Tát Quán Thế Âm mới có tâm từ bi. Nếu bạn chẳng có niềm tin, thì quán từ và quán bi của Bồ Tát Quán Thế Âm với bạn, cũng như nước với lửa, nước và lửa chẳng dung hợp. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi rất lớn, để đối đãi bạn mà bạn lạnh lùng như băng chẳng hợp với Ngài.

Băng lạnh tức là chẳng có niềm tin. Nếu bạn có niềm tin, thì càng hợp với quán từ và quán bi của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hợp với nhau thì bạn sẽ lìa khổ được vui.

Khổ là gì ? Phiền não của con người tức là khổ. Nếu bạn chẳng có phiền não thì sẽ an vui. Tại sao bạn chẳng an vui ? Vì bạn có phiền não; chẳng có phiền não tức là an vui. Bồ Tát Quán Thế Âm hay làm cho phiền não của bạn tiêu trừ, khiến cho bạn đắc được an vui thật sự, đó tức là quán bi và quán từ.

‘‘Thường nguyện thường chiêm ngưỡng’’ : Tôi nguyện luôn luôn chiêm ngưỡng tướng mạo từ bi của

Ngài Quán Thế Âm, càng nhìn thì càng sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm cung kính. Lạy đại bi sám là một sự biểu hiện cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn chẳng lạy đại bi sám, thì cũng giống như người Mỹ chẳng muốn lạy đánh lễ, cho đến một cái cúi đầu cũng chẳng cúi, đó gọi là tin Phật gì ? Bạn tin ông Phật đó là Phật gì ? Có người nói : “Tôi tin ông Phật của tôi”. Nếu bạn tin ông Phật của bạn thì chẳng thể có. Vì bạn chẳng tìm được ông Phật của bạn, cho nên Phật bên ngoài mà bạn cũng chẳng biết. Nếu tin ông Phật của mình, thì không thể không lạy Phật. Lạy là biểu thị sự cung kính nhất, đây gọi là năm thể sát đất, cũng là một thứ lễ mạo. Bạn chẳng có lễ mạo thì làm sao nói đến tin Phật ?

Trước kia có một vị bác sĩ, khắp nơi ai cũng đều tin ông ta, xem ông ta như sắp thành Phật. Ông ta bèn kêu họ đừng lễ Phật. Mọi người thì lễ Phật, còn ông ta thì đứng một bên, giống như khúc gỗ. Tại sao ? Vì tướng ta quá to lớn. Người không lạy Phật, thứ nhất là ngã mạn, cảm thấy cái ta rất lớn, còn lớn hơn Phật thì làm sao mà lạy Phật? Vì ông ta cống cao ngã mạn nên thấy Phật cũng chẳng lễ bái. Như thế thì làm sao mà học Phật, tin Phật ? Căn bản ông ta chẳng hiểu gì về Phật giáo, song ông ta đi khắp nơi giảng Phật pháp cho mọi người nghe, đó thật là hại người không ít.

Quang thanh tịnh không dơ

Huệ nhật phá các tối Hay phục nạn gió lửa Chiếu sáng khắp thế gian.

Bốn câu kệ này thật diệu không thể tả. Diệu không thể tả như thế nào ? Bốn câu kệ này hay chữa bệnh mắt. Nếu mắt của người nào bệnh, mà có thể luôn luôn niệm bốn câu kệ này, thì bệnh mắt sẽ hết. Tuy bệnh mắt hết nhưng bạn vẫn phải sinh ra trí huệ, thì mới trị hết triệt để. Nếu chẳng sinh ra trí huệ, thì chỉ hết tạm thời thôi, tương lai sẽ tái phát.

Ở trong quyển Quan Âm Dị Kỳ có ghi là hay chữa trị bệnh mắt. Vậy cứu kính thì chữa bệnh mắt như thế nào ? Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, đó là nhờ sức thần thông gia bị của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tóm lại, bạn phải tin kinh văn để ứng dụng vào bất cứ việc gì, thì đều rất linh nghiệm, có hiệu dụng. Nếu bạn không tin thì chẳng có công hiệu. Cho nên Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin mới vào được. Pháp của Phật vô lượng vô biên như biển cả, chẳng biết lớn cỡ nào, sâu cỡ nào. Nếu bạn có niềm tin, thì Phật sẽ có thể tiếp dẫn bạn vào.

“Không như quang thanh tịnh”: Không như là gì ? Như la bụi bặm, cũng là vật không sạch sẽ. Nếu bạn không có những bụi bặm không thanh tịnh, thì tự nhiên sẽ phóng ra quang minh thanh tịnh. Quang minh thanh tịnh là đối với bụi bặm mà nói, chẳng có bụi bặm thì sẽ có quang minh thanh tịnh; có bụi bặm thì chẳng có quang

thanh tịnh. Do đó, chẳng có bụi bặm dơ bẩn, thì sẽ phóng ra quang minh thanh tịnh. Thế nào thì gọi là chẳng có bụi bặm ? Tức là chẳng còn vọng tưởng. Bạn chẳng còn vọng tưởng thì chẳng có bụi bặm. Nếu bạn khởi một vọng tưởng thì có một lớp bụi bặm, khởi ba lớp vọng tưởng thì có ba lớp bụi bặm. Khởi vọng tưởng càng nhiều, thì bụi bặm tích lũy càng dày. Người tham thiền nói là “Minh tâm kiến tánh”, minh tâm tức cũng là chẳng có bụi bặm, kiến tánh tức cũng là thấy được quang minh thanh tịnh. Bạn chẳng có bụi bặm thì mới thấy được quang minh thanh tịnh. Nếu có bụi bặm thì chẳng thấy được quang minh thanh tịnh. Cho nên minh tâm kiến tánh tức là thấy rõ bản tâm mình, thấy được bản tánh mình.

Bản tâm tính tức là trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: “Thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể”. Thường trụ chân tâm tức là minh tâm; tính tịnh minh thể tức là thanh tịnh minh thể, tức cũng là tính Như Lai tạng. Minh tâm kiến tánh tức cũng là minh bạch tính Như Lai tạng của mình vốn có, đây gọi là không nhớ.

“Huệ nhật phá các tối”: Huệ nhật là trí huệ như mặt trời, chiếu phá tất cả chỗ đen tối. Đen tối là gì ? Đen tối có rất nhiều, bây giờ nói đen tối ví như: Bạn chẳng có niềm tin tức là đen tối, bạn chẳng có trí huệ tức là đen tối, bạn chẳng có tâm nguyện cũng là đen tối, chẳng có tâm thực hành cũng là đen tối. Và nữa bạn chẳng giữ giới luật tức là đen tối, bạn chẳng tu định lực là đen tối, bạn chẳng tu huệ là đen tối. Bạn chẳng tu theo con đường giới định

huệ, đó là đi trên con đường đen tối. Bạn y theo giới định huệ tu hành tức là quang minh. Cho nên “Huệ nhật phá các tối”, trí huệ mặt trời chiếu phá tất cả sự đen tối. Bạn muốn nghe Phật pháp, đó tức là quang minh. Trong tâm bạn nói: “Tôi nghe đã mấy ngày rồi, cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Vị pháp sư này ở trên pháp tòa giảng đi giảng lại đều giảng về cái đó, tôi nghe đã nhiều lần rồi, đều kêu mọi người trừ khử tham sân si, tu giới định huệ, tôi nghe đã nhàm quá rồi”. Bạn nghe nhàm rồi, tức là đen tối hiện tiền. Bạn nghe chẳng nhàm, nói: “Vị pháp sư này giảng càng nghe càng có ý nghĩa, càng nghe càng có vị đạo, thậm chí tôi nghe tiếng nói và dáng cười của Pháp sư, sau khi nghe rồi mà pháp sư vẫn ở tại chỗ tại tôi giảng kinh thuyết pháp, suốt ngày đến tối tôi đều nghe tiếng của pháp sư đang nói pháp bên cạnh tôi”. Đó tức là quang minh. Chẳng thích nghe tức là đen tối.

Giảng đến đây, tôi nhớ ra một câu chuyện: Ở tại Hồng Kông có một vị nữ cư sĩ đến gặp tôi, sau khi gặp tôi rồi, thì khi cô ta đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng đều thấy tôi đang giảng kinh nói pháp ở đó, song vị nữ cư sĩ này nói như thế nào? Cô ta nói: “Vị pháp sư Độ Luân này là ma! Sao tôi luôn luôn đều thấy ông ta?” Cô ta thường thấy pháp sư thuyết pháp mà nói là ma. Nếu cô ta thấy ma, chắc cô ta lại cho là Phật. Cho nên người đó thường thấy tôi, mà cứ nói là thấy ma, lại chưởi mắng, lại muốn đánh, chưa đến mấy tháng thì vị nữ cư sĩ đó bệnh ung thư chết. Bỏn lai tôi muốn cứu cô ta, nhưng cô nói tôi là ma,

nên tôi cũng thương xót mà chẳng giúp được. Hôm nay tôi nhớ đến chuyện này, cho nên cô ta thấy pháp sư mà nói là ma; nếu thấy ma thì cô ta lại thế nào ? Do đó, có rất nhiều người thế gian đều nhận giả làm thật. Thật mà họ cho là giả, khi giả thì họ nói là thật.

Trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm như ánh sáng mặt trời, chiếu phá mọi sự đen tối. Chiếu phá những đen tối gì ? Bồ Tát Quán Thế Âm tu quán chân không, chiếu phá đen tối thấy và nghĩ (kiến tư), chứng được đức Bát nhã. Kiến hoặc là gì ? Tức là mê lý khởi phân biệt. Bồ Tát Quán Thế Âm tu quán thanh tịnh, phá trừ đen tối trần sa, chứng được đức giải thoát. Bồ Tát Quán Thế Âm tu quán trí huệ, phá trừ đen tối vô minh, chứng được đức pháp thân.

Đây gọi là ba đức : Đức Bát nhã, đức giải thoát, đức pháp thân. Bồ Tát Quán Thế Âm tu ba quán (quán chân không, quán thanh tịnh, quán trí huệ), mà chứng được ba đức, đoạn trừ đen tối kiến tư, trần sa và vô minh. Cho nên nói huệ nhật phá các tối. Huệ ở đây tức là quán, quán tất cả huệ.

‘‘Hay phục nạn gió lửa’’ : Bồ Tát Quán Thế Âm hàng phục được ba tai nạn, đó là nạn nước, gió, lửa. Lửa thiêu hủy đến cõi sơ thiên, nước ngập đến trời nhị thiên, gió thổi tan trời tam thiên. Tại sao trời sơ thiên bị lửa thiêu hủy ? Vì người trời ở cõi sơ thiên, vẫn còn có lửa phiền não, cho nên lửa trong tự tánh của họ dẫn khởi lửa ở thế gian. Lúc đó, trong hư không xuất hiện bảy mặt trời,

thieu sạch hết tất cả động, thực vật trong đại địa, sau đó thieu cạn nước trong biển cả, thieu sạch hết núi non, chẳng còn tồn tại vật gì.

Nạn lửa lớn như thế trải qua bảy lần, rồi sau đó phát sinh một lần nạn nước lớn. Nạn nước lớn ngập đến trời nhị thiên. Tại sao ? Vì người trời ở cõi nhị thiên vẫn còn đầy dẫy nước phiền não, do đó dẫn khởi nạn nước lớn ở thế gian, sóng dâng lên ngập chìm hết tất cả, chẳng còn nơi đất liền nào tồn tại, tất cả động vật và thực vật đều chẳng tồn tại.

Trải qua bảy lần nạn nước lớn rồi, thì phát sinh nạn gió lớn. Nạn gió này còn lợi hại hơn, so với nạn lửa và nước vừa nói ở trên, chẳng những thổi sơn hà đại địa ở thế gian nát thành bụi, mà còn thổi đến trời tam thiên, khiến cho trời tam thiên cũng chẳng tồn tại. Có câu kệ nói rằng :

“Lục dục chư thiên cụ ngũ suy,
Tam thiên thiên thượng hữu phong tai,
Nhậm quân tu đáo Phi Phi Tướng,
Bất như tây phương quy khứ lai.”

Nghĩa là :

“Sáu cõi trời dục giới có năm tướng suy,
Trên trời tam thiên có nạn gió,
Cho dù tu đến trời Phi Phi Tướng,
Chẳng bằng sinh về cõi tây phương.”

Năm tướng suy là gì ?

① Thứ nhất là mũ hoa trên đầu héo úa. Người trời dùng hoa làm mũ đội trên đầu, thứ hoa này chẳng phải người trồng, mà là tự nhiên sinh ra làm mũ đội. Đến khi năm tướng suy hiện ra thì hoa úa phai tàn. Lúc chẳng có năm tướng suy hiện ra, thì hoa luôn luôn tươi tốt. Khi hoa bắt đầu phai tàn, thì họ biết tuổi thọ sắp hết.

② Thứ hai là quần áo dơ bẩn. Quần áo của người trời mặc, chẳng giống như quần áo thế gian, mỗi tuần phải giặt một lần, hoặc hai tuần phải giặt một lần. Nếu chẳng giặt thì chẳng sạch. Quần áo của người trời mặc, chẳng cần phải giặt, vì nó chẳng dơ. Song, đến khi năm tướng suy hiện, quần áo của họ dơ bẩn, thì họ biết tuổi thọ sắp hết. Giống như người chúng ta, khi hơi thở chưa tắt mà trên thân có chỗ đã sinh trùng. Bình thường nó chẳng sinh trùng, đến khi hơi thở sắp chấm dứt, thì trên thân rất nhiều chỗ đều có trùng. Quần áo của người trời dính bụi cũng là nghiệp báo chiêu cảm. Tại sao trên thế giới của chúng ta có rất nhiều bụi bặm ? Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói, vì trong tâm của chúng ta quá nhiều vọng tưởng, cho nên bụi trên thế giới cũng biến thành nhiều. Vọng tưởng của chúng ta như là bụi bặm, chẳng có gì khác biệt. Do đó, tất cả bụi bặm đều do tâm vọng tưởng của chúng ta tạo thành. Năm tướng suy của người trời hiện tiền, thì quần áo cũng có bụi bặm.

③ Thứ ba là hai nách ra mồ hôi, thân của người trời chẳng giống như thân của chúng ta, luôn luôn ra mồ hôi,

họ chẳng bao giờ có mồ hôi, song, năm tướng suy hiện tiền thì hai nách ra mồ hôi.

④ Thứ tư là thân thể hôi hám. Thân của người trời suốt ngày đến tối, đều tỏa ra mùi hương thơm, chẳng phải họ xoa dầu thơm, mà là tự nhiên tỏa ra mùi thơm. Khi năm tướng suy hiện tiền, thì trên thân chẳng còn mùi thơm mà tỏa ra mùi hôi hám.

⑤ Thứ năm là chẳng thích ngồi trên tòa nữa. Người trời thật là tự tại, suốt ngày đến tối đều thích ngồi thiền nhập định, chẳng có việc gì để làm. Khi năm tướng suy hiện tiền, thì họ ngồi chẳng yên, ngồi một chút lại đứng lên, đứng lên lại ngồi xuống, cứ đứng lên ngồi xuống như thế, một niệm mất đi tri giác thì sẽ đọa lạc, người trời hết tuổi thọ.

Đó là trời lục dục có năm tướng suy hiện, song trời sơ thiên thì có nạn lửa, trời nhị thiên thì có nạn nước, trời tam thiên thì có nạn gió, vì người trời cõi tam thiên có gió phiền não, cho nên tiếp xúc với luồng gió thế gian, mà dẫn đến nạn gió. Từ khi bạn sinh về cõi trời Phi Phi Tửông, hưởng thọ phước trời tám vạn đại kiếp, song khi phước trời hết, thì vẫn bị đọa lạc vào nhân gian, hoặc đọa làm ngạ quỷ, súc sinh, hoặc đọa vào địa ngục, chẳng nhất định, cho nên rất là nguy hiểm.

Chẳng bằng tu vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, sau đó trở lại con thuyền từ bi, giống như Bồ Tát Quán Thế Âm đến giáo hóa chúng sinh.

“Chiếu sáng khắp thế gian”: Trí huệ quang minh của Bồ Tát Quán Thế Âm chiếu soi khắp thế giới Phàm Thánh Đồng Cư (thế giới người phàm và Thánh nhân ở với nhau). Nơi hiện nay chúng ta đang ở gọi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tức là nơi phàm phu và bậc Thánh đều ở. Bồ Tát Quán Thế Âm tu đại trí đại huệ, lại chiếu soi khắp thế giới Phương Tiện Hữu Dư, tức là thế giới của hàng nhị thừa ở. Phương tiện tức là thiện xảo phương tiện. Hữu dư là chỉ thế giới đó, phiền não vẫn chưa đoạn sạch, còn dư thừa. Bồ Tát Quán Thế Âm đầy đủ đại trí huệ, lại chiếu khắp thế giới Thật Báo Trang Nghiêm, tức là thế giới Bồ Tát ở. Thế giới của Phật ở là thế giới Thường Tịch Quang, còn gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Đại trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm đều chiếu khắp cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cho nên nói : “Chiếu sáng khắp thế gian.”

Bi thế giới lôi chấn

Ý từ diệu mây lớn

Rưới mưa pháp cam lồ

Dập tắt lửa phiền não.

“Bi thế giới lôi chấn” : Bốn câu kệ này là khen ngợi từ bi của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi làm pháp thể của Ngài. Từ bi pháp thể của Ngài từ đâu sinh ra ? Là từ giữ giới mà sinh ra. Lúc ban

đầu Bồ Tát Quán Thế Âm tu đạo, thì chuyên tu giới luật mà sinh ra đại từ bi rộng lớn, pháp thể vô duyên đại từ. Thứ pháp thể này âm thanh lớn như là tiếng sét đánh, đánh thức tất cả chúng sinh, người điếc cũng nghe được, người ngu cũng nghe được. Cho nên câu “Bi thể giới lời chấn” này, là khen ngợi thân nghiệp của Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn.

“Ý từ diệu mây lớn”: Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi bình đẳng, mắt từ nhìn chúng sinh. Trong bốn kinh cũng nói: “Mắt từ nhìn chúng sinh, biển phước tụ vô lượng.” Bồ Tát Quán Thế Âm tu phước đức vô lượng vô biên như biển cả. Ý niệm từ bi của Ngài bình đẳng ban vui cho chúng sinh, cảnh giới không thể nghĩ bàn này, giống như đám mây lớn ở trong hư không.

“Rưới mưa pháp cam lồ”: Rưới nghĩa là mưa xuống, mưa xuống nước pháp cam lồ. Cam lồ là gì? Cam lồ tức là thuốc trường sinh bất lão ở trên trời, tuổi thọ của người trời lâu như thế, là do uống thuốc trường sinh bất lão. Có người nói: “Người trời cũng uống thuốc, khó trách người bây giờ muốn khai ngộ cũng uống thuốc.” Song, thuốc trên trời là tự nhiên, là ở trên trời vốn có, chẳng cần trải qua làm bằng tay, uống thứ thuốc bất lão này thì chẳng già. Mây lớn vi diệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, rưới xuống mưa pháp cam lồ, rưới xuống thuốc trường sinh bất lão, khiến cho tất cả mọi người lìa khỏi khổ sinh già bệnh chết.

“Dập tắt lửa phiền não”: Bồ Tát Quán Thế Âm dập tắt hết lửa phiền não của con người trên thế gian, mỗi người đều có phiền não. Tại sao chẳng thành Phật? Vì có phiền não. Tại sao chẳng khai ngộ? Vì có phiền não. Tại sao bạn chẳng được giải thoát, chẳng được tự tại thật sự? Cũng vì bạn có phiền não. Phiền não tức cũng là chấp trước. Chấp trước tức là một tên khác của phiền não. Bạn có sự chấp trước thì chẳng được giải thoát, có rất nhiều phiền não. Vậy chấp trước lại từ đâu đến? Là từ tâm ích kỷ lợi mình mà sinh ra. Nếu bạn chẳng có tâm ích kỷ lợi mình, mà đại công vô tư, thì bạn lại có gì để chấp trước? Nếu bạn chẳng có tâm ích kỷ, thì chẳng có sự chấp trước. Chẳng chấp trước thì chẳng có phiền não, chẳng phiền não thì giải thoát, đắc được giải thoát, thì khai ngộ cũng là thành Phật. Cho nên, phiền não của chúng ta là một vật tẻ nhất. Song, mỗi người đều xả bỏ chẳng đặng vật tẻ hại này, đều muốn đi đứng nằm ngồi với phiền não, lia chẳng khỏi, có người nói: “Tôi luôn luôn an vui, đó gọi là chẳng có phiền não.” Nếu bạn thật sự đắc được an vui, thì đương nhiên chẳng có phiền não. Nếu chẳng đắc được an vui thật sự, thì tức là miễn cưỡng dùng tâm tạo tác để làm sự an vui này, đó chẳng phải là an vui thật sự, vì phiền não vẫn ẩn tàng ở bên trong. Một ngày nào đó nó sẽ phát tác, giống như dùng một hòn đá lớn đè lên cỏ, tuy cỏ chẳng lớn, nhưng tương lai lấy hòn đá ra, thì cỏ sẽ lớn lên tươi tốt. Trong bốn hoàng thế nguyện, thì nguyện thứ nhất là: “Chúng sinh thế nguyện độ.” Tại sao Bồ Tát Quán

Thế Âm lại đến thế giới này ? Là vì : “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.” “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn” : Bồ Tát Quán Thế Âm có phiền não chăng ? Ngài đã đoạn sạch phiền não, song Ngài lấy phiền não của chúng sinh làm phiền não của mình. Ngài thấy phiền não của chúng sinh chưa đoạn, nên Ngài dùng đủ thứ pháp môn giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh đoạn trừ phiền não. Phiền não thì chẳng cùng tận, giống như sóng biển, niệm trước diệt thì niệm sau sinh ra; niệm sau diệt rồi, thì niệm sau nữa lại sinh, liên tục không ngừng, phiền não cũng như thế. “Pháp môn vô lượng thế nguyện học” : Phật pháp có vô lượng vô biên pháp môn. Có người đọc một bộ kinh, hoặc đọc được hai bộ kinh thì tự mãn, nói họ đã hiểu Phật pháp. Phật pháp mà họ hiểu, thật là chẳng bằng một giọt nước trong biển cả. Giống như con kiến ra biển uống nước, uống no nê đầy bụng rồi nói : “Tôi đã uống cạn hết nước trong biển.” Nước ở trong biển, nó chẳng uống được một giọt. “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành” : Chẳng có gì cao hơn Phật đạo, do đó mỗi người nên phát nguyện thành Phật, không nên coi mình quá nhỏ bé, phải xem mình bỗng lai là Phật. Song, bỗng lai là Phật, chứ chẳng phải hiện tại là Phật. Bỗng lai ban đầu chúng ta đều đầy đủ Phật tánh như Phật, không hai không khác. Song, hiện tại chúng ta vì chẳng biết tu hành, cho nên chẳng có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, đại bản lãnh của Phật, đó là bốn thế nguyện lớn. Bồ Tát Quán Thế Âm vốn chiếu theo bốn thế nguyện

lớn này, để giáo hóa chúng sinh, cho nên rưới mưa pháp cam lồ, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được mát mẻ, chẳng còn phiền não. Đây gọi là “Dập tắt lửa phiền não.”

**Tranh kiện nơi quan tòa
Trong trận chiến sợ hãi
Nhờ sức niệm Quan Âm
Các oán địch lui tan.**

“Tranh kiện nơi quan tòa”. Tranh là đấu tranh. Vào thời mạt pháp là thời đấu tranh kiên cố. Khi Phật còn tại thế là thời đại chánh pháp, sau khi Phật diệt độ là thời đại tượng pháp. Sau khi Phật diệt độ trải qua hai ngàn năm, là thời đại mạt pháp. Thời đại chánh pháp là thiên định kiên cố, ai ai cũng đều thích tham thiền, tập định, tu định lực. Thời đại chánh pháp một ngàn năm. Từ khi Phật ra đời đến Phật diệt độ một ngàn năm gọi là thời đại chánh pháp. Qua thời đại chánh pháp thì đến thời kỳ tượng pháp, thời kỳ này là chùa chiền kiên cố, ai cũng hoan hỉ phấn khởi làm chùa, tạo tượng Phật, cho nên trên thế giới có những nước có rất nhiều chùa, thời đại tượng pháp là một ngàn năm. Qua một ngàn năm rồi, thì đến thời đại mạt pháp, pháp đến đoạn cuối.

Thời đại mạt pháp gồm có mười ngàn năm, thời kỳ này chẳng phải thiên định kiên cố, cũng chẳng phải chùa chiền kiên cố, mà là đấu tranh kiên cố. Nước này với nước khác đấu tranh, nhà với nhà kia đấu tranh, người với

người đấu tranh, súc sinh với súc sinh đấu tranh, quý với quý đấu tranh, khắp nơi đều đấu tranh. Tại sao phải đấu tranh. Vì thời đại mạt pháp, con người chỉ biết đấu tranh. Song, trong thời kỳ mạt pháp cũng có thời đại chánh pháp. Thời đại tượng pháp cũng có thời đại chánh pháp. Nghĩa là thời đại mạt pháp, cũng không thể nói là không có sự tham thiền đả tọa. Giống như hiện tại chúng ta, mỗi người đều bận rộn, hoặc sáng sớm, hoặc buổi tối, hoặc buổi trưa, tranh thủ tu hành, tham thiền đả tọa, đây cũng là thời đại chánh pháp, bất quá một phần ít trong thời đại mạt pháp, ít lại càng ít. Cho nên trong thời đại mạt pháp, chúng ta vẫn giảng kinh thuyết pháp, còn có người rất bận rộn, thậm chí chẳng ngủ, chẳng ăn để nghe kinh, đây cũng là chánh pháp trong thời đại mạt pháp. Bây giờ, mọi người đều đề xướng làm chùa, thành lập đạo tràng, đây cũng là việc làm của thời đại tượng pháp. Cho nên thời đại mạt pháp cũng có thời đại tượng pháp, cũng có thời đại chánh pháp. Thời đại tượng pháp cũng có thời đại chánh pháp, cũng có thời đại mạt pháp. Vì thời đại tượng pháp cũng có người chẳng làm chùa, chẳng tin Phật pháp, đó cũng giống như mạt pháp. Tại sao thời đại tượng pháp phải làm chùa ? Làm chùa có thể khiến cho mọi người tụ lại một chỗ để dụng công tu hành, đây cũng là thời đại chánh pháp. Trong thời đại chánh pháp cũng có tượng pháp và mạt pháp. Thời đại chánh pháp cũng có người làm chùa, giống như thời đại tượng pháp. Thời đại chánh pháp cũng chẳng phải ai ai cũng học Phật pháp, có người

học chút chút Phật pháp, sau đó chẳng học nữa, thì nói chỉ đến nghiên cứu, đó cũng là mật pháp ở trong thời đại chánh pháp. Ở trong mỗi thời kỳ, đều có đủ chánh pháp, tượng pháp và mật pháp.

Hiện tại thời đại mật pháp này là đấu tranh kiên cố, mà chúng ta có thể duy trì Phật pháp, khiến cho Phật pháp trụ lâu ở đời, mỗi ngày tụng trì Chú Lăng Nghiêm đều có lợi ích rất lớn đối với thế giới. Tại sao? Vì nếu trên thế giới chẳng còn ai tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì thế giới này sẽ sớm hủy diệt. Lúc đó yêu ma quỷ quái, tất cả lị mị vọng lượng đều xuất hiện. Tại sao bây giờ chúng chẳng dám xuất hiện? Vì trên thế giới này còn có người tụng trì Chú Lăng Nghiêm, tu bốn mươi hai tay và mắt của Chú Đại Bi, tu pháp môn thiên thủ thiên nhãn, cho nên yêu ma quỷ quái chẳng dám xuất hiện hoành hành.

Kiện tụng là đến tòa án để nói lý lẽ. Nói lý lẽ phải mời luật sư. Luật sư có thể nói người có lý lẽ thành người chẳng có lý lẽ. Người chẳng có lý lẽ thì có thể nói họ thành có lý lẽ. Đây gọi là điên đảo thị phi. Trước đây mấy tháng, có một phụ nữ giết chồng, song cô ta giàu có bèn ra điều kiện với luật sư, nếu luật sư có thể tẩy sạch tội của cô ta, đánh bại ông tòa, thì cô ta sẽ cho ông ta một số tiền. Vị luật sư đó biết cô ta là người giết chồng, song ở tại tòa án thì ông ta cường từ đoạt lý, biện luận thế cho cô ta, mà chẳng bắt cô ta phải đền mạng. Bạn nói như thế có lý lẽ chẳng? Chỉ cần có tiền thì dù giết người cũng chẳng có tội, đây tức là kiện tụng. Tức nhiên chẳng có tội, chẳng

cần đền mạng, thì thử hỏi trên thế giới này còn có chân lý chẳng ? Bỏn lai muốn ra tòa án là để nói lý lẽ, song đến đó thì luật sư vì người biện luận có lý lẽ thì biến thành chẳng có lý lẽ, chẳng có lý lẽ cũng biến thành có lý lẽ, chẳng có lý lẽ cũng biến thành có lý lẽ. Bạn nói thế giới này chẳng phải là thế giới đen tối chẳng ?

“Nơi quan tòa”: Quan tòa là nơi nói lý lẽ, xem thử ai phải ai trái. Song, lúc đó dù bạn đúng mà chẳng có tiền thì cũng thành có tội. Nếu bạn sai mà bạn có tiền thì cũng thành vô tội. Cho nên trên thế giới này, con người vẫn bị tiền chi phối, làm cho lương tâm con người mất đi.

“Trong trận chiến sợ hãi”: Khi gặp hoàn cảnh sợ hãi, thì bạn nên niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì “các oán địch lui tan”, tất cả các oán hận đều lui tan. Kiện tụng và ở trong trận chiến đấu tranh với nhau, đều do đời đời kiếp kiếp kết oán quá nhiều, cho nên mới tụ hội lại một chỗ, cùng nhau trả quả báo.

Song, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì những quả báo đó đều sẽ giảm bớt, nặng biến thành nhẹ, nhẹ thì biến thành không có gì cả. Nếu chẳng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì vấn đề đó sẽ nghiêm trọng, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ giảm nhẹ. Do đó, cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn, chẳng phải một số người biết được.

Vào thế chiến thứ hai, ở Thượng Hải có một vị cư sĩ tên là Phí Phạm Cảnh, bình thường ông ta đều niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, vào thời kỳ Nhật Bản chiếm Trung

Quốc, thì Thượng Hải thường bị quân Nhật bắn phá thả bom. Ông ta có cảm giác rằng nhà của ông đang ở sẽ có nguy hiểm, sẽ bị bom đạn. Do đó, bèn dọn nhà đến nơi khác. Ông ta vừa mới dọn đi thì, nơi đó quả nhiên bị quân Nhật bắn phá. Nơi mà ông ta mới dọn đến cách bốn năm ngày sau, ông cũng cảm thấy chẳng an toàn lắm, do đó ông ta lại dọn đến khu Tô Giới. Ở Thượng Hải có một khu vực của người nước ngoài mượn của Trung Quốc để ở, cho nên Nhật Bản chẳng dám đến đất Tô Giới để xâm chiếm. Ông ta dọn đến đất Tô Giới rồi, ông ta lại sợ chỗ này cũng chẳng an toàn, lại muốn đi. Nhưng chung quanh bên ngoài Tô Giới đều có lưới điện bao bọc, cho nên ông ta cũng chẳng có cách nào để đi, trong lúc tiến thối lưỡng nan, không thể quyết định thì gặp một đứa bé nói với ông ta rằng : ‘‘Hãy đi mau, đằng sau có quân Nhật đến’’. Do đó, ông ta nhìn thấy lưới điện có lỗ trống rộng khoảng hai thước, chỉ vừa đủ một người chun ra. Ông ta thấy cậu bé chun ra, thì cả nhà ông ta cũng đều chun ra chạy. Sau đó họ nhìn bốn phía đất Tô Giới đều có quân đội phòng thủ, cảm thấy rất kỳ lạ, chẳng biết sao họ lại ra được ? Đến khi ông ta tìm đứa bé, thì chẳng thấy nữa, nhìn lại lưới điện thì cũng chẳng thấy lỗ trống đó nữa. Ông ta cảm thấy rất kỳ quái, ông ta bèn đi đến Tô Châu, tai nạn quân đội tác chiến ông ta cũng được bình an vô sự.

Do đó có thể chứng minh, cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm thật là cao sâu khó dò, con người chẳng dễ gì hiểu được. Trong những hoàn cảnh đó, Bồ Tát Quán

Thế Âm sẽ bảo hộ người niệm danh hiệu của Ngài, cho nên mỗi người chúng ta, nên sinh niềm tin chân thành niệm Bồ Tát Quán Thế Âm.

Các oán địch, tức mới vừa nói nước này với nước kia đấu tranh, nhà với nhà đấu tranh, người với người đấu tranh, quý với quý đấu tranh, đó đều là do nghiệp lực của chúng sinh sở cảm, mà tạo thành cục diện như thế. Bây giờ có rất nhiều nước, song bạn đừng cho rằng trong những nước đó đều là người. Có những bầy chuộc đi đầu thai làm người mà trở thành một nước, nhiều ếch nhái cũng đầu thai làm người, và trở thành một nước. Mùa xuân năm nay, có người đem đến tin tức trong báo nói rằng : Ở Thái Lan có mấy chục ngàn con ếch nhái tự sát. Tại sao ? Vì nước đó cũng là nước có nhiều ếch nhái, cho nên chúng tự sát có thể đi đầu thai làm người. Người trong mỗi nước đều đồng một giống loài, giống loài đó kiếp trước đa số là một loài súc sinh, cho nên cùng nhau làm dân trong một quốc gia. Mùa xuân năm nay tôi nói về vấn đề này thì có người hỏi : “Đa số người Mỹ là từ giống gì tái sinh ? Là giống loại gì mà thành một nước ?” Tôi trả lời : “Người và súc sinh đều có, vì nước Mỹ là do các nước di dân đến, là người và súc sinh tạp nhạp với nhau.” Đây là sự thật chứ chẳng phải nói đùa. Nếu các bạn mở ngũ nhãn, thì sẽ biết người của thế giới này, chẳng nhất định là người, mà đủ loại. Làm sao nhìn thấy được ? Nếu bạn có mắt Phật, khai mở mắt trí huệ, muốn biết người đời trước là gì ? Ở đời trước làm gì ? Thì bạn

có thể nhìn hình dáng phía sau của người đó, hình dáng kiếp trước đó, đời này vẫn theo họ. Nếu kiếp trước là người, thì hình dáng là người, nếu là súc sinh thì hình dáng là súc sinh, nếu là yêu quái thì có hình dáng yêu quái. Chỉ có người khai mở ngũ nhãn, thì mới có thể nhìn thấy rõ ràng. Nếu người chẳng khai mở ngũ nhãn, thì chẳng phân biệt được.

Cho nên bạn thấy người đừng cho rằng đó là người. Làm thế nào biết được những vấn đề đó? Nếu bạn đắc được thần nhãn thông thì sẽ biết dễ dàng. Chỉ cần bạn chân thật dụng công tu hành, thì muốn biết gì cũng đều được. Còn có nước (chẳng phải là tôi chửi người) rất nhiều người đều là chuột biến thành, bất quá, tuy có rất nhiều chuột, nhưng trong nước đó cũng có rất nhiều người, cũng có rất nhiều quý và súc sinh. Tóm lại, mỗi nước đều có trâu ngựa dê gà chó heo, đủ thứ loại. Con người cũng do những chúng sinh đó biến thành. Đạo lý này nói ra thật là vi diệu. Một số người chẳng chứng thật về việc này cho nên không tin. Muốn chứng thật về việc này, thì phải cước đạp thật địa dụng công tu hành, đắc được thần thông thì sẽ nói : "Trước kia có một vị pháp sư nói về đạo lý này, thật chẳng sai chút nào, sao việc vi diệu như thế, Ngài đều có thể nói ra", lúc đó bạn sẽ biết.

Tiếng diệu Quán Thế Âm

Tiếng phạm tiếng hải triều

Hơn hẳn tiếng thế gian

Cho nên thường phải niệm.

“Tiếng diệu Quán Thế Âm”: Bài kệ ở trước là: “Quán chân quán thanh tịnh, quán trí huệ rộng lớn, quán bi và quán từ, thường nguyện thường chiêm ngưỡng.” Tức là nói về chữ “quán”. Bây giờ là nói về chữ “tiếng” (âm). “Tiếng” này là tiếng diệu Quán Thế Âm. Tiếng của Quán Thế Âm là tiếng vi diệu, âm thanh vi diệu này tức là Quán Thế Âm.

“Tiếng phạm tiếng hải triều”: Âm thanh của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những vi diệu, mà còn thanh tịnh, như tiếng hải triều. Khi biển đến lúc nhất đỉnh, thì sẽ phát sinh hải triều. Tiếng thanh tịnh của Bồ Tát Quán Thế Âm như tiếng hải triều.

“Hơn hẳn tiếng thế gian”: Âm thanh của Bồ Tát Quán Thế Âm, hơn hẳn mọi âm thanh của thế gian.

“Cho nên thường phải niệm”: Vì vậy, cho nên chúng ta mỗi người, đều phải thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm.

**Niệm niệm chớ sinh nghi
Quán Thế Âm tịnh Thánh
Khi khổ não nạn chết
Hay làm nơi nương tựa.**

“Niệm niệm chớ sinh nghi”: Khi chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đừng bao giờ sinh tâm nghi ngờ,

đừng nghĩ như vậy: “Niệm có ích gì? Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chẳng phải là chẳng có ý nghĩa gì chăng?” Hằng ngày niệm Bồ Tát Quán Thế Âm mà bạn sinh tâm hoài nghi. Quan trọng nhất là đừng sinh tâm nghi ngờ, trong một niệm cũng đừng sinh tâm hoài nghi, phải sinh niềm tin.

“Quán Thế Âm tịnh thánh”: Bồ Tát Quán Thế Âm là bậc Thánh thanh tịnh.

“Khi khổ não nạn chết”: Khi bạn có khổ não đau đớn, hoặc khi gặp nguy hiểm sắp chết.

“Hay làm chỗ nương tựa”: Lúc đó Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ bảo hộ bạn. Bạn có thể đem thân tâm tính mạng giao cho Bồ Tát Quán Thế Âm, thì Ngài nhất định sẽ trợ giúp bạn.

**Đủ tất cả công đức
Mắt từ trông chúng sinh
Biển phước tụ vô lượng
Cho nên phải đánh lễ.**

“Đủ tất cả công đức”: Bồ Tát Quán Thế Âm đầy đủ tất cả thần thông diệu dụng, đầy đủ tất cả các thứ công đức, tất cả thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn đều không thiếu.

“Mắt từ trông chúng sinh”: Bồ Tát Quán Thế Âm đều dùng mắt cha lành nhìn chúng sinh. Bất cứ chúng

sinh có lỗi gì, hoặc chẳng có lỗi lầm, có tội nghiệp, hoặc chẳng có tội nghiệp, Ngài đều từ bi đến cứu độ như nhau.

“Tụ biển phước vô lượng” : Vì Bồ Tát Quán Thế Âm dùng đại từ bi bình đẳng phổ độ chúng sinh, cho nên phước báu của Ngài tu lớn như biển cả, vô lượng vô biên, sâu không thể dò.

“Cho nên phải đánh lễ” : Vì công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm đều đầy đủ, cho nên chúng ta mỗi người, đều nên đánh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bây giờ đã giảng xong phần bài kệ. Chúng ta có cơ hội được nghe toàn bộ Kinh Pháp Hoa, thật là khó được gặp gỡ. Hiện tại đừng nói là nước Mỹ, dù ở Trung Quốc, cũng chẳng dễ gì được nghe toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Ở Hồng Kông, Đài Loan có cơ hội này, nhưng cũng rất khó khăn. Hiện tại chúng ta đang sống an toàn ở nước Mỹ, mà nghe được Bộ Kinh Pháp Hoa này, thật là may mắn. Bạn đến nghe kinh trong sự vô hình, trợ giúp cho thế giới này. Chúng ta đang nghe kinh ở đây, mà khắp thế giới đều tràn trề bầu không khí cát tường. Phàm là nơi nào có pháp hội giảng kinh, thì trời rồng tám bộ chúng đều đến ủng hộ đạo tràng. Chúng ta có cơ hội này, đều là người có căn lành lớn. Nếu chẳng có căn lành, muốn đến nghe cũng đến chẳng được. Khi muốn đến nghe thì chẳng phải ma chướng này sinh, thì ma chướng kia sinh ra. Tóm lại, khiến cho bạn chẳng thể nào đến nghe kinh được. Hiện tại chúng ta nghe kinh nghe pháp, công đức này thật là vô

lượng vô biên, không thể hết được. Đến nghe kinh mỗi người đều có công đức.

Bấy giờ, Bồ Tát Trì Địa bèn từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật bạch rằng :
Đức Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh nghe được Phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm này, nghiệp tự tại phổ môn thị hiện sức thần thông, thì nên biết người đó công đức chẳng ít. Khi đức Phật nói Phẩm Phổ Môn này, thì có tám vạn bốn ngàn chúng sinh ở trong chúng, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ là lúc đó, tức là sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong phần bài kệ. Bồ Tát Trì Địa tức là Bồ Tát Trì Địa mà trong Kinh Lăng Nghiêm có nói đến. Vị Bồ Tát này, ở trong vô lượng kiếp về trước, là một vị chẳng đọc sách, chẳng biết chữ, nhưng sức lực của Ngài rất lớn. Sức của Ngài chẳng những mạnh, mà còn vô cùng vô tận. Có đồ vật mà một số người chẳng khiêng nổi, mà Ngài một mình vác nổi, có đồ vật mà một số người gánh chẳng nổi, mà Ngài gánh nổi, việc mà một số người chẳng làm được, mà Ngài làm được. Ngài làm gì ? Tức là tu sửa đường bằng phẳng, làm đường, làm cầu. Có khi xe qua cầu mà qua chẳng được, Ngài bèn giúp họ đẩy xe. Có

người gánh đồ khổ cực, thì Ngài giúp họ gánh đồ. Song, Ngài chẳng đòi giá cả, chẳng đòi tiền công. Ngài thực hành khổ hạnh như thế rất lâu. Có một lần nọ, gặp Đức Phật Phù Xá Lô, Phật hỏi Ngài :

- “Tại sao con phải tu sửa đường bằng phẳng?”

- Ngài nói : “Con tu sửa đường bằng phẳng, là để cho những người đi được an toàn.”

- Phật Phù Xá Lô nói: “Con làm đường bằng phẳng là bỏ gốc theo ngọn, đây là dụng công phu trên ngọn ngành, chỉ tu hành ở ngoài da.”

- Phật Phù Xá Lô nói tiếp: “Con muốn tu sửa đường bằng phẳng, thì trước hết phải tu sửa "đất tâm" cho bằng phẳng. Tại sao đường xá chẳng bằng phẳng? Thế giới có núi cao, có đất bằng, có biển cả, là vì tâm của con người chẳng bằng phẳng. Trong tâm của con người có núi cao, cho nên đất chẳng bằng phẳng. Nếu đất tâm của con bằng phẳng, thì thế giới chẳng có chỗ nào mà không bằng phẳng.” Bồ Tát Trì Địa nghe Phật Phù Lô Xá giáo hóa rồi, bèn tu pháp môn "đất tâm", làm bằng phẳng mảnh đất trong tâm, tu thành chứng quả, đắc được quả vị Bồ Tát. Do đó, Ngài có tên là “Bồ Tát Trì Địa.”

Bồ Tát, ở trên đã có nói rồi, tức là giác hữu tình, giác ngộ hữu tình chúng sinh. Cũng là một bậc giác ngộ ở trong chúng sinh. Bồ Tát Trì Địa bèn từ tòa ngồi của Ngài đứng dậy, hướng về Đức Phật nói : “Đức Thế Tôn ! Nếu như có chúng sinh nào nghe được Phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm nghiệp tự tại, phổ môn thị hiện ba mươi hai ứng thân,

bốn vô úy thần thông lực như thế, thì nên biết công đức của người đó chẳng ít, công đức họ nghe được Phẩm Phổ Môn không thể hạn lượng.” Không ít tức là nhiều, chẳng có số lượng, vô lượng vô biên. Khi Đức Phật Thích Ca diễn nói Kinh Pháp Hoa, nói đến Phẩm Phổ Môn, thì ở trong chúng có tám vạn bốn nghìn chúng sinh, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là A nậu đa la tam miệu Tam bồ đề.

“Tám vạn bốn nghìn chúng sinh là gì? Tám vạn bốn nghìn chúng sinh ở đây, tức cũng là tám vạn bốn nghìn phiền não của chúng ta. Mỗi một phiền não là một chúng sinh, hơn nữa ở trong thân của mỗi người chúng ta, đều có tám vạn nghìn vi sinh vật, vi sinh vật tức là vi khuẩn. Trong thân của chúng ta đều có vi trùng. Con người chúng ta là trùng lớn, ở trong thân trùng lớn này, có trùng nhỏ, ở trong máu, ở trong thịt, trong ngũ tạng, chẳng biết có bao nhiêu vi trùng? Con người chúng ta làm thế nào mà có thể sinh tồn? Tức cũng là thân trùng lớn nuôi dưỡng những trùng nhỏ, trùng nhỏ trợ giúp cho trùng lớn. Bạn cho rằng con người là gì? Ở trong thân thể có vô lượng vô biên vi sinh vật (sinh bất nhỏ bé).

Một vi sinh vật là một chúng sinh. Vậy có bao nhiêu vi sinh vật? Có nhiều đếm không hết được. Tóm lại, thì có tám vạn bốn nghìn. Kỳ thật, chẳng phải chỉ tám vạn bốn nghìn, hoặc là mười vạn tám nghìn, cũng chẳng nhất định. Trong tự tánh của mỗi người chúng ta, đều đầy đủ tám vạn bốn nghìn chúng sinh. Tám vạn bốn nghìn

chúng sinh ở trong pháp hội đó, tức cũng là tám vạn bốn nghìn thứ niệm ở trong tâm, niệm niệm sinh diệt, niệm niệm chẳng ngừng, niệm sinh tức là một chúng sinh, niệm diệt cũng là một chúng sinh. Sinh sinh diệt diệt có tám vạn bốn nghìn chẳng lìa khỏi tự tánh. Tám vạn bốn nghìn chúng sinh đều phát tâm vô đẳng đẳng, chẳng có gì có thể bằng tâm, chẳng có gì có thể sánh với tâm, tức là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề là tiếng phạn. A dịch là vô, nậu đa la dịch là thượng, tam dịch là chánh, miệu dịch là đẳng, bồ đề dịch là giác, hợp lại là vô thượng chánh đẳng chánh giác. “Vô thượng” là chẳng có gì cao hơn nữa. “Chánh đẳng” là chân chánh đồng với Phật. “Chánh giác” là giác ngộ của Phật. Chân chánh đồng quả vị giác ngộ của Phật, tức cũng là phát tâm thành Phật. Có tám vạn bốn nghìn chúng sinh phát tâm thành Phật. Phát tâm thành Phật rồi, sau đó mới đắc được quả vị. Trong pháp hội đó, có tám vạn bốn nghìn chúng sinh nghe Phẩm Phổ Môn rồi, đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đó là nhân duyên rất thù thắng.

Hiện tại chúng ta đang giảng Phẩm Phổ Môn, ở trong Phật Giáo Giảng Đường có hơn hai mươi người đến nghe kinh. Hơn hai mươi người này, mỗi người đều có tám vạn bốn nghìn chúng sinh, bạn tính xem nó bao nhiêu vạn chúng sinh ? Nhưng bao nhiêu vạn chúng sinh đó, có phải đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ? Tôi tin rằng tuy chẳng phát tâm như thế, đa số cũng phát tâm

muốn thành Phật. Ở trong hội Pháp Hoa này, người nào nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tương lai đều có phần sẽ thành Phật. Hiện tại chúng ta nghe được Phẩm Phổ Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm, đều do trong quá khứ đã trồng căn lành, cho nên bây giờ cũng có nhân duyên, để tụ lại một chỗ cùng nghiên cứu Phật pháp, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là quả vị cao nhất, tức là quả vị Phật, dịch ra là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chánh giác là nói người khai ngộ được chánh giác. Hàng nhị thừa A la Hán đắc được sự khai ngộ chánh giác, nhưng chưa đắc được chánh đẳng. Bồ Tát thì đắc được chánh đẳng và chánh giác. Chánh giác nơi Phật cho nên gọi là đẳng giác. Chánh giác là A la Hán, chánh đẳng là Bồ Tát. Bồ Tát có thể thành chánh đẳng, nhưng không thể thành vô thượng. A la Hán có thể thành chánh giác, nhưng không thể thành chánh đẳng. Vì Bồ Tát là Hữu Thượng Sĩ, ở trên Ngài còn có bậc cao hơn. Phật gọi là Vô Thượng Sĩ, tức là chẳng có gì cao hơn Ngài nữa. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc, đắc được ba giác tròn, vạn đức đầy, chẳng có gì cao hơn vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chỉ có Phật mới có tư cách xưng danh hiệu này. Ngoài ra các Bồ Tát, A la Hán đều không thể sánh được, cho nên đây là quả vị cao nhất. Quả vị cao nhất này làm thế nào mà thành ? Có phải từ chỗ cao nhất mà thành chăng ? Chẳng phải. Quả vị tối cao là từ chỗ thấp nhất mà thành. Khi bạn

tu đạo, thì nên nhớ đừng có tâm tự mãn, tâm cống cao ngã mạn, đó tức là từ chỗ thấp nhất mà thành quả vị cao nhất.

Ngài Lão tử có nói : “Nước khéo lợi ích vạn vật mà chẳng tranh, ở nơi mà mọi người không thích ở.” Nước lợi ích cho tất cả vạn vật mà chẳng tranh. Vật tức là chỉ phi tiềm động thực, hết thủy tứ sinh (thai noãn thấp hóa), đều cần nước bồi dưỡng tưới tắm, song bản thân của nước chẳng bao giờ có tư tưởng như vậy : “Hết thủy những vạn vật của các vị, đều do tôi lợi ích cho các vị, do tôi đến trợ giúp các vị.” Chẳng tranh gì ? Tức là chẳng kể công, chẳng tuyên truyền với mọi người rằng : “Việc đó là do tôi làm, công đức đó là do tôi làm thành, ngôi chùa đó là do tôi làm, cái cầu kia là do tôi xây”, chẳng bao giờ có tâm như thế, nó chẳng ích kỷ, chẳng tư lợi, cho nên Lão tử mới nói, nên học tập giống như nước. Nước khéo lợi ích vạn vật mà chẳng tranh, chẳng kể công, chẳng tranh danh, chẳng tranh lợi. “Ở nơi mà mọi người không thích ở” : Nước ở chỗ thấp, chẳng ở trên cao. Có người nói : “Sao nước lại chẳng ở trên cao ? Khi trời mưa thì nước từ trên cao mưa xuống !” Không sai, bạn nói rất có lý, trời mưa xuống là từ trên cao mưa xuống. Vậy nó làm thế nào mà đi lên cao ? Nó từ nơi thấp mà đi lên cao, chứ chẳng phải nguyên lai là ở trên cao. Nó ở trên cao vẫn phải rơi xuống đất thấp, ở dưới đất thấp lại chảy vào biển, vào sông, vào suối, vẫn chảy xuống chỗ thấp, bất quá tạm thời ở trên cao mà thôi. Cho nên nước ở chỗ mà chúng sinh chẳng thích, ở chỗ mà con người chẳng hoan hỉ. Tại sao người tu

đạo chẳng ở nhà tốt ? Suốt ngày đến tối ở trong sơn động ? Tức cũng là học giống như nước, ở chỗ thấp. Vì nước ở chỗ mà chúng sinh chẳng thích, nên hợp với đạo. Bạn muốn thành vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng như thế, cũng phải từ chỗ thấp mà hướng đi lên, chẳng phải từ trên cao mà rớt xuống, cũng chẳng phải một đời sinh ra, thì được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bạn muốn thành Phật, thì trước hết phải làm chúng sinh cho thật tốt. Làm chúng sinh tốt như thế nào ? Tức là bất cứ làm việc gì, đều phải làm việc thiện việc lành, chớ đừng làm ác, do đó có câu :

“Lựa việc thiện mà theo,
Việc ác thì sửa đổi”.

Con đường lành thì nên làm, đường chẳng lành thì sửa đổi, phải sửa lỗi làm mới lại, phải đạo thì tiến tới, trái với đạo thì thối lùi, hợp với đạo thì tiến bước về trước, chẳng hợp với đạo thì lùi về sau, như thế mới có thể đắc được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Chỗ diệu của Phẩm Phổ Môn là vô cùng vô tận, chẳng phải thời gian ngắn mà nói hết được. Tương lai khi nào có cơ hội sẽ nghiên cứu sâu hơn bước nữa. Thứ bảy này là ngày vía Bồ Tát Quán Thế Âm thành đạo, bây giờ chúng ta đã giảng xong Phẩm Phổ Môn, Biết được thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đến ngày đó mọi người phát tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, và lạy đại bi sám cầu nguyện

Bồ Tát Quán Thế Âm hiển hiện diệu dụng không thể nghĩ bàn. Ai có sở cầu thì có thể âm thầm cầu Ngài gia bị, tin tưởng Ngài, thì nhất định sẽ khiến cho bạn toại tâm mãn nguyện. Kinh Pháp Hoa là kinh thành Phật, ai nghe được Kinh Pháp Hoa, thì sẽ có phần thành Phật, cho nên đây là cơ hội rất khó được gặp.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM ĐÀ LA NI THỨ HAI MƯỜI SÁU

Đà la ni dịch là tổng trì, tức là tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa, cũng có thể nói là nhiếp ba nghiệp (thân khẩu ý) thanh tịnh, giữ sáu căn (mắt tai mũi lưỡi thân ý). Nhiếp tâm thì có thể nói là nhiếp tâm giữ thân. Nhiếp tâm thì có thể đắc được tam muội pháp hoa, giữ thân thì có thể đắc được Đà la ni pháp hoa.

Làm thế nào có thể nhiếp thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh? Tức là thân chẳng phạm giới sát, trộm, dâm ba điều ác, miệng chẳng phạm nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và chưởi mắng bốn điều ác, ý chẳng phạm tham sân si ba điều ác. Chẳng phạm mười điều ác này, mà thực hành mười điều thiện, thì ba nghiệp sẽ thanh tịnh.

Làm thế nào giữ mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn tự tại diệu dụng? Nếu ba nghiệp thanh tịnh, thì sáu căn tự

nhiên sẽ được thanh tịnh. Thanh tịnh rồi thì tự nhiên thì sẽ đắc được cảnh giới sáu căn dụng với nhau.

Đà la ni còn dịch là chú. Chú hay sinh thiện diệt ác, bảo hộ hành giả được cát tường như ý. Chú cũng giống như chiếu chỉ của hoàng đế, quan dân nhất định phải tuân lệnh. Lại giống như khẩu lệnh ở trong quân đội, người trong quân đội đều biết rõ, nếu không thì sẽ bị xử phạt, hoặc có sự nguy hiểm đến tính mạng.

Phẩm này do Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát dũng Thí, Tỳ Sa Môn Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương, mười nữ la sát phát nguyện nói ra các bài chú, dùng thần lực để trì Kinh Pháp Hoa, khiến cho những pháp sư thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh Pháp Hoa, ở trong đời ác, tâm cung kính. Bèn nói với Phật, đó là biểu thị miệng cung kính. Người thỉnh pháp nhất định phải ba nghiệp thanh tịnh, mới biểu thị chân tâm thành ý cung kính.

Bồ Tát Dược Vương nói : ‘Đức Thế Tôn ! Nếu như tương lai có người thiện nam, người thiện nữ, phát tâm thọ trì (thọ nơi tâm, trì nơi thân) Kinh Pháp Hoa, hoặc là đọc (thuộc lòng) Kinh Pháp Hoa, chẳng những thông đạt nghĩa lý, mà còn đọc tụng rất nhanh, toàn bộ quyển kinh chẳng sai một chữ, chẳng sót một câu, đó tức là thuộc lòng. Hoặc cung kính biên chép quyển Kinh Pháp Hoa, hoặc giảng giải Kinh Pháp Hoa. Pháp sư làm như thế thì đắc được phước báu bao nhiêu’?

Đức Phật bảo Dược Vương : Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, cúng dường tám vạn ức na do tha Hằng hà sa các đức Phật, thì ý của ông thế nào ? Phước báu đó đắc được có nhiều chăng ? Rất nhiều, đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo Bồ Tát Dược Vương rằng : ‘’Ồ đời vị lai, nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào cúng dường tám trăm vạn ức na do tha Hằng hà sa số các đức Phật, thì ông cảm thấy thế nào ? Họ đắc được phước báu có nhiều chăng ?’’ Bồ Tát Dược Vương nói : ‘’Đức Thế Tôn ! Rất nhiều, rất nhiều ! Chẳng cách gì tính đếm được.’’

Đức Phật nói : Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, hay ở nơi kinh này, cho đến thọ trì bài kệ bốn câu, đọc tụng hiểu nghĩa, theo như lời trong kinh nói mà tu hành, thì công đức rất nhiều.

Đức Phật lại nói với Bồ Tát Dược Vương : ‘’Nếu như có người thiện nam, hoặc người thiện nữ, ở nơi Kinh Pháp Hoa, mà thọ trì một bài kệ bốn câu, hoặc là đọc tụng, hoặc là thấu hiểu nghĩa lý vì người khác nói, hoặc là y theo pháp tu hành, thì công đức đắc được nhiều hơn so

với công đức của người cúng dường, tám trăm vạn ức na so tha Hằng ha sa số các Đức Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Dược Vương bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con nay vì người thuyết pháp mà nói chú đà la ni, để bảo hộ họ, bèn nói chú rằng:

Lúc đó, Bồ Tát Dược Vương nghe Đức Phật nói pháp rồi, bèn bạch với Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Bây giờ con sẽ vì pháp sư đọc tụng, giảng nói, tu trì Kinh Pháp Hoa, mà nói chú đà la ni, để bảo hộ vị pháp sư đó, khiến cho thân tâm họ an ổn, khiến cho họ chuyên tâm giảng giải.” Bèn lập tức nói thần chú. Chú là mật ngữ của chư Phật, hay hàng phục thiên ma ngoại đạo, ác quỷ tà thần. Thuở xưa dịch kinh có năm quy định không dịch:

- 1). Bí mật không dịch : Như lời chú.
- 2). Tôn trọng không dịch : Như Bát nhã, Bồ Đề.
- 3). Thuận cổ không dịch : Như A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.
- 4). Đa hàm không dịch: Như Tỳ Kheo, A la hán.
- 5). Thử phương vô bất dịch : Như quả Ấn ma la.

Nguyên nhân chú không dịch, là muốn bảo trì âm phạn, mới có thể thu nhận được công hiệu của chú, chỉ cần niệm âm vần cho đúng, thì sẽ có cảnh giới không thể nghĩ bàn, quan hệ về ý nghĩa của chú là chẳng cần biết rõ.

An nhĩ mạn nhĩ, ma nĩ ma ma nĩ, chỉ lệ giá lê đê, xa mi, sa lý đa vĩ, chiêm đế, mục đế, mục đa lý, sa lý, a vĩ sa lý, tang lý, sa lý, soa duê, a xoa duê, a kỳ nị, chiêm đế, sa lý, đa la nị, a lô già bà sa, bả già tỳ xoa nị, nĩ tỳ thế, a tiện đa la nĩ, lý thế a đàn đa ba lệ thâm địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ, a la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a tam ma tam lý, Phật đà tỳ cát lợi biểu đế, đạt ma ba lợi sai đế, tăng già niết cù sa nĩ, bà xá bà xá thâm địa, mạn đa la, mạn đa la xoa dạ đa, bư lâu đa, bư lâu đa kiêu xá lược, ác xoa la, ác xoa dã, a bà lô, a ma nhược na đa dạ.

Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, là của sáu mươi hai ức Hằng hà sa các đức Phật nói. Nếu có kẻ nào xâm hủy vị pháp sư này, tức là xâm hủy các đức Phật vậy.”

Bồ Tát Dược Vương nói xong thần chú ở trên rồi, lại bạch với Đức Phật rằng : ”Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, chẳng phải con nói, mà là của sáu mươi hai ức các Đức Phật trong quá khứ nói. Nếu như có kẻ thiên ma ngoại đạo, ác quỷ tà thần đến xâm hủy vị pháp sư thọ trì

Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh Pháp Hoa, biên chép Kinh Pháp Hoa, thì tội cũng như xâm hủy sáu mươi hai ức Hằng hà sa số các đức Phật.”

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Bồ Tát Dược Vương nói : Lành thay, lành thay ! Dược Vương, ông vì có tâm thương xót ủng hộ vị pháp sư đó, mà nói đà la ni này, rất có lợi ích đối với các chúng sinh.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Bồ Tát Dược Vương rằng : “Lành thay, lành thay! Ông có tâm thương xót vì ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, mà nói ra thần chú đà la ni này. Thần chú này rất có lợi ích đối với chúng sinh ở trong tương lai.”

Bấy giờ, Bồ Tát Dũng Thí bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con cũng vì ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, mà nói đà la ni. Nếu vị pháp sư đó được đà la ni này, thì dạ xoa, hoặc la sát, hoặc phú đơn na, hoặc cát giá, hoặc cư bàn trà, hoặc nga quý, muốn tìm cầu lỗi lầm của người đó, thì

không thể được tiện lợi, bèn ở trước Phật nói chú rằng:

Lúc đó, lại có vị đại Bồ Tát tên là Bồ Tát Dũng Thí bạch với Đức Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Con cũng phát tâm ủng hộ vị pháp sư đọc tụng, thọ trì, giải nói, biên chép Kinh Pháp Hoa, cho nên nói thần chú đà la ni, khiến cho vị pháp sư đó, đắc được sự bảo hộ của thần chú, thân tâm được yên ổn.”

Hoặc có dạ xoa, dịch là quỷ tiệp tặc; hoặc có la sát, dịch là quỷ ăn người; hoặc có phú đơn na, dịch là quỷ thối vị; hoặc có cát giá, dịch là khởi tử; hoặc có cư bàn trà, dịch là quỷ yếm mị; hoặc có ngạ quỷ .v.v... Những loài quỷ này, chuyên môn tìm người nhiều hại. Nếu người thế gian âm nhiều dương ít (làm nhiều việc ác), thì chúng sẽ đến xâm hại. Nếu người thế gian âm ít dương nhiều (làm nhiều việc thiện), thì chúng sẽ xa lìa chẳng dám gần gũi, do đó có câu “tà chẳng thắng chánh”.

Những ác quỷ đó, tìm chỗ sơ hở của người thọ trì Kinh Pháp Hoa cũng chẳng có cơ hội tìm được, cho nên chẳng có phương tiện nhiều hại người thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Bồ Tát Dũng Thí vì ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, cho nên ở trước Đức Phật nói ra bài chú dưới đây.

**Ế lệ, ma nha ế lệ, úc chỉ, mục chỉ, a lệ,
a la bà đê, niết lệ đê, niết lệ đa bà đê, y trí, ni**

vĩ trí ni, chỉ trí ni, niết lệ tê ni, niết lê tê bà để.

Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, của Hằng hà sa các đức Phật nói, cũng đều tùy hỉ. Nếu có xâm hủy vị pháp sư đó, tức là xâm hủy chư Phật đó vậy.

Bồ Tát Dũng Thí nói thần chú rồi, lại nói : ‘Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này chẳng phải con nói, mà là của Hằng hà sa các đức Phật trong quá khứ nói. Chẳng những chư Phật nói chú này, mà còn tùy hỉ ủng hộ chú này. Nếu như có thiên ma ngoại đạo, ác quỷ thần đến xâm hủy vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì tội cũng như gián tiếp xâm hủy Hằng hà sa số các Đức Phật.’”

Bấy giờ, Tỳ Sa Môn Thiên Vương hộ đời bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con cũng vì thương xót chúng sinh, ủng hộ vị pháp sư đó, mà nói đà la ni này, bèn nói chú rằng:

Bồ Tát Dũng Thí nói công đức trì chú này rồi, thì lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương (một trong bốn vị tứ thiên vương hộ đời, tức là Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương) bèn bạch với Đức Phật rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Con cũng

thương xót hộ niệm chúng sinh, ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, mà nói thần chú đà la ni”, bèn nói chú rằng:

A lê, na lê, na lê, a na lô, na lý, câu na lý.

Đức Thế Tôn ! Con dùng thần chú này, ủng hộ vị pháp sư, con cũng sẽ tự ủng hộ người trì kinh này, khiến cho nội trong một trăm do tuần, chẳng có các sự rủi ro hoạn nạn.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương lại nói : “Đức Thế Tôn ! Con dùng thần chú này, để ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, và bản thân con cũng sẽ ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, khiến cho nội trong một trăm do tuần, tứ phía chẳng có sự rủi ro hoạn nạn.”

Bấy giờ, Trì Quốc Thiên Vương ở trong hội này, cùng với ngàn vạn ức na do tha chúng Càn thất bà, cung kính vây quanh, đi đến trước đức Phật, chấp tay hướng về đức Phật bạch rằng : Đức Thế Tôn ! Con cũng

dùng thần chú đà la ni, ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, bèn nói chú rằng:

Sau khi Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói xong lời nguyện ở trên rồi, thì lúc đó đông phương Trì Quốc Thiên Vương ở trong hội Pháp Hoa, cùng với ngàn vạn ức na do tha chúng Càn thất bà, cung kính vây quanh đi đến trước chón Đức Phật, chấp tay lại bạch với Phật rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Con cũng dùng thần chú đà la ni để ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa.’ Bèn nói thần chú rằng:

A già nỉ, già nỉ, cù lợi, càn đà lợi, chiêm đà lợi, ma đặng kỳ, thường cầu lợi, phù lâu sa ni, át để.

Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, của bốn mươi hai ức các đức Phật nói. Nếu có kẻ nào xâm hại hủy phạm vị pháp sư đó, tức là xâm hại hủy phạm các đức Phật đó vậy.

Trì Quốc Thiên Vương nói : ‘Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, là của bốn mươi hai ức các Đức Phật nói. Nếu như thiên ma ngoại đạo, ác quỷ tà thần, đến xâm hại hủy phạm vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì tội cũng như xâm phạm hủy hại bốn mươi hai ức các Đức Phật.’

Bấy giờ, có các nữ La sát, một tên là Lam Bà, hai tên là Tỳ Lam Bà, ba tên là Khúc Sĩ, bốn tên là Hoa Sĩ, năm tên là Hắc Sĩ, sáu tên là Đa Phát, bảy tên là Vô Yểm Túc, tám tên là Trì Anh Lạc, chín tên là Cao Đế, mười tên là Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí. Mười nữ la sát đó, cùng với quỷ tử mẫu và con cái, quyến thuộc của chúng, cùng đến chỗ đức Phật, đồng thanh hướng về đức Phật bạch rằng:

Lúc đó có mười quỷ la sát.

1). Lam Bà : Dịch là trời buộc.

2). Tỳ Lam Bà : Dịch là cõi trời buộc.

3). Khúc Sĩ : Răng hình uổng cong.

4). Hoa Sĩ : Răng hình như hoa.

5). Hắc Sĩ : Răng màu đen.

6). Đa Phát : Chẳng những đầu có nhiều tóc, mà lông trên mình cũng dài như tóc.

7). Vô yểm Túc : Tham chẳng biết chán, chẳng có khi nào biết đủ.

8). Trì Anh Lạc : Trong tay đều cầm sâu chuỗi, chẳng khi nào bỏ xuống.

9). Cao Đế.

10). Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí.

Nữ la sát là ác quỷ ăn người. Chúng rất xinh đẹp, mà tính tình rất hung ác, người định lực không đủ mà gặp chúng, thì sẽ bị mê hoặc, chưa đến một trăm ngày thì tinh khí sẽ hết, bị chúng ăn thịt. Song, mười vị nữ la sát này, đã cải tà trở về chánh, làm thiện thần hộ pháp.

Trong tâm của con người có bảy giọt nước ngọt, dưỡng tinh khí thần. Nếu bị quỷ ăn đi một giọt, thì khiến cho đau đầu, bị quỷ ăn đi ba giọt, thì khiến cho con người bất tỉnh nhân sự. Nếu bị quỷ ăn đi bảy giọt, thì tinh khí thần sẽ hết, khiến cho người chết. Một lòng đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì tất cả ác quỷ tà thần nghe tiếng mà bỏ đi, chẳng dám đến nhiễu loạn.

Trước kia, ở Trung Quốc có vị pháp sư, khi giảng kinh thì có rất nhiều thiện nam tín nữ đến cúng dàng. Tại sao? Vì nghe pháp sư giảng kinh thì trong sự vô hình, đắc được vô lượng công đức, và có thể tiêu tai sống lâu, nhất cử được hai. Có những pháp sư tuy nhiên xuất gia, nhưng mắt chẳng tỏ, không thể tụng kinh, càng không thể giảng kinh, cho nên đối với tín đồ nói sai lầm rằng : Tu hành là tu hành, hà tất phải giảng kinh, hà tất phải nghe kinh. Đó là người mù, là tư tưởng của ma con ma cháu. Nếu xuất gia tu hành mà chẳng nghe kinh, thì cũng giống như người đui tu luyện mù, cuối cùng chẳng đắc được gì cả. Dù có tu đến trần sa kiếp cũng chẳng thành tựu. Ví như nấu cát chẳng bao giờ thành cơm. Người tu hành mà

chẳng học giáo lý, thì tu đi tu lại vẫn là người hờ đồ, thật là đáng thương xót.

Mười vị nữ la sát và quỷ tử mẫu, cùng với con cái quyến thuộc của chúng, cùng nhau đến chỗ Đức Phật, mọi người khác miệng cùng tiếng hướng về Đức Phật thưa.

Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ được tiêu trừ rủi ro hoạn nạn. Nếu có kẻ nào rình tìm lỗi lầm của pháp sư, thì khiến cho họ chẳng được tiện lợi, bèn ở trước đức Phật mà nói chú rằng:

‘Đức Thế Tôn ! Chúng con xin nguyện ủng hộ vị pháp sư đọc tụng, giải nói, biên chép, thọ trì Kinh Pháp Hoa, để khiến cho họ tiêu trừ mọi sự khốn khổ hoạn nạn. Nếu như thiên ma ngoại đạo, ác quỷ ta thần đến tìm lỗi lầm của vị pháp sư, làm nhiễu loạn vị pháp sư thì chúng con sẽ ủng hộ vị pháp sư, khiến cho tất cả ma quỷ chẳng tiện lợi đến nhiễu loạn thân tâm của pháp sư, bèn ở trước Phật nói ra thần chú dưới đây.

Y đề lý, y đề mẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu ê, lâu ê, lâu ê, lâu ê, đa ê, đa ê, đa ê, đầu ê, nâu ê.

Thà ngồi lên đầu chúng con, chớ đừng nào hại vị pháp sư. Nếu dạ xoa, hay la sát, hoặc ngạ quỷ, phú đơn na, cát giá, tỳ đà la, kiền đà, ô ma lạc già, a bạt ma la, dạ xoa cát giá, nhân cát giá, hoặc nhiệt não. Hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, hoặc đến bảy ngày, hoặc thường nhiệt não. Hoặc hình nam, hình nữ, hoặc hình đồng nam, hoặc hình đồng nữ, cho đến ở trong mộng, cũng không cho những loài quỷ đó làm nào hại vị pháp sư. Bèn ở trước đức Phật nói bài kệ rằng:

Mười nữ la sát và quỷ tử mẫu thưa với Đức Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Chúng con thà để cho những loài quỷ đó ngồi ở trên đầu chúng con, hoặc đại tiểu tiện lên đầu chúng con, đều có thể nhẫn chịu được, chứ chẳng cho họ đi nhiễu loạn vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa. Bất luận là dạ xoa, la sát, ngạ quỷ, phú đơn na, cát giá, tỳ đà la (quỷ màu đen), a bạt ma la (quỷ màu xanh), dạ xoa cát giá, nhân cát giá, nhiệt não. Hoặc là một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, cho đến bảy ngày, hoặc thường nhiệt não, hoặc có hình quỷ nam, hình quỷ nữ, hình quỷ đồng nam, hình quỷ đồng nữ, cho đến ở

trong mộng, cũng chẳng cho những lũ quỷ đó đến nhiễu hại vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa.” Bèn ở trước Đức Phật nói bài kệ.

**Nếu chẳng thuận chú con
Nã loạn người nói pháp
Đầu vỡ làm bảy mảnh
Như nhánh cây a lê.
Như tội giết cha mẹ
Cũng như vạ ép đầu
Cân đầu lường gạt người
Tội Điều Đạt phá Tăng.
Xâm phạm pháp sư đó
Bị tai ương như thế.**

Nếu như những lũ ác quỷ đó, chẳng thuận theo thần chú của con, chúng đi xâm phạm hủy hại vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc nã loạn vị pháp sư giải thích nói Kinh Pháp Hoa, thì đầu của chúng tự nhiên sẽ vỡ làm bảy mảnh, giống như cành cây a lê rớt xuống đất, bị gãy làm thành bảy phần. Lại như đại tội giết cha, giết mẹ, giết A la Hán, sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián. Lại giống như vạ ép đầu, tạo nghiệp sâu nặng. Thời xưa, ở Ấn Độ khi ép đầu thì giã hạt mè ra cho thật nát, cố ý làm cho sinh dòi, đợi khi dòi lớn lên cùng ép ra làm dầu, chất dầu cũng rất

nhieu và vị dầu cũng rất thơm. Hàng ngàn hàng vạn sinh mạng đều bị ép dầu mà chết. Lại giống như người buôn bán chẳng có đạo đức, chuyên môn dùng đấu lớn cân nhỏ để lường gạt người, tương lai chắc chắn sẽ đọa địa ngục, giống như Điều Đạt tức là Đề Bà Đạt Đa, ông ta là phản đồ của Phật giáo, ông ta phạm tội phá hoại Tăng đoàn, lại phạm tội làm thân Phật chảy máu, lại phạm tội giết A la Hán, lại phạm tội xúi giục vua A Xà Thế giết cha nhất mẹ. Tóm lại, phạm tội ngũ nghịch cho nên bị đọa vào địa ngục lúc còn sống. Nếu có ai xâm phạm hủy hoại vị pháp sư trì Kinh Pháp Hoa, thì sẽ chịu những tai ương như thế.

Các nữ la sát nói kệ đó rồi, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng sẽ ủng hộ, người thọ trì đọc tụng tu hành kinh này, khiến cho họ được an ổn, xa lìa các sự hoạn nạn, tiêu trừ các thuốc độc.

Mười nữ la sát nói xong bài kệ rồi, lại bạch với Đức Phật rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng sẽ ủng hộ vị pháp sư thọ trì, đọc tụng, tu hành, biên chép, giải nói, truyền bá Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ được an lạc, thân tâm khinh an, xa lìa tất cả hoạn nạn, tiêu trừ tất cả thuốc độc, bất cứ chất độc mạnh nào cũng đều biến thành nước cam lồ.’

Đức Phật bảo các nữ la sát rằng : Lành thay, lành thay ! Các người chỉ ủng hộ người thọ trì danh hiệu Kinh Pháp Hoa, mà phước báu đã không thể lường được, hà huống là ủng hộ đầy đủ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, và cúng dường quyển kinh.

Đức Phật nói với mười nữ la sát rằng: “Lành thay, lành thay! Các người ủng hộ người trì danh hiệu Kinh Pháp Hoa, mà phước báu đắc được đã không thể lường, hà huống là các người ủng hộ đầy đủ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì phước báu đắc được càng vô lượng vô biên. Các người lại thành tâm thành ý dùng hương hoa để cúng dường quyển Kinh Pháp Hoa, phước báu đắc được cũng không thể nói. Tóm lại, ủng hộ Kinh Pháp Hoa thì có công đức không thể nghĩ bàn.”

Hoặc dùng hương hoa chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, phan lọng, âm nhạc. Đốt các thứ đèn: Đèn tô, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, đèn dầu hoa tô ma na, đèn dầu hoa thiềm bạc, đèn dầu hoa bà sư ca, đèn dầu hoa ưu bát la hoa, hết thảy trăm ngàn thứ cúng dường như thế.

Cúng dường quyển Kinh Pháp Hoa, hoặc dùng các thứ hoa, hoặc dùng các thứ hương, hoặc dùng chuỗi, hoặc dùng các thứ hương bột, hương hoa, hương đốt, có khi cúng dường tràng phan, lọng báu, âm nhạc. Có khi đốt các thứ đèn, hoặc đèn dầu tô, đèn dầu thơm, đèn dầu hoa tô ma na (thiện ý), đèn dầu hoa thiêm bạc (màu vàng), đèn dầu hoa bà xư ca (hạ sinh), đèn dầu hoa ưu bát la (linh đan), dùng các thứ hoa, hương, đèn như thế, để cúng dường quyển Kinh Pháp Hoa, ước có hàng trăm ngàn thứ.

Cao Đế ! Các người và quyền thuộc, nên ủng hộ vị pháp sư như thế, khi đức Phật nói Phẩm Đà La Ni này, thì có sáu vạn tám nghìn người, đắc được vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật gọi một tiếng: “Cao Đế! Các người và quyền thuộc, nên phát tâm nguyện, chân tâm ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa.” Khi Phật nói xong Phẩm Đà La Ni này, thì có sáu vạn tám ngàn người đắc được vô sinh pháp nhẫn. Vô sinh pháp nhẫn là gì ? Tức là chẳng thấy có chút pháp sinh, chẳng thấy có chút pháp diệt, nhẫn thọ nơi tâm, tức cũng là biết rõ các pháp vốn là không tịch, an trụ ở hiện cảnh không sinh không diệt, do đó :

“Các pháp tùng bản lai,
Thường tự tịch diệt tướng.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM BỐN SỰ CỦA BỒ TÁT VUA DIỆU TRANG NGHIÊM THỨ HAI MƯỜI BẢY

Rất lâu xa về trước, vua Diệu Trang Nghiêm là một Tỳ Kheo tu đạo, ngoài ra còn có ba vị Tỳ Kheo khác, phát tâm tu đạo ở trong rừng sâu. Vì chẳng có người cúng dường, vì đời sống ưu lự nên ảnh hưởng đến sự tu hành. Trong đó có một Tỳ Kheo (tiền thân của vua Diệu Trang Nghiêm), phát tâm cúng dường ba vị Tỳ Kheo, khiến cho họ an tâm tu đạo, chẳng vì cơm áo chỗ ở mà phân tâm. Do đó, quyết định hoàn tục để đi làm việc kiếm tiền, để cúng dường ẩm thực, quần áo, thuốc thang, ngọc cụ, các thứ đồ cần dùng hằng ngày, cho ba vị Tỳ Kheo đó.

Một ngày nọ, Ngài làm việc ở gần cung vua, thấy ông vua đi du tuần rất là oai phong, trước sau có hộ vệ rất là oai võ. Tâm bèn sinh vọng tưởng : ‘Kiếp sau ta mà làm vua thì rất là oai phong, ai ai cũng đều cung kính ta ! Lúc

đó, ta sẽ cúng dường tất cả các vị Tỳ Kheo.” Một niệm đó sinh ra, quả nhiên đời sau làm vua Diệu Trang Nghiêm, nhưng quên mất lời nguyện làm hộ pháp.

Sau đó, ba vị Tỳ Kheo đều chứng quả Thánh, dùng pháp nhãn quán sát nhân duyên hộ pháp, thì biết được vị này là người hộ pháp, do công đức xưa kia mà tái sinh làm vua. Ông vua đó có tâm từ bi thương dân như con. Song, tin về tà giáo, trong tâm có tà tri tà kiến. Ba vị Thánh nhân muốn báo ân hộ pháp xưa kia, nên mới bày cách cứu ông ta ra khỏi biển khổ, mới cùng nhau tìm cách giải cứu. Một vị phát nguyện làm vợ của ông ta (Tịnh Đức phu nhân), hai vị kia phát tâm làm con của ông ta (Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn). Tại sao ? Vì phải nhờ vợ và con có hiếu, dùng cảm tình để làm sức ảnh hưởng, mới làm thay đổi được tư tưởng tà tri tà kiến tin ngoại đạo của ông vua.

Phẩm này thuật lại vua Diệu Trang Nghiêm, nhờ sự cảm hóa của hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn (Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng), khai mở tri kiến của Phật, đắc được pháp ích, sau đó theo Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí xuất gia tu đạo, mà chứng được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng : Về đời xa xưa, trải qua vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, có vị Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa

Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Cõi nước tên là Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến. Ở trong Phật pháp đó, có vị vua tên là Diệu Trang Nghiêm, phu nhân tên là Tịnh Đức, có hai người con, một tên là Tịnh Tạng, hai tên là Tịnh Nhãn.

Sau khi nói xong Phẩm Đà La Ni, thì lúc đó Đức Phật bảo đại chúng trong hội Pháp Hoa rằng : Vào thuở xa xưa trong quá khứ, trải qua vô lượng vô biên số kiếp A tăng kỳ không thể nghĩ bàn. Lúc đó, có vị Phật ra đời danh hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai. Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác. Ứng Cúng, xứng đáng thọ chúng sinh trong chín pháp giới cúng dường. Chín pháp giới là gì ? Tức là pháp giới của Bồ Tát, pháp giới của Duyên Giác, pháp giới của Thanh Văn, pháp giới của trời, pháp giới của loài người, pháp giới của A tu la, pháp giới của súc sinh, pháp giới của ngạ quỷ, pháp giới của địa ngục.

Mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu. Đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, có đủ mười danh hiệu này, mới đủ

tư cách xung là Thế Tôn, tức là Thánh nhân tôn quý nhất của thế và xuất thế.

Vào thời Đức Phật Văn Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí, có một cõi nước tên là Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến. Ở trong Phật pháp đó, có một ông vua tên là Vua Diệu Trang Nghiêm. Phu nhân của vua tên là Tịnh Đức phu nhân. Ông vua có hai người con, một tên là Tịnh Tạng, hai tên là Tịnh Nhãn. Tiên thân của bốn người này, trong quá khứ là bốn vị Tỳ Kheo cùng tu với nhau ở trong rừng sâu.

Hai người con đó, có đại thần lực phước đức trí huệ, từ lâu đã tu hành Bồ Tát đạo, đó là đàn Ba la mật, Thi la Ba la mật, Sằn đề Ba la mật, Tỳ ly gia Ba la mật, thiền Ba la mật, Bát nhã Ba la mật, phương tiện Ba la mật, từ bi hỉ xả, cho đến ba mươi bảy phẩm pháp trợ đạo, đều thấu suốt thông đạt.

Hai người con của Diệu Trang Nghiêm là Tịnh Tạng (Bồ Tát Dược Vương) và Tịnh Nhãn (Bồ Tát Dược Thượng), đều có sức đại thần thông, có thể hiện mười tám biến. Phước đức trí huệ đầy đủ, từ lâu đã tu đạo Bồ Tát, tức cũng là pháp môn mười Ba la mật. Ba la mật là gì? Dịch là đến bờ kia. Tập quán của Ấn Độ là phạm làm việc

gì xong đều là Ba la mật. Nay lược giải mười Ba la mật như sau :

- 1). Đàn Ba la mật: Đàn dịch là bố thí. Bố thí có ba:
 - a. Tài thí.
 - b. Pháp thí.
 - c. Vô úy thí.

2). Thi la Ba la mật : Thi là dịch là giới. Giới là mẹ thành Phật. Phạm giới giống như chiếc thuyền ở giữa biển, phát hiện đáy thuyền có lỗ lủng. Nếu lập tức tu sửa, thì còn có thể khỏi nguy hiểm. Bằng không thì thuyền sẽ chìm, người sẽ chết, hối hận đã quá muộn. Tu bổ như thế nào? Tức là làm nhiều công đức, có tiền thì bố thí tiền, có sức thì bố thí sức, ủng hộ đạo tràng, do đó có câu: ‘‘Lập công chuộc tội’’.

3). Sằn đề Ba la mật : Sằn đề dịch là nhẫn nhục. Việc không nhẫn được cũng phải nhẫn, không thể chịu đựng được cũng phải chịu, đó là thuốc hay tiêu trừ tội chướng. Tóm lại, khi nóng giận thì nên nhẫn nhịn, đừng bạo phát, vì ‘‘Nhẫn thì an ổn’’.

4). Tỳ ly gia Ba la mật : Tỳ ly gia dịch là tinh tấn. Người học Phật pháp nhất định phải tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày tinh tấn, đêm tinh tấn. Tóm lại, dũng mãnh tinh tấn cũng như thuyền đi ngược dòng, không tiến thì lùi.

5). Thiên Ba la mật: Thiên dịch là tĩnh lự, làm lắng đọng tư tưởng, tức cũng là ngưng vọng tưởng. Tu đến cảnh giới như như bất động, thì mới đắc được liễu liễu

thường minh. Lúc đó sẽ nhậm vận tự tại, tùy theo ý muốn, chẳng bị gì hạn chế, đó tức là ‘Thần thông diệu dụng’.

6). Bát nhã Ba la mật: Bát nhã dịch là trí huệ. Vì Bát nhã gồm có ba nghĩa, cho nên không dịch.

A. Văn tự Bát nhã : Tức là tất cả kinh điển.

B. Quán chiếu Bát nhã : Tức là dùng văn tự để quán chiếu tất cả cảnh giới, mới thấu hiểu được chân thật nghĩa.

C. Thật tướng Bát nhã : Từ văn tự Bát nhã mà phát khởi quán chiếu Bát nhã; từ quán chiếu Bát nhã mà khế hợp với thật tướng Bát nhã. Ba điều này đều có mối quan hệ với nhau.

7). Phương tiện Ba la mật.

8). Nguyện Ba la mật.

9). Lực Ba la mật.

10). Trí Ba la mật.

Bốn Ba la mật này, đều do Bát nhã phân ra, hợp làm mười pháp môn Ba la mật, đây là hạnh môn của Bồ Tát tu.

Tu đạo của Bồ Tát thực hành, chẳng những có bốn tâm vô lượng từ bi hỷ xả, mà còn phải tu bố thí, ái ngữ, lợi hành, và đồng sự, bốn pháp nhiếp, mới là hành Bồ Tát đạo. Bốn tâm vô lượng là gì ? Tức là :

1). Từ : Khiến cho tất cả chúng sinh được an vui.

2). Bi : Cứu tất cả khổ nạn của hết thảy chúng sinh.

3). Hỷ : Tức là hoan hỉ, hoan hỉ người ta có được chuyện vui.

4). Xả : Tức là bố thí. Bố thí vật mà người ta cần.

Bốn pháp nhiếp là gì ? Tức là :

1). Bố thí : Người thích tiền tài thì bố thí tiền tài, người thích pháp thì bố thí pháp.

2). Ái ngữ : Dùng lời dịu dàng thân thiết để an ủi họ.

3). Lợi hành : Khởi thân khẩu ý hành lợi ích chúng sinh.

4). Đồng sự : Cùng làm việc với họ, khiến cho họ có tâm hướng thiện. Phối hợp bốn pháp nhiếp và bốn tâm vô lượng mới là hành Bồ Tát đạo.

Lại phải tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tức là:

- ④ Bốn niệm xứ
- ④ Bốn chánh cần
- ④ Bốn như ý túc
- ⑤ Năm căn,
- ⑤ Năm lực
- ⑦ Bảy bồ đề phần
- ⑧ Tám chánh đạo.

Cộng lại là ba mươi bảy phẩm. Đây là chánh đạo của pháp tiểu thừa, ở trong đại thừa là pháp trợ đạo, tại Phật thừa cũng chẳng phải là chánh đạo, cũng chẳng phải là trợ đạo; ngược lại cũng là chánh đạo, cũng là trợ đạo. Vì Phật thừa là viên giáo, tức là giáo lý viên dung vô ngại, do đó có câu:

‘‘Viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc’’.

Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, là hai vị Bồ Tát đều thấu suốt thông đạt mười pháp Ba la mật, bốn tâm vô lượng, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chẳng có gì chướng ngại.

Lại đắc được các tịnh tam muội của Bồ Tát, đó là tam muội nhật tinh tú, tam muội tịnh quang, tam muội tịnh sắc, tam muội tịnh chiếu minh, tam muội trường trang nghiêm, tam muội đại oai đức tạng. Nơi các tam muội này, cũng đều thông đạt.

Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, hai vị Bồ Tát lại chứng được các thứ tam muội của Bồ Tát. Tam muội dịch là chánh định chánh thọ.

1). Tịnh tam muội : Tức là viên tịnh ba cấu. Ba cấu là gì ? Tức là tham, sân, si, hoặc là kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc. Làm cho ba cấu bản này đều thanh tịnh.

2). Tam muội nhật tinh tú : Nhật (mặt trời) ví như thật trí, tinh (ngôi sao) ví như quyền trí, quyền thật không hai, nên gọi là tam muội nhật tinh tú.

3). Tam muội tịnh quang : Bốn tính thanh tịnh, thì hiện ra vô lượng quang minh.

4). Tam muội tịnh sắc : Bốn thân thanh tịnh thì hiện tất cả màu sắc.

5). Tam muội tịnh quang minh : Tịnh là thể của tam muội, chiếu sáng là dụng của tam muội; tức cũng là tự tánh thanh tịnh, chiếu soi tất cả.

6). Tam muội trường quang minh : Dùng sự trang nghiêm của Phật, mà tự trang nghiêm tam muội.

7). Tam muội đại oai đức tạng : Đại oai phục chúng, đại đức lợi sinh, tức cũng là oai đức của thập lực. Hai vị Bồ Tát này, đều hoàn toàn thông đạt bảy thứ tam muội này.

Bấy giờ, đức Phật đó muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm, và thương xót chúng sinh, mà nói Kinh Pháp Hoa này.

Lúc đó, Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, muốn dẫn dắt Vua Diệu Trang Nghiêm vào Phật trí, và vì thương xót tất cả chúng sinh, cho nên giảng giải chân thật nghĩa của Kinh Pháp Hoa. Kinh này là kinh điển thành Phật, nên xưng là vua trong các kinh.

Lúc đó, Tịnh Tạng và Tịnh Nhân hai người con đến chỗ người mẹ, chấp tay lại bạch rằng : Xin mẹ hãy đi đến chỗ đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, chúng con cũng sẽ theo hầu gần gửi cúng dường lễ bái. Tại sao ? Vì đức Phật đó, đang ở trong tất cả

đại chúng trời người, nói Kinh Pháp Hoa, chúng ta nên đến đó để nghe.

Lúc đó, hai vị Bồ Tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhân đến chỗ người mẹ (Tịnh Đức phu nhân), chấp tay lại thưa với mẹ rằng : ‘‘Chúng con xin thỉnh mẹ đi đến đạo tràng của Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, để nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Chúng con sẽ hầu theo mẹ cùng nhau đi đến chỗ Phật để gần gũi, cúng dường, lễ bái vị Phật đó. Tại sao ? Vì vị Phật đó bây giờ đang ở trong đại chúng trời người, diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cơ hội khó gặp, chúng ta nên đi nghe, không thể bỏ qua cơ hội thành Phật.’’

Người mẹ bảo các người con rằng : Cha của các con tin sâu pháp ngoại đạo Bà la môn. Các con nên đến thưa với cha, để chúng ta cùng đi với nhau.

Tịnh Đức phu nhân nói với hai người con : Cha của các con chẳng tin Phật pháp, mà tin tà pháp trường sinh bất lão, xuất huyền nhập hóa, tin sâu chấp trước pháp Bà la môn. Các con nên đến chỗ cha nói rõ tin tức này, để chúng ta cùng đi đến chốn Phật nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.’’

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn chấp tay lại thưa với người mẹ rằng : Chúng con là con của đấng Pháp Vương, mà sinh vào nhà tà kiến này.

Hai vị vương tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn bèn chấp tay lại, nói với người mẹ rằng : “Chúng con thuở xưa tu Bồ Tát đạo, đã là con của đấng Pháp Vương, nhưng lại bất hạnh, sinh vào nhà tà kiến này, chúng con phải sửa đổi trở thành nhà chánh kiến.”

Người mẹ bảo các người con rằng : Các con nên thương nghĩ đến cha của các con, mà hiện thân thông biến hóa. Nếu cha của các con mà thấy được, thì chắc tâm sẽ thanh tịnh, hoặc nghe lời của chúng ta, mà cùng nhau đi đến chỗ đức Phật.

Tịnh Đức phu nhân lại nói với hai người con rằng : “Các con nên có tâm hiếu thuận, thương nghĩ đến cha của các con, trong quá khứ ông ta là hộ pháp của các con. Bây giờ các con đến độ ông ta thành Phật, ông ta mê tín ngoại đạo, chẳng chịu tin chánh đạo. Các con nên vì ông ta mà hiện các thứ thân thông biến hóa, nếu ông ta thấy được chắc tâm của ông ta sẽ thanh tịnh, sẽ giác ngộ hoặc

sẽ nghe tin lời của chúng ta nói, và cùng nhau đi đến chốn Phật, nghe Đức Phật Văn Lô Âm Tú Vương Hoa Trí diễn nói Kinh Pháp Hoa.”

Lúc đó, hai người con vì thương nghĩ đến người cha, mà vọt lên hư không cao khoảng bảy cây đa la, hiện các thứ thần thông biến hóa. Ở trong hư không đi đứng nằm ngồi, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa; dưới thân ra nước, trên thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, rồi lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, biến mất trong hư không, hốt nhiên ở dưới đất, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất. Hiện các thứ thần thông biến hóa như thế, khiến cho vua cha tâm được thanh tịnh tin hiểu.

Hai người con của vua Diệu Trang Nghiêm vì nghĩ nhớ đến người cha, muốn độ cho cha cải tà quy chánh, mới đến chỗ người cha vọt thân lên hư không, cao khoảng bảy cây đa la (khoảng bốn mươi chín trượng), hiện ra đủ thứ thần thông biến hóa. Ở trong hư không đi đứng nằm ngồi rất tự tại. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hoặc dưới thân ra nước, trên thân ra lửa. Nước lửa cùng nhau

hòa hợp, chẳng có xung đột. Hoặc hiện ra thân lớn đầy khắp hư không. Hoặc thân lớn lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, biến hóa khó dò, khiến cho người thấy lấy làm hoan hỉ, được chưa từng có. Thân ở trong hư không lại biến mất, hốt nhiên lại hiện ra ở dưới đất. Vào đất dễ như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, có thể nói nhậm vận tự tại, tùy theo ý muốn. Hai vị vương tử hiện ra đủ thứ biến hóa như thế, mục đích là khiến cho tâm của vua cha được thanh tịnh, sinh tâm hiểu Phật pháp, xả bỏ pháp ngoại đạo.

Khi ấy, người cha thấy thần lực của các người con như thế, thì tâm đại hoan hỉ, được chưa từng có, chấp tay lại hướng về các người con nói rằng : Thầy của các con là ai ? Các con là đệ tử của ai ?

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm thấy hai người con có thần lực như thế, biến hóa vô cùng, tâm sinh đại hoan hỉ, đặc được cảnh giới áo diệu chưa từng có. Do đó, bèn chấp hai tay lại hướng về hai người con hỏi : “Thầy của các con là ai ? Các con là đệ tử của ai.”

Hai người con bạch rằng : Thưa đại vương ! Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, nay ở dưới cội bồ đề bảy báu, ngồi

ở trên pháp tòa, ở trong tất cả thế gian chúng trời người, diễn nói Kinh Pháp Hoa, là thầy của chúng con, chúng con là đệ tử.

Hai vị Bồ Tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhân bèn nói với vua Diệu Trang Nghiêm rằng : “Thưa Đại Vương ! Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí đó, hiện nay đang ngồi ở trên pháp tòa, dưới cội bồ đề bảy báu, vì tất cả thế gian chúng trời người diễn nói Kinh Pháp Hoa, Ngài là thầy của chúng con, chúng con là đệ tử của Ngài.”

Người cha nói với con rằng, nay cha cũng muốn gặp thầy của các con, chúng ta cùng đi với nhau.

Vua Diệu Trang Nghiêm nói với hai người con rằng : “Hiện nay cha cũng muốn đi đến gặp thầy của các con. Các con có thần thông như thế, thì thầy của các con chắc chắn thần thông không thể nghĩ bàn, cha và các con cùng nhau đi đến chốn Phật, để nghe Kinh Pháp Hoa.”

Hai người con bèn từ hư không xuống, đến chỗ người mẹ chấp tay thưa với mẹ rằng : Thưa mẹ ! Phụ vương nay đã tin hiểu, đã phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Chúng con đã vì cha mà làm Phật sự, xin mẹ

cho phép chúng con ở nơi đức Phật đó, xuất gia tu đạo.

Hai người con của vua Diệu Trang Nghiêm ở trong hư không hiện mười tám biến rồi, từ hư không đi xuống đến chỗ Tịnh Đức phu nhân ở, chấp tay thưa với người mẹ rằng : ‘Thưa mẹ ! Cha của chúng con, hiện nay chẳng còn tin pháp tà tri tà kiến của ngoại đạo nữa, mà tin Phật pháp, hiểu Phật pháp. Hiện tại cha đã phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Chúng con đã vì cha làm đại Phật sự. Hy vọng mẹ thấy và nghe rồi, cho phép chúng con anh em hai người đến chỗ Đức Phật, theo Phật xuất gia, tu vô thượng đạo.’

Bấy giờ, hai người con muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Tịnh Tạng và Tịnh Nhân muốn thuật lại ý nghĩa vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói.

**Xin mẹ cho chúng con
Xuất gia làm Sa môn
Chư Phật rất khó gặp
Chúng con theo Phật tu.
Như hoa ưu đàm bát
Gặp Phật càng khó hơn**

Khỏi các nạn cũng khó Xin cho con xuất gia.

“Chúng con anh em hai người, xin mẹ từ bi thương xót, cho chúng con xuất gia tu đạo làm Sa môn, sau đó sẽ thành Phật đạo. Sa Môn dịch là siêng túc, tức là siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si. Chư Phật ra đời chẳng dễ gì gặp được. Hiện tại có Phật ra đời, chúng con xin đi theo Phật tu học Phật pháp.

Giống như hoa ưu đàm bát la, ba ngàn năm hoa mới nở một lần, rất khó được gặp. Gặp được Phật cũng khó như thế. Thoát khỏi các hoạn nạn cũng rất khó, hy vọng mẹ đáp ứng yêu cầu của các con, cho phép các con xuất gia tu đạo.”

Người mẹ nói rằng : Cho các con xuất gia, tại sao ? Vì Phật khó được gặp.

Tịnh Đức phu nhân nói với hai người con rằng : “Tốt lắm ! Mẹ cho phép các con xuất gia tu đạo. Tại sao ? Vì Phật chẳng dễ gì gặp được. Mong rằng sau khi các con xuất gia rồi, ngày đêm tinh tấn tu Bồ Tát đạo.”

Hai người con bèn thưa với cha mẹ rằng : Lành thay cha mẹ ! Xin cha mẹ đi đến chỗ đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa

Trí, để gần gũi cúng dường. Tại sao ? Vì Phật rất khó gặp được.

Hai người con của vua Diệu Trang Nghiêm nói với cha mẹ rằng : ‘‘Lành thay ! Cha mẹ thương yêu chúng con, cho phép chúng con xuất gia tu đạo. Vì không thể báo ân dưỡng dục của cha mẹ, xin cha mẹ tha thứ tội chưa làm tròn bốn phận thiếu thảo. Hy vọng cha mẹ đi đến chỗ đạo tràng của Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, để gần gũi, cúng dường Phật. Tại sao ? Vì Phật ra đời, nếu người chẳng có căn lành, thì chẳng dễ gì được gặp.’’

Như hoa ưu đàm bát la, như rùa một mắt gặp lỗ khúc gỗ nổi, mà chúng con phước báu đời trước sâu dày, nên sinh ra được gặp Phật pháp, do đó mà cha mẹ cho chúng con xuất gia tu đạo. Tại sao ? Vì chư Phật rất khó gặp, thời cơ cũng khó gặp.

Giống như hoa ưu đàm bát la, chẳng dễ gì gặp được lúc nở. Hoa này nở ra là tàn liền, thời gian rất ngắn, trong chốc lát thì tàn rụng. Lại giống như con rùa một mắt, ở trong biển cả, muốn tìm lỗ khúc gỗ nổi để nướng nấu, thật chẳng dễ gì, khó như mò kim dưới đáy biển. Muốn gặp Phật cũng khó khăn như thế.

Vì chúng con gieo trồng phước báu trong kiếp trước đặc biệt sâu dày, cho nên sinh vào thời có Phật ra đời, gặp được Phật, nghe được pháp, may mắn thay ! Vì vậy, nên cha mẹ cho phép chúng con xuất gia tu đạo. Vì sao ? Vì chư Phật rất khó gặp, thời cơ khó thấy, đừng để mất cơ hội tốt, phải nắm lấy cơ hội xuất gia tu hành.

Khi đó, tám vạn bốn ngàn người đi theo vua Diệu Trang Nghiêm, thấy đều thọ trì Kinh Pháp Hoa này. Bồ Tát Tịnh Nhãn từ lâu đã thông đạt tam muội pháp hoa, Bồ Tát Tịnh Tạng thì ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, đã thông đạt tam muội ly chư ác thú. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, lìa khỏi các đường ác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói : “Lúc đó, tám vạn người cung nga thể nữ, đi theo vua Diệu Trang Nghiêm thấy đều thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: Lúc đó tám vạn bốn ngàn người cung nga thể nữ đi theo vua Diệu Trang Nghiêm, thấy đều thọ trì Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Tịnh Nhãn từ lâu đã thông đạt vô ngại tam muội pháp hoa (pháp quyền thật không hai). Bồ Tát Tịnh Tạng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, đã thông đạt tam muội ly chư ác thú (bốn đường ác địa ngục, ngã quý, súc sinh, A

tu la). Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi các đường ác.

Phu nhân của vua đắc được chư Phật tập tam muội, biết được tạng bí mật của chư Phật. Hai người con khéo dùng sức phương tiện như thế, để giáo hóa người cha, khiến cho sinh tâm tin hiểu, ưa thích Phật pháp.

Phu nhân của vua đắc được chư Phật tập tam muội, tức là chư Phật ở trong định thuyết pháp, phu nhân cũng thấu hiểu được bảo tàng diệu pháp bí mật không truyền của chư Phật nói. Hai vị Bồ Tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn dùng phương tiện thiện xảo như thế, để độ hoá người cha của các Ngài, khiến cho chúng sinh tín ngưỡng Phật pháp, hiểu rõ ý của Phật pháp, ưa thích Phật pháp và nghiên cứu Phật pháp.

Vua Diệu Trang Nghiêm với quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân với tùy tùng thể nữ, và hai người con của vua, cùng với bốn vạn hai nghìn người, đều tụ lại cùng nhau, đi đến chỗ đức Phật. Đến rồi, đầu mặt lễ dưới chân Phật, và nhiễu đức Phật ba vòng, rồi đứng qua một bên.

Vua Diệu Trang Nghiêm với quần thần quyến thuộc cùng nhau đi đến chốn Phật. Tịnh Đức phu nhân và cung nga thể nữ cùng quyến thuộc cùng nhau đi đến chốn Phật. Tịnh Tạng và Tịnh Nhân và bốn vạn hai ngàn người cùng nhau đi đến chốn Phật. Sau khi đến chỗ Đức Phật rồi, đều năm thể sát đất đánh lễ Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, sau đó đi nhiễu Phật ba vòng, biểu thị cung kính, rồi lui về một bên, lắng nghe Phật chỉ dạy.

Bấy giờ, đức Phật đó vì vua Diệu Trang Nghiêm nói pháp, chỉ thị giáo hóa, khiến cho vua được lợi ích hoan hỷ, vua rất vui mừng.

Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm và phu nhân cỡi chuỗi ngọc châu báu nơi cổ, giá trị trăm ngàn lạng vàng, rải lên trên đức Phật, ở trong hư không hóa thành đài báu bốn trụ. Trong đài có giường báu lớn, giảng bày hàng trăm ngàn vạn thứ y trời. Trên đó, có đức Phật ngồi kiết già, phóng đại quang minh.

Lúc đó, Phật Vân Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí, vì vua Diệù Trang Nghiêm nói pháp, chỉ thị giáo hoá, khiến cho vua đắc đượç lợi ích, sinh tâm hoan hỷ và rất vui mừng.

Lúc đó, Vua Diệù Trang Nghiêm và phu nhân Tịnh Đứç cỡi xâu chuỗi ngọc châu báu đang đeo nơi cổ giá trị trăm ngàn lạng vàng rải lên cúng dường Đứç Phật. Chuỗi ngọc châu báu đó, ở trong hư không hóa thành đài báu bốn trụ (biểu thị cho tứ hoàng thệ nguyện), ở trong đài báu có giường báu lớn, trên giường báu bày hàng trăm ngàn vạn thứ y trời, ở trên đó có Phật ngồi kiết già phóng đại quang minh, chiếu khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ, vua Diệù Trang Nghiêm nghĩ như vậy : Thân Phật rất ít có, đọan chánh trang nghiêm đặc thù, thành tựu sắc thân vi diệù bạc nhất.

Lúc đó, vua Diệù Trang Nghiêm nghĩ như vậy: Thân Phật phóng quang ít có trong thế gian. Dung mạo của Phật đọan chánh trang nghiêm, vừa thù thắng vừa tốt đẹp, thành tựu sắc thân vi diệù bạc nhất. Phật có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp. Những tướng trang nghiêm thân đó, do sự tu hành mà có đượç, do đó có câu:

"Ba tăng kỳ tu phướç huệ,
Trăm kiếp trồng tướng tốt".

Lúc đó, đức Phật Vân Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí, bảo bốn chúng rằng : Các ông có thấy vua Diệu Trang Nghiêm, đang chấp tay đứng ở trước ta chăng! Ông vua này, ở trong pháp của ta xuất gia làm Tỳ Kheo, siêng năng tu tập, giúp Phật hoàng dương Phật pháp, sẽ được thành Phật hiệu là Sa La Thụ Vương, cõi nước tên là Đại Quang, kiếp tên là Đại Cao Vương.

Lúc đó, Phật Vân Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí nói với bốn chúng rằng : “Các con có thấy vua Diệu Trang Nghiêm đang chấp tay ở trước ta chăng ?

Ông vua này ở trong pháp của ta xuất gia làm Tỳ Kheo, tinh tấn siêng năng tu tập Phật pháp, giúp Phật hoàng chánh pháp, tương lai sẽ chứng được quả vị Phật, hiệu là Sa La Thụ Vương Phật, cõi nước tên là Đại Quang, kiếp tên là Đại Cao Vương.

Đức Phật Sa La Thụ Vương đó, có vô lượng chúng Bồ Tát, và vô lượng hàng Thanh Văn, cõi nước đó bằng phẳng, công đức như thế.

Vị Phật Sa La Thụ Vương đó, có vô lượng đệ tử Bồ Tát, có vô lượng đệ tử Thanh Văn. Cõi nước Đại Quang đó bằng phẳng, chẳng có chỗ lồi lõm. Hết thấy công đức trang nghiêm như thế.

Vua Diệu Trang Nghiêm lập tức đem cõi nước giao cho người em, cùng với phu nhân, hai người con, và các quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói : “Vua Diệu Trang Nghiêm sau khi nghe Đức Phật Văn Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí nói như thế rồi, thì lập tức xả bỏ ngôi vua, đem đất nước giao phó cho người em cai trị, cùng phu nhân, Tịnh Tạng, Tịnh Nhân, hai người con và các quyến thuộc, xuất gia tu đạo với Phật Văn Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.”

Vua xuất gia rồi, ở trong tám vạn bốn ngàn năm, thường siêng năng tinh tấn, tu hành Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua thời gian đó rồi, đắc được tam muội nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm, bèn thăng lên hư không, cao khoảng bảy cây đa la, mà bạch với đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Hai

người con của con đây, đã làm việc Phật sự, dùng thần thông biến hóa chuyển hóa tâm tà của con, khiến cho con an trụ vào trong Phật pháp, được thấy đức Thế Tôn.

Sau khi Vua Diệu Trang Nghiêm xuất gia rồi, ở trong tám vạn bốn nghìn năm, thường siêng năng tinh tấn, chẳng giải đãi, dững mãnh tinh tấn tu hành Kinh Pháp Hoa. Qua thời gian đó rồi, đắc được tam muội nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm, bèn vọt lên trong hư không cao khoảng bảy cây đa la (khoảng 49 trượng), bèn nói với Phật rằng : ‘ ‘ Đức Thế Tôn ! Hai người con của con đây, trong quá khứ đã làm Phật sự, hai vị đó dùng sức thần thông chuyển hóa tâm tà của con, khiến cho con được an ổn trụ trong Phật pháp. Nhờ vậy mà con mới được thấy Đức Thế Tôn ! ’ ’

Hai người con đây là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành trong quá khứ, lợi ích cho con, mà đến sinh vào nhà con.

Vua Diệu Trang Nghiêm nói với Phật rằng : ‘ ‘ Đức Thế Tôn ! Hai người con đây là thiện tri thức của con. Hai vị đó vì muốn phát khởi căn lành của con trong quá khứ, vì lợi ích cho nên mới đến sinh vào nhà của con.

Nếu chẳng có hai vị đó khuyên hóa, thì con vẫn còn tin pháp tà’’

Bây giờ, đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng : Như thế, như thế ! Như lời ông nói. Nếu người thiện nam, người thiện nữ, gieo trồng căn lành, thì đời đời được gặp thiện tri thức. Thiện tri thức đó, hay làm Phật sự, khai thị giáo hóa, khiến cho được lợi ích, sinh tâm hoan hỉ, khiến cho được vào A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Lúc đó, Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí bảo Vua Diệu Trang Nghiêm rằng : ‘’Như thế, như thế ! Đúng như lời ông nói. Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, vì gieo trồng căn lành, cho nên đời đời kiếp kiếp đều được gặp thiện tri thức. Bậc thiện tri thức đó, đều hay làm đại Phật sự, khai thị chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, lợi ích chúng sinh, khiến cho chúng sinh, sinh tâm hoan hỉ, khiến cho vào A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.’’

Đại vương nên biết ! Bậc thiện tri thức là đại nhân duyên, hay giáo hóa khiến cho

được gặp Phật, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí nói : “Đại Vương ! Ông nên biết, bậc thiện tri thức là đại nhân duyên.” Thiện tri thức là gì ? Nói đơn giản là giáo hóa chúng sinh, xa lìa tội lỗi mười điều ác, tu hành pháp thập thiện. Người học Phật pháp, phải có mắt chọn pháp, phạm là đại công vô tư, tất cả vì chúng sinh, đó là thiện tri thức. Nếu ích kỷ, chuyên nghĩ về lợi ích cho mình, đó tức là ác tri thức. Phải gần gũi thiện tri thức, xa lìa ác tri thức, nhận thức rõ ràng mới không bị họ hại mà được sự lợi ích.

Thiện tri thức hay giáo hóa dẫn dắt chúng sinh, thấy Phật nghe pháp, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Thiện Tài đồng tử đi tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức, đi khắp nơi cầu pháp, làm thế nào phát bồ đề tâm, làm thế nào hành Bồ Tát đạo, cuối cùng chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đại vương ! Ông có thấy hai người con này chăng ! Hai người con này đã từng cúng dường, sáu mươi lăm trăm ngàn vạn ức na do tha Hằng hà sa chư Phật, gần gũi cung kính, ở chỗ chư Phật thọ trì Kinh Pháp Hoa,

thương xót những chúng sinh tà kiến, mà khiến cho họ trụ vào chánh kiến.

“Đại Vương ! Ông có thấy hai người con này của ông chăng ? Hai vị đó trong quá khứ, đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn vạn ức na do tha Hằng hà sa các Đức Phật, gần gũi chư Phật, cung kính chư Phật, ở trong đạo tràng của chư Phật, đời đời kiếp kiếp đều thọ trì Kinh Pháp Hoa, thương xót những chúng sinh có tư tưởng tà kiến, khiến cho họ trụ vào chánh kiến ở trong Phật pháp.”

Vua Diệu Trang Nghiêm bèn từ hư không đi xuống, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Như Lai rất ít có, do nhờ công đức trí huệ, nên nhục kế ở trên đỉnh phóng ra quang minh chiếu sang, mắt của Ngài dài và rộng, có màu sắc xanh biếc, tướng hào quang giữa chạng mày trắng như ngọc kha, răng trắng vừa đều vừa khít, thường có quang minh, môi màu đỏ tươi như quả tần bà.

Vua Diệu Trang Nghiêm bèn từ hư không đi xuống, đến trước Đức Phật Văn Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, bạch

ràng: “Đức Thế Tôn ! Như Lai rất ít có. Vì có tất cả công đức và nhất thiết trí huệ, cho nên trên đỉnh của Như Lai có tướng nhục kế, phóng quang minh, chiếu khắp mười phương. Mắt của Như Lai vừa dài vừa rộng, màu sắc xanh biếc. Giữa chạng mày của Như Lai có tướng hào quang trắng như ngọc kha. Răng của Như Lai vừa trắng, vừa đều, vừa khít, thường phóng quang minh. Môi của Như Lai màu đỏ tươi như quả tần bà.”

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi vô lượng trăm ngàn vạn ức công đức của Phật như thế rồi, ở trước Như Lai một lòng chấp tay lại, bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chưa từng có vậy, pháp của Như Lai thành tựu đầy đủ công đức vi diệu không thể nghĩ bàn, giáo hóa chúng sinh, khiến cho được an ổn, vui sướng.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi Phật có vô lượng công đức như thế rồi, ở trước Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, một lòng chấp tay bạch Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Con chưa bao giờ thấy thân sắc đẹp trang nghiêm của Như Lai. Pháp của Như Lai nói rất viên mãn, thành tựu đầy đủ công đức vi diệu không thể nghĩ bàn. Giáo hóa chúng sinh, đừng làm các điều ác, làm các việc lành, khiến cho chúng sinh được an ổn, vui sướng.”

Bắt đầu từ nay, con chẳng tùy thuận tâm hành của mình nữa, chẳng sinh tâm tà kiến, kiêu mạn sân hận điều ác. Nói như thế rồi, bèn lễ Phật lui ra.

Vua Diệu Trang Nghiêm nói : ‘‘ Từ nay trở đi, con chẳng tùy thuận vọng tâm đi làm việc nữa, chẳng theo tâm điên đảo làm việc nữa. Từ nay về sau chẳng sinh tâm tà kiến, chẳng sinh tâm kiêu mạn, chẳng sinh tâm ngã mạn, chẳng sinh tâm sân hận. Tóm lại, chẳng sinh tâm ác.’’ Vua Diệu Trang Nghiêm nói như thế rồi, năm thể lễ Phật sát đất, lễ rồi lui đứng về một bên, đợi Phật khai thị.

Đức Phật bảo đại chúng ! Ý của các ông thế nào ? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải là ai khác, nay là Bồ Tát Hoa Đức, còn phu nhân Tịnh Đức, nay là Bồ Tát Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng, đang ở trước đức Phật. Vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và các quyến thuộc, nên sinh vào ở trong nước đó.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với đại chúng trong hội Pháp Hoa rằng : ‘‘Trong tâm của đại chúng, các ông

như thế nào ? Vua Diệu Trang Nghiêm mà ta nói đó, các ông có biết là ai chăng ? Tức hiện tại là Bồ Tát Hoa Đức này vậy. Còn Tịnh Đức phu nhân, tức hiện tại là Bồ Tát Quang Chiêu Trang Nghiêm Tướng đang ở trước Phật vậy, vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và tất cả quyến thuộc, cho nên sinh vào ở trong nước đó, để làm vợ của vua, cảm hóa vua Diệu Trang Nghiêm cải tà quy chánh, tin sâu Phật pháp, thọ trì Kinh Pháp Hoa.”

Hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, nay là Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng, thành tựu các công đức lớn như thế. Đã từng ở chỗ vô lượng trăm ngàn vạn ức các đức Phật, trông các gốc công đức, thành tựu các công đức lành không thể nghĩ bàn.

Hai người con của vua là Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, các ông có biết là ai chăng ? Tức là Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng này vậy. Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng thành tựu các công đức lớn như thế, thật là không thể nghĩ bàn. Hai vị đó đã từng ở chốn đạo tràng của vô lượng trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, trông các căn lành, trông các gốc công đức, thành tựu các công đức lành không thể nghĩ bàn.

Nếu có ai biết được danh hiệu của hai vị Bồ Tát này, thì tất cả thế gian chư thiên, nhân dân, cũng nên lễ bái.

Nếu như có người nào, biết được hoặc nghe được danh hiệu của hai vị Bồ Tát đó, trì nơi tâm, nhớ mãi không quên, thì tất cả chư thiên loài người, đều nên lễ bái Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng.

Khi đức Phật nói Phẩm Bốn Sự của Vua Diệu Trang Nghiêm, thì có tám vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu, ở trong các pháp đắc được pháp nhãn thanh tịnh.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì có tám vạn bốn ngàn người đắc được pháp ích, xa lìa trần lao, thoát khỏi trần cấu, ở trong các pháp đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Quán sát được tất cả pháp thế gian là vô thường, khổ không, vô ngã. Biết được pháp xuất thế là thường, lạc, ngã, tịnh.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM KHUYẾN PHÁT CỦA BỒ TÁT PHỔ HIỀN THỨ HAI MƯỜI TÁM

Phổ Hiền tiếng phạn là ‘‘Tam mạn đa bạt đà la’’. Tam mạn dịch là Phổ, bạt đà la dịch là Hiền, do đó :

‘‘Thể tính khắp cùng là phổ,
Tùy duyên thành đức là hiền.’’

Lại dịch là Biến Cát, biến (khắp) tức là phổ, cát tức là hiền. Tuy danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa như nhau. Địa vị của Bồ Tát Phổ Hiền chỉ khác Phật chút chút. Giống như trăng ngày mười bốn so với trăng rằm, chỉ sai một chút về tròn sáng.

Bồ Tát Phổ Hiền là một trong bốn đại Bồ Tát, địa vị rất cao. Ngài ủng hộ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói pháp, ở trong hội Hoa Nghiêm thì Ngài là thuyết pháp chủ. Có Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phát mười đại nguyện vương, đó là pháp môn Bồ Tát phải tu.

Trong hội Pháp Hoa, Bồ Tát Phổ Hiền hướng về đại chúng pháp hội nói sau cùng, khuyên đại chúng phát bồ đề tâm, thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh Pháp Hoa, biên chép Kinh Pháp Hoa. Tóm lại, khiến cho đại chúng cúng dường, lễ bái, khen ngợi,

ấn tụng, truyền bá Kinh Pháp Hoa, thì chắc chắn có công đức không thể nghĩ bàn.

Bồ Tát Phổ Hiền tu hành tinh tấn nhất, chẳng những nguyện lớn mà hạnh cũng lớn. Đem thân phận và địa vị của Ngài khuyên đại chúng phát tâm ủng hộ Kinh Pháp Hoa, thì đại chúng chắc chắn sẽ tin lời của Ngài nói mà y pháp tu hành. Phẩm này là phẩm cuối cùng của Kinh Pháp Hoa, cho nên là Phẩm Khuyên Phát của Bồ Tát Phổ Hiền thứ hai mươi tám.

Đã giảng Kinh Pháp Hoa hết mười bốn tháng. Hôm nay (ngày 5 tháng 3 năm 1971) giảng đến phẩm hai mươi tám gần hết.

Tiếp theo là giảng Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, do đó có câu :

“Chẳng đọc Kinh Hoa Nghiêm,
Chẳng biết Phật giàu sang thật.”

Sự giàu sang của Phật, nằm hết ở trong Kinh Hoa Nghiêm. Kinh đó đạo lý vô cùng vô tận, hy vọng mọi người đừng bỏ lỡ cơ hội nghe Kinh Hoa Nghiêm.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, uy đức danh văn, cùng với các đại Bồ Tát, vô lượng vô biên không thể tính đếm. Từ phương đông đến, các cõi nước đi qua thấy đều chấn động.

Khi nói Phẩm Khuyết Phát của Bồ Tát Phổ Hiền, thì Bồ Tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, có uy đức có danh văn. Ngài và các đại Bồ Tát số nhiều vô lượng vô biên, từ phương đông đến pháp hội Linh Sơn, thế giới Ta Bà, Nam Diêm Phù Đề. (Bồ Tát Phổ Hiền nương chân lý mà ở, nên chẳng có một cõi nước cố định). Tất cả các cõi nước mà Ngài đi qua, thủy đều phát sinh chấn động, biểu thị sáu căn của tất cả chúng sinh đều thanh tịnh.

Mưa xuống các hoa sen báu, vang lên vô lượng trăm ngàn vạn ức các thứ âm nhạc.

Bồ Tát Phổ Hiền và vô lượng các đại Bồ Tát đi ngang qua các cõi nước, chẳng những có sáu thứ chấn động, mà hư không còn mưa xuống các hoa sen báu, ở trong hư không còn vang lên vô lượng trăm ngàn vạn ức các thứ âm nhạc, rất là êm tai, khiến cho người nghe hoặc thấy được, đều sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Cùng với vô số các hàng trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người, hết thủy đều vây quanh, ai nấy đều hiện sức thần thông oai đức, đến núi Kỳ xà quật ở thế giới Ta Bà.

Bồ Tát Phổ Hiền cùng với các chúng trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người, hết thảy đại chúng vây quanh, ai nấy đều hiện ra thần thông oai đức, đến núi Kỳ xà quật ở thế giới Ta Bà.

Đến rồi, đại chúng đều đánh lễ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhiễu bên phải bảy vòng, bèn bạch Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Con ở cõi nước của đức Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, xa nghe thế giới Ta Bà này nói Kinh Pháp Hoa, nên con và vô lượng trăm ngàn vạn ức các chúng Bồ Tát cùng nhau đến nghe.

Bồ Tát Phổ Hiền đến pháp hội Linh Sơn, cùng với đại chúng năm thể sát đất, đánh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và nhiễu bên phải Đức Phật bảy vòng. Biểu thị bảy bồ đề phần. Sau đó, bạch với Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Con ở trong cõi nước của Đức Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, xa nghe ở thế giới Ta Bà nói Kinh Pháp Hoa. Chúng con vô lượng các đại chúng Bồ Tát, cùng nhau đến pháp hội Linh Sơn để nghe Kinh Pháp Hoa.”

Xin đức Thế Tôn, hãy vì đại chúng mà nói. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, sau khi Như Lai diệt độ, làm sao có thể được Kinh Pháp Hoa này ?

Bồ Tát Phổ Hiền và vô lượng các Bồ Tát nói : “Xin Đức Thế Tôn từ bi, hãy vì chúng con đại chúng mà nói. Nếu như có người thiện nam người thiện nữ, sau khi Như Lai diệt độ, thì họ làm thế nào có thể được Kinh Pháp Hoa này ? Làm sao được thọ trì Kinh Pháp Hoa này ?

Đức Phật bảo Bồ Tát Phổ Hiền : Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thành tựu bốn pháp này, thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ được Kinh Pháp Hoa này.

Đức Phật Thích Ca nói với Bồ Tát Phổ Hiền : “Phổ Hiền ! Nếu có người nam làm thiện, người nữ làm thiện, họ thành tựu bốn pháp này, thì sau khi Như Lai diệt độ, tự nhiên họ sẽ được Kinh Pháp Hoa này.”

Một là được chư Phật hộ niệm. Hai là đã gieo trồng các gốc công đức. Ba là vào chánh định tụ. Bốn là phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh. Người thiện nam, người thiện

nữ, thành tựu bốn pháp như thế, thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ được Kinh Pháp Hoa.

Bốn pháp này tức là :

1). Được chư Phật hộ niệm : Làm thế nào mới được chư Phật hộ niệm ? Tức là phải thọ trì Kinh Pháp Hoa, và tu trì các thứ pháp lành, đây là thường.

2). Trồng các gốc công đức : Tức là gieo trồng các căn lành, tu các pháp lành, đây là lạc.

3). Vào chánh định tụ : Tức là vào sâu trong chánh định tụ, đây là thật ngã.

4). Phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh, đây là tịnh.

Nếu như người nam tu thiện, người nữ tu thiện, thành tựu được bốn pháp này, thì sau khi Như Lai diệt độ, chắc chắn sẽ được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bốn pháp này, có thể nói là bốn an lạc hạnh, được chư Phật hộ niệm là thân an lạc hạnh, trồng các gốc công đức là khẩu an lạc hạnh, vào chánh định tụ là ý an lạc hạnh, phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh là nguyện an lạc hạnh.

Lại có thể nói là được chư Phật hộ niệm, và vào chánh định tụ, hai pháp này là mặc y Như Lai. Trồng các gốc công đức là ngồi tòa Như Lai. Phát tâm cứu hộ tất cả chúng sinh là vào nhà Như Lai. Bốn pháp này là khai thị ngộ nhập vào tri kiến của Phật. Được chư Phật hộ niệm là khai mở sự thấy của Phật; gieo trồng các gốc công đức là

mở bày tri kiến của Phật; vào chánh định tụ là vào tri kiến của Phật; phát tâm cứu hộ tất cả chúng sinh là ngộ tri kiến của Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vào đời ác trước năm trăm năm sau, như có người thọ trì kinh điển này, thì con sẽ bảo hộ người đó, trừ diệt mọi tai nạn, khiến cho họ được an ổn, làm cho thiên ma ngoại đạo chẳng được tiện lợi, xâm phạm người đó.

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Hiền nói với Đức Phật Thích Ca rằng : ‘‘Đức Thế Tôn ! Vào đời ác năm trước năm trăm năm sau, như có ai thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép, cúng dường, lễ bái, ủng hộ, ấn tống kinh, truyền bá Kinh Pháp Hoa, thì con (Bồ Tát Phổ Hiền) phát nguyện bảo hộ người đó, diệt trừ tất cả tai nạn chẳng cát tường của người đó, khiến cho họ được an ổn, làm cho thiên ma ngoại đạo, quỷ thần chẳng tìm được cơ hội, chẳng tiện lợi xâm phạm người thọ trì Kinh Pháp Hoa.’’

Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm đầu tiên là thời kỳ giải thoát kiên cố, ai ai biết tu hành thì đều được giải thoát. Năm trăm năm kế tiếp, là thời kỳ thiên định kiên cố, ai ai cũng tu tập thiên định. Năm trăm năm thứ ba là

thời kỳ chùa tháp kiên cố, ai ai cũng xây chùa tạo tháp làm công đức. Năm trăm năm thứ tư là thời kỳ đa văn kiên cố, ai ai cũng nghiên cứu kinh nghĩa, nhưng chẳng chú trọng tu hành. Năm trăm năm thứ năm là thời kỳ đấu tranh kiên cố, người vào thời đại mật pháp chỉ biết đấu tranh, chẳng biết tu hành. Tức là chỉ người vào thời kỳ hiện tại này, bạn tranh tôi giành. Tại sao ? Là vì danh vì lợi.

Nếu ma, hoặc con trai của ma, hoặc con gái của ma, hoặc dân ma, hoặc có người bị ma mê hoặc, hoặc dạ xoa, hoặc la sát, cư bần trà, tỳ xá xà, cát giá, phú đơn na, vĩ đà la, hết thấy muốn nã hại người, thì chẳng được tiện lợi.

Hoặc là Ma Vương, con trai của ma, con gái của ma, dân ma, người bị ma mê hoặc mất đi tri giác, tinh thần hoảng hốt, ý chí chẳng tỉnh táo, miệng nói lảm nhảm, nói những việc quái dị. Hoặc dạ xoa, la sát, cư bần trà (quỷ cái vò), tỳ xá xà (quỷ ăn tinh), cát giá (quỷ ăn tử thi), phú đơn na (quỷ hôi thối), vĩ đà la (quỷ yểm đảo), những loài quỷ này dùng chú để chi phối người, khiến cho người đi xâm hủy người khác. Con sẽ khiến cho những thiên ma ác quỷ đó, chẳng được cơ hội nã hại người thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Người đó, nếu đi hoặc đứng đọc tụng kinh này, thì lúc đó con sẽ cỡi voi chúa trắng sáu ngà, cùng với chúng đại Bồ Tát, cùng đi đến chỗ người đó, mà tự hiện thân, cúng dường bảo hộ an ủi tâm của người đó, và cũng vì cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Bồ Tát Phổ Hiền lại nói : “Nếu người đó, đi hoặc đứng mà tụng Kinh Pháp Hoa, thì lúc đó con sẽ cỡi voi chúa trắng sáu ngà (sáu ngà đại biểu cho sáu độ), cùng với tất cả chúng đại Bồ Tát, cùng nhau đi đến chỗ người đó thọ trì Kinh Pháp Hoa. Tự hiện thân để cúng dường chư Phật và bảo hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, dùng tâm khen ngợi an ủi họ, chủ yếu cũng là cúng dường Kinh Pháp Hoa.”

Nếu người đó ngồi suy nghĩ về kinh này, thì lúc đó con cũng sẽ cỡi voi chúa trắng hiện thân ở trước người đó. Nếu người đó ở nơi Kinh Pháp Hoa, có quên mất một câu, một bài kệ, thì con sẽ chỉ dạy họ, hoặc cùng đọc tụng với họ, khiến cho họ thông đạt.

“Nếu người đó, ngồi một lòng suy nghĩ về chỗ chẳng thấy thân thể của con, khiến họ sinh tâm đại hoan hỉ, so với trước càng tinh tấn dụng công tu hành. Vì thấy được thân con, nên liền đắc được tam muội (chánh định), lại đắc được đà la ni (tổng trì), tên là toàn đà la ni.

Toàn đà la ni do một nghĩa mà minh bạch nhiều nghĩa, do nhiều nghĩa mà quy về một nghĩa, do đó :

“Một làm vô lượng, vô lượng làm một”.

Có trăm ngàn vạn ức đà la ni, đều thông đạt vô ngại. Lại có pháp âm phương tiện đà la ni. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa, hay đắc được những đà la ni như đã nói ở trên”.

Đức Thế Tôn ! Nếu đời sau này, vào đời ác tặc, năm trăm năm sau, có hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ nào, thọ trì, đọc tụng, biên chép, muốn tu tập Kinh Pháp Hoa này, trong hai mươi một ngày, một lòng tinh tấn, mãn hai mươi một ngày rồi, con sẽ cỡi voi trắng sáu ngà, cùng với vô lượng chúng Bồ Tát mà tự vây quanh, dùng tất cả thân mà chúng sinh thích thấy, để hiện ra ở trước người đó, mà vì họ nói

pháp, khai thị giáo hóa, khiến cho họ được lợi ích, hoan hỉ.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng : ‘ ‘ Đức Thế Tôn ! Nếu như năm trăm năm sau, vào đời ác năm trước, có hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ nào, thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hoặc biên chép Kinh Pháp Hoa. Muốn y theo pháp trong Kinh Pháp Hoa mà tu tập, nội trong hai mươi một ngày, chuyên tâm dưng mãnh tinh tấn, chẳng giải đãi, tu mãn hai mươi một ngày rồi, thì con sẽ voi chúa trắng sáu ngà, cùng với vô lượng chúng Bồ Tát, tự vây quanh, dùng tất cả thân mà chúng sinh ưa thấy, để hiện ra ở trước người đó, mà vì họ nói pháp của Kinh Pháp Hoa, khai thị, giáo hóa họ, khiến cho họ được lợi ích, được hoan hỉ. ’ ’

Tại sao phải nói là hai mươi một ngày ? Vì thân thể của con người, sau bảy ngày thì có tiểu biến hóa (tiểu quang minh). Sau mười bốn ngày thì có trung biến hóa (trung quang minh). Sau hai mươi một ngày thì có đại biến hóa (đại quang minh). Nếu trì chánh pháp thì đen tối (vô minh) sẽ biến thành quang minh (trí huệ), do đó : ‘ ‘ Một ngọn đèn trừ diệt được ngàn năm đen tối, một khi khai mở trí huệ thì tiêu diệt được vạn năm ngu si. ’ ’ Vô minh tiêu diệt rồi, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Tu đạo tức là diệt vô minh hiển pháp tính.

Hôm nay kể chuyện về trì tụng, và biên chép Kinh Pháp Hoa.

Trước kia, có một vị pháp sư phát tâm biên chép Kinh Pháp Hoa. Một số người biên chép kinh này, thì đa số đều dung mực để biên chép kinh, song vị pháp sư đó dùng máu của chính mình để biên chép kinh. Vì kiên thành đến cực điểm, nên có cảm ứng, do đó :

“Tin thành đến mức, vàng đá cũng tan.”

Khi pháp sư đó biên xong Kinh Pháp Hoa rồi, thì đến ao nước rửa bút, cảnh giới bèn hiện ra, nước trong ao sinh ra hoa sen. Cảnh giới này diệu không thể tả.

Lại có một vị pháp sư, mỗi ngày đều chí thành tụng Kinh Pháp Hoa, chưa bao giờ gián đoạn. Một ngày nọ, trong chùa có một con bò (chỗ làm ruộng) đột nhiên chết. Đêm đó vị pháp sư mộng thấy con bò nói rằng : “Tôi là mẹ của ông, vì tôi trong đời trước chẳng tin Tam Bảo, chẳng tin nhân quả, cho nên sau khi chết đi, đọa vào đường súc sinh làm bò, cày ruộng cho chùa để chuộc tội. Bây giờ, ông kiên thành đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tôi đắc được lợi ích nên thoát khỏi thân bò, được sinh làm người lân cận.” Do đó, có thể thấy, thọ trì Kinh Pháp Hoa có công đức không thể nghĩ bàn.

Con cũng cho chú đà la ni, vì được chú đà la ni, nên chẳng có ai có thể phá hoại

được, cũng chẳng bị người nữ mê hoặc nhiễu loạn, con cũng thường bảo hộ người đó.

Bồ Tát Phổ Hiền lại nói. “Con cũng cho người thọ trì Kinh Pháp Hoa thần chú đà la ni này. Vì đắc được đà la ni, nên chẳng bị ai có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ mê hoặc nhiễu loạn. Người thế tục vốn rất thông minh, song gặp người nữ đẹp thì sẽ hồ đồ, bị cảnh giới chuyển, do đó : “Anh hùng khó qua ải mỹ nhân.” Tôi (Bồ Tát Phổ Hiền) phát nguyện thường hộ trì vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, hiện thân để vì họ nói thần chú đà la ni này.”

Xin đức Thế Tôn nghe con nói chú đà la ni này, bèn ở trước đức Phật mà nói chú rằng :

Bồ Tát Phổ Hiền nói : “Xin Đức Thế Tôn từ bi cho phép con nói chú này.” Đây là biểu thị tôn trọng, được đồng ý của Phật. Phật yên lặng hứa khả. “Cung thỉnh Đức Thế Tôn ! Nghe con nói chú đà la ni này, bèn ở trước Phật nói ra thần chú dưới đây.

**A đàn địa, đàn đà bà địa, đàn đà bà đế,
đàn đà cư xá lệ, đàn đà tu đà lệ, tu đà lệ, tu
đà la bà đế, Phật đà ba thiên nĩ, tát bà đà la**

ni, a bà đa ni, tát bà bà sa a bà đa ni, tu a bà đa ni, tăng già bà lý xoa ni, tăng già niết già đà ni, a tăng kì, tăng già bà già địa, đế lệ a nọ tăng già suất lược, a la đế ba la đế, tát bà tăng già địa tam ma địa già lan địa, tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế, tát bà tát đỏa, lâu đà kiêu xá lược, a nậu già địa, tân a tỳ cát lợi địa đế.

Đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát nghe được đà la ni này, thì nên biết đó là nhờ sức thần thông của Phổ Hiền.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng: ‘Đức Thế Tôn ! Nếu như có Bồ Tát được nghe chú đà la ni này, thì nên biết, đó là nhờ sức thần thông của Bồ Tát Phổ Hiền mà thành tựu. Thần chú đà la ni này có đủ công đức.’

Nếu Kinh Pháp Hoa truyền bá ở cõi Diêm Phù Đề, có người thọ trì, thì nên nghĩ rằng, đều là nhờ sức oai thần của Phổ Hiền.

Nếu như bộ Kinh Pháp Hoa này mà lưu truyền ở cõi Diêm Phù Đề (Nam Thiệm Bộ Châu). Tại sao gọi là Diêm Phù Đề ? Vì ở Nam Thiệm Bộ Châu có rừng Diêm Phù Đề, cây đó kết trái rụng xuống sông, chất nước trái cây nhiễm vào cát thành màu vàng, ánh sáng màu vàng này

rất thù thắng đặc biệt, sáng hơn màu vàng khác gấp trăm lần, cho nên gọi là màu vàng tía, do đó mà gọi là Diêm Phù Đề.

Người ở Diêm Phù Đề, thọ trì Kinh Pháp Hoa thì nên nghĩ như vậy : “Hiện tại tôi đang thọ trì Kinh Pháp Hoa, là nhờ sức đại oai đức và đại hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền mà thành tựu, bằng không thì tôi chẳng có cơ hội đọc tụng bộ kinh này.”

Nếu có người thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, giảng giải nghĩa lý của kinh này, và y theo lời nói trong kinh mà tu hành, thì nên biết người đó thực hành hạnh của Phổ Hiền, ở chỗ vô lượng vô biên các đức Phật trong sâu căn lành, được các đức Như Lai lấy tay sờ đầu.

Nếu như có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, giải nói nghĩa lý kinh này, tức là khai ngộ nhập tri kiến của Phật. Nếu y theo pháp mà tu hành, thì nên biết người đó tu hạnh môn của Bồ Tát Phổ Hiền. Người đó đã ở chỗ mười phương vô lượng chư Phật trong sâu căn lành, được Chư Phật sờ đầu thọ ký.

Nếu chỉ biết biên chép, thì người đó sau khi mạng chung, sẽ được sinh về cõi trời

Đao Lợi, lúc đó có bốn vạn tám ngàn thiên nữ, tấu lên các thứ âm nhạc đến nghinh tiếp. Người đó bèn đội mũ bảy báu, ở trong các thể nữ vui cười khoái lạc.

Nếu như có người chỉ biên chép Kinh Pháp Hoa, thì sau khi người đó chết đi, sẽ được sinh lên cõi trời Đao Lợi. Lúc đó, có tám vạn bốn nghìn cô thiên nữ, tấu lên các thứ âm nhạc đến nghinh tiếp người đó, đầu người đó được đội lên mũ bằng bảy báu tạo thành, và ở trong các thể nữ hưởng thụ vui chơi khoái lạc.

Hà huống là thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, giải nghĩa lý kinh điển, theo như lời nói trong kinh mà tu hành.

Chỉ biên chép Kinh Pháp Hoa, mà có công đức như thế. Hà huống là thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, nghĩ nhớ chân chánh, giải thích nghĩa lý trong kinh, theo như lời trong kinh nói mà tu hành. Công đức đặc được càng không thể suy nghĩ, không thể luận bàn.

Nếu có người, thọ trì đọc tụng, giải nghĩa lý trong kinh, thì sau khi người đó chết đi, sẽ được ngàn vị Phật dũ tay sờ đầu, khiến cho họ chẳng sợ hãi, chẳng đọa vào ba

đường ác, bèn được vãng sinh về cõi trời Đâu Suất, chỗ của Bồ Tát Di Lạc.

Nếu như có người, hay thọ trì, đọc tụng, giải nói, nghĩa lý của kinh này thì người đó sau khi mạng chung sẽ được ngàn vị Phật đũa tay rờ đầu thọ ký, khiến cho họ chẳng sinh tâm sợ hãi, khiến cho họ chẳng đọa lạc vào bốn đường ác, lập tức được sinh về cõi trời Đâu Suất nội viện, chỗ của Bồ Tát Di Lạc. Nội viện này là chỗ ở của các đại Bồ Tát bổ xứ thành Phật sau này. Còn ngoại viện là chỗ của chư thiên ở.

Bồ Tát Di Lạc có ba mươi hai tướng, có các chúng đại Bồ Tát cùng vây quanh, lại có trăm ngàn vạn ức thiên nữ, và quyến thuộc cùng sinh ở trong đó, có các công đức lợi ích như thế.

Bồ Tát Di Lạc tên là A Dật Đa. Di Lạc dịch là Từ Thị, A Dật Đa dịch Vô Năng Thắng. Ngài là Đương Lai Hạ sinh Di Lạc Tôn Phật. Hiện tại, Ngài đang ở trên nội viện cung trời Đâu Suất, vì chúng sinh thuyết pháp. Ngài có đủ ba mươi hai tướng đại nhân, và tám mươi vẻ đẹp. Còn có chúng đại Bồ Tát vây quanh, lại có trăm ngàn vạn ức thiên nữ làm quyến thuộc, sinh ở trong nội viện, có công đức lợi ích như thế.

Do đó, người có trí nên một lòng biên chép Kinh Pháp Hoa, hoặc khiến người biên chép, thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, theo như lời nói trong kinh mà tu hành.

Vì vậy cho nên người có trí, nên một lòng chuyên tâm biên chép Kinh Pháp Hoa, nếu mình không thể biên chép, thì khiến người khác biên thế, thì có công đức đồng nhau. Thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, theo như lời nói trong kinh mà tu hành, thì chắc chắn có vô lượng công đức.

Đức Thế Tôn ! Con nay dùng sức thần thông để bảo hộ kinh này. Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ rộng truyền bá kinh này ở trong cõi Diêm Phù Đề, khiến cho chẳng đoạn tuyệt.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng: ‘Đức Thế Tôn ! Hiện tại con dùng sức thần thông để bảo hộ giữ gìn Kinh Pháp Hoa. Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ rộng truyền bá Kinh Pháp Hoa này khắp cõi Diêm Phù Đề, chẳng khiến cho đoạn tuyệt.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen rằng : Lành thay, lành thay ! Phổ Hiền,

ông hộ trì giúp kinh này, khiến cho hết thảy chúng sinh được lợi ích an lạc. Ông đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, lòng từ bi sâu rộng, từ lâu xa đến nay, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, hay phát nguyện thần thông đó, bảo hộ kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông, bảo hộ người thọ trì danh hiệu của Bồ Tát Phổ Hiền.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca khen ngợi Bồ Tát Phổ Hiền nói : “Lành thay, lành thay ! Phổ Hiền ! Ông phát tâm bảo hộ trợ giúp Kinh Pháp Hoa, lưu truyền lâu dài trong thế gian, khiến cho chúng sinh thọ trì Kinh Pháp Hoa đều được an lạc, đắc được lợi ích, ông đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn. Tâm đại từ bi của ông cũng không thể nghĩ bàn. Ông từ lâu xa đến nay, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, mà hay phát nguyện thần thông đó, bảo hộ Kinh Pháp Hoa, công đức vô lượng. Ta sẽ dùng sức thần thông, bảo hộ tất cả bất cứ ai thọ trì danh hiệu Bồ Tát Phổ Hiền, khiến cho họ đắc được công đức không thể nghĩ bàn.”

Phổ Hiền ! Nếu có người thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, tu tập biên chép Kinh Pháp Hoa này, thì nên biết người đó,

tức thấy được Phật Thích Ca Mâu Ni, như từ miệng của đức Phật được nghe kinh điển này. Nên biết người đó, cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Nên biết người đó, được Phật khen lành thay. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca Mâu Ni lấy tay sờ đầu. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca Mâu Ni lấy y trùm cho.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói : “ Phổ Hiền ! Nếu như có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, tu tập, biên chép Kinh Pháp Hoa, thì nên biết người đó thấy được Phật Thích Ca Mâu Ni, như từ miệng của Phật nói, nghe được bộ kinh này. Nên biết người đó thân tự cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Nên biết người đó được Phật khen ngợi : Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca lấy tay sờ đầu thọ ký. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca lấy y của Phật trùm cho.”

Người như thế, chẳng còn tham trước sự vui của thế gian, chẳng thích xem nghe kinh sách của ngoại đạo nữa, cũng chẳng ưa gần gũi những người đó, và những kẻ ác như đồ

tể, kẻ giết loài súc vật, heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, hoặc người buôn bán nữ sắc.

Người như thế, chẳng còn tham luyến sự vui của thế gian nữa, chẳng thích đọc sách vở ngoại đạo, cũng chẳng xem sách vở của ngoại đạo, chẳng gần gũi kẻ ngoại đạo, cũng chẳng gần gũi những kẻ ác như đồ tể, người nuôi súc vật, heo dê gà chó, thợ săn, buôn bán sắc đẹp, đều phải xa lìa, không thể làm bạn với họ, bằng không thì bị nhiễm lây, sẽ bị họ hại.

Người đó tâm ý chất trực, có sự nghĩ nhớ chân chánh, có phước đức, người đó chẳng bị ba độc làm não hại, cũng chẳng bị đố kỵ, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn, làm não hại. Người đó ít muốn biết đủ, hay tu hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền.

Người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, chẳng tham sự vui năm dục của thế gian, chẳng ưa thích đọc sách vở của ngoại đạo, chẳng gần gũi với kẻ ác. Tâm của người đó rất chất trực, chẳng có tâm quanh co, có sự nghĩ nhớ chân chánh, có phước đức. Người đó chẳng bị tham sân si ba độc não hại, cũng chẳng bị đố kỵ, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn, làm não hại. Người đó ít dục vọng, mọi việc

đều biết đủ, do đó : ‘‘Biết đủ thì an vui’’, hay tu hành hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền.

Phổ Hiền ! Nếu sau khi Như Lai vào Niết Bàn, năm trăm năm sau. Nếu có người nào, thấy người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì nên nghĩ rằng : Người đó chẳng bao lâu sẽ ngồi ở đạo tràng, phá các quân ma, được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chuyển bánh xe pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, mưa pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử, ở trong đại chúng trời người.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi một tiếng : ‘‘Phổ Hiền ! Nếu sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau. Nếu có vị pháp sư thấy được người thọ trì, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì nên nghĩ như vậy : Vị pháp sư đó chẳng bao lâu, tương lai sẽ ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng, phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, chứng được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chuyển bánh xe pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, mưa pháp vũ. Vị pháp sư đó sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử, ở trong đại chúng trời người, thọ trời người cúng dường cung kính lễ bái thuyết pháp độ sanh.’’

Phổ Hiền ! Nếu ở đời sau, có người thọ trì đọc tụng kinh này, thì người đó chẳng còn tham trước y phục, đồ nằm, thức ăn uống, các vật chất. Có nguyện cầu những gì, thảy đều thành tựu, cũng ở trong hiện đời, đắc được phước báu.

Phổ Hiền ! Nếu như ở đời sau này, có người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì chẳng còn tham cầu y phục, đồ nằm, ăn uống và tất cả mọi vật chất. Những gì người đó nguyện cầu đều thành tựu. Tại sao ? Vì chẳng tham trước. Chẳng tham trước, có nguyện cầu gì thì sẽ thành tựu. Nếu tham trước thì dù có cầu gì cũng chẳng thành tựu. Người đó ở trong hiện đời đắc được phước báu.

Nếu có người khinh khi phỉ báng nói : Ông là người cuồng, làm những việc vô ích, chẳng có đắc được gì cả. Tội báo như thế, đời đời sẽ không có mắt.

Nếu như có người khinh khi phỉ báng người thọ trì Kinh Pháp Hoa, nói như vậy : “Ông là người cuồng, ông làm việc đó có ích gì ? Chỉ là lãng phí thời gian, chẳng có được gì cả.” Nếu như người đó phê bình ác ý như thế, thì

tội báo của người đó, đời đời kiếp kiếp chẳng có mắt, thành người mù, vĩnh viễn chẳng thấy ánh sáng.

Nếu có người cúng dường khen ngợi, thì hiện đời sẽ đắc được quả báo lành.

Nếu như có người, hay cúng dường vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, khen ngợi vị pháp sư đọc tụng giải nói Kinh Pháp Hoa, thì người đó hiện đời đắc được quả báo lành.

Nếu lại có người, thấy người thọ trì kinh này, sinh tâm gây tội lỗi, hoặc thật, hoặc không thật, thì người đó hiện đời mắc bệnh bạch lại.

Nếu như có người, nhìn thấy người thọ trì Kinh Pháp Hoa, mà sinh tâm hủy báng nói như vậy : “ Tên ác ôn này cầm sâu chuỗi, mạo xưng là người thiện, đừng bao giờ tin ông ta. Ông ta trước kia đã làm nhiều chuyện ác, giết người, phóng lửa, tội cực ác. Bây giờ lương tâm phát hiện, đọc tụng kinh để tiêu trừ tội lỗi, đó chẳng phải là chân tu hành, chỉ là trốn tránh hiện thực.” Chẳng màn là việc đó thật, hoặc là hư vọng chẳng thật, thì người đó trong không sinh có, tạo lời bịa đặt sinh không, ở trong hiện đời bị mắc bệnh bạch lại, tức cũng là bệnh về da. Các vị nhìn xem, những người bệnh đó chẳng cần hỏi mà

cũng có thể biết, họ kiếp trước hoặc đời này, từng phỉ báng người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, cho nên mới bị quả báo như thế.

Nếu khinh khi cười người thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì đời đời răng sẽ thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ nhọt máu mủ hôi hám, bụng phình hơi ngấn, các chứng bệnh ác nặng.

Nếu như có người, nhìn thấy người thọ trì Kinh Pháp Hoa, chẳng nói mà khinh cười, trong tâm nghĩ : “Người này mê tín, tụng kinh lay kinh có ích gì ! Thật là lãng phí thời gian, hành vi của người ngu.” Nên biết người đó, đời đời kiếp kiếp răng chẳng những thưa thớt, mà còn thiếu hụt. Môi của họ xấu xí vô cùng, mũi của họ xẹp lép, hai lỗ châu trời thật là khó coi. Tay chân của họ cong queo chẳng thẳng, hành động khó khăn. Mắt của họ lé chẳng ngay, hoặc là hình tam giác, phàm là người mắt như thế, hay thích nói lời giả dối, quỷ kế đa đoan. Thân thể của họ hôi hám dơ dáy, ung nhọt lở loét, máu mủ chảy ra hôi hám vô cùng. Bụng phình như trống, hơi thì ngấn. Những bệnh nặng ác tính như thế, chẳng cách gì chữa được, đó là nghiệp chướng sở cảm.

Do đó Phổ Hiền ! Nếu thấy người thọ trì kinh này, thì nên đứng dậy ra xa nghinh tiếp, như cung kính Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói : “Vì nhân duyên đó. Phổ Hiền ! Nếu có người thấy vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc là cư sĩ, thì nên lập tức đứng dậy ra xa nghinh tiếp vị pháp sư đó, giống như cung kính Phật.”

Khi đức Phật nói Phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát này, thì có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhiều như số cát sông Hằng, đắc được ngàn vạn ức toàn đà la ni, có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới, đầy đủ đạo của Bồ Tát Phổ Hiền.

Khi Đức Phật nói Phẩm Khuyến Phát của Bồ Tát Phổ Hiền, thì có vô lượng vô biên Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, đều đắc được trăm ngàn vạn ức toàn đà la ni. Lại có các Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới, đều đầy đủ đạo của Bồ Tát Phổ Hiền thực hành, tức cũng là mười đại nguyện vương :

- 1). Lễ kính chư Phật.
- 2). Xưng tán Như Lai.
- 3). Quảng tu cúng dường.

- 4). Sám hối nghiệp chướng.
- 5). Tùy hỷ công đức.
- 6). Thỉnh chuyển pháp luân.
- 7). Thỉnh Phật trụ thế.
- 8). Thường tùy Phật học.
- 9). Hằng thuận chúng sinh.
- 10). Phổ giai hồi hướng.

Khi đức Phật nói kinh này, thì Bồ Tát Phổ Hiền, và hết thảy các Bồ Tát, Ngài Xá Lợi Phất, và các hàng Thanh Văn, cùng trời, rồng, người và chẳng phải người, tất cả đại hội, thảy đều đại hoan hỷ, thọ trì lời của đức Phật nói, làm lễ rồi lui ra.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong Kinh Pháp Hoa, thì Bồ Tát Phổ Hiền và các đại Bồ Tát, tôn giả Xá Lợi Phất và các đại Thanh Văn, cùng với trời rồng tám bộ chúng, người và chẳng phải người, tất cả đại chúng trong đại hội thảy đều hoan hỷ, thọ trì lời của Phật nói, y pháp tu hành. Sau khi nghe xong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đại chúng đánh lễ Đức Phật, cảm tạ Đức Phật, sau đó đều trở về chỗ của mình ở.

Bộ Kinh Pháp Hoa này bắt đầu giảng từ ngày 10 tháng 1 năm 1970, giảng đến nay là ngày 9 tháng 4 năm 1971 đã viên mãn.

Đây là pháp hội đầu tiên ở tây phương, giảng kinh dài như thế. Hy vọng các vị học bộ kinh này, để đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh, chuyển đại pháp luân, đánh trống pháp lớn, thổi loa pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được pháp ích của Kinh Pháp Hoa. Các vị phải gánh vác trách nhiệm “Tục Phật huệ mạng”, khiến cho Phật Giáo phát dương quang đại, khiến cho ai ai cũng đắc được pháp hỉ sung mãn, tức công đức vô lượng vậy !

Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm Bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HUỐNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú Đại Bi giảng giải.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 1.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 2.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 3.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 4.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 5.(trọn bộ)

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây, sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp.



Nếu khinh khi cười người thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì đời đời răng sẽ thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ nhọt máu mủ hôi hám, bụng phình hơi ngấn, các chứng bệnh ác nặng.